

NHỮNG TÔN GIÁO LỚN TRONG ĐỜI SỐNG NHÂN LOẠI

Nguyên tác: The Great Religions By Which Men Live

Tác giả: Tiến Sĩ Floyd H. Ross và Giáo Sư Tynette Hills

Dịch giả: TT.Thích Tâm Quang

Chùa Tam Bảo, California, Hoa Kỳ Phật Lịch 2548 - Dương Lịch 2004

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 26-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI NGƯỜI DỊCH

LỜI NÓI ĐẦU

LỜI CẢM ƠN

DẪN NHẬP

1. CHÚNG TA NHÌN CUỘC ĐỜI

CHƯƠNG MỘT - ÁN ĐỘ GIÁO

2. TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA ĐỜI SỐNG

3. TÔI CÓ VỊ TRÍ GÌ TRONG VŨ TRỤ?

4. MỤC ĐÍCH ĐỜI TÔI SẼ LÀ GÌ?

5. TÔI SẼ THỜ PHƯỢNG NHƯ THẾ NÀO?

CHƯƠNG HAI - PHẬT GIÁO

6. ĐỨC PHẬT HỎI VÀ TRẢ LỜI

7. TẠI SAO TÔI KHÔNG HẠNH PHÚC?

8. LÀM SAO TÔI CÓ THỂ TÌM THẤY HẠNH PHÚC?

9. CON ĐƯỜNG NÀO TÔI PHẢI ĐI?

CHƯƠNG BA - TÔN GIÁO TRUNG HOA

10. LÃO GIÁO: LỐI SỐNG TỰ NHIÊN KHÔNG ÉP BUỘC

11. KHỔNG GIÁO: LỐI SỐNG HÒA HỢP VÀ KHUÔN PHÉP

CHƯƠNG BỐN - TÔN GIÁO CỦA NHẬT BẢN

12. THẦN GIÁO: CON ĐƯỜNG CỦA NHỮNG VỊ THẦN

CHƯƠNG NĂM - NHỮNG TÔN GIÁO XÊ-MÍT (SEMITIC)

13. CHÚA TÊ LÀ MỘT

14. LỄ HỘI VÀ NGÀY THÁNH

15. JESUS VÀ VƯƠNG QUỐC CỦA THƯỢNG ĐẾ

16. NỀN MÓNG CỦA NIỀM TIN

17. CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN CỨU RỖI LINH HỒN
18. SỐNG BẰNG TÔN GIÁO
19. MOHAMMED NÓI THAY ALLAH
20. NGƯỜI HỒI GIÁO NGHE VÀ VẮNG LỜI
21. TÌNH ANH EM TRONG ĐẠO HỒI
22. TIẾN TỚI ĐỜI SỐNG PHONG PHÚ HƠN

---o0o---

LỜI NGƯỜI DỊCH

Có thể nói đây là những bức ký họa chân dung các tôn giáo lớn trong đời sống nhân loại. Nó đã lột tả được cái thần, cái cốt lõi của các tôn giáo -- một vấn đề vô cùng khó khăn, phức tạp và tinh tế. Những nét phác họa sắc sảo, những điểm nhấn mạnh trong các chân dung của tác giả đã đem đến cho chúng ta những hiểu biết sơ đẳng, căn bản, giúp ta vượt qua những ngộ nhận mà ta dễ mắc sai lầm qua những mảnh vụn rời rạc, chấp vá mà ta biết được, hiểu được hoặc nghe được từ những kiến thức nghe nói vu vơ khó có thể tin cậy được.

Đúng như tác giả lấy hình ảnh dòng sông có những cuộn xoáy tù hãm để ví với dòng đời -- một hình tượng thật chính xác, dễ hiểu cho những ai muốn tìm hiểu ý nghĩa cuộc đời. Thoát ra khỏi những cuộn xoáy tù đọng để trôi chảy với mệnh mang dòng đời không phải là công việc dễ dàng -- như tác giả viết trong chương kết luận, khi chúng ta sinh ra đời là trắng, đen, vàng..., người Âu, Mỹ, Á,... Dù muốn hay không, ta đã tập nhiễm nền văn hóa truyền thống, phong tục bản địa, đâu để gì có điều kiện để nhìn ra bốn phương, những chân trời lạ, nói gì đến trực nghiệm để hiểu được muôn vàn.

Nhịp sống đương đại đang trong cuộc xoáy chủ nghĩa vật chất tù hãm đưa nhân loại đến những xung đột nhiều mặt, và đừng nên quên rằng ta nhiều người sẽ ít. Cho nên tôn giáo vẫn đang gánh vác nhiệm vụ của nó bằng cách nói đến "chia sẻ", "thương yêu người hàng xóm". "thiếu dục tri túc", "tình anh em", vân vân....

Bởi lẽ đó, hiểu mình để đi đến hiểu người đòi hỏi nỗ lực phi thường và hiểu người để đi đến hiểu mình cũng cần nhiều công lao khó nhọc, vượt lên chính bản thân mình. Và chính điều đó là một nét tuyệt đẹp tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào. Dù tin hay không tin thì tôn giáo luôn luôn là giấc mơ đẹp nhất của nhân loại -- vươn tới tìm hiểu cái sâu xa nhất của sự sống, nguồn gốc sự sống, tìm lại bản thể, khao khát hòa mình vào với thiên nhiên, vũ trụ...

Đắm mình trong vẻ đẹp tôn giáo, tôi trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách quý này với hy vọng giúp bạn đọc được một phần nào trong việc tìm hiểu các tôn giáo lớn trong nhân loại.

Tự biết khả năng còn nhiều hạn chế nhưng với tấm lòng nhiệt thành, chúng tôi cố gắng hoàn thành tác phẩm này, mong mang được ít nhiều lợi lạc cho người đọc.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ Chư Tôn Đức đã khích lệ và góp nhiều ý kiến bổ ích. Đặc biệt chúng tôi xin tri ân Đạo Hữu Trần Quốc Cường đã bỏ nhiều công phu để hiệu đính sửa chữa những thiếu sót sai lầm, một đóng góp to lớn trong việc phát hành tác phẩm này.

Chúng tôi xin chân thành Tiên Sĩ Bình Anson đã tích cực giúp đỡ, điều chỉnh, sắp xếp cách trình bày.

Chúng tôi cũng xin chân thành tri ân các Đạo Hữu Kỳ Châu -- Diệu Thức cùng các bạn đạo tại Houston, Texas, Đạo Hữu Chơn Phổ Nguyễn Thị Phương -- Đạo Hữu Nguyễn Công Hiền , B. S. Hoàng Giang, L.S Đỗ Đình Phúc, Đạo Hữu Trần Minh Lợi, Đạo Hữu Hoàng Trí Phan Thông Hảo, Đạo Hữu Nguyễn Khiêm Lương Thanh Kiểm, Diệu Chơn Lương Thị Mai, Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Trang, Nguyễn Hữu Tuấn, Nguyễn Thị Mai Trinh, Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Hữu Nhung, Nguyễn Cung Thị Hỷ, Nguyễn Thế Nhiệm, và Diệp Liên Phát đã phát tâm cúng dường ấn tống cuốn sách này.

Chúng tôi xin hồi hướng công đức hoằng pháp này lên Ngôi Tam Bảo thù từ gia hộ quý Đạo Hữu cùng bửu quyến thân tâm thường lạc, hạnh phúc và các hương linh Ninh Viết Khánh pháp danh Tuệ Tường, Bùi Kim Hạnh pháp danh Diệu Ngôn, Châu Nguyệt Vân Thu, Nguyễn Mỹ Linh, Phương Thị Tính pháp danh Diệu Thủy, Nguyễn Thi Thái, và Hồng Thị Sai pháp danh Diệu Hồng vãng sanh Cực Lạc Quốc.

Sau cùng chúng tôi kính mong Chư Tôn Thiên Đức, các bậc thức giả cao minh, các bậc thiện trí thức hoan hỉ bỏ chính những sai lầm thiếu sót để tác phẩm được hoàn chỉnh trong kỳ tái bản.

Mùa Phật Đản Giáp Thân 2548, Dương Lịch 2004
Tỳ Kheo Thích Tâm Quang

---o0o---

HƯỚNG TỚI MỘT NIỀM TIN PHONG PHÚ HƠN

Hầu hết chúng ta ràng buộc niềm tin của mình vào những tín ngưỡng nhất định. Chúng ta hay coi những tôn giáo khác là kém thanh khiết và chân chính. Chúng ta quên rằng người phương Đông thấy nhiều đức tin của chúng ta không thể tin được.

Dù sao cũng không nên đánh giá tôn giáo bằng biểu hiện thấp nhất của nó -- tôn giáo phải được đánh giá bằng biểu hiện cao nhất của nó. Và nhìn vào những người sáng lập vĩ đại của những tôn giáo lớn, chúng ta thấy các ngài có nhiều quan điểm giống nhau. Vinh danh vị này không có nghĩa là làm ô danh vị kia...

LỜI NÓI ĐẦU

Những nhà tiên tri là những người sống ngoài phạm vi thông thường của xã hội. Các ngài không bị ràng buộc vào cách cư xử và cung cách của người dân bình thường mà ra đi để tầm nhìn của các Ngài có những chân trời rộng lớn hơn. Các Ngài thiết lập những con đường mới. Tôn giáo của các Ngài phóng khoáng và vươn xa.

Các thầy tu là những người chăm sóc gần gũi các bệ thờ theo tục lệ. Họ là những người bán hàng hóa được giao cho họ và là người phân phát phong tục. Họ không sáng tạo nhưng gìn giữ.

Tất cả các tôn giáo đều có những nhà tiên tri và thầy tu -- ít nhà tiên tri nhưng nhiều thầy tu. Những trụ sở như đền, chùa, nhà thờ và giáo đường là mối quan tâm của thầy tu; cải cách, thiên khai, và những hiểu biết sâu sắc mới mẻ là thịt và thức uống của các nhà tiên tri.

Cơ Đốc Giáo (giống như tất cả tôn giáo khác) là một tôn giáo nhiều mặt. Qua nhiều thế kỷ, nó đã có tiêu chuẩn đánh giá đầy đủ cả về nhà tiên tri lẫn thầy tu -- các thầy tu chiếm đa số. Hầu hết trong chúng ta đều được dạy tôn giáo bằng phương tiện của một thể chế nào đó, và chúng ta dễ đi đến tin vào sự giải thích về tôn giáo của thể chế đó. Chúng ta thắt chặt niềm tin của chúng ta vào niềm tin của giáo đường (nhà thờ của chúng ta), vào một loạt đức tin, vào những hình thái và kiểu mẫu cố định. Chúng ta có khuynh hướng ngờ vực những người khác không phải người nhà -- coi những người khác là "kém thanh khiết" hay kém chân chính. Tôn giáo thông thường vốn

chia rẽ: nó làm người ta cách biệt nhau, đôi khi có chủ ý (với tín ngưỡng và chính thể) và thường vô ý thức nhiều hơn (bởi sự nuôi dưỡng lòng tự hào rằng chúng ta là chủ sở hữu chân lý tôn giáo). Tôn giáo thầy tu giống như quốc gia chủ nghĩa: tự tồn và ý thức về bản thân.

Khi chúng ta nhìn qua biên giới tới các tôn giáo khác, chúng ta hay khinh miệt bằng sự tự khẳng định cao độ. Chúng ta thích vạch ra đức tin của người dân trong các khu vực địa dư và văn hóa khác là khờ khạo và dị đoan như thế nào, những vị thần của họ non nớt ra sao, sự tu hành của họ kỳ cục làm sao. Chúng ta quên rằng nếu một người phương Đông nhìn chúng ta bằng cao độ của người đó thì người ấy sẽ thấy nhiều những cách tu tập Cơ Đốc Giáo và cả đến đức tin của chúng ta đều không thể tin được và nhiều tập quán tôn giáo của chúng ta rất kỳ cục.

Đánh giá bất cứ tôn giáo nào bằng sự biểu hiện thấp nhất của tôn giáo ấy là không công bằng. Tất cả các tôn giáo đều có những đỉnh cao và vùng đất thấp, và những đỉnh điểm sẽ được nhìn thấy rõ ràng ở những bậc sáng tạo, những vị sáng lập, và văn học vĩ đại của các ngài. Thước đo một tôn giáo là lý tưởng tốt đẹp nhất của tôn giáo ấy. Chúng ta mong mỗi những người khác đánh giá tôn giáo của chúng ta bằng biểu hiện tốt đẹp nhất của nó; và, đổi lại, với một sự lịch sự sơ đẳng, chúng ta phải suy xét những tôn giáo khác bằng những điều tốt đẹp nhất của tôn giáo ấy. Một người Cơ Đốc Giáo luôn luôn thích Jesus ở Nazareth đại diện cho tôn giáo của mình khi được đánh giá; và những người có tín ngưỡng khác cũng phải chọn những nhà tiên tri tốt nhất đại diện cho họ khi đem so sánh.

Nếu chúng ta giải quyết trong tinh thần ấy, chúng ta sẽ thấy những nhà tiên tri vĩ đại của tất cả các tôn giáo lớn giống nhau biết bao, các ngài chỉ hướng cho con người, đức hạnh được đánh giá giống nhau làm sao, và, có lẽ những vị thần tốt nhất của tôn giáo ấy cho thấy đặc tính không giống như những nét tốt nhất mà chúng ta biết. Những phép ẩn dụ của các tôn giáo khác nhau rất nhiều. Tất cả các tôn giáo phát triển mạnh trong những ẩn dụ thích hợp với thời gian, không gian và văn hóa riêng. Nhưng ẩn dụ là những phương tiện không phải là cứu cánh. Thượng Đế bao giờ cũng nhiều nghĩa hơn bất cứ một ẩn dụ nào.

Tin vào một Thượng Đế xứng đáng là tin vào Thượng Đế của tất cả mọi người, bất kể là nòi giống hay xứ sở nào; một Thượng Đế không cách biệt tinh thần hiện dưng của con người ở bất cứ đâu.

Có rất nhiều nhà tiên tri thần thánh. dù cho ánh sáng được truyền rục rờ qua một số người này nhiều hơn qua một số người khác. Vinh danh một trong các ngài với lòng kính ngưỡng sâu xa không có nghĩa là làm ô danh các vị khác. Chúng ta cần biết nhiều hơn về những nhà tiên tri của các tôn giáo lớn, các ngài đã truyền ánh sáng thiêng liêng, cả khi chúng ta khao khát muốn biết nhiều hơn nữa về thông điệp trong sáng của vị sáng lập ra tôn giáo của mình. Chúng ta có thể đem lòng nhân ái đến những ai quá do dự không hiểu được những nhà tiên tri của họ, và những người là các thầy tu nhưng đã bị lạc vào những chi tiết kém cỏi về tôn giáo của họ.

Dường như đối với tôi, cuốn sách này là một cuốn sách tiên tri. Trong khi trình bày tôn giáo thầy tu, nó thiết lập những quang cảnh tiến tới sự tiên tri trong tất cả những tôn giáo ấy. Tiên tri về mục đích hiển nhiên của nó: để kích thích sự đánh giá nồng nhiệt hơn về các nhà tiên tri vĩ đại và tài liệu tiên tri vĩ đại. Tiên tri về khát khao hiển nhiên của nó: thúc đẩy thái độ mà nhân loại phải trau dồi trước, trong khi văn hóa tác động đến văn hóa, trong khi người ta cũng bị lôi kéo vào việc trao đổi thông tin và ý thức về một vận mệnh chung. Trên con đường mà thế giới đang đi, chúng ta sẽ trưởng thành lên về tinh thần, về khoan dung và tình huynh đệ. Không có sự lựa chọn nào khác để tồn tại.

Chính tôi tin rằng nếu các các vị sáng lập ra các tín ngưỡng vĩ đại hiểu chúng ta ngày nay, các ngài hẳn đã đi qua những biên giới mà những đệ tử của các ngài đã thiết lập nên; các ngài sẽ phải ngồi vào bàn để trình bày những đồng thuận và phân biệt chân lý đằng sau nhiều ẩn dụ. Các ngài sẽ thấy hợp nhau trong một thế giới tinh thần chung, một Thượng Đế chung.

Nhiều người chúng ta thấy rằng con người giống nhau về những khát vọng sâu xa như thế nào. Nếu quý vị trao đổi ý kiến với một người tự do thuộc tín ngưỡng Do Thái, quý vị sẽ thấy người ấy gần gũi với chính quý vị (nếu chính quý vị có cơ hội hít thở không khí trong lành mà vị tiên tri hít thở). Quý vị sẽ không ngạc nhiên nếu một người trong số bạn của quý vị gọi chính anh ta là Cơ Đốc Giáo hay Phật Giáo, nếu bạn biết một số điều cốt lõi của mỗi tín ngưỡng. Quý bạn sẽ tham dự một buổi lễ đơn giản tại hội quán Ramakrishna ở thành phố Nữ Ước với cảm nghĩ là vị sáng lập ra tôn giáo của bạn cũng hiện diện trong căn nhà của Thượng Đế này. Và quý bạn sẽ đánh giá cao lời xác nhận của Ấn Giáo là chân lý tỏa sáng rục rờ hơn khi nó tỏa sáng từ nhiều góc độ, giống như kim cương có nhiều mặt. Bạn sẽ khâm phục trước lời khuyên bảo của Ấn Giáo kêu gọi bạn đừng bỏ đi sản đạo lý

của chính bạn, nhưng hãy nhìn vào điều đó với sự giúp đỡ của vị tiên tri vĩ đại nhất của nó thay vì tín điều của các thầy tu.

Tiến Sĩ Ross có khả năng xuất sắc chỉ ra con đường tiến tới một niềm tin rộng lớn hơn. Giáo Sư về Tôn Giáo Thế Giới tại Đại Học Miền Nam California, ông là tác giả tác phẩm *The Meaning of Life in Hinduism and Buddhism* (Ý Nghĩa Đời Sống Trong Ấn Độ Giáo và Phật Giáo), và *Addressed To Christians: Isolationism vs. Word Community* (Gửi người Cơ Đốc Giáo: Chủ Nghĩa Biệt Lập Chống lại Cộng Đồng Thế Giới), và đồng tác giả tác phẩm *Ethics and the Modern World* (Đạo Đức và Thế Giới Tiên Tiến). Ông hiểu lịch sử tôn giáo của chính ông rất tường tận, và sự nghiên cứu của ông đã đưa ông đến gần gũi hơn với các đảng tiên tri và tài liệu tiên tri của những tôn giáo lớn khác.

Bà Hills là một bà giáo trưởng công lập và là một thành viên của ban giáo dục tôn giáo của một số nhà thờ lớn. Sau khi học chuyên về tôn giáo tại Đại Học Southern California, bà đã tiếp tục học để lấy bằng Thạc Sĩ tại Đại Học này.

Hai người cùng nhau phát hành cuốn sách vạch ra con đường chính đáng cho những ngày sắp tới.

Vergilius Ferm
The College of Wooster
Wooster, Ohio, U.S.A.

---o0o---

LỜI CẢM ƠN

Các tác giả bày tỏ lòng cảm kích về sự giúp đỡ của Sophia L. Fahs đã biên tập toàn bộ bản thảo này. Lòng cảm kích với Jeanette Perkins Brown đã có những đề nghị hữu ích trong lúc sơ khởi, Rabbi Edwin Zerim đã duyệt tài liệu Do Thái Giáo và đã có những lời bình luận quý báu. Và Giáo Sư Paul Irwin của Trường Tôn Giáo, Đại Học Southern California, đã có những đề nghị thích hợp cho toàn bộ dàn bài.

DẪN NHẬP

1. CHÚNG TA NHÌN CUỘC ĐỜI

Một câu chuyện kể về ba người bị đắm tàu lưu lạc trên một hòn đảo tại South Seas (Biển Nam). Khi thuyền đụng phải bãi san hô vỡ tan từng mảnh, thực phẩm, quần áo và dụng cụ đều bị mất trên biển. Ba người thủy thủ kiệt sức sống sót này trôi giạt vào bờ biển tránh khỏi những cơn sóng dữ. Sau khi bị bất ngờ, họ bắt đầu đánh giá lại tình hình. Bên kia bãi cát là một rừng cây, rồi đến những rìa đá và những vách đá dốc. Không có một dấu hiệu nào cho thấy có người ở chung quanh đây. Chỉ có âm thanh của biển động và tiếng kêu của con mòng biển.

Không một người nào có địa bàn. Máy vô tuyến của họ đã bị mất lúc thuyền đắm. Sự cần thiết trước mắt là xem đảo có người ở không. Thực phẩm không thành vấn đề, họ thấy trái cây miền nhiệt đới đầy dẫy. Nhưng họ hoàn toàn thất vọng vì không biết họ hiện ở đâu. Họ hiểu rằng phải tìm ra người có thể giúp họ manh mối về nơi chốn hiện nay của họ. Họ quyết định một người đi dọc theo bờ biển, một người thứ hai cũng đi theo bờ biển phía ngược lại, còn người thứ ba thâm nhập phía chân đồi. Mỗi người đã phát hiện có dấu vết người ở -- dấu chân, đồng ruộng, hay khói bốc lên từ một làng xa xa nào đó.

Sau nhiều giờ tìm kiếm, người thứ ba đã khám phá ra dấu hiệu có người ở -- khói bốc lên từ một cái chòi nhỏ ở phía sườn núi. Người này liền báo cho hai người bạn biết và cả ba lên đường tiến vào làng. Những người trên đảo này tỏ ra rất thiện cảm. Sau nhiều tuần, ba người này đã đi nhờ trên một chiếc thuyền nhỏ đưa họ về quê hương của họ.

VỮ TRỤ RIÊNG TÁCH BIỆT CỦA CHÚNG TA

Bạn và tôi cùng ở trong một tình cảnh. Không có chọn lựa, chúng ta đều bị quăng vào "hòn đảo" gọi là trái đất. Giống như người bị đắm tàu chúng ta hoặc là cảm thấy buồn phiền cho thân phận mình hoặc là bắt đầu nhìn quanh cố xác định vị trí của chúng ta. Chắc chắn là chúng ta không phải tìm người, vì họ thường bao quanh chúng ta. Tuy nhiên, đôi khi chúng ta thấy khó mà tìm được người có thể giúp chúng ta tìm ra đúng vị trí của chúng ta hay giúp chúng ta tới nơi đến của chúng ta.

Khi còn nhỏ, chúng ta cho rằng cha mẹ có thể trả lời mọi chuyện là điều tất nhiên những cái mà cha mẹ biết câu trả lời. Khi lớn lên đôi khi chúng ta giải

quyết vấn đề theo cách cha mẹ chúng ta giải quyết. Đôi khi chúng ta quên rằng cha mẹ cũng không thể biết tất cả những câu trả lời về tất cả những vấn đề của đời sống. Họ cũng sống trên hòn đảo này. Và không ai hỏi cha mẹ là các người có muốn ở đây không. Thấy chính mình ở đây, họ bắt đầu cố gắng hết sức mình. Họ đã đã tìm thấy một số câu trả lời qua cuộc sống.

Chúng ta được dẫn dắt trong lúc thiếu thời bởi sự hiểu biết mà họ đã học hỏi, dù là một phần. Nhưng chúng ta không thể dẫn dắt cuộc sống an toàn chỉ bằng ý kiến của những người ngẫu nhiên sống trước chúng ta. Chúng ta cũng không thể chấp nhận những ý kiến đó một cách mù quáng. Chúng ta phải nhớ rằng câu trả lời có thể là của chúng ta chỉ khi chúng ta làm câu trả lời đó thành một phần kinh nghiệm của chúng ta. Không có cha mẹ hay thầy giáo nào có thể sống cho chúng ta. Có nhiều điều chúng ta chỉ có thể học hỏi được qua cuộc sống và học hỏi vì chính mình.

CHÚNG TA CÓ THỂ THÀNH THẬT VỚI CHÍNH MÌNH KHÔNG?

Một số người hình như sống ngày này qua ngày khác mà không bỏ thì giờ để nghĩ về việc này. Họ dường như không bao giờ quan tâm đến thế giới mà họ sống hay nơi chốn của họ trong đó. Cuộc sống của họ được kiểm soát bằng thói quen, và dường như họ không cần tìm kiếm sự cải thiện nào. Thật là bất hạnh khi điều này xảy ra cho bất cứ người nào, vì người đó mất cơ hội để phát triển và tiến bộ. Không ngưng tìm kiếm câu trả lời tốt đẹp hơn về bản chất của cuộc sống và vũ trụ làm tăng thêm thú vị cho cuộc sống. Còn nhiều rộn ràng hơn là phải chấp nhận những câu trả lời cũ kỹ và phong tục tập quán chỉ vì chúng xưa rồi.

Ai đó có thể ngừng không thắc mắc hay nghi ngờ vì người lớn làm cho người ấy mất can đảm. Đôi khi, thầy giáo và cha mẹ quá mệt, quá bận, hay quá nôn nóng không lưu tâm đến những câu hỏi của người trẻ. Cho nên sau một thời gian người ấy không còn hỏi nữa. Có những người lại quá chú tâm đến những hoạt động xã hội, thể thao, hay công việc đến nỗi họ không màng tới những băn khoăn sâu xa về bản chất của mọi sự.

Tuy vậy những câu hỏi trong lòng chúng ta. Đời sống là gì? Làm sao ta đến đây? Thượng Đế như thế nào? Sự khác biệt giữa phải và trái là thế nào? Tình thương yêu là gì? Việc gì xảy ra khi chúng ta chết? Có nhiều câu hỏi giống như vậy được hỏi bởi người ở mọi nơi và ở mọi thời đại.

Nếu chúng ta thành thật với chính mình, hãy để những câu hỏi đó thâm nhập phần nào vào chú ý và cố gắng của chúng ta. Tìm câu trả lời tức là cách

chúng ta học. Đừng bao giờ cảm thấy xấu hổ khi đưa ra câu hỏi. Chúng ta cũng đừng bao giờ cảm thấy ai đó dù nổi tiếng đến đâu, đã tìm thấy tất cả những câu trả lời cho chúng ta rồi. Để được sống trọn vẹn, tất cả chúng ta phải biết ý nghĩa của cuộc đời và cố gắng tìm ra một số câu trả lời vừa ý. Nghi ngờ và những câu hỏi là những dấu hiệu lành mạnh của sự thành thật với chính mình và là một thước đo sự cố gắng tăng trưởng sự tự hiểu biết của chúng ta.

TÔN GIÁO CÓ CÂU "TRẢ LỜI" KHÔNG?

Một số người nói về tôn giáo như thể tôn giáo có tất cả câu trả lời, nhưng sự khẳng định này chỉ đem đến nhiều câu hỏi hơn. "Tôn giáo" là gì? Có phải là đi nhà thờ, tụng kinh, nghe những lời cầu nguyện, học cách cầu nguyện không? Khi người ta nói về Thượng Đế họ muốn nói gì? Do đâu người ta có được ý niệm về Thượng Đế? Làm sao chúng ta biết những ý niệm ấy đúng hay không đúng? Tại sao chúng ta nên cảm thấy chúng ta phải tin theo một cách nào đó?

Không có tôn giáo nào có tất cả những câu trả lời, dù rằng có mục sư hay các thầy tu đôi khi nói là có. Tất cả các tôn giáo đều cố gắng đưa ra những câu hỏi quan trọng nhất. Tôn giáo cũng cung cấp những ghi chép về cách trả lời những câu hỏi căn bản của một số người. Nhiều người nghĩ rằng tôn giáo của chính họ công hiến câu trả lời tốt nhất cho câu hỏi của mọi người. Nhưng những đạo sư tôn giáo khôn ngoan không nói như vậy. Thay vào, các vị này khuyến khích người ta nên tìm hiểu ý nghĩa của cuộc đời như chính các vị ấy đang làm.

CHÚNG TA CÓ THỂ HỌC ĐƯỢC GÌ Ở NGƯỜI KHÁC?

Khi chúng ta tìm câu trả lời về những băn khoăn của chúng ta, thường rất hữu ích nếu tìm kiếm ngoài chúng ta. Nhiều người thuộc các văn hóa và tôn giáo khác đã tìm thấy những đầu mối quan trọng về ý nghĩa của cuộc đời. Ý tưởng của họ có thể cung cấp cho ta những đề nghị có giá trị. Nghiên cứu những ý tưởng này giúp chúng ta nhiều hơn là chỉ nghiên cứu một câu trả lời -- đọc nhất câu trả lời của quốc gia hay tôn giáo riêng của chúng ta. Nó sẽ mở ra cho chúng ta con đường ngắn hơn tiến tới trí tuệ mà những người khác đã thu hoạch được.

Chúng ta phải chọn kỹ lưỡng người mà ta cậy nhờ vì đời sống không cho chúng ta có thì giờ để kiểm tra tất cả tổ tiên chúng ta và khảo sát tất cả những tôn giáo của những thế hệ khác. Chúng ta phải chọn những người đã

cố gắng tỏ ra thành thật trong việc tìm kiếm. Chúng ta không muốn mất thì giờ với những vị thầy không thành thật và tự cho là quan trọng, dù là cổ hay kim.

Chúng ta cũng chẳng muốn bị lạc vào cuộc thám hiểm khu nhà ổ chuột giữa những người mà chúng ta đang nghiên cứu tôn giáo của họ. Nếu chúng ta muốn khám phá Beethoven có viết nhạc mà ta thích không, ta cần phải nghe những bản giao hưởng và xô nát của ông. Chúng ta không nên quan tâm đến sự việc ông thường đi quanh quần với cái cà vạt có vết trứng. Cùng một cách như vậy, nếu chúng ta muốn tìm những đề nghị hữu ích từ người khác, chúng ta cần phải quan sát quan niệm về đời sống của họ. Chúng ta không nên bận tâm về cách ăn mặc, hay phong tục khác biệt với chúng ta.

Khoa học gia, nghệ sĩ, kỹ sư, thầy giáo, triết gia và các nhà thần học -- tất cả, bất kể đến nòi giống, ngôn ngữ, xứ sở, đều đang cố gắng tìm ra ý nghĩa mới về cuộc sống. Một ngày nào đó chúng ta sẽ có một bức tranh toàn vẹn hơn bức tranh chúng ta có ngày nay. Vào lúc đó, như thể là chúng ta sẽ vẫn còn cố gắng ghép trò chơi lắp hình. Một số người đang ghép một góc của trò chơi, một số ở một góc khác, vân vân... Nhiều người chúng ta lưu ý nhiều đến những chi tiết nhỏ nhặt, mà quên đi toàn bộ bức tranh. Chỉ trong những lúc tưởng tượng nhiều hơn, chúng ta mới cố gắng có một cái nhìn về toàn bộ đời sống.

Hầu hết mọi người bao giờ cũng nhìn vào tôn giáo của mình vì một cảm giác nào đó về toàn bộ bức tranh của đời sống, mặc dầu vô số mảnh chưa được lắp vào. Có lẽ chúng ta sẽ học hỏi một chút ít của tôn giáo khác, điều đó có thể giúp chúng ta hiểu nhiều hơn.

TẠI SAO CHÚNG TA PHẢI NGHIÊN CỨU ĐỜI SỐNG

Lúc còn nhỏ, chúng ta rất quan tâm đến những hoạt động trước mắt hàng ngày. Nhưng khi là thanh niên, chúng ta bắt đầu khám phá ra là trong khi các hoạt động riêng rẽ là quan trọng thì chúng là một phần của toàn bộ cuộc sống. Và cuộc sống của chúng ta là một phần của cái gì đó lớn hơn -- cuộc đời mà trong đó tất cả chúng sinh đều chia sẻ. Chúng ta trở nên quan tâm hơn về cuộc đời là gì và chúng liên quan đến những cuộc đời khác ra sao. Chúng ta bắt đầu khám phá ý nghĩa cuộc đời. Chúng ta chú tâm đến suy nghĩ độc lập hơn trước đây

Đời sống của chúng ta càng trở thành một vấn đề tiến bộ của chính chúng ta, và nếu chúng ta nghĩ về điều này, chúng ta làm cho đời sống của chúng ta có

ý nghĩa. Bởi vì con người ở bất cứ ở đâu cũng thấy rằng cuộc sống có ý nghĩa là mục đích của tất cả mọi người, họ đã phát triển tôn giáo để giúp họ quyết định cái gì thực sự quan trọng. Tôn giáo trên thế giới ngày nay đã hiến dâng cho chúng ta nhiều cái khi ta tìm kiếm ý nghĩa và các câu trả lời. Tất cả những cuộc tìm kiếm mối quan hệ đúng với chính họ, với những người khác, và với thế giới của con người là một phần của sự tìm kiếm chung mà chúng ta cũng có dính líu.

Chúng ta chấp nhận sự thách thức trong việc truy tầm ý nghĩa cuộc sống, nêu ra những câu hỏi và tìm kiếm không ngưng nghỉ và vui với những câu trả lời mà ta có thể chấp nhận. Khi chúng ta làm, chúng ta sẽ có được cảm hứng của những người đã hỏi và trả lời ở những thời đại khác hay ở những nơi khác. Hãy xem họ đã nói gì với chúng ta và hãy sử dụng những gì giúp chúng ta tiếp tục truy tìm cách sống tốt hơn.

---o0o---

CHƯƠNG MỘT - ÁN ĐỘ GIÁO

2. TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA ĐỜI SỐNG

Hàng ngàn năm qua, dân Ấn Độ, trẻ hay già đều băn khoăn về cùng câu hỏi liên quan tới chúng ta ngày nay. Đôi khi họ cố đoán con người từ đâu đến và con người đi về đâu sau cuộc sống. Họ cũng đặt thêm vấn đề như chúng ta. Thế giới được tạo ra như thế nào và tiếp tục ra sao? Mục đích của thế giới là gì? Sự khác biệt giữa đúng và sai là gì? Tôi là gì? Vị trí của tôi trong thế giới này là gì? Làm sao tôi có thể tìm ra chính tôi?

Qua nhiều thế kỷ, người Ấn Độ tiếp tục tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi ấy, họ tiếp tục nghiên cứu và làm sáng tỏ kinh nghiệm của họ trong cách sống. Mỗi thế hệ đưa ra một số đề nghị tiếp theo về loại cuộc sống tốt nhất và lối sống tốt nhất trong vũ trụ. Sau này, người ta quyết định một số các đề nghị ấy phải được viết ra để họ không quên và thay đổi vì đôi khi chúng vô tình chỉ được nói bằng miệng. Những đề nghị trên giấy trở thành kinh của Ấn Độ Giáo. Một số kinh cổ đến nỗi không ai biết khi nào chúng được đưa ra lần đầu tiên những câu trả lời khả dĩ cho câu hỏi của con người.

Những kinh sách cổ nhất là những câu thơ và những bài thánh ca cổ, gọi là Vệ Đà được coi như có khoảng 3000 năm trước. Brahamanas -- luật lệ mà những thầy tu thi hành trong nghi lễ thờ cúng, có vào khoảng giữa 1200 và 1000 năm trước công nguyên. Kinh Upanishads (U Bà Ni Sà Đa) có vào

khoảng 800 năm trước công nguyên, là những câu trả lời của các giáo sĩ sống ẩn dật nổi tiếng vào thời gian đó trước những câu hỏi về đời sống và vũ trụ. Những thiên Anh Hùng Ca vĩ đại là những câu thơ triết lý và đạo lý về những anh hùng truyền thuyết và các vị thần. Những thiên anh hùng ca này là những truyện cổ được kể lại qua nhiều thế hệ trước khi cuối cùng được viết vào thế kỷ đầu công nguyên. Một chương ngắn của Thiên Anh Hùng Ca, Dáng đi Bhavagavad Gita, trở thành một phẩm tôn giáo được ưa thích ở Ấn Độ.

Nếu các bạn nhìn tất cả kinh sách này cùng một lúc, bạn sẽ thấy "kinh thánh" của Ấn Độ Giáo dài hơn kinh thánh của Cơ Đốc và Do Thái Giáo nhiều. Mặc dù những phẩm Ấn Độ Giáo đã được dịch sang Anh Ngữ từ nguyên bản tiếng Phạn, rất có thể có những phần của kinh này bạn không thể hiểu được nếu không có sự giải nghĩa của Ấn Giáo. Bạn có thể rất thích thú với nhiều đoạn trong kinh này vì nó chứa đựng những câu chuyện và đề nghị nhắm vào trả lời những câu hỏi mà con người ngày nay vẫn đang hỏi, tại Ấn Độ và tại Hoa Kỳ.

Những chuyện trong những sách này cho thấy rất nhiều người Ấn Độ đã tìm kiếm những câu trả lời. Thí dụ, họ cho thấy người Ấn Độ quý trọng trí tuệ. Trong số những người này có những sinh viên vĩ đại -- không phải trong ý thức của những người được giao cho bài vở tại trường học, mà cho những người không có trường học như chúng ta. Những sinh viên này là những người nghiên cứu và làm sáng tỏ những sự việc chung quanh họ, làm như vậy, họ trở thành uyên bác. Những người bình thường nhận xét rằng những người uyên bác hầu như thành công trong cuộc sống. Họ không khó chịu với những việc tầm thường, và cũng chẳng nôn nóng tìm cách để có hạnh phúc. Họ bằng lòng - ở nhà với chính họ. Vì đối với dân chúng điều này dường như là hạnh phúc duy nhất đúng và lâu dài đạt được, người có trí tuệ hồ như trở thành người anh hùng quốc gia.

Trí tuệ được quý trọng đến mức người ta sẵn sàng làm mọi thứ để đạt được nó. Có một câu chuyện Ấn Độ về một vị trưởng giả đã đem tài sản -- 1000 con bò, đồ trang sức quý giá đắt tiền, một cỗ xe với nhiều con la, và cả đứa con gái của ông -- để trả cho một bậc hiền triết nổi tiếng đã dạy ông về ý nghĩa cuộc đời. Người Ấn Độ mô tả người không trí tuệ như con ếch ở trong giếng khô, hay giống như con cá không có nước.

Một câu chuyện trong kinh Upanishads (U Bà Ni Sa Đà) nói về một thanh niên bất hạnh đến học hỏi một vị thầy uyên bác. Đầu tiên thầy này hỏi anh

thanh niên những gì anh đã biết rồi. Anh thanh niên trả lời bằng tên sách cùng những đoạn trong sách mà anh nhớ được. Rồi anh buồn rầu nói thêm: "Tôi biết tất cả những thứ này, nhưng tôi không biết chính tôi. Tôi không có hạnh phúc. Xin làm ơn giúp tôi khắc phục được cái bất hạnh này." Vị thầy đồng ý giúp anh, vạch ra khó khăn là do anh đã tìm trí tuệ trong những lời nói hiểu biết về cuộc đời thay vì tìm ý nghĩa trong cuộc sống. Sau một thời gian, dưới sự kèm cặp của vị thầy, anh thanh niên nghiên cứu và thiền định về chính mình và những phản ứng về kinh nghiệm hàng ngày. Anh trở nên hạnh phúc hơn, và sau thời gian học tập, anh cảm thấy đủ khôn ngoan để tự mình tìm kiếm.

Cái gì là hạnh phúc mà người thanh niên tìm thấy trong việc tự nghiên cứu và nhiều người Ấn chuyên cần tìm kiếm ngày nay? Đó chính là điều mà họ quan sát ở những người uyên bác nhất của họ. Tất cả chúng ta đều biết dù sao đi nữa có người không bao giờ có đủ khả năng để giải quyết một việc trong một thời gian quá dài. Người ấy luôn luôn tìm kiếm một thứ gì mới và hứng thú hơn để làm tiếp. Chúng ta biết có người lại ung dung tự tại ở hầu hết bất cứ nơi nào người đó thấy chính mình. Dường như người đó có sự thỏa mãn sâu xa trong tâm khảm. Những người Ấn Giáo nhất trí nói rằng người bạn thứ hai trong số bạn bè của chúng ta hạnh phúc hơn, vì người ấy biết mình hơn.

Giống như người sinh viên trẻ tuổi không hạnh phúc, tất cả đều không bằng lòng khi họ chỉ biết những sự việc có thật, sách vở hay sự vật. Hạnh phúc chỉ có thể đến từ sự hiểu biết chính mình. Cái gì có nghĩa là chính mình? Bạn là ai? Đầu tiên "Bạn" là cái mà người ta nhìn và nghe: cách bạn nhìn, giọng nói của bạn, cử chỉ của bạn, tài ba của bạn. Tất cả các thứ đó có phải là bạn không? Người Ấn Độ giáo trả lời là bạn còn nhiều hơn thế nữa. Nếu bạn nhìn vào gương, hay nghe giọng bạn qua ghi âm phát thanh, hay nhìn bạn trong cuốn phim gia đình, bạn đồng ý với những thứ này. Bạn còn nhiều hơn những cái đó.

Thêm vào phần cá tính của bạn mà người ta nhìn và nghe, còn có bản chất bất thường. Người Ấn Giáo nói có ba mức tính khí thông thường. Mức thấp nhất là tính trì trệ, không muốn thay đổi, hay lười biếng. Mức thứ hai là tính hung hăng, có khả năng bị kích động bởi sức mạnh bên ngoài. Mức thứ ba, mức tốt nhất là tinh thần trầm tĩnh, có khả năng giữ được an nhiên không bị sao xuyên bởi các sức mạnh bên ngoài. Mỗi người đều có một chút ở mỗi một mức độ trong tính khí của mình. Mục đích là loại trừ tính trì trệ và tính hung hăng ra khỏi tính khí của bạn để bạn có thể bình tĩnh và trầm lặng.

Điều này cũng giống như sự nhấn mạnh của người Mỹ về sự tĩnh tâm. Người ta hạnh phúc hơn nhiều khi không bị phiền nhiễu bởi mỗi biến chuyển buồn phiền nhỏ nhất. Họ có thể nghiên cứu và biết mình rõ hơn khi họ có một tính khí điềm tĩnh. Và họ sẽ không tiến bộ chút nào để có hạnh phúc thực sự cho đến khi họ muốn phát triển cố gắng cần thiết.

Nếu bạn chưa từng bỏ thì giờ nhìn vào bên trong bạn, và cố gắng thăm dò cái bên trong, bạn sẽ nhận thức rằng những sự việc mà chúng ta đã nói đến không phải tất cả là để cho bạn. Bạn có một số thái độ nào đó đối với chính bạn, và những thái độ này là một phần của chính bạn. Dù lúc nào bạn cũng hãnh diện hay xấu hổ, dù bạn mong chờ hay khiếp sợ cuộc đời còn lại của bạn, dù bạn làm nhiều điều phải hơn, hay nhiều điều trái hơn theo tiêu chuẩn của chính bạn -- những sự việc này giúp hình thành cảm nghĩ về chính bạn. Theo người Ấn Độ Giáo, cảm nghĩ về chính bạn nảy sinh từ cách bạn nhìn, và bạn nói và từ tính khí của bạn. Những cảm nghĩ ấy và những sự việc nảy sinh hình tướng hình thành cái mà ta gọi là cái "Ngã bên ngoài".

Ngoài cái ngã bên ngoài, có một cái ngã cốt lõi mà bạn phải biết để được thực sự hạnh phúc. Cái ngã rất quan trọng bên trong là cái Ta. Cực kỳ khó khăn cho bất cứ ai muốn giúp bạn hiểu cách biết cái Ta. Đó là vì chỉ mình bạn có thể biết hoàn toàn cái ngã bên trong của bạn. Các đạo sư Ấn Độ Giáo đã đưa ra một ít gợi ý để giúp ta trong việc tìm cách tự biết mình. Họ nói rằng vì cái Ta là tinh thần bên trong của con người, nó nằm dưới tất cả những kinh nghiệm phù du của cuộc đời. Nó vẫn là bản chất không thay đổi thường còn của bạn. Tất cả những phẩm chất tạo thành cái ngã bên ngoài đều được thu thập chung quanh cái lõi chính, cái Ta, và bị tác động bởi cái Ta này. Nhưng cái Ta lại không bị tác động bởi các phẩm chất ấy.

Một số sự việc tuyệt vời xảy ra khi người ta biết cái gì là căn bản và cốt lõi trong chính mình. Người đó biết rằng công việc hàng ngày, trước đây có thể đã làm người ấy khó chịu rất nhiều, không thực sự quan trọng. Đó là vì người ấy đã biết được là trung tâm thực sự của cuộc đời người ấy không bị tác động bởi chúng. Người ấy biết nhìn xa trông rộng hơn về kinh nghiệm của mình. Người ấy có tầm nhìn cuộc đời. Người ấy trở nên không thành kiến và ít cảm xúc. Người ấy có thể chọn lựa và phán xét những biến chuyển một cách chín chắn hơn, vì người ấy không bị mù quáng bởi những cảm xúc và thái độ của chính mình. Người Ấn Giáo nói rằng người ấy đã có một bước tiến rất quan trọng tiến tới sự đóng góp quan trọng nhất của con người -- trí tuệ.

CÁI GÌ LÀ THỰC?

Những người Ấn Độ Giáo nghiên cứu câu hỏi về cái ngã thực sự là gì, đồng thời họ cũng băn khoăn về thế giới của họ. Nó là loại thế giới gì? Sức mạnh nào đã tạo ra thế giới này và vẫn làm cho nó tiếp diễn? Họ nhìn chung quanh và thấy cây cối, núi non, đồng bằng và sông ngòi. Họ thấy mưa và gió. Họ biết đến tất cả những sinh vật cùng chia sẻ với họ trên trái đất.

Họ hiểu rằng không thể nói thế giới là một trong những thứ đó. Cũng chẳng phải thế giới là tất cả những thứ mà họ nhìn thấy, cảm thấy và biết đến. Thế giới còn nhiều hơn tất cả những thứ này. Sức mạnh làm thành thế giới và làm thế giới tiếp tục đương nhiên nhiều hơn những thứ trong thế giới. Nhưng thế giới này, họ quyết định, là một bằng chứng của sức mạnh đó, giống như chính họ. Tất cả mọi thứ trong toàn thể vũ trụ, kể cả họ, là kết quả vận hành của lực sáng tạo và tiếp diễn. Tất cả mọi thứ đều họ hàng với nhau, rồi vì tất cả đều có cùng một nguồn gốc.

Tư tưởng như vậy khiến họ kết luận là có một sự đồng nhất căn bản của tất cả sự sống và tất cả kinh nghiệm. Người Ấn Độ Giáo sẽ nói với chúng ta tất cả những khác biệt bên ngoài mà người ta cho là quá quan trọng chỉ là tầm thường và tạm bợ. Những thứ đó dường như là quan trọng vào thời điểm này, nhưng chẳng mấy chốc chúng biến đi hay thay đổi. Thí dụ, tất cả chúng ta có thể phân biệt một chúng sinh và những nguyên tố của trái đất. Tuy nhiên, lúc chết tất cả chúng sinh đều phải quay về thành nguyên tố. Không có một ngoại lệ nào cả. Người Ấn Độ Giáo nhắm vào minh họa như vậy là cố gắng nói rằng ngay từ lúc khởi thủy đã có sự đồng nhất (không có khác biệt). Cuối cùng sẽ có sự đồng nhất. Chỉ là một vấn đề thời gian.

Trong Rig Veda (Vệ Đà) có một bài thánh ca Ấn Giáo về Sáng tạo, bài này giải thích thế giới xuất hiện ra sao. Bài thánh ca này nhấn mạnh đến sự đồng nhất lúc khởi thủy, và không có sự khác biệt nào:

Chẳng phải sự hiện hữu, cũng chẳng phải điều trái ngược của nó,
Chẳng phải trái đất, chẳng phải vòm trời xanh thiên đường, chẳng phải cái gì ở bên kia

Chẳng phải cái chết, cũng chẳng phải bất tử, Ngày là đêm, đêm là ngày,
chẳng phải ngày, chẳng phải đêm

Đã tới để bắt đầu.

Bài thánh ca tiếp tục nói về sức mạnh đằng sau thế giới này:

Rồi cái đó, nguồn gốc nguyên thủy

Của Ánh Sáng - bất động -- nghỉ ngơi và hành động nối tiếp

Bao trùm trong niềm vui lặng lẽ. Bên cạnh nó

Trong vũ trụ bao la, không có gì cả.

Điều quan trọng mà bài thánh ca nhấn mạnh là sự đồng nhất tối cao của Cái đó (hay cái duy nhất đó), tất cả đều nằm đằng sau hay vượt qua cả hiện hữu và không hiện hữu. Trong cái đó không có khác biệt. Nghỉ ngơi và hành động nối tiếp, thí dụ. Mọi thứ đều thống nhất.

Người Ấn Giáo dùng Cái đó để chỉ Đấng tối thượng, Bà La Môn. Họ dùng đại từ vô tính để tránh bất cứ ý niệm nào về Thượng Đế hay Đấng Sáng Tạo giống như người hay Nguyên Tắc Thứ Nhất. Họ tin rằng Bà La Môn là thực tại tối thượng ở phía bên kia và vượt qua mọi sự vật mà con người tìm ra là "thực" khi chứng thực chứng qua giác quan.

Đây là một quan niệm về Thượng Đế khác với Thượng Đế của hầu hết người Cơ Đốc Giáo và Do Thái Giáo. Nhiều người dùng từ "Thượng Đế" để chỉ một Thượng Đế được nhân cách hóa -- đó là, một Thượng Đế có những đặc tính như người. Thí dụ, chúng ta thường quen với những thành ngữ như, "Thượng Đế thương yêu", "Thượng Đế Nhân Từ", "Bộ Mặt Thượng Đế", "Tay Thượng Đế". Người Ấn Giáo nói miêu tả cá tính con người như vậy là phẩm tính con người ngưỡng mộ ở nơi người khác. Và vì họ tin Thượng Đế thiện vô cùng tận, người ta phỏng đoán Thượng Đế có vô số những phẩm tính đáng ngưỡng mộ. Người Ấn Giáo nói, nhưng Thượng Đế -- nếu chúng ta dùng từ ấy để chỉ thực tế và bản chất thực sự của vũ trụ -- thì vượt quá sự tượng trưng con người như vậy. Và đó là điều mà họ cho là Bà La Môn, hay Cái đó.

Trong Ấn Độ Giáo có những vị thần cá nhân được tôn thờ bởi những người thích làm như vậy. Thường chính là những vị thần này mà chúng ta được biết đến trong sách vở về Ấn Độ Giáo. Theo huyền thoại người Hin đú, những vị thần có vợ (cũng được thờ cúng), và họ cũng sống giống như chúng sinh. Trong số các thần này, có ba vị được tôn sùng nhất ngày nay bởi người Ấn Giáo. Ba vị cùng nhau tạo thành Ba ngôi: Phạm Thiên, Đấng sáng tạo; Vishnu, Đấng cứu rỗi; Shiva, Đấng phá hoại và khôi phục.

Người Ấn Độ Giáo tin là sự sáng tạo thế giới là việc tiếp diễn mà con người chia sẻ, không phải là một thứ gì xảy ra đã lâu trong quá khứ. Cho nên, họ tin ba vị thần làm việc để thi hành việc sáng tạo tiếp diễn. Cuối mỗi chu kỳ hay thời gian dài sáng tạo Thần Shiva tiêu diệt thế giới cũ. Phạm thiên tạo thế giới mới. Trong chu trình này, con người gặp khó khăn không thể tự giải quyết một mình được, thần Vishnu xuất hiện như một con người hay dưới một hình thái khác, với thần thông đặc biệt, đem đến sự giúp đỡ cần thiết.

Nhiều vị thần và nữ thần khác cũng được tôn thờ theo bất cứ cách nào con người thấy thích hợp, với cầu nguyện, tán dương và lễ vật. Những người sùng đạo kêu cầu các vị thần này phù hộ tất cả các giai đoạn của cuộc đời. Tuy nhiên cả đến trong khi họ thờ cúng các vị thần cá nhân, những người trí thức Ấn Độ Giáo biết rằng các vị thần thực chất là lý tưởng của con người mà con người tưởng tượng ra trở thành thực tế khách quan. Những vị thần này thực sự không hiện hữu dưới hình thức mà con người nghĩ rằng các vị thần hiện hữu. Chức năng thực sự của việc thờ cúng những vị thần cá nhân là để hướng dẫn người lễ bái có kiến thức về Bà La Môn, Bà La Môn vượt qua tất cả những băn khoăn và ức đoán của con người về vũ trụ.

Người ta thường đưa ra câu hỏi rắc rối nhất trong tất cả những câu hỏi: "Tại sao thế giới được tạo ra? Theo những người Ấn Độ Giáo con người không tìm được câu trả lời rõ ràng, về điều đó bài thánh ca về sự Sáng Tạo của họ ghi câu trả lời:

Chao ôi, vô ích thay là những lời nói, và yếu đuối thay những tư tưởng cực đoan!

Ai ở đây mà thật sự biết, và ai có thể nói được,
Thế giới khó dò này từ đâu đến, và từ nguyên nhân nào?
Không, cả đến những vị thần cũng không phải! Vậy Ai, có thể biết?
Nguồn gốc mà từ đó vũ trụ này xuất hiện,
Nguồn gốc đó, một mình nguồn gốc đó có thể gánh vác --
Không ai ngoài: Cái đó, một mình Cái đó, Chúa tể của những thế giới,
Trong cái ngã sở chứa đựng, không tỳ vết
Như những bầu trời trên cao, Cái đó một mình biết
Chân lý của cái gì thì chính Cái đó làm thành -- ngoài ra không ai cả!

Nhưng nếu con người không biết lý do sáng tạo ra thế giới, họ có thể biết điều gì đó quan trọng hơn. Họ có thể biết Phạm Thiên. Kinh Ấn Độ Giáo đầy những gợi ý về cách một người có thể sống cuộc đời của mình để trải

nghiệm sự đồng nhất cơ bản đó là mô hình của tất cả sáng tạo. Khi bạn biết cái Ta, "ngã bên trong" của chính bạn, bạn cũng biết trung tâm của vũ trụ, Phạm Thiên, Cái "ngã bên trong" của tất cả sáng tạo. Người ta có thể biết Phạm Thiên chỉ bằng cách hiểu chính mình. Người theo Ấn Giáo nói. "Ai biết chính mình sẽ biết Thượng Đế"

Một bản thánh kinh mô tả việc trên như sau:

Tinh thần trong tôi nhỏ hơn hột giống cây mù tạc,

Tinh thần trong tôi lớn hơn quả đất này, bầu trời và thiên đường, và tất cả những thứ đó gom lại. Đó là Phạm Thiên.

Hạnh phúc nằm trong hướng tìm ra ý nghĩa thực sự: cái ngã thực sự, bản chất thực sự của vũ trụ. Bà La Môn tự nó biểu lộ ở nhiều cách -- ở con người qua cái Ta. Nhưng Bà La Môn không phải là một trong những biểu lộ: Cái đó vượt qua tất cả. Khi một người thực sự hiểu biết cái Ta, thì người ấy có thể hiểu Bà La Môn. Khi người ấy biết cả hai, người ấy thấy cái Ta và Bà La Môn hợp nhất. Và con người nhận thức được kiến thức tối thượng, đạt hạnh phúc tối thượng. Tất cả những sinh vật cùng những sự sáng tạo của trái đất cũng giống như thế, quan tâm đến toàn bộ Bà La Môn. Không có nhiều dạng, không có khác biệt thực sự trong bất cứ phần nào của thực tại. Tất cả đều giống nhau. Tất cả là một. "Đó là Bà La Môn".

---o0o---

3. TÔI CÓ VỊ TRÍ GÌ TRONG VŨ TRỤ?

Tại sao tôi không được sung sướng?

Tại sao tôi làm quá nhiều lầm lỗi?

Tại sao tôi thường quá sợ hãi?

Đó là những câu người ta tự hỏi hay hỏi những người khác khi họ nghĩ về những cách sống trong cuộc đời. Hàng ngàn năm qua, con người ở mọi chủng tộc, mọi quốc gia dường như đã đưa ra những lời giải thích tốt về cách đạt được hạnh phúc. Tuy nhiên, người ở mỗi thế hệ và ở mỗi xứ sở, sống không hạnh phúc và đôi khi cuộc sống không ra gì -- theo lời thú nhận của chính họ.

Người Ấn Độ Giáo nói một trong những lý do lớn nhất cho bất hạnh phúc của con người là ảo tưởng (maya). Mỗi người sinh ra trên cõi đời này đều bị

bối rối và thấy khó mà biết được những việc quan trọng bằng kinh nghiệm của mình vì ảo tưởng. Thế giới này là ảo tưởng (maya) có ý nghĩa là lúc nào cũng thay đổi thành một cái gì khác và sự thay đổi cứ tiếp diễn không ngưng nghỉ. Không ai có thể biết thế giới này là gì, vì thế giới chẳng bao giờ là cái gì nghĩa là nó không bao giờ đứng yên đủ lâu để có thể nghiên cứu và giải thích; nó lúc nào cũng đang bắt đầu. Cho nên con người dễ dàng trở thành say mê luyến chấp nhiều vào cái thực ra rất tầm thường.

Người Ấn Độ Giáo không có ý nói thế giới này không quan trọng nhưng họ nhấn mạnh vào sự thật là thế giới mà ta nhìn thấy không phải là thế giới thực sự. Thế giới đó luôn luôn làm cho ta bối rối. Thí dụ bạn nhìn đường rầy trên nền đường sắt, bạn sẽ thấy những đường sắt ấy gặp nhau ở một khoảng cách xa. Thật ra chúng không gặp nhau, nhưng dưới mắt bạn, nó dường như gặp nhau.

Mắt, tay, tai, sờ mó -- tất cả những thứ đó đánh lừa ta nhiều lần. Làm sao chúng ta có thể quá chắc rằng thế giới mà ta "biết" qua kinh nghiệm đầu tay của ta là thế giới thực sự? Chúng ta không thể chắc chắn được, người Ấn Độ Giáo trả lời như vậy. Vì lẽ chúng ta thường bối rối bởi sự thật hiển nhiên, chúng ta phải học cách giải thích tất cả kinh nghiệm của chúng ta để tìm ra thực tế.

Dù người uyên bác có cẩn thận giải nghĩa đến thế nào đi nữa về nguy cơ nhầm lẫn vì ảo tưởng và tầm quan trọng của việc hiểu biết về cái Ta và Bà La Môn, vẫn có những người sống một đời khổ sở. Những người Ấn Độ Giáo quan tâm đến những người bất hạnh này. Tại sao việc này xảy ra? Làm thế nào có thể ngăn chặn nó? Họ băn khoăn với những sự việc như vậy vì sự bất bình đẳng về khả năng giữa con người, những sự không bằng nhau trong niềm vui và đau đớn. Họ muốn có sự giải thích hợp lý.

Họ kết luận rằng gần như vô nghĩa khi nói việc ấy là do rủi ro hay may mắn, hay Bà La Môn chịu trách nhiệm về những bất bình đẳng ấy. Việc đó làm cho Bà La Môn không công bằng và độc đoán. Nó không làm người hỏi thỏa mãn khi nói rằng tất cả những khác biệt sẽ được giải quyết ở cõi bất diệt nào đó trên "thiên đường" hay "địa ngục", vì con người ta dường như không rơi vào hai nhóm "thiện" và "ác" riêng biệt.

Người Ấn Độ Giáo đã tìm thấy câu trả lời thỏa mãn trong niềm tin vào sự đầu thai (hay nhập hồn). Mỗi người đều có rất nhiều kiếp sống và sẽ tiếp tục có nhiều kiếp sống -- đủ để khám phá ra mình thực là ai. Đời là trường học

cho con người; trong trường đời này con người biết đến cái Ta và Bà La Môn. Khi họ đạt được kiến thức này, con người rời bỏ trường đời. Người đó không cần phải tiếp tục vào nữa; người đó đã học xong.

Người Ấn Độ Giáo miêu tả đời sống như một dòng suối hay con sông, nó chảy không ngừng, không có khởi đầu và cũng không có tận cùng. Tất cả mọi thứ đều là một phần của dòng: đất đá, cây cối, muông thú, con người và vân vân... Mọi thứ hiện hữu đời này qua đời khác cho đến khi có kiến thức về sự đồng nhất của cái Ta và Bà La Môn. Mỗi người sẽ có nhiều cơ hội để đi đến tự biết mình khi cần thiết. Thuyết đầu thai đem hy vọng cho tất cả mọi người. Không ai có thể bị trừng phạt trong một thời gian vô hạn vì một số lỗi lầm có hạn.

Có một định luật vũ trụ hoạt động suốt cuộc đời. Gieo gì phải gặt nấy ở một lúc nào đó và ở một chỗ nào đó. Đó là định luật: mỗi hành động, mỗi ý định hành động, mỗi thái độ đều mang quả của riêng nó. "Người trở thành thiện do những hành động thiện và trở thành ác do những hành động ác", một câu trong những tác phẩm thiêng liêng của người Ấn Độ Giáo viết. Câu này có nghĩa là mỗi người phải chịu trách nhiệm về hoàn cảnh chính mình, dù người ấy bối rối, lúng túng và bất hạnh -- hay hạnh phúc. Chúng ta muốn đổ lỗi cho một người khác, có lẽ cha mẹ chúng ta. Hay chúng ta muốn đổ lỗi cho ông bà chúng ta và cả đến Bà La Môn. Nhưng đổ lỗi chỉ là tránh vấn đề thực tế. Bạn là bạn vì những cái mà bạn đã làm trong quá khứ. Đối với người Ấn Độ Giáo, đương nhiên, quá khứ gồm tất cả những kiếp sống trước của bạn. Mỗi người có thể cắt đứt quá khứ bằng cách trải rộng tâm mình và giành được kiến thức về cái ngã thực sự của mình.

Những tài liệu của người Ấn Độ nhấn mạnh rằng ta phải nỗ lực để biết cái Ta nếu ảnh hưởng về bất hạnh trong quá khứ sẽ được bỏ đi hay loại bỏ. Nhưng người ta thường không lấy điều này làm mục đích của mình. Họ không lưu tâm đến bản chất thực sự của mình, và đây là tội lỗi chính mà họ phải chịu. Họ không hay biết gì về khả năng thực sự của mình. Nhiều người trong chúng ta bị chìm đắm trong đường mòn của thói quen và để những hành động và thái độ quá khứ ngự trị chúng ta theo cách chúng ta phản ứng với tình huống hiện tại thay vì khao khát mục tiêu cao cả hơn. Việc này giống như người trèo núi thất bại không tới được mục tiêu vì sợ cao nên quên đi cái ham thích của chính mình là trèo núi.

Nhiều người sống không nghĩ gì về việc này mà chỉ phản ứng theo cách mà họ thường có. Người Ấn Độ Giáo mô tả những người này là "vội vã như có

ma quý trong đầu; bị cản bởi thế gian này như ta bị cản bởi con rắn lớn". Khi một người thấy mình chạy loanh quanh một cách xao lãng như vậy, người ấy phải ngưng lại và tự nhắc mình, "Đó không phải là bản tính thực sự của tôi. "Đôi khi người ta làm những việc mà chính người ta không hiểu. "Tại sao tôi làm cái đó?" Ta tự hỏi sau này. Đôi khi như thể cánh cửa đóng bên trong đột nhiên mở tung ra và những thứ bị tắc nghẽn bên trong đổ tung ra trước khi chúng ta ngưng chúng lại. Thỉnh thoảng những vụ nổ bên trong kèm theo nhiều bộc lộ cảm xúc: chúng ta giận dữ, chúng ta buồn bã, chúng ta ủ rũ, chúng ta nổi cơn thịnh nộ. Những hành động như vậy không phải lỗi lựa chọn khôn ngoan mà đó là gánh nặng của thái độ và hành động trong quá khứ mà ta mang theo. Cách vượt qua ảo tưởng lẫn ảnh hưởng của quá khứ là ngưng ngay lại và hỏi, "Nhưng tôi thực sự là cái gì? Cái gì là cái Ta?"

CHẾ ĐỘ ĐẲNG CẤP VÀ NHIỆM VỤ

Theo giáo lý Ấn Độ Giáo, mỗi người có một vị trí riêng trong cuộc sống và trách nhiệm riêng biệt. Mỗi người được sinh ra ở một chỗ với những khả năng riêng biệt vì những hành động và thái độ trong quá khứ. Điều này giải thích nguyên mẫu xã hội Ấn Độ và nó bao gồm cái gọi là đẳng cấp. Có bốn đẳng cấp chính, ghi trong các tác phẩm Ấn Giáo: (1) nhóm trí thức - thầy tu, (2) tầng lớp quý tộc, kể cả quân nhân, (3) nhóm hành chính gồm có những nhà buôn và địa chủ; và (4) số lớn dân chúng làm những việc thông thường trong xã hội. Giai cấp gọi là "tiện dân" hay "người bị ruồng bỏ" (mới đây bị hủy bỏ do luật của Ấn Độ) gồm có những người có nguồn gốc thuộc những phân nhóm khác của giai cấp thứ tư, quần chúng nhân dân. Do những điều kiện xã hội và kinh tế khác nhau, họ "mất đẳng cấp", hay mất vị trí trong xã hội.

Trong bốn đẳng cấp, có mười hai nhánh. Qua nhiều năm, hơn một ngàn thứ bậc đẳng cấp đã xuất hiện trong đời sống xã hội Ấn Độ, nhưng tất cả đều thuộc một trong bốn nhóm chính. Trong đời sống xã hội bình thường, ranh giới đẳng cấp thường phản ánh bất công thực sự và thành kiến nặng nề. Nhiều người Ấn Độ Giáo chín chắn ngày nay nhận thức là sự lạm dụng đã lên vào chế độ này. Vào thế kỷ thứ hai mươi, nhiều cố gắng đã được thực hiện theo chiều hướng loại bỏ một số bất công trắng trợn. Ngài Gandhi là người đã đem hết sức lực để phục hồi "tiện dân" vào địa vị có đẳng cấp.

Hệ thống đẳng cấp dùng để đem lại cho mỗi người một chỗ thích hợp trong xã hội, với một số nhiệm vụ phải thi hành theo cách tốt nhất mà người ấy có thể. Giống như không có ai có thể là một người khác nào đó, cũng chẳng có

thể rút mình ra khỏi đẳng cấp này trong đời sống để đi vào một đẳng cấp khác. Trong những lần tái sinh tiếp diễn, người ấy có thể cải thiện vị trí của mình -- nếu người ấy làm tốt bốn phận hiện tại của mình. Tại Ấn người ta cũng dạy rằng ngay cả những người thuộc đẳng cấp thấp nhất cũng có thể đạt được kiến thức đầy đủ về cái Ta, nếu họ cố gắng ra công đủ. Bằng cách đó họ có thể giành được cảm tưởng thỏa mãn lớn nhất mà đời hiện dăng cho họ.

---o0o---

4. MỤC ĐÍCH ĐỜI TÔI SẼ LÀ GÌ?

Một câu hỏi khác nảy sinh nhiều lần trong tâm trí người Ấn Độ: "Đời tôi để làm gì? hoặc "Tôi phải làm gì với đời tôi? Những người Ấn Độ Giáo chín chắn đi đến chỗ tin rằng có bốn mục tiêu cơ bản, gồm có tất cả những phần có giá trị về hoạt động của con người và mang lại mục đích cho mỗi đời sống.

Mục đích quan trọng nhất mà mỗi người phải vươn tới là thoát khỏi ảnh hưởng của bất hạnh trong quá khứ. Mỗi người đều có mục tiêu căn bản suốt cuộc đời là thoát khỏi ảo tưởng thông qua sự hợp nhất với Bà La Môn. Để giúp con người tiến tới đạt được mục tiêu này, có những mục tiêu khác ít quan trọng phải được thi hành trên con đường đó.

Một trong những mục tiêu này là đời sống lạc thú, thực hiện tất cả những ham thích bình thường của con người, kể cả ham thích rất quan trọng bắt nguồn từ nhục dục. Người Ấn Độ Giáo không bác bỏ kinh nghiệm giác quan về cuộc đời -- phát triển quan hệ sáng tạo với người khác, biết thẩm mỹ, biểu lộ tình dục. Những người Ấn Độ Giáo coi trọng kinh nghiệm này khi được dùng đúng cách và không được coi như là những mục tiêu duy nhất của đời sống. Đời sống lạc thú là một trong bốn mục tiêu của con người.

Một mục tiêu khác của con người là tham gia vào hoạt động kinh tế hay phúc lợi công cộng, bao gồm một số công việc hay nghề nghiệp có giá trị. Mỗi người có bốn phận với chính mình và với xã hội để làm một số công việc có ích. Vì việc này người ấy sẽ nhận được tiền cần thiết cho nhu cầu hàng ngày, và thông qua đó người ấy đóng góp vào phúc lợi chung. Trách nhiệm kinh tế của một người đối với cộng đồng không được coi thường là không quan trọng vì nó là một trong bốn mục tiêu của đời sống.

Thành tựu quan trọng thứ tư cho mỗi người Ấn Độ Giáo là sống đúng luân lý hay sống đạo đức. Ta có bốn phận đối với chính ta và đối với người khác để làm những gì được trông đợi ở chính mình về luân lý và đạo đức. Bốn phận đã được phân định khá rõ ràng tại Ấn Độ, cho mỗi một đẳng cấp có một luật lệ hành động và thái độ mà mỗi thành viên phải thi hành. Và đối với luật lệ này, một người phát nguyện bằng nỗ lực của mình nếu muốn đạt một đời sống tốt đẹp.

Một phần lớn giáo lý Ấn Độ Giáo đề cập đến khái niệm bốn phận luân lý. Vì người Ấn Độ Giáo nhấn mạnh đến sự đồng nhất của tất cả cuộc sống, họ tin một người quan trọng đối với tất cả những người khác. Điều này có nghĩa là mỗi người phải học hỏi để vượt qua quyền lợi vị kỷ của mình. Khi quyết định phải làm gì, hầu hết mọi người muốn nói, "Tôi sẽ có lợi gì từ việc này?" Người Ấn Độ Giáo nói chúng ta tìm hạnh phúc lâu dài khi chúng ta làm một việc vì đối với chúng ta trong hoàn cảnh của chúng ta đó là điều chính đáng không quan tâm đến lợi lộc mà ta nhận được.

"Bạn có quyền làm việc và chỉ làm việc không thôi, chứ không phải thành quả của nó. Ham thích thành quả của làm việc không bao giờ là động cơ để làm việc... Khôn khở thay cho những ai làm việc vì kết quả." Câu trên đây được viết trong bản kinh thiêng liêng của họ.

Chúng ta thường nói hơi giống nhau khi nhận thấy rằng, người chơi vì thích chơi sung sướng hơn là người chơi để thắng. Càng mê thắng cuộc thì lại càng thua. Mặt khác nếu chơi để mà chơi, kết quả sẽ tự nó lo liệu. Được hay thua, người ấy sẽ thỏa mãn về cuộc chơi. Người Ấn Độ Giáo nói điều đó giống như tất cả những hoạt động trong đời. Điều quan trọng là chúng ta cảm thấy cái chúng ta làm và cách thức chúng ta làm -- không phải là cái mà ta đạt được từ việc đó.

NHỮNG GIAI ĐOẠN TRONG ĐỜI NGƯỜI

Những người Ấn Độ Giáo thời cổ đã biết có những thời kỳ trong đời sống của một con người có thể đạt được mục tiêu dễ dàng hơn thời kỳ khác. Họ chia đời sống thành một số giai đoạn, rồi họ cố gắng vạch ra những lạc thú hay hành động thích hợp cho mỗi giai đoạn. Chỉ dẫn về bốn mục tiêu sẽ được cung cấp tùy theo sự sẵn sàng học hỏi về những mục tiêu này và khả năng để hoàn thành mục tiêu vào lúc ấy.

Thí dụ, trẻ nhỏ không cần phải lo lắng về những bốn phận kinh tế và đạo đức sau này của nó đối với xã hội. Trẻ nhỏ sẽ có thì giờ học hỏi về những thứ ấy

khi trưởng thành. Trẻ nhỏ cũng chẳng cần sẵn sàng cho việc thực hành tôn giáo của người lớn. Cho nên, sẽ là đại đột đi trông đợi đứa trẻ hoàn thành những mục tiêu của người lớn. Những người có bổn phận đối với những luật lệ đẳng cấp đòi hỏi họ phải bỏ nhiều thì giờ và nỗ lực vào hoạt động kinh tế không phải quá lo lắng về mục tiêu quan trọng nhất là thống nhất cái Ta với Bà La Môn. Điều này rất đúng cho nhóm đẳng cấp thấp nhất, công nhân. Tuy nhiên, những người Ấn Độ không bao giờ cho rằng những người thuộc đẳng cấp thấp nhất không thể hiểu được sự thống nhất này trong đời sống hiện tại của họ. Hoàn toàn không được đòi hỏi họ vì họ đã quá bận với những trách nhiệm khác.

Tất cả nam giới của ba đẳng cấp cao hơn được khuyến khích theo đuổi kế hoạch sống đã được đề nghị, qua đó họ có thể đạt được tất cả mục tiêu. Những đạo sư thời cổ phát triển kế hoạch này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của nghiên cứu và làm sáng tỏ đời sống. Theo kế hoạch này, người ta sẽ lần lượt trải qua các giai đoạn là học sinh, chủ hộ, người nghỉ hưu, và đang đi khỏi kiếp trầm luân tinh thần.

Giai Đoạn Học Sinh. Thời gian bỏ ra trong giai đoạn này thì khác nhau, tùy theo đẳng cấp riêng. Tất cả nam giới trẻ của những đẳng cấp cao hơn đều phải sống một thời gian với vị gia sư tôn giáo dạy về trí tuệ cổ xưa của Ấn và hướng dẫn đọc sách thánh. Mỗi học sinh được giúp đỡ trực tiếp học về ý nghĩa cuộc đời và được khuyến khích tìm một chỗ thích hợp trong đó.

Theo truyền thống, không một người thanh niên nào đang còn ở trong giai đoạn học sinh lại lập gia đình. Tuy nhiên, ở Ấn Độ thời nay, nhiều tập tục cổ không được nghiêm túc gìn giữ như trước đây. Ngày nay một số cuộc hôn nhân nay xảy ra trước khi người thanh niên hoàn tất giai đoạn học sinh thường lệ -- nhưng số này cũng chỉ là số ít nếu đem so sánh. Nhiều bậc cha mẹ người Ấn vẫn chọn vợ cho con. Vì những sắp xếp lứa đôi do cha mẹ, thường thường khi đôi lứa này còn rất trẻ, người thanh niên không bị mất thì giờ học hành để tìm hiểu người vợ tương lai của mình.

Nói chung, không có một thói quen xã hội nào có thể so sánh được với hò hẹn tại Hoa Kỳ ngày nay. Người lớn không có ý cho rằng giới trẻ không lưu ý đến người khác giới. Họ chỉ lo liệu để mối quan tâm này sẽ không bị khơi gợi quá mức trước khi những thanh niên này sẵn sàng biết trách nhiệm về con cái. Đối với ba đẳng cấp trên, điều này thường có nghĩa là sau khi người thanh niên đã qua giai đoạn học sinh của đời họ. Hiện nay luật của Ấn Độ

qui định người con gái ít nhất phải mười lăm tuổi trước khi có thể đi lấy chồng; con trai không thể lấy vợ trước mười tám tuổi.

Có những lý do tại sao giai đoạn học sinh lại đã quan trọng phải được hoàn tất. Mỗi người đều có khả năng tự nhiên để lo lắng về đời sống và nêu câu hỏi về cuộc đời. Nhiều những câu hỏi này lớn đến mức chưa có ai có thể tìm được một phần câu giải đáp, nhưng con người dường như bằng cách này hay cách khác cố gắng tìm câu trả lời, để học hỏi và tiếp tục học hỏi. Giai đoạn học sinh xúc tiến tiến trình học tập.

Theo người Ấn Độ Giáo, việc này cũng cho thêm một may mắn, cái mà họ gọi là "sự ra đời lần thứ hai". Sự ra đời lần thứ nhất là một biến cố mà ta không kiểm soát được, nhưng sự ra đời lần thứ hai là một phần của sự thành công do nỗ lực của chính mình. Người Ấn Độ gọi đó là tái sinh tinh thần: người thanh niên bắt đầu thấy có ý nghĩa cuộc đời. Chủ yếu là ta phải hiểu ý nghĩa cuộc đời trước khi ta gánh vác bốn phận gia đình.

Giai Đoạn Chủ Hộ. Mặc dầu ta phải giữ sự ham muốn học hỏi của học sinh, nhưng ta không thể ở mãi với vị đạo sư. Không bao lâu, người học sinh thành gia thất và phải nắm trách nhiệm làm cha mẹ. Trong giai đoạn chủ hộ, người Ấn Độ Giáo có thể đạt được ba trong số bốn mục tiêu của cuộc đời. Họ có thể tìm thấy ý nghĩa cuộc đời trong lạc thú, vì quan hệ hôn nhân giúp giải tỏa tất cả những sức lực và ham muốn căn bản con người. Vì là một thành viên trong gia đình đòi hỏi người ấy phải đóng góp phần mình vào sự ổn định kinh tế của xã hội do năng xuất. Và chắc chắn người chủ hộ có cơ hội chu toàn bốn phận theo luật lệ đạo đức của đẳng cấp mình. Nếu Ấn Độ đã thay đổi chậm chạp qua nhiều năm, thì đó là vì quyền lợi và bốn phận riêng biệt họ phải tuân theo đã ràng buộc từng người ở từng đẳng cấp.

Giai Đoạn Nghỉ Hưu. Ba mục tiêu có thể đạt được trong giai đoạn chủ hộ rất quan trọng. Nhưng những mục tiêu này phải đóng góp vào một mục tiêu lớn hơn -- tìm ra cái ngã thực sự và bản chất thực sự của vũ trụ. Cho nên, người Ấn Độ Giáo cung cấp cho bước thứ ba, rút lui khỏi đời sống công cộng, và vào thời điểm này người ta (cùng với vợ, nếu họ muốn như vậy) có thể quay trở lại những lợi ích của một học sinh. Sau khi đưa cháu đầu tiên sinh ra, ta được phép rút khỏi công việc hay hoạt động nghề nghiệp, không còn phụ trách trách nhiệm trực tiếp về gia đình, và về sống ẩn dật trong rừng để nghiên cứu. Trong một nhóm những người về hưu có cùng khuynh hướng, người học sinh trung niên bây giờ có cơ hội đầy mạnh hơn nữa những câu

hỏi trong những ngày còn là học sinh: Ý nghĩa của đời sống là gì? Thượng Đế như thế nào?

Không phải mọi người tại Ấn Độ có thể tiếp tục tới giai đoạn này. Những người của đẳng cấp cao có nhiều may mắn hơn để tiếp tục vì hoàn cảnh kinh tế thuận lợi hơn. Người dân Ấn Độ sống trong nhóm gia đình lớn thay vì gia đình một vợ một chồng như người Mỹ thường sống. Nếu một người rời bỏ đại gia đình, người ấy không thấy thiếu thốn nhiều như trong kiểu gia đình một vợ một chồng. Ngay cả tại Mỹ quốc, một số người thôi không kinh doanh nữa sau khi con cái có gia đình. Ở Ấn Độ, một người nghỉ hưu không những rút lui khỏi công việc mà cũng rút lui khỏi những hoạt động thường nhật của một người chủ hộ hay giai đoạn gia đình. Người ấy đã bỏ những nhu cầu về những loại thú vui và hoạt động trước đây. Người ấy muốn ngẫm nghĩ, nghiên cứu và thiền định.

Giai Đoạn Người Hành Hương Tinh Thần Giai đoạn thứ tư có thể được thực hiện -- nhưng ít người đi vào giai đoạn này. Nếu người ấy cảm thấy sẵn sàng làm được việc này, người ấy có thể rời bỏ nơi ẩn dật, làng xóm và nhóm bè bạn tương đắc. Mang theo gậy và bình bát khất thực, người ấy lang thang chỗ này đến chỗ kia không có lo âu hay không lo lắng- ăn bất cứ cái gì được cho từ ân tình của những người dân trong làng mà người ấy đi qua. Người ấy giúp dân bằng cách chia sẻ trí tuệ của mình về ý nghĩa đời sống hay bằng sự hiện diện của mình. Người ấy có thể sống một thời gian làm gia sư cho học sinh trẻ; nhưng khi đã hoàn tất nhiệm vụ, người ấy lại cất bước lên đường lang thang.

Người Tây Phương thường hay khinh miệt lý tưởng này. Tuy nhiên, vì những người Ấn Độ biết chuyện Jesus vạch ra, Jesus cũng đòi hỏi như vậy nơi các đệ tử thân cận của mình. Họ phải từ bỏ mọi thứ -- kể cả bốn phận gia đình - để theo Jesus. Với những ai sẵn sàng theo bước đi, Ngài mời: Hãy rời bỏ mọi thứ. Tìm kiếm ý nghĩa còn quan trọng hơn bất cứ thể chế nào - cả đến gia đình. Người Ấn Độ Giáo đi hành hương lang thang bộc lộ lòng tin vững chắc này một cách ấn tượng khi người ấy rời bỏ mọi dấu vết của tiền kiếp, hoàn toàn tận tụy vào cố gắng hiểu cái ngã thực sự. Sự cố gắng này có thể dẫn đến khổ sở vật chất và cô đơn, những những người Ấn Độ Giáo hành hương tin những điều ấy không quan trọng, vì cái Ta nằm bên kia an nhàn và tình bè bạn.

Ấn Độ Giáo dạy chúng ta rằng chúng ta có thể tìm thấy cái ngã thực sự chỉ khi chúng ta tìm kiếm một cách thành thực. Sự tìm kiếm bắt đầu trong

những ngày còn là học sinh. Nó tiếp diễn qua thời kỳ gia đình và thời kỳ nghỉ hưu. Việc tìm kiếm không dính líu gì đến việc từ bỏ bất cứ thứ gì tự nhiên. Ta không nên cố gắng trấn áp hay triệt phá một phần đời sống của mình, cảm nghĩ của mình hay cảm xúc của mình. Ta nên cố gắng hiểu mọi ham muốn, thôi thúc, và những cảm nghĩ xem chúng là gì.

Đôi mắt với những điều này một cách thành thật, người ta có thể khám phá ra nhiều thứ về chính mình. Khi người ấy khám phá ra mình là gì, người ta khám phá ra khả năng làm gì nhất. Làm điều đó với tất cả tâm tư chỉ vì muốn làm việc đó, và làm việc đó với lòng thương yêu, người ta khám phá ra người ấy đang thờ phụng. Để tôn thờ Thượng Đế là đồng thời tìm thấy cái ngã thực sự và ý nghĩa của nó. Những giá trị này chỉ có thể tìm thấy bởi có lòng ham thích thành thật muốn biết những câu trả lời về những câu hỏi căn bản của mình, kế hoạch và sống cuộc đời chu toàn mục tiêu cao nhất của mình.

---o0o---

5. TÔI SẼ THỜ PHƯỢNG NHƯ THẾ NÀO?

Qua nhiều thế kỷ Ấn Độ Giáo người bình dân ở Ấn đã lắng nghe lời khuyên của các học giả và các nhà hiền triết của họ. Họ đã nghe những câu trả lời của những nhà học thức này về câu hỏi đời sống và ý nghĩa của nó. Và họ đã cố gắng hết sức để áp dụng những câu trả lời ấy như chính của họ. Nhưng có nhiều người tại Ấn cũng như ở nơi khác, không thể làm tôn giáo thành công việc chính của họ. Họ phải cày bừa để có thực phẩm cho gia đình và cho những người khác -- và cả cho các thầy tu cũng phải ăn. Có một số phải trông nom cửa hàng, nếu không tất cả sự buôn bán sẽ ngưng. Có những phụ nữ bị nam giới coi như không có khả năng đạt được kiến thức mà những nhà hiền triết coi là thiết yếu.

Những người này phải làm gì? Họ mong ước có một đời sống hạnh phúc. Họ mong muốn sống ở mức độ tốt nhất. Trên tất cả họ mong muốn được giải thoát khỏi chuỗi tái sinh vô tận, họ sợ họ cứ phải sống đời này đến đời khác làm việc và lo lắng. Có một cách nào để những người này biết đến sức mạnh vĩ đại trong vũ trụ, mà không phải bỏ thì giờ của họ vào việc tìm kiếm? Có cách nào sống hòa hợp với định luật vũ trụ mà không phải bỏ tiền bạc và thì giờ để nghiên cứu với một đạo sư uyên bác?

SỰ GIÚP ĐỠ CỦA CÁC THẦN VÀ NỮ THẦN

Với những người giống như hạng người này, Bà La Môn thật khó để mà hiểu được; Bà La Môn dường như mênh mông và xa xôi. Đối với những người này thế giới dường như thân hữu hơn nếu họ có một vị thần riêng đứng "về phía họ". Họ muốn có một vị thần để cầu nguyện, dâng lễ vật và tôn vinh trong những buổi lễ đặc biệt. Họ cảm thấy với một vị thần như vậy sẽ giúp họ thành công trong những công việc làm ăn và trong đời sống tinh thần. Vì những người uyên bác nói rằng mọi thứ phản ánh Bà La Môn, người dân coi thần và nữ thần của họ là thiêng liêng. Và nhiều người cảm thấy một vị thần như vậy hoàn toàn thuộc về Bà La Môn mà họ cần phải biết.

Và qua nhiều thế kỷ, một số thần riêng tư trở thành rất đại chúng với người Ấn Độ Giáo. Trong ba ngôi, thần Shiva (Thần phá hoại và phục hồi) và thần Vishnu (Thần cứu tinh) được đặc biệt tôn thờ. (Thần Vishnu được tôn kính dưới dạng thức hóa thân Rama hay Krishna). Những người thờ cúng cũng tìm sự giúp đỡ từ những phu nhân của các thần. Một số những nữ thần quan trọng là Durga, Lakshmi, Sita và Radha. Nữ thần nổi tiếng nhất là Kali, Thánh Mẫu của Ấn Độ. Nhiều đền thờ được xây để tôn vinh nữ thần này, và được thờ cúng như người mẹ chung và là kẻ thù làm tất cả những người tội lỗi sợ hãi.

Có nhiều chư thiên ít nổi tiếng được thờ trong những điện thờ cũng được cầu nguyện và được hiến dâng lễ vật. Giữa những chư thiên này có thần súc vật, thần thiên nhiên, và các anh hùng huyền thoại. Tính về con số các vị thần được thờ cúng tại Ấn Độ lên tới con số vài trăm vị. Mỗi gia đình chọn một vị thần hay nữ thần để thờ cúng riêng. Trong khi những thành viên trong gia đình có thể cầu nguyện hay hiến dâng lễ vật đến các vị thần khác, họ không bao giờ quên hàng ngày sùng kính vị thần của gia đình tại điện thờ ở nhà.

Những vị thần và nữ thần này dường như thân cận với con người hơn là Bà La Môn, vì người ta nghĩ rằng những vị thần và nữ thần hiểu được thất bại và hy vọng của con người. Cho nên du khách tới Ấn Độ nhìn thấy hình ảnh của nhiều thần đang dùng ẩm thực được mặc lễ phục và được mang đi dạo. Về tất cả những hoạt động này, có những nghi lễ, bài thánh ca và lời cầu nguyện thích hợp. Ở một chỗ nào đó trong Ấn Độ Giáo có một chư thiên mà người hèn mọn nhất có thể tôn thờ một cách thoải mái.

Bằng cách đó, số đông tín đồ Ấn Độ Giáo trả lời câu hỏi của họ về thế giới như thế nào và sức mạnh gì đằng sau nó. Khi họ nhìn thấy một cơn bão, họ tin đó là công việc của một trong các vị thần. Khi họ bắt đầu một công việc

mới, họ tin là một vị thần khác trong số những vị thần sẽ giúp đỡ họ. Đối với một số người, thế giới tồn tại với thần và nữ thần, những người được thương yêu và an ủi.

Điều mà người Ấn Độ Giáo trung bình muốn nhất là sự giúp đỡ ra khỏi kiếp trầm luân trong đời người. Người ta tin rằng người ta có thể mong muốn sống trong hết xác thân này đến xác thân kia cho đến khi người ấy học hỏi đủ về bản chất thực sự của chính mình và về đời sống. Và vì biết không thể dành nhiều thì giờ như các nhà hiền triết và các thầy tu về thiền định và nghiên cứu, người ta tìm con đường tắt để được giúp đỡ. Người ta hy vọng tìm được cách cho mình công đức đặc biệt với các thần -- nhất là với các thần Kali, Vishnu, và Shiva. Người ta tin rằng vì những vị thần là hình ảnh của Tinh Thần Tối Thượng Bà La Môn nên người thờ cúng thực sự được giúp đỡ.

Một số đường tắt được triển khai bởi những người Ấn Độ Giáo mộ đạo. Đó là lý do tại sao các du khách đi Ấn Độ trở về với những câu chuyện lạ lùng trái tai chúng ta. Họ kể lại dân chúng xúm nhau tắm tại Sông Hằng, con sông lớn nhất tại đây và tại các sông và các suối khác. Người Ấn Độ Giáo đến tắm vì họ tin rằng là để được tẩy uế, rửa sạch những tội lỗi quá khứ và cho họ công đức với các vị thần. Thậm chí bờ sông cũng được coi là thiêng liêng. Một số người Ấn Độ Giáo hy vọng được an tâm hay địa vị tốt hơn ở kiếp sau bằng cách đi bộ quãng đường thật dài dọc theo các bờ sông.

Thành phố Benares là một thành phố thiêng liêng của người Ấn Độ Giáo. Họ tin rằng một người chết trong vòng 10 dặm của thành phố này thì những lỗi lầm ở những tiền kiếp của họ sẽ được các thần tha thứ. Người ấy có thể sống nhiều năm ở một trong những tầng trời mà Người Ấn Độ Giáo nói đến. Nhưng sau khi "nghỉ ngơi" theo kế hoạch đầu thai, người ấy phải trở về trái đất để sống những kiếp sống cần thiết cho mình để đạt được sự tự biết mình đầy đủ và kiến thức Bà La Môn.

Qua nhiều thế kỷ tìm cầu công đức, những tín đồ Ấn Độ Giáo đã thêm những tập tục tôn giáo khác vào. Con bò được đối xử như một con vật linh thiêng, và những buổi cầu kinh được dâng cho nó. Khỉ không bao giờ bị hãm hại, vì chúng cũng linh thiêng. Một số cây được dâng lời cầu nguyện. Những người uyên bác Ấn giải thích điều này bằng cách nói rằng cái Ta hiện diện trong mọi thứ sống. Một số con vật bên cạnh nào đó có thể là sự hiện diện đời sống của cái Ta dùng làm nơi ở của một người thân của bạn ở tiền kiếp.

Đức Gandhi -- được đồng bào ông gọi là Mahatma hay "Linh Hồn Vĩ Đại"-- nói tôn thờ bò là sự đóng góp đặc biệt của Ấn Độ Giáo vào ý tưởng tôn giáo thế giới. Ngài giải thích nhiều tôn giáo dạy thương yêu người, nhưng chỉ có một mình Ấn Độ Giáo dạy thương yêu loài vật. Cho nên, nhiều người Ấn Độ Giáo sùng đạo không bao giờ ăn thịt. Giết một con vật để lấy thịt là sai, họ cảm thấy con vật cũng có quyền sống như con người.

BA CÁCH THỜ PHƯỢNG

Nhiều người chín chắn theo tín ngưỡng Ấn Độ Giáo không tin là tất cả sự thờ phượng của người bình dân đều hữu hiệu. Họ cũng bình phẩm như những du khách đến Ấn Độ nói rằng một số những tu tập đạo lý là vô lý và thiếu hiểu biết. Những người Ấn Độ Giáo chín chắn này coi một số tu tập tôn giáo bình dân chỉ là mê tín dị đoan. Họ tin rằng có ba cách để sống một cuộc đời lương thiện. Một là hành thiện. Một nữa rất quan trọng là kiến thức về thực tế. Cách thứ ba là hoàn toàn thành tâm.

Mọi người đều có thể làm những hành vi thiện. Kẻ nghèo khổ nhất của đẳng cấp thấp nhất cũng có thể làm nhiều hành vi thiện như một thầy tu giới hạnh trong một ngôi chùa giàu nhất trên xứ sở này. Đối với người Ấn Độ Giáo, phần làm những hành vi thiện là làm tròn nhiệm vụ tốt nhất với khả năng của mình. Ai cũng có chỗ trong đời sống, và chỗ của bạn là do bạn giữ. Hãy giữ chỗ đó -- và trên con đường đi qua thế giới này, hãy năng dừng lại để giúp đỡ người và vật.

Hạnh phúc duy nhất xứng đáng với danh tiếng đó bắt nguồn từ kiến thức về thực tại -- mục tiêu tối thượng của mỗi người Ấn Độ Giáo.

Đối với cứu cánh này, con người ta thoát ly gia đình, đi vào rừng để nghiên cứu và thiền định. Một số từ bỏ tất cả những ràng buộc trần tục -- ngay cả tang lễ của chính họ- đi lang thang về miền đồng quê để tìm chân lý. Một số người nghiên cứu Du Già, một hệ thống huấn luyện về thiền định. Những người này tập thở và những bài tập tư thế không biết mệt mỏi (chuyên cần hơn những ngôi sao bóng tròn, bóng rổ, điền kinh của chúng ta nhiều trong việc tập luyện). Khi họ đạt được khả năng hoàn toàn vô thức về chính bản thân họ, họ sẵn sàng biết cái Ta.

Cách dễ nhất để sống một cuộc đời lương thiện là thương yêu tất cả mọi thứ sống, và thương yêu các thần. Sống một cuộc đời thương yêu không vị kỷ, một người trở nên hoàn toàn tận tụy với các thần. "Thương yêu người dẫn đến thương yêu Thượng Đế", người Ấn Độ Giáo nói như vậy. Một số có

gắng tăng cường tình thương yêu của mình đến vị thần được chọn lựa bằng cách nhìn nhận họ trong những vai trò như: cha mẹ, sư phụ, bạn bè, đứa trẻ, người bạn đời hay người yêu. Nếu hoạt động sùng đạo như vậy đem người thờ phượng đến gần bản chất thực sự của chính mình hơn, thì nó cũng mang người ấy tới gần Bà La Môn hơn. Có một số người Ấn Độ Giáo cảm thấy trong đời họ đạt được tính chín chắn để thờ phượng trực tiếp Bà La Môn. Nhưng thường thường sự tôn sùng về tình thương yêu được tập trung vào một trong những vị thần cá nhân.

RAMAKRISHNA

Một trong những người Ấn Độ Giáo đáng chú ý thời gian mới đây là một người tên là Ramakrishna. Ông thờ phượng theo cung cách của tất cả ba con đường. Về mình ông tuyên bố, "Ai là Rama và Krisna bây giờ là Ramakrishna". Ông được coi là hóa thân của vị thần tối thượng Vishnu, cùng với hai dòng dõi siêu phàm rất đại chúng khác. Khi ông còn trẻ, ông bị người anh khiển trách vì không chuyên cần nghiên cứu để có thể đạt được kiếp sống như một thầy tu. Ramakrishna trả lời: "Và tôi sẽ phải làm gì với một kiến thức chỉ để kiếm cơm? Tôi muốn giành được sự thông thái có thể soi sáng tâm tôi và cho tôi niềm thỏa mãn mãi mãi."

Khi ông xây được một ngôi chùa do một góa phụ giàu có thiện cảm ủng hộ, Ramakrishna tiếp tục lối sống tận tụy nhất. Ông trở nên người sùng bái Kali, Thánh mẫu, tượng trưng trong văn hóa dân gian của người Hindu như phu nhân của thần Shiva. Ông đã vượt qua tất cả những nghi thức và nghi lễ thông thường hiểu được đời ông là sự bày tỏ lòng nhiệt thành tôn giáo mãnh liệt kiên trì

Ông bắt đầu thấy việc quan trọng là phải tiến tới mục tiêu tôn giáo mà tất cả các giáo phái Ấn Độ Giáo coi là quan trọng. Ông tôn thờ qua những phương pháp tập luyện tự kiểm soát Du Già, bằng sự khám phá ra ý nghĩa sâu sắc nhất về lạc thú, và bằng sự từ bỏ tất cả những thú vui vật chất, và qua lòng thương yêu Krishna thật mãnh liệt và sung sướng. Ông lần lượt áp dụng từng phương pháp và tiếp tục hành trì cho đến khi ông thành công trong việc thống nhất cái Ta với Bà La Môn.

Khi việc này đã xong, lòng nhiệt huyết của ông mang ông đến những cố gắng nhằm gạt hái những giá trị tinh thần của các tôn giáo khác. Ông lần lượt trở thành người Phật Tử, người Hồi Giáo, và người Cơ Đốc Giáo. Từ kinh nghiệm đó, ông trở nên tin rằng mục tiêu của tất cả tôn giáo đều giống

nhau. Một đoàn thể nhà sư được đặt tên Ramakrishna hoạt động ở Ấn Độ, và nhiều nơi khác trên thế giới gồm cả Hoa Kỳ. Người ta tưởng nhớ đến ông vì niềm tin của ông trong sự thống nhất tất cả tôn giáo và sự nhấn mạnh của ông về tầm quan trọng trong việc tìm cầu tinh thần.

NGƯỜI ẤN ĐỘ GIÁO THỜ PHỤỢNG QUA HÀNH VI THIỆN

Gần đây, người Ấn Độ Giáo ngày càng hướng nhìn ra thế giới bên ngoài. Ấn Độ đã bắt đầu xác định đúng vị trí của mình là một quốc gia quan trọng. Phong trào này đã được sự giúp đỡ rất nhiều bởi những cố gắng và cuộc đời của một người Ấn Độ Giáo rất sùng đạo -- Ngài Gandhi. Trước khi bị ám sát vào năm 1948, phần lớn thế giới bắt đầu trông đợi Mahatma Gandhi hướng dẫn cách áp dụng nguyên tắc tôn giáo vào tình hình chính trị. Phần lớn trong đời Ngài, Ngài đã dấn thân vào trong việc tranh đấu để cải thiện hoàn cảnh cho dân tộc Ấn. Ngài làm được rất nhiều cho quốc gia qua tuyệt thực, cầu nguyện, hội họp hơn là qua tuyên truyền, khủng bố và nổi loạn vũ trang. Khi cái chết của Ngài xảy ra do bàn tay của một người Ấn Độ Giáo cấp tiến không chịu nổi việc Ngài khẳng định rằng không được sử dụng bạo lực để chống lại người Hồi Giáo tại Ấn Độ.

Chính động lực tôn giáo đã làm cho đời Ngài trở thành tấm gương hấp dẫn cho triệu triệu người đồng đạo Ấn Độ Giáo của Ngài và là trung tâm của sự chú ý cho quần chúng khắp trên thế giới. Gandhi cảm thấy lối sống tốt nhất cho chính Ngài là lối sống của những hành vi thiện. Khi Ngài 34 tuổi, Ngài phát nguyện lời thề giữ trong sạch dù nghèo khổ. Ngài đã tận tâm phụng sự đồng bào của Ngài. Cho nên không một công việc nhỏ mọn nào là Ngài không làm. Mặc dù Ngài thuộc đẳng cấp buôn bán, Ngài đã bỏ tất cả những sự phân biệt đẳng cấp đẳng sau.

Chính khách thánh thiện này có một mơ ước là cố gắng làm cho thế giới chuyển mình. Thế giới lý tưởng, Ngài nghĩ, phải đạt cho được bằng phương tiện hòa bình chứ không phải bằng chiến tranh. Tất cả những tôn giáo, tất cả những cộng đồng, tất cả các dân tộc phải có đặc quyền đồng đều. Gandhi nhấn mạnh về chân lý và bất bạo động trong mỗi lĩnh vực cuộc đời. Trong sự nhấn mạnh của Ngài, Ngài tập trung ánh sáng mặt trời chân lý vào sự bất bình đẳng trong hệ thống đẳng cấp và tính không đẳng cấp, những giai cấp này được coi như một vết thương trên gương mặt Ấn Độ hiện đại.

Ngài đi đến chỗ cảm thấy rằng dân Ấn Độ bị tước đi quyền được hưởng nền văn hóa duy nhất của họ, cho nên Ngài khởi xướng phong trào dẫn đến

giành độc lập từ sự cai trị của người Anh. Những sự thay đổi ông thực hiện không có hiệu lực do môi trường của thói quen khổ hạnh: nhịn đói và tự hành xác để hồi lỗi và từ bỏ những tiện nghi vật chất. Quả thật Ngài không sống vì bản thân mình mà sống vì chân lý và bất bạo động.

Tiếng nói vì dân của Ngài hiệu quả đến nỗi chắc chắn một số tác phẩm của Ngài một ngày nào đó sẽ nằm trong số những tác phẩm thiêng liêng của Ấn Độ. Ngài được miêu tả bởi những đệ tử của Ngài như vị cứu tinh của dân tộc -- một thiên thần giáng thế. Về mình, Ngài đơn giản nói, "Tôi là người của hòa bình".

ẢNH HƯỞNG CỦA ẤN ĐỘ GIÁO

Chúng ta đã dành thời gian nhìn vào Ấn Độ Giáo và thấy: các thần và nữ thần, những hình ảnh và biểu tượng, những chùa chiền và những nơi thiêng liêng, những nghi thức và lễ vật. Chúng ta cũng ngưng lại để nhìn vào Ramakrishna và Gandhi, hai con người tinh thần vĩ đại đã giúp đỡ người ta lưu ý đến sự cần thiết của lối sống đạo lý. Bằng cách ấy, hai người này đã cải thiện tôn giáo và xứ sở của họ. Nơi nào tôn giáo tạo được sự khác biệt thực sự trong đời sống người dân, tôn giáo trở thành một lực lượng thực sự huy hoàng. Ấn Độ Giáo là một lực lượng như vậy. Một trong những tôn giáo cổ nhất trên thế giới -- một số người nói tôn giáo cổ nhất -- Ấn Độ Giáo đã có hàng thế kỷ giúp đỡ người dân trả lời những câu hỏi sâu xa nhất của họ.

Tôi thực ra là gì? Trong cái ngã bên trong của bạn, người Ấn Độ Giáo trả lời, bạn là một phần của Thượng Đế.

Đời tôi là gì? Người Ấn Độ Giáo trả lời đó là sự truy tìm cho đến khi tìm ra Thượng Đế trong chính bạn.

Làm sao tôi có thể có hạnh phúc? Chỉ khi bạn trở nên hiểu biết Thượng Đế, người Ấn Độ Giáo trả lời.

Làm sao tôi có thể biết được Thượng Đế? "Ai biết được chính mình sẽ biết Thượng Đế"

Cách thờ phượng nào là tốt nhất? Người Ấn Độ Giáo đã nói: Trâu bò có nhiều màu sắc, nhưng tất cả sữa của chúng giống nhau... hệ thống tín ngưỡng khác nhau, nhưng Thượng Đế chỉ là một."

CHƯƠNG HAI - PHẬT GIÁO

6. ĐỨC PHẬT HỎI VÀ TRẢ LỜI

Vào giữa thế kỷ thứ sáu trước Công Nguyên, nhiều người tại Ấn Độ đã bắt đầu sử dụng đường tắt trong tôn giáo được mô tả trong Chương trước về sự thờ phượng của người Ấn Độ Giáo. Nói chung đó là thời kỳ tan vỡ ảo tưởng. Chắc là vì người dân hoàn toàn vỡ mộng về cuộc sống, họ ngày càng sợ hãi đầu thai. Một số người quên cả câu hỏi nghiêm túc nhất là gì, trong nỗ lực điên cuồng để tự cứu lấy mình và ra khỏi 100,000 kiếp sống mà họ cảm thấy họ bị đọa. Mỹ thuật lúc đó cho thấy người dân quý bò, hươu nai, ngựa, lợn, khỉ và voi. Những người khác tự hành xác mình -- đứng nguyên một chỗ rất lâu, nhìn chăm chăm vào mặt trời Ấn Độ gay gắt, hay nuốt khói và lửa.

Nhiều thầy tu không giúp ích đặc biệt gì. Chính các thầy tu cũng bận tâm với con đường tắt trong đời sống tôn giáo. Họ không coi thiên hướng thầy tu của họ là quan trọng. Trong một bức tranh vào thời gian ấy, một vài con chó tượng trưng cho các thầy tu được đem trình bày trong một cuộc diễu hành lớn. Họ tụng lời cầu nguyện: "Om, hãy để cho chúng tôi ăn! Om, hãy mang thực phẩm cho chúng tôi! Vị Chúa tể của thực phẩm, hãy mang thực phẩm đến, hãy mang thực phẩm đến! (Om là từ tắt nhất để chỉ Thượng Đế). Người dân bày tỏ xa hơn nữa ý kiến thấp hèn về các thầy tu trong câu tục ngữ Ấn Độ: "Vishnu nhận những lời cầu nguyện khô khan, trong khi các thầy tu ăn ngấu nghiến các lễ vật".

Ấn Độ Giáo sau này giành lại được địa vị lãnh đạo tại Ấn, nhưng trong thời gian này, nhiều người không thể tìm ra câu trả lời thỏa mãn về những khó khăn xáo trộn trong đời sống. Vì sự bất toại nguyện này, chẳng mấy chốc có nhiều cải cách tôn giáo xuất hiện trong cố gắng giải thoát cho Ấn Độ Giáo khỏi tính nông cạn của nó. Một trong những cải cách này là sự khởi đầu của Phật Giáo.

THÁI TỬ CỒ ĐÀM

Vào thời điểm này, khi những người chín chắn nghi ngờ tôn giáo quê hương của họ, vị thái tử tên Gautama (Cồ Đàm) ra đời. Ngài là con một của tiểu vương Flinch giàu có thuộc đẳng cấp chiến binh, và cha mẹ Ngài hy vọng Ngài sẽ trở thành người trị vì đất nước. Cha Ngài sợ Ngài có thể làm những gì mà đẳng cấp cao đã làm -- trở thành người đi tìm đạo lý, hay người thoát ly khỏi kiếp trầm luân từ bỏ cuộc đời. Tham vọng to lớn là người con phải theo bước chân mình, người cha đã làm tất cả những gì có thể làm được để

bảo vệ Đức Cồ Đàm trước những ảnh hưởng có thể dẫn Ngài từ bỏ cuộc đời vương giả.

Vì nhiều huyền thoại về lúc thiếu thời, rất khó biết sự thực về Đức Cồ Đàm. Nhưng dường như rất rõ ràng Ngài là một thanh niên thông minh và thành thực, nhạy cảm đối với tất cả những biến chuyển chung quanh Ngài. Cũng có thể là vì sự nhạy cảm đó, mà cha Ngài cố gắng bảo vệ Ngài không muốn cho Ngài biết tội lỗi và bất hạnh tồn tại bên ngoài bức tường thành. Những câu chuyện cho chúng ta biết cha mẹ Ngài bao vây Ngài bằng lối sống xa hoa và tất cả thú vui vật chất. Cha mẹ Ngài muốn làm cho Ngài cảm thấy tất cả đời sống đều hạnh phúc và lạc thú, chẳng có lý do gì mà buồn hay thậm chí quá nghiêm trang -- Cha mẹ Ngài hy vọng Đức Cồ Đàm hoàn toàn chấp nhận đời sống vương giả, và sẽ không bao giờ nghi ngờ đến những khác biệt về cuộc đời của người khác.

Tuy nhiên, giống như mọi thanh niên, Đức Cồ Đàm muốn sống một cuộc đời theo cách riêng của mình bất chấp dự định của cha mẹ Ngài. Trong khi đi qua một công viên - theo chuyện kể lại -- Ngài nhìn thấy bốn việc in sâu vào ấn tượng của Ngài. Những sự việc này làm Ngài sững sốt hơn bất cứ kinh nghiệm nào trước đây mà Ngài đã từng trải qua.

Đầu tiên Ngài nhận thấy một người già nua run lẩy bẩy, răng rụng, tóc bạc, lưng còng, chống trên một cái gậy. Lần đầu tiên, Ngài hiểu ra là tuổi già đến với tất cả mọi người. Sau đó, Đức Cồ Đàm nhìn thấy một người bệnh, thật gớm ghiếc khi nhìn thấy. Đức Cồ Đàm trở nên choáng váng hơn, Ngài băn khoăn phải chặng trước sau ai cũng phải đau khổ. Một cảnh khó chịu thứ ba là một xác chết nằm bên vệ đường. Hiển nhiên là lần đầu tiên cái chết trở thành có thật đối với vị thái tử trẻ tuổi. Sau khi những cảnh này đã khiến cho thái tử suy nghĩ buồn rầu về cái vô thường của đời sống và sắc đẹp. Ngài tình cờ gặp một nhà sư, ăn mặc tề chỉnh với một vẻ mặt thanh thoát. Đó chính là lúc ý định rời đời sống hoàng cung trở thành thực sự đối với Đức Cồ Đàm.

Những huyền thoại cho biết cha Ngài đã cố gắng như thế nào để đánh lạc hướng thái tử về suy nghĩ nghiêm chỉnh đó. Những vũ nữ xinh đẹp được đưa vào hoàng cung để thái tử giải trí với những vũ điệu và ca nhạc. Cố gắng loại bỏ những suy nghĩ nghiêm trang của Ngài, những vũ nữ này ra sức nhảy múa cho đến khi gục ngã vì kiệt sức. Khi Đức Cồ Đàm nhận thấy sự biến đổi to lớn về bề ngoài của họ vì họ nằm trong những tư thế thô kệch khi ngã xuống, một lần nữa Ngài lại thấy sự buồn rầu và xấu xa của đời sống. Ngài

nhất quyết bỏ hoàng cung êm ấm ngay tức khắc. Mặc dù con nhỏ và người vợ trung thành, bất chấp sự canh phòng cẩn mật của lính canh của cha Ngài, Đức Cồ Đàm đã rời bỏ cung điện và tìm sự vắng vẻ trong rừng. Ngài đã không trở về qua nhiều năm và cho đến khi nhiều thay đổi đã xảy ra trong đời Ngài.

CÔNG CUỘC TÌM KIẾM CỦA ĐỨC CỒ ĐÀM

Đức Cồ Đàm đã rời bỏ cung điện với tâm tư tràn đầy câu hỏi: Đời sống là gì? Tại sao có sự bất hạnh? Trong những khu rừng Ấn Độ quanh quẽ và vô tận, Ngài đã tìm kiếm những người uyên bác có thể giúp Ngài tìm ra câu trả lời. Ngài hy vọng tìm được sự thỏa mãn mà Ngài nhìn thấy trên gương mặt nhà sư ngày nọ tại công viên. Vì dường như nhà sư đã tìm thấy sự thỏa mãn này trong đời sống tôn giáo, Ngài quyết định cũng tìm tôn giáo.

Trong vài năm Ngài đã học hỏi với những đạo sư giỏi nhất mà Ngài tìm thấy. Là một học trò giỏi, chẳng bao lâu Ngài đã có học thức bằng các vị đạo sư. Một trong các vị đạo sư, khâm phục sự hiểu biết của Ngài, mời Ngài ở lại cộng tác để dạy người khác. Nhưng Đức Cồ Đàm cảm thấy Ngài chưa thể dạy người khác khi Ngài chưa tìm ra câu trả lời mà chính Ngài đang tìm kiếm. Ngài biết rõ kinh sách, nhưng Ngài không tìm thấy sự thỏa mãn. Ngài biết tập luyện về Du Già, nhưng cũng không thấy hài lòng.

Ngài vẫn bị những câu hỏi nóng bỏng dày vò: Tại sao có bất hạnh? Làm sao con người được hạnh phúc?

Ngài chuyên cần hơn vào sự tu tập khổ hạnh. Ngài đã bỏ lại tất cả những lạc thú vật chất. Ngài buộc mình ăn càng ngày càng ít đi, và thiền định ngày càng nhiều hơn. Cuối cùng, huyền thoại cho biết, Ngài chỉ sống bằng một hột gạo một ngày, và bỏ tất cả thì giờ vào thiền định và nghiên cứu. Sau sáu năm kiên trì tìm kiếm và tích cực hy sinh, cái chết chỉ là gang tấc. Thế mà Ngài vẫn chưa tìm ra câu trả lời. Một hôm Ngài ngất đi vì gần chết đói.

Việc này chứng tỏ đỉnh điểm trong đời sống Đức Cồ Đàm, vì Ngài đã nhìn thấy tất cả sự vô ích về những cái mà Ngài đang làm. Nếu Ngài tiếp tục chủ nghĩa khổ hạnh, Ngài sẽ chết và không tìm ra câu trả lời. Điều mà Ngài đang làm, Ngài nhận định, quả là điên rồ như cố gắng buộc không khí thành nút. Ngài phải trực tiếp đi thẳng vào vấn đề.

Một vài người bạn theo Đức Cồ Đàm, ngưỡng mộ Ngài vì lòng nhiệt huyết tôn giáo của Ngài, khi thấy Ngài quyết định ăn trở lại bèn bỏ đi. Bây giờ

Ngài một mình lẻ loi với những tư tưởng của chính mình. Ngài ngồi dưới gốc cây và bắt đầu suy nghĩ về vấn đề bất hạnh và khổ đau. Quá bối rối sau sáu năm tìm kiếm giải pháp, Ngài quyết định tìm câu trả lời qua tư tưởng và thiền định trước khi rời bỏ nơi này.

ĐỨC CỒ ĐÀM TRỞ THÀNH PHẬT

Sau một ngày và gần một đêm, Ngài đã tìm thấy câu trả lời. Ngài đã trở thành giác ngộ với kiến thức mới. Ngài đã trở thành Phật "một người giác ngộ". Trong niềm vui về sự hiểu biết mới của Ngài, Ngài nói lớn, mặc dù tại đây không có người nào. Ngài nói ta không còn phải chịu bất hạnh của đời sống hiện tại và không còn phải tái sinh liên tiếp trong cuộc sống. Vì Ngài đã đạt được tuệ giác về sự đau khổ của con người -- bản chất của khổ đau, nguyên nhân, và sự chấm dứt khổ đau. Ngài đã thoát khỏi cái vòng bất tận của phiền não và khổ đau, thoát khỏi cảm giác của buồn phiền và chán ghét - được tự do sống.

Rồi Đức Phật Cồ Đàm băn khoăn ta phải làm gì. Ta có nên dạy người khác điều mà ta phát hiện sau nhiều năm tìm kiếm? Có người nào hiểu Ngài không? Ngài quyết định tin vui Ngài có được bây giờ phải được chia sẻ với những người sốt sắng tìm kiếm. Cho nên Ngài đi về Benares (Ba La Nại), nơi Ngài sẽ tìm lại năm người đồng tu với Ngài trước đây đã bỏ Ngài khi Ngài quyết định từ bỏ con đường khổ hạnh.

Họ là những người đầu tiên được nghe những điều mà Ngài đã khám phá ra. Bài pháp đầu tiên mà Ngài giảng cho họ được biết là Chuyển Pháp Luân. Bài pháp này nói về vấn đề khổ đau và cách vượt khổ đau. Những điểm mà Đức Phật nhấn mạnh đến trong bài pháp đầu tiên này, trong niềm vui phấn khích về sự tỉnh thức của Ngài, đã hình thành những khái niệm căn bản của Đạo Phật. Đạo Phật là tôn giáo của những người tìm sự tỉnh thức (giác ngộ).

CON ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO

Con đường mà Đức Phật Cồ Đàm tìm ra được miêu tả là "Trung Đạo" giữa những cực đoan. Những cực đoan phải tránh một mặt là đời sống quá ham mê nhục dục, và mặt khác là đời sống quá khổ hạnh. Cả hai cực đoan này dẫn đến mất quân bình trong cuộc sống. Cả hai cũng chẳng dẫn đến mục tiêu thực sự thoát khỏi khổ đau. Nhiều người chẳng bao giờ nhận ra quá ham mê sang giàu và thú nhục dục đã ảnh hưởng đến những câu hỏi và mục tiêu thực sự của họ. Một số người thấy cái tai hại của sự ham mê quá mức đã đi đến

chỗ coi bất cứ thứ gì đem lại khoái lạc là nguy hại. Cả hai nhóm đều phản ứng quá mạnh trước sự khao khát của nhân loại.

Đức Cồ Đàm khám phá ra chẳng cực đoan nào là khôn ngoan vì chẳng cực đoan nào mang lại hạnh phúc cả. Quá ham mê có cùng kết quả cuối cùng trên con người giống như để cho dây đàn vi ô lông quá trùng. Mặt khác tự hành xác cùng cực có kết quả giống như dây đàn vi ô lông quá căng đến mức phải đứt. Trong cả hai trường hợp đàn không kêu thích hợp. Không có âm thanh vì hoặc là quá trùng hoặc là quá căng. Chính vì thiếu hòa hợp hay hài hòa mà Đức Cồ Đàm coi đó là khổ đau của con người. Để giúp con người tìm ra sự hòa hợp bên trong chính họ và hòa hợp với vũ trụ mà Ngài bắt đầu dạy.

Trước thời Đức Phật Cồ Đàm, những nhà triết học Ấn dạy rằng con đường đi tới tự biết mình mỏng như lưỡi dao cạo. Đức Cồ Đàm khám phá ra ý nghĩa của điều này cho chính Ngài và nghĩ ra một con đường cụ thể hơn để dạy người khác. Tuy nhiên trong những lời dạy của Ngài, Ngài không bao giờ rời xa truyền thống Ấn Độ. Một số người và một số sách có cảm tưởng Đức Cồ Đàm cố gắng bắt đầu một tôn giáo mới, hoặc Ngài hoàn toàn không đồng ý với những đạo sư đương thời. Việc này không phải như vậy.

Đức Cồ Đàm chỉ đi vào sự nghiên cứu tìm tòi đạo lý với một câu hỏi khác: Điều gì đã khiến cho nhiều người không hạnh phúc? Ngài đã mang câu hỏi này đến các vị đạo sư giỏi nhất mà Ngài tìm gặp nhưng Ngài cũng không thể giải quyết được vấn đề với điều mà các đạo sư dạy Ngài. Vậy nên Ngài không còn ngưỡng mộ các triết gia chỉ nói về giải thoát khổ đau. Đức Cồ Đàm muốn nhắc nhở họ là họ đang chơi đùa với những chữ nghĩa. Ngài dặn bè bạn của Ngài đề phòng các trường phái triết lý, vì các vị đạo sư có khuynh hướng chỉ coi trọng những lời nói của mình.

Muốn tìm con đường Trung Đạo hòa hợp với cuộc sống, Đức Phật tuyên bố, mỗi người phải tự mình thận trọng tìm kiếm -- không nên bỏ thì giờ vào việc tranh cãi. Mỗi người phải thăm dò và trải nghiệm. Đức Phật nói, "người ta có thể đạt được hạnh phúc nếu thực hành việc tìm cầu".

---o0o---

7. TẠI SAO TÔI KHÔNG HẠNH PHÚC?

Ngay cả trẻ em cũng khổ đau. Khi chúng không thoải mái, chúng khóc. Khi chúng lớn hơn chúng tìm các cách khác để bày tỏ cái không thoải mái của

chúng. Nhưng không có vấn đề khổ đau với một em nhỏ vì em không thực sự nghĩ về việc ấy. Em chỉ phản ứng. Khổ đau trở thành vấn đề chỉ khi người ta tự hỏi, "Tại sao tôi đau khổ?" hay hầu hết chúng ta thường nói, "Tại sao tôi không hạnh phúc?"

Thường thường khi chúng ta ở khoảng 10 tuổi hay hơn một chút, ít nhất cũng có một vài dịp chúng ta khổ đau và cũng băn khoăn, "Tại sao sự đau khổ này?" Hiển nhiên, Đức Cồ Đàm không nảy ra câu hỏi này một cách nghiêm chỉnh đến khi Ngài vào khoảng ba mươi tuổi. Chắc là vì cha mẹ Ngài cố gắng ngăn chặn Ngài ném trái bất cứ gì không lạc thú.

Những thanh niên lớn lên trong môi trường được bảo hộ quá mức thường không biết đến việc phải đối mặt với bất hạnh thực sự. Con người có cá tính khác nhau, và nhịp độ thay đổi từ thiếu niên sang thanh niên cũng không ai giống ai. Nhưng trước sau, mỗi người đều phải đối mặt với câu hỏi về lý do khổ đau -- của chính mình và của người khác.

Toàn bộ sự đóng góp của Đức Cồ Đàm vào kiến thức nhân loại tập trung vào vấn đề đau đớn và bất hạnh. Kiến thức mới mà Ngài trở thành giác ngộ đêm đó dưới gốc cây, là lý do về khổ đau và cách vượt qua khổ đau. Bài pháp đầu tiên Ngài nói về kiến thức này với những người đồng tu với Ngài trước đây đã bỏ Ngài đi về Ba Lã Nại. Những điều Ngài đề cập đã trở thành những nguyên tắc chủ yếu của Đạo Phật ngay cả đời nay, và những nguyên tắc này được gọi là Tứ Diệu Đế. Chân lý thứ nhất mà Ngài cố gắng giải thích cho bạn Ngài là sự thật về khổ đau.

CHÂN LÝ CAO QUÝ THỨ NHẤT

Sinh là khổ; hoại là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sự hiện diện của những đối tượng mà ta ghét, sự chia lìa với những đối tượng mà ta yêu thích làm ta khổ, không đạt được mong muốn là khổ. Bám níu vào sự sống là khổ.

Khi nghiên cứu danh sách này, rõ ràng Đức Cồ Đàm nói về kinh nghiệm của mọi người chứ không phải kinh nghiệm của mình Ngài. Sinh nở thật không thoải mái cho cả mẹ lẫn con, tuy đứa trẻ dường như không ý thức được việc này. Sự ra đời một khái niệm mới, hay một "ngã" mới hay cá tính mới, cũng có thể rất đau đớn; vì những thói quen cũ và khái niệm cũ rất khó bỏ. Tàn tạ cũng đau đớn, dù là sự tàn tạ của một cái răng hay sa sút về đạo đức và niềm tin của con người. Ôm đau thật phiền toái, cả thể xác lẫn tinh thần. Cả cái chết lẫn nỗi sợ chết cho chính chúng ta hay cho người cũng là đau khổ. Sự hiện diện của đối tượng mà ta ghét hoặc sự vắng mặt của đối tượng mà ta

yêu cũng là một trải nghiệm đau khổ. Không đạt được điều mong muốn mà chúng ta đặt ra khiến chúng ta rất đau khổ. Và khi chúng ta có thêm nhiều hiểu biết về đời sống, chúng ta trở nên tỉnh thức rằng bám níu vào bất cứ gì có thể khiến chúng ta đau khổ.

Thật đáng tiếc là quá nhiều người nói rằng Đức Phật bi quan về đời sống hay Ngài nói tất cả đời sống là khổ đau. Nếu chúng ta giải thích xác đáng lời Ngài nói như đã được ghi lại thì điều đó không phải là điều Ngài nói. Ngài đã dạy rằng mọi thứ chứa đựng khả năng khổ đau; mỗi quãng đời có thể đưa đến sự không hòa hợp cho một người. Đức Phật không nói tất cả đời sống đều khổ đau.

Rõ ràng sự giải thích của Đức Cồ Đàm về khổ đau vượt qua cái khổ đau thể xác đơn thuần. Ngài nhấn mạnh nhất về cái khổ đau của tâm và những cảm xúc. Đây là cái bất hạnh sâu xa nhất. Đức Cồ Đàm tin rằng người không có hòa hợp trong cuộc sống cảm thấy cái khổ đau này. "Nếu tôi không hạnh phúc, đó là vì tôi không sống hòa hợp. Nếu tôi không sống hòa hợp, đó là vì tôi không biết cách chấp nhận thế giới là như thế. Có lẽ tôi đang mong muốn những thứ trên thế gian mà tôi không có quyền mong muốn. Có lẽ tôi đang bám níu quá mạnh vào một phần thế giới của tôi, bởi vậy mất sự tiếp xúc với toàn bộ bức tranh".

Đức Cồ Đàm cố gắng lấy điểm bắt đầu là thực tế kinh nghiệm có thật, mà không ai có thể nghi ngờ, và mỗi người có thể hiểu cho chính mình. Ngài nói, trong tất cả kinh nghiệm của con người, trừ phi có một sự hiểu thấu thực sự, có một yếu tố đau đớn. Ngài chuyển lời mời: "Hãy tìm hiểu cho chính mình nếu điều này không đúng với đời bạn". Ngài yêu cầu mỗi người hãy xem không phải chỉ có Ngài trong tình trạng khó khăn. Tất cả mọi người, vào lúc nào đó trong đời sống, phải đối mặt với sự thật chung này -- sự không hòa hợp của họ. Đó không phải chỉ là "bất hạnh của tôi"; đó là vấn đề mà tất cả con người đều có. Đức Cồ Đàm nhắc nhở bạn rằng "cái phiền não" của tôi là cái "phiền não của thế giới" -- và cái phiền não của thế giới là cái phiền não của tôi.

CHÂN LÝ CAO QUÝ THỨ HAI

Đức Cồ Đàm nói với đệ tử của Ngài, "Ta chỉ dạy hai điều, khổ đau và thoát khỏi khổ đau". Ngài giống như một bác sĩ đến khám bệnh nhân. Đầu tiên bác sĩ xem người bệnh cảm thấy thế nào. Rồi bác sĩ chẩn đoán nguyên nhân

của bệnh. Đức Cồ Đàm giống như một thầy thuốc giỏi, tiến vào Chân Lý Cao Quý Thứ Hai, nguyên nhân của khổ đau.

Đó là Chân Lý Cao Quý về nguồn gốc của khổ đau. Chính sự khao khát thèm muốn gây ra sự tái tạo những cái bắt đầu trở thành. Cái khao khát thèm muốn này đi kèm bởi khoái cảm nhục dục và tìm cầu thỏa mãn nơi đây, nơi kia. Nó mang dạng thức thèm muốn để làm vừa lòng giác quan, hay thèm muốn sự phát đạt.

Khổ đau là kết quả của thái độ lầm lẫn đối với thế giới và những kinh nghiệm của chúng ta trong thế giới. Thế giới không xấu, nhưng thái độ thèm muốn đã làm thế giới hình như xấu. Cái thèm muốn này, hay ham muốn thái quá làm chúng ta thành nô lệ cho bất cứ gì chúng ta thèm muốn. Ai ai cũng nhìn thấy nguyên lý này hoạt động -- thèm muốn ăn uống, thèm muốn nổi tiếng, thèm muốn thành công. Tất cả làm chúng ta mất tự do để lựa chọn một cách khôn ngoan. Điều mà Đức Phật Cồ Đàm muốn người ta thấy là ai thèm muốn thì không thể được tự do và bởi vậy không thể có hạnh phúc thực sự.

Quý vị có thể nói hồ như có hạnh phúc trong khi thực hiện mọi ham muốn. "Nếu tôi có mọi thứ tôi muốn và làm mọi thứ muốn làm, tôi sẽ hạnh phúc." Nhưng loại hạnh phúc đó lại là gây ông đập lưng ông, vì nó không đem thỏa mãn sâu xa hơn mục tiêu thực sự của con người. Chúng ta thường thấy người ngày càng lệ thuộc nhiều vào những niềm vui giả tạo vì họ thực sự sợ phải đối mặt với bất hạnh sâu xa hay bất an trong chính họ.

Đức Cồ Đàm khuyên mỗi người hãy tự mình tìm ra sự khác biệt giữa hai loại hạnh phúc. Và Ngài nói về những quan sát của chính Ngài.

Khi theo đuổi hạnh phúc, tôi nhận thấy những tính xấu phát triển và những tính tốt mất đi, vậy nên tránh loại hạnh phúc này. Và khi theo đuổi hạnh phúc, tôi nhận thấy tính xấu mất đi, và tính tốt phát triển, thì loại hạnh phúc này nên theo.

Ngài đưa ra thêm lời khuyên cho những người tìm cầu hạnh phúc. Ngài nói, thèm muốn dẫn đến bất hạnh gây ra bởi sự ngu muội về những nhu cầu thực sự của chúng ta. Nếu chúng ta không ngu muội như vậy, chúng ta sẽ không làm cho mình bất hạnh khi theo đuổi những thứ không bao giờ toại nguyện. Điều này đem chúng ta trở lại cùng câu hỏi đã được nêu lên qua nhiều thế kỷ trước đây bởi những người Ân Độ thông thái: "Tôi thực sự là ai?". Đức Cồ Đàm đồng ý với họ là con người không phải chỉ là cảm nghĩ và tư tưởng. Một người khôn ngoan bao giờ nói về bất cứ cảm nghĩ nào, "Điều này không

phải là tôi thực sự." Đức Phật dạy hoạt động đáng giá trong đời sống dẫn đến có nhiều kiến thức hơn về cái ngã thực sự, vì điều này đem hạnh phúc.

Những thứ mà con người thường ham thích không thỏa mãn nhu cầu thực sự của họ. Một câu chuyện Phật

Giáo kể lại, trong một cuộc hành trình, Đức Cồ Đàm tình cờ gặp 30 người đàn ông đang chạy. Ngài liền ngưng họ lại và hỏi họ gặp chuyện gì, và họ liền kể lại câu chuyện. Trong khi họ đang cùng nhau đi chơi và ăn ở ngoài trời, một trong những người bạn nữ của họ đã trốn đi cũng những tư trang của người khác nên những người này nóng lòng chạy đuổi theo người ăn cắp.

Đức Phật liền hỏi một câu: "Các bạn nghĩ xem điều nào tốt hơn -- đuổi theo người đàn bà hay đi tìm cái ngã?" Những người đàn ông này quyết định tìm cái ngã thực sự quan trọng hơn chạy theo đồ vật. Câu chuyện kể, những người này trở thành đệ tử của Đức Phật.

Giống như ba mươi thanh niên trẻ, chúng ta có thể phí phạm sức lực của chúng ta vào việc tìm kiếm vô bổ. Nếu chúng ta khôn ngoan, chúng ta ngưng lại và tự hỏi, "Cái gì thực sự đáng truy tìm?" Câu trả lời của Đức Cồ Đàm rất trực tiếp: Chúng ta phải tìm nguyên nhân của sự thèm muốn của chúng ta, rồi chúng ta tìm cách loại bỏ nguyên nhân.

CHÂN LÝ CAO QUÝ THỨ BA

Khổ đau chấm dứt với sự chấm dứt hoàn toàn thèm muốn.

Con người không phải làm nô lệ cho thèm muốn của mình, Đức Cồ Đàm nói như vậy. Người ta có thể làm một việc gì đó về bất hạnh của mình. Mỗi người có một sự lựa chọn về cách sống. Người ta có thể sống bằng những hoạt động đơn giản, không gây ra vấn đề thường lệ, những hoạt động này nảy sinh vì thèm muốn. Hay người ta có thể chọn sự phản ứng của mình trên cơ sở của mỗi trạng huống gặp phải. Trong trường hợp thứ nhất, người ta hành động do "nhu cầu" bề mặt, không biết về nhu cầu thực sự của mình. Trong trường hợp thứ hai, người ta có thể nhận thức được tiềm năng thực sự của mình. Sự lựa chọn tùy theo cá nhân, và do chính người ấy sẽ gặt hái kết quả.

Thí dụ, người ta có lần thấy rằng ăn thứ gì đó mình thích có thể khiến tâm trí người ấy thoát khỏi phiền toái. Sau này, dù người ấy có thể chọn cách ăn thứ

gì tốt mỗi lần cảm thấy không hạnh phúc. Nhưng loại hành xử đó có thể rất khó giải quyết vấn đề. Thực tế là người ấy chỉ thêm vào những phiền toái mà không biết, vì người ấy có thể mắc chứng khó tiêu và quá mập và đầy những vấn đề không bao giờ được giải quyết. Đó là loại tình huống mà Đức Cồ Đàm đang suy xét khi Ngài nói, "khao khát thèm muốn gây nên sự tái tạo của những cái bắt đầu trở thành" trong Chân Lý Cao Quý Thứ Hai của Ngài. Tránh vật lộn thực sự trong lòng với mỗi khó khăn, khi nó khiến cho mình vấp phải vấn đề mới do một vấn đề khác. Người ấy xây đắp vấn đề mới trên nền móng của tất cả những vấn đề chưa được giải quyết. Làm như vậy, người ấy tiếp tục tái tạo bất hạnh của mình.

Khi người ta gặp một vấn đề mới trong cùng một chiều hướng vô ích như vấn đề cũ, người ấy tạo ra những hành động vô ích và những thói quen bất thiện. Điều này có thể dẫn đến hạnh phúc trường cửu không? Đức Phật trả lời, không. Ngài nói, những hành động và những thói quen như vậy phát xuất từ những ham muốn không được xem xét và không có gì ngăn cản. Chúng dẫn đến giả tạng bất hạnh. Chúng cứ xuất hiện trong đời sống con người nhiều lần, trong những chiều hướng mới, và cả trong kiếp sống mới, theo giáo lý của Đức Phật.

Phật Tử giống như người Ấn Độ Giáo, tin tưởng vào tái sinh. Những hành động vô ích và những thói quen bất thiện phải được loại bỏ hay khắc phục trước khi có thể giải thoát khỏi cái vòng vô tận của kiếp sống cấu thành phần lớn khổ đau của con người. Đó là một phần mà Đức Cồ Đàm ý nói bởi câu "bám níu vào cuộc sống" trong Chân Lý Thứ Nhất của Ngài. Toàn bộ hệ thống tái sinh và tất cả bất hạnh có thể chấm dứt đối với một người khi người ấy chấm dứt sự thèm muốn không có gì ngăn ngại.

Sự khao khát, sự phẫn uất, sự mê đắm -- đây là những dấu ấn của thèm muốn. Những hành động phát xuất từ chúng dẫn đến bất hạnh. Hạnh phúc đạt được bằng cách chấm dứt thèm muốn. Xây dựng tính nết con người hôm nay quyết định hạnh phúc người ấy sẽ đạt được ở ngày mai. Người Phật tử có thể nói thêm rằng loại cuộc đời mà người ta sống hôm nay quyết định một phần vận hội hạnh phúc ở kiếp luân hồi tới. Người Phật Tử không nói "một người" hay một "linh hồn" -- ngay cả đến Cái Ta Ấn Độ Giáo -- khi chuyển qua kiếp khác. Chính ảnh hưởng của kiếp quá khứ tái sinh vào kiếp tới. Khi một đứa trẻ đến tuổi trưởng thành, chúng ta biết ảnh hưởng từ lúc nhỏ của nó quyết định phần lớn việc nó trở thành loại người trưởng thành nào. Người Phật Tử cũng nói thêm rằng điều gì đúng trong một kiếp sống thì

sẽ đúng cho tất cả các kiếp sống có thể hiểu được, vì kiếp sống trần gian này chỉ là một đoạn trong nhiều đoạn khác.

Ta có thể thấy khó mà hiểu được lý thuyết Phật giáo về những ảnh hưởng quá khứ và sự luân hồi kéo dài qua nhiều kiếp sống. Nhưng rất dễ thấy rằng một lý thuyết như vậy đóng góp vào sự hiểu biết của chúng ta về kiếp sống của mình bây giờ. Những gì mà chúng ta là hôm nay được quyết định bởi mọi thứ đã đi vào quá khứ của ta, kể cả lịch sử nhân loại. Chúng ta sẽ là gì ngày mai được quyết định ở hôm nay bởi sự lựa chọn của chúng ta. Người Phật Tử nói, chúng ta sẽ có sự lựa chọn tốt nhất khi chúng ta chọn lựa một cách thận trọng, khắc phục tính ích kỷ và những dục vọng mãnh liệt.

---o0o---

8. LÀM SAO TÔI CÓ THỂ TÌM THẤY HẠNH PHÚC?

Nếu Đức Phật Cồ Đàm chỉ nói, "Chấm dứt những dục vọng dẫn đến bất hạnh, thì tức là Ngài đã không để lại cho các đệ tử của Ngài một sự giúp đỡ thực sự nào. May mắn là Ngài không ngừng lại việc dạy bảo bằng lời khuyên. Ngài hiểu hầu hết mọi người cần được giúp đỡ để biết cách ngăn chặn thêm muốn. Bài thuyết giảng đầu tiên của Ngài kết thúc với Tứ Diệu Đế quan trọng. Đưa ra lời tuyên bố cuối cùng về chân lý mà Ngài đã khám phá ra, Đức Cồ Đàm mô tả phương pháp mà con người có thể ngăn chặn thêm muốn. Từ thời Đức Phật Cồ Đàm, phương pháp này được gọi là "Bát Chánh Đạo". Tám bước này là phương pháp đặc trưng mà Đức Cồ Đàm đề nghị cho con người để tự giải thoát khỏi những nanh vuốt của dục vọng của chính mình.

(1) Chánh Kiến

Đức Cồ Đàm nói, bước thứ nhất tiến tới hạnh phúc là quan điểm đúng (chánh kiến) về bất hạnh. Trước khi có tiến bộ, người ta phải nhìn vào vấn đề xem vấn đề đó là gì. Khi thấy chính sự không hiểu biết của mình về những sự việc có thật trong đời mình đã gây ra phiền toái, và khi chấp nhận trách nhiệm về phiền toái ấy, thì ta đã đi vào con đường đúng. Đức Cồ Đàm không cho rằng Ngài đã tìm ra con đường độc đáo đi tới hạnh phúc. Ngài miêu tả con đường đó đã có từ xưa. Nhưng Ngài cảm thấy đa số người ta không ý thức được con đường này.

Đức Cồ Đàm nói, chừng nào chúng ta nhìn đời từ quan điểm sai lầm (tà kiến) chúng ta còn tiếp tục tham dục những thứ mà ta tưởng rằng những thứ

đó làm chúng ta hạnh phúc. Đó là con đường tự lừa dối mình. Chúng ta phải học cách nhìn cho chính mình tại sao có ảo tưởng. Rồi chúng ta sẵn sàng đi vào bước thứ hai mà Đức Cồ Đàm gọi là chánh tư duy (khát vọng đúng).

(2) Chánh Tư Duy

Mọi người đều khao khát một cái gì đó. Cái khó khăn là hầu hết chúng ta, trong hoàn cảnh tinh thần và tình cảm rối rắm, đã khao khát những điều sai trái. Chúng ta đã không tập trung khao khát và nỗ lực của chúng ta vào mục tiêu đáng giá. Nhưng khi chúng ta từ bỏ những giá trị sai lầm dẫn chúng ta tới bất hạnh, chúng ta sẵn sàng chọn giá trị thực sự. Đức Phật vạch rõ lòng tốt và tình thương là chân giá trị. Những giá trị ấy chỉ có thể đạt được khi người ta vượt qua được vấn đề quan tâm đầu tiên của mình là cái "Ta", "Tôi" và "Của Tôi". Chỉ sau khi thôi không còn cho mình là trung tâm thì lòng tốt và tình thương chân thật xuất hiện ở mức tự phát và tự do.

Hai bước đầu tiên của Đức Phật trên con đường Trung đạo nói về tầm quan trọng của việc cải thiện thái độ. Ba bước kế tiếp nói về loại hạnh kiểm phải bắt nguồn từ thái độ đúng.

(3) Chánh Ngữ

Bước thứ ba là chánh ngữ. Người đi theo con đường Bát Chánh Đạo của Đức Phật thì không còn thích thú thị phi, phi báng, và lăng mạ hay chuyện vu vơ. Lời nói nặng sẽ được kiểm soát, ân cần và thận trọng, vì nó xuất phát từ thái độ tử tế đối với người khác. Một số người phạm tội do điều mà họ nói còn tồi tệ hơn cả những kẻ phạm tội chai lì làm. Đức Phật công nhận, giống như những nhà tâm lý học hiện đại công nhận, đây là một chương ngại cho sự trưởng thành chân chính.

(4) Chánh Nghiệp (Hành Xử Đúng)

Bước kế tiếp trong Bát Chánh Đạo của Đức Phật là bước quan trọng của chánh nghiệp. Đức Phật không mô tả tường tận phạm vi của bước này. Nhưng những đệ tử của Ngài đã từng bước thảo một danh sách những gì ta không nên làm. Một bản liệt kê tiêu biểu nói không được giết, trộm cắp, tà dâm, nói dối hay dùng các chất say. Tuy nhiên, những lời dạy bảo cấm đoán này có liên quan đến tầm quan trọng về hành xử mà Đức Cồ Đàm nói. Ngài biết rằng khuyến khích người ta làm một số điều quan trọng hơn là ra lệnh cho họ không được làm này nọ.

Đối với Đức Cồ Đàm, chánh nghiệp (hành xử đúng) có nghĩa là tình thương. Đức Cồ Đàm dạy rằng "tất cả những gì chúng ta có chính là kết quả những gì mà chúng ta nghĩ". Cho nên chúng ta không nên chứa chấp những cảm nghĩ của oán giận hay thù hận. Cảm nghĩ và tư tưởng làm hỏng cơ hội được hạnh phúc như hành động. "Nó hành hạ tôi, nó đánh bại tôi, nó làm tôi tiêu tan, nó cướp đoạt tôi -- ở những người chứa chấp những tư tưởng ấy, thù hận không bao giờ chấm dứt," Đức Cồ Đàm cảnh báo chúng ta. Vì Ngài khám phá ra rằng bất cứ lúc nào "hận thù cũng không chấm dứt hận thù, hận thù chỉ chấm dứt bằng tình thương". Và Ngài nói trong một dịp khác, "Hãy để cho con người vượt qua giận dữ bằng tình thương, hãy để cho con người khắc phục tội lỗi bằng điều thiện."

Đức Cồ Đàm thường nói với bạn bè rằng ngay cả khi bị đánh đập vũ phu, hoặc bị lăng mạ hay bị đánh bằng gậy gộc, bị ném đá, cũng không nên đánh lại hay có những tư tưởng hận thù. "Nếu ai chửi rửa bạn, bạn phải dẹp đi tư tưởng hận thù, và quyết tâm, 'Tâm ta sẽ không bị xáo trộn và không một lời giận dữ nào sẽ thoát ra từ môi chúng ta. Tôi vẫn tử tế và thân hữu và có những tư tưởng thương yêu và không thù oán giầu giém nào.' Nếu bạn bị đánh bằng quả đấm, bằng đá, bằng gậy gộc, bằng gươm, bạn phải ném tư tưởng hận thù và gìn giữ tâm bạn với lòng thương yêu không có một thù oán giầu giém nào."

(5) Chánh Mạng

Đối với một người thực sự tha thiết tìm cầu chân hạnh phúc, bước thứ năm là một bước kế tiếp hợp lý. Đó là kế sinh nhai đúng (chánh mạng). Đức Cồ Đàm tin rằng, có một số công việc mà người ta làm không thể không làm hại nghiêm trọng chính mình và người khác. Bất cứ một công việc nào làm tổn thương sự sống dưới bất cứ hình thức nào cũng không nên theo. Với người Phật Tử, việc làm ăn này gồm có: nghề đồ tể, người bán độc dược (ma túy, các chất say, và tương tự), buôn bán nô lệ, hay người chủ nô lệ. Ta không nên tham gia vào việc cất rượu hay phân phối rượu. Cũng chẳng nên làm quân nhân.

Điều này trái ngược hẳn với giáo lý của Ấn Độ Giáo mà Đức Cồ Đàm rất quen thuộc. Người Ấn Độ Giáo tin rằng một người sinh ra để làm nghề nghiệp thích đáng của mình. Nhưng Đức Phật tin rằng ta không nên cản trở người khác tìm cách thích ứng vừa ý nhất với cuộc sống. Vì thế, người ta có thể phải thay đổi nghề nghiệp. Chính Đức Phật có chung quanh Ngài những người đã từ bỏ đời sống gia đình và nghề nghiệp thường lệ để đi vào lối sống

tu viện. Ngài cho rằng lý tưởng là tất cả những người thành thật tìm cầu đạo lý đều làm như vậy. Bằng cách đó, chắc chắn họ sẽ tìm được sự thỏa mãn lâu dài. Tuy nhiên sau này một đoàn thể cư sĩ được thành lập. Qua nhiều năm, ngày càng nhiều những người Phật Tử tiếp tục sống với gia đình, tìm những công việc thích hợp, hơn là bỏ lại những thứ như vậy để vào tu viện.

(6) Chánh Tinh Tấn

Bước thứ sáu là một bước vượt quá tầm mức hạnh kiểm. Ấy là Chánh Tinh Tấn, và đối với Đức Phật, những từ này có một ý nghĩa đặc biệt. Chánh Tinh Tấn có nghĩa là ta phải tìm cho chính mình một tốc độ riêng trên con đường Bát Chánh Đạo đi tới chân hạnh phúc. Người tìm cầu đạo lý không hành động quá chậm chạp hay quá vội vàng. Không có hạnh phúc nào đạt được trong cố gắng bắt kịp người khác. Bạn chính là bạn, có nhu cầu của riêng bạn và nhịp độ của chính bạn. Nhiệm vụ học hỏi để biết những cái ngã thực sự của chúng ta là học cách đi ở tốc độ tốt nhất.

(7) Chánh Niệm

Bước Thứ Bảy của Đức Cô Đàm là Chánh Niệm. Ngài tuyên bố rằng chính tâm dẫn con người vào hầu hết đời sống bất hòa. Đức Phật cho rằng, dục vọng thể chất làm quẫn trí, nhưng thường là vì tưởng tượng mạnh mẽ tạo quá nhiều dục vọng. Thèm muốn ăn uống tự nó không làm người ta bất hạnh. Bất hạnh phát triển khi ăn quá nhiều hay quá ham muốn ăn uống. Một phần của chánh niệm có nghĩa là học cách nghiên cứu dục vọng thể chất và tất cả mọi thứ khác xem chúng thực sự là gì không phải như tưởng tượng làm chúng biến thành.

Mục đích của Đức Phật là dạy con người rằng những đối tượng lôi cuốn giác quan có sức mạnh làm chúng ta không hạnh phúc vì chúng có thể dẫn đến tham dục thái quá. Ngài thấy rằng những người đàn ông bình thường có thói quen "lý tưởng hóa" phụ nữ. Ngài dặn dò các đệ tử của Ngài hãy vượt qua thói quen nô lệ về bộ mặt đẹp. Chuyện được kể lại về một người lữ khách một lần hỏi một nhà sư Phật Giáo, "Xin Ngài cho biết, Ngài có trông thấy một phụ nữ đi bộ dọc theo con đường này không?" Nhà sư trả lời, "Tôi không thể nói liệu đó là một phụ nữ hay nam giới đi qua con đường này. Điều mà tôi biết là một bộ xương đi qua con đường này". Đó là Chánh Niệm Phật Giáo dẫn tới chỗ cực đoan.

Đức Phật Cô Đàm hy vọng những người hành trì Bát Chánh Đạo sẽ phát triển tính bình tĩnh trong việc tìm cầu hạnh phúc. Bằng cách đó, mỗi người

hãy học cách lùi xa khỏi chính mình và quan sát những đam mê của chính mình mà không bị kích thích như khi nhìn các vì sao trên trời. Mỗi người phải tập coi những xúc cảm của mình xem chúng là gì, cả bên ngoài lẫn bên trong. Vấn đề này nhắc đến cả cảm nghĩ đau đớn lẫn cảm nghĩ vui sướng. Nhà sư Phật Giáo cố gắng luôn nhớ rằng cảm nghĩ tồn tại rất ngắn ngủi, nó đến rồi đi. Bằng cách này nhà sư có thể giữ vững mình không bị xáo trộn bởi cảm xúc, không thèm muốn, hay bám níu vào thứ gì. Những ai có thể chấp nhận cảm nghĩ của mình trong một cách khách quan này, sẽ ít bị xúc động bởi những thứ đó.

(8) Chánh Định

Bước cuối cùng của Bát Chánh Đạo được gọi là Chánh Định. Đức Cồ Đàm tán thán một số tập luyện Du Già đang thịnh hành vào thời Ngài. Tuy rằng Ngài không tìm thấy trong Du Già câu trả lời đầy đủ trước câu hỏi của Ngài về Bát Hạnh, Ngài đã được giúp đỡ bởi sự tu tập này để "an" tâm. Cho nên Ngài nói với các đệ tử của Ngài về giá trị của sự tu tập này.

Sự tập luyện Du Già được dạy cho từng cá nhân. Nó liên quan đến việc học cách lắng được những vọng tưởng của tâm cho đến khi người đó có thể đi thẳng vào kiến thức về nhu cầu thực sự của mình. Sự định tâm này do Đức Cồ Đàm chỉ dạy không phải là một tiến trình lập luận hay lô gic học. Nó là một cách hiểu biết khác -- bằng tuệ giác hay trực giác. Vì Đức Cồ Đàm công nhận con người thay đổi nhiều về tính khí, Ngài đưa ra nhiều kiểu huấn luyện tâm để Chánh Định. Những phương cách này được phát triển bởi đệ tử của Ngài trong việc tu tập Du Già vẫn quan trọng đối với những Phật Tử nhiệt tâm ngày nay.

NIẾT BÀN

Đức Cồ Đàm nhấn mạnh người hành trì nghiêm túc Bát Chánh Đạo sẽ đạt được Niết Bàn. Nghĩa hẹp của Niết Bàn là sự dập tắt thèm muốn, hận thù và tham lam. Như chúng ta đã thấy, đối với Đức Phật, sự dập tắt thèm muốn, và những thái độ không thích hợp là chân hạnh phúc. Niết Bàn có một nghĩa khác rất quan trọng đối với hầu hết các Phật Tử. Đó là thoát khỏi tất cả luân hồi trong tương lai, thoát khỏi "Vòng Trở Thành".

Vì người Phật Tử không nói đến linh hồn hay Cái Ta, cho nên họ ngần ngại nói về Đấng Tối Thượng như Phạm Thiên. Họ cảm thấy những vấn đề này không thể xác định chắc chắn được. Họ cho rằng, nói suông không quan trọng. Hiểu biết và tìm hiểu mới quan trọng. Nhưng dù có hay không có một

linh hồn hay đấng Tối Thượng người Phật Tử tin có tái sinh. Vì những ảnh hưởng và các khuynh hướng thói quen của kiếp này sẽ tiếp tục tự tái sinh dưới hình thức này hay hình thức khác trong thời gian không hạn định của tương lai.

Niết Bàn không phải là nơi chốn. Nó là một trạng thái của tâm. Niết bàn đạt được sau những trầm tư nghiêm túc và nỗ lực mãnh liệt. Trầm tư là một trong những công đức chính của Người Phật Tử. Vô tư đáng trách. Người Phật Tử so sánh người vô tư với con khỉ cuồng nhiệt tìm kiếm thức ăn trong rừng.

Niết Bàn không có nghĩa là mất ý thức cá nhân vào lúc chết, vì Đức Cồ Đàm đã đạt niết bàn, và đã bỏ nhiều năm cố gắng giúp người khác đạt Niết Bàn. Tuy nhiên người Phật Tử sớm thấy cần nói về Niết Bàn tối hậu. Niết Bàn này có thể đạt được sau khi chết. Họ gọi đó là Parinirvana (Vô dư niết bàn).

Một người thực sự hạnh phúc là người đã đem cả tư tưởng và nỗ lực cần thiết để thực hiện Niết Bàn. Đức Phật không kính trọng chức tước hay đẳng cấp -- ngay cả đến những đẳng cấp thượng lưu của Ấn Độ. Ngài nói người ta không thể tiến tới hạnh phúc bằng dòng dõi gia đình mà người ấy được sinh ra. Phải chăng chính Ngài đã sinh ra không phải là một Thái Tử, thế mà có lúc Ngài đã từng là người bất hạnh nhất trong những người bất hạnh? Không phải bởi dòng dõi, không phải bởi của cải, mà là người ta phải khám phá ra cách vượt qua khổ đau. Bằng tìm cách vượt qua tham dục bất thiện, bằng cách duy trì việc tu tập Bát Chánh Đạo, bằng kiến thức của chính mình -- bằng những thứ này, ta đạt được hạnh phúc trường cửu.

---o0o---

9. CON ĐƯỜNG NÀO TÔI PHẢI ĐI?

Ngày này một phần năm người trên thế giới là Phật Tử. Chuyện về tôn giáo của họ quay về từ ngày Đức Cồ Đàm ngồi dưới gốc cây Bồ Đề và đứng lên với sự hiểu biết mới về đời sống. Phật giáo bắt đầu khi năm đệ tử của Đức Cồ Đàm nghe Ngài kể về kinh nghiệm của Ngài. Năm người này lại trở thành đệ tử của Ngài, lần này với quyết tâm thực sự. Nếu họ giữ những tin tức tốt đẹp này cho mình họ thôi, thì Phật Giáo đã không bao giờ bắt đầu được. Có thể nói là họ vui vẻ kể lại tất cả những gì họ nghe được. Số đệ tử của "vị Giác Ngộ" từ từ phát triển

Đức Cồ Đàm đã dành phần cuộc đời dài còn lại của Ngài vào việc giảng dạy và tổ chức các nhóm đệ tử của Ngài. Cuối cùng, khi Ngài trên 80 tuổi, Ngài từ trần. Những đệ tử buồn bã của Ngài tiếp tục hội họp và nghiên cứu, đồng thời cùng nhau hành thiền tưởng nhớ đến những lời dạy và các cuộc hội họp của Ngài. Đầu tiên họ theo sát giáo lý của Ngài. Họ cho thấy sức mạnh ảnh hưởng của Ngài bằng cách duy trì những điều mà họ phải làm giá như Ngài vẫn còn sống với họ.

Dần dà một số bắt đầu thấy và trình bày những điều nhắc họ về bậc thầy của họ. Những điều này trở thành các biểu tượng của Phật Giáo. Cây Bồ Đề, "Cây Trí Tuệ", nhắc nhở người Phật Tử nhớ đến sự giác ngộ của Ngài. Bông sen nở nhắc nhở bất cứ ai cũng có thể hướng thượng, tinh khiết trước bất cứ gì bao quanh. Bánh xe luân hồi Phật Giáo là sự tưởng nhớ đến bài pháp đầu tiên về chân lý bất diệt và cái vòng vô tận của sự trở thành. Những nhà sư quay bánh xe là biểu tượng để định luật của việc đưa chân lý bất diệt vào sự chuyển động.

Có lúc trong những năm đầu Ngài nhập diệt, đệ tử của Đức Cồ Đàm viết những lời Ngài nói và lời dạy của Ngài chia thành ba tạng. Kinh sách này được gọi là Tam Tạng Kinh Điển có nghĩa là "ba tạng chứa". Những vị đạo sư Phật Giáo quan trọng khác giải thích một số các kinh tạng này. Họ cũng nói những điều mà người Phật Tử mong ước nhớ lại. Có những điều được thêm vào kinh thánh.

Dần dà, những người đệ tử của Đức Cồ Đàm bắt đầu có ý kiến khác nhau về những gì là quan trọng nhất trong sự tìm cầu hiểu biết về đời sống. Những sự bất đồng ý kiến lúc đầu nảy sinh và phát triển thành hai tông phái lớn. Tông phái Phật Giáo tự cho rằng thay đổi ít so với hình thái giáo lý của Đức Phật là Tiểu Thừa hay Nam Tông. Tiểu Thừa Phật Tử, phần lớn cư ngụ tại Thái Lan, Ceylon, và Miến Điện. Tông Phái lớn hơn là Đại Thừa hay Bắc Tông Phật Giáo phát triển tại vùng rộng lớn của Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, và Tây Tạng.

Hai thuật ngữ này có một ý nghĩa lý thú. Tiểu Thừa có nghĩa là "cỗ xe nhỏ" và một số ít người có thể thoát khỏi đời sống khổ đau bằng giới luật nghiêm ngặt. Đại Thừa có nghĩa "cỗ xe lớn" và có nghĩa nhiều người có thể làm tròn nhiệm vụ đòi hỏi trên con đường giải thoát.

Cả hai tông phái này không phải là một lực chính trong đời sống tôn giáo Ấn Độ, quê mẹ của Phật Giáo. Một thời gian dài sau khi Đức Cồ Đàm nhập diệt,

người dân nhìn nhận Phật Giáo như một tôn giáo riêng rẽ tách khỏi Ấn Độ Giáo. Sau khi các nhà sư truyền giáo mang lý tưởng Phật Giáo đến những vùng đất khác, người dân Ấn dần dần bắt đầu bác bỏ lý tưởng này như một tôn giáo riêng rẽ, vì hầu hết giáo lý ấy không bao gồm một số khái niệm và tu tập đã là một phần truyền thống và xã hội của họ từ nhiều thế kỷ. Vì một số khái niệm của Đức Phật được hành trì bởi một số Ấn Độ Giáo, ảnh hưởng của vị hoàng tử cao quý, thâm trầm vẫn tồn tại tại ở Ấn Độ hiện đại. Tuy nhiên sự đóng góp của Đức Phật vào chân lý tôn giáo phát triển rộng lớn ở các vùng đất khác. Và trong những vùng đất khác này của Viễn Đông, Phật Giáo đã đạt được nhiều vinh quang tràn đầy.

TIÊU THỪA PHẬT GIÁO: CON ĐƯỜNG CỦA TỰ LỰC

Ở Thái Lan, Ceylon và Miến Điện, có nhiều Phật Tử thuần thành, họ tự tin vào lời sống dạy bởi vị giáo chủ, Đức Cồ Đàm. Nền tảng cơ bản trong niềm tin của họ là ta chịu trách nhiệm về sự cứu độ của mình. Quá khứ, hiện tại, tương lai của mình -- tất cả đều do chính mình. Như Đức Phật dạy, họ tin như vậy. Không có thần thánh nào sắp xếp sự cứu độ này. Không ai có thể làm việc đó cho mình.

Người Phật Tử Tiêu Thừa mộ đạo thực sự là A La Hán mà bốn phạm đầu tiên là tự cứu độ. Người ấy hành trì chuyên cần để giải thoát khỏi phiền não của nhiều kiếp. Người ấy tự mình dần thân vào sự tìm cầu giải thoát bằng cách tập trung vào lời dạy và triết lý từ giáo lý của Đức Cồ Đàm. Những nhu cầu về vật chất như ăn, ở, và quần áo đều hạn chế đến mức tối thiểu. Cả đến những thứ này cũng thường được tiếp tế bởi các tín đồ khác, những người không thể phá tất cả những ràng buộc theo cách A La Hán làm. Họ hy vọng giành được công đức do sự giúp đỡ A La Hán.

Giống như tất cả các tôn giáo khác, có một số ít người có thể và đặt mọi thứ khác đứng sau việc tìm cầu đạo lý. Công nhận sự thật này, những nhà sư dạy dân chúng không có cách nào khác hơn là học hỏi chân lý mà Đức Phật dạy cho họ. Không có thầy tu trong cộng đồng Phật Giáo Tiêu Thừa nhưng có một đoàn thể tăng già tích cực. Họ dạy dân chúng điều họ coi là thiết yếu: phát triển tinh thần hàng ngày và bày tỏ lòng khả ái đối với mọi thứ. Những người Phật Tử ngày nay học hỏi điều Đức Cồ Đàm dạy cho người cư sĩ đã tập trung đông đảo để học tập giáo lý từ Ngài. Họ được yêu cầu giữ năm giới đầu tiên của đoàn thể tăng già cổ xưa. Họ cũng được dạy tụng lời nguyện Phật Giáo rất phổ biến về "Qui Y "

Tôi qui y Phật
Tôi qui y Pháp
Tôi qui y Tăng

Những lời dạy của các nhà sư truyền bá khắp các vùng đất Tiểu Thừa Phật Giáo vì hầu hết tất cả thanh niên trẻ đều tu học một thời gian trong các tu viện như một phần học hành của họ. Nơi đây họ tham dự vào phần nghiên cứu vào những buổi lễ tôn giáo, trong thiền hành và tất cả các hoạt động khác của tu viện. Những nhà sư dạy họ nhấn mạnh vào khái niệm quan trọng nhất trong Phật Giáo Tiểu Thừa -- đó là họ phải học để chịu trách nhiệm về sự phát triển đạo lý của mình. Họ được khuyến khích nghiên cứu và đặt thành vấn đề các truyền thống đạo lý. Họ sẽ không chấp nhận lý thuyết hay tu tập không giúp ích gì cho việc tìm cầu đạt Niết Bàn. Họ học hỏi những giá trị của sự tự chủ và ôn hòa trong tất cả mọi sự việc.

Sau việc học hành như vậy, một số thiếu niên quyết định xin được thọ giới và sống như một nhà sư trong suốt cuộc đời còn lại. Mọi người vui với chiều hướng của biến chuyển này, vì tất cả các tín đồ cảm thấy đó là con đường duy nhất bảo đảm sự giải thoát khỏi cái vòng vô tận đau khổ của kiếp sống. Tuy nhiên, gia đình buồn phiền vì rút cục là mất đứa con, tự an ủi bằng cách nhớ rằng không nên bám níu quá nhiều vào bất cứ thứ gì. Họ biết rằng đứa con trai ấy đang làm việc để đạt Niết Bàn. Có những cuộc lễ long trọng để đánh dấu những nguyện sống cuộc đời tu viện. Các chàng trai làm lớn chuyện Từ Bỏ Vĩ Đại mà Đức Cồ Đàm đã làm, từ bỏ gia đình và vương quốc, khoác áo nhà sư và mang bình bát khát thực, quyết tâm đi tìm sự giải thoát.

Người Phật Tử tin rằng những lời dạy của Đức Cồ Đàm vẫn áp dụng cho đời sống ở thế kỷ hai mươi vì giáo lý ấy xuất phát thẳng từ sự vật lộn với cuộc đời của Đức Cồ Đàm. Vì trí tuệ của Ngài đạt được trực tiếp từ cái xảy ra cho Ngài chứ không phải do sách vở, ngày nay những người Phật Tử Tiểu Thừa được khuyến khích đi theo cùng loại tiến trình học tập Ngài đã làm. Hầu hết họ xác quyết vị giáo chủ của họ rất đúng về sự hiểu biết bản chất của phiền não và cách để vượt qua nó. Cho nên người Phật Tử hết thế này đến thế hệ khác thấy giáo lý cổ xưa vẫn giá trị. Đó là lý do tại sao những người Phật Tử Tiểu Thừa ngày nay vẫn rất gần gũi với tinh thần của những người Phật Tử lúc phôi thai ở Ấn Độ cổ xưa.

Giống như hầu hết các tôn giáo, Phật Giáo Tiểu Thừa đã cùng hòa hợp với người dân lâu đời đến nỗi một số tập tục xã hội ngày nay dường như là một

phần của tôn giáo này. Cả đến trẻ em cũng được dạy sự cần tự chủ, kính trọng Phương Đông và sự thờ kính cha mẹ, giản dị trang nhã về con người và nhà cửa, sự thanh thản về xúc cảm và cư xử. Trong một số nhà và chùa có các thần tượng hay những tượng Phật, ngoài ra người ta đặt những bông hoa trắng tượng trưng sự tôn kính.

Trần đầy tất cả những công trình xây dựng nhiều màu sắc nhưng yên tĩnh của Phật Giáo Tiểu Thừa là những khái niệm thiết yếu. Con người tự mình phải hiểu biết về sự giải thoát của chính mình, hãy bắt đầu ngay từ bây giờ. Người ấy phải tỏ ra đồng cảm và hòa thuận trong các cuộc tiếp xúc với tất cả chúng sinh. Người ấy phải học cách kiểm soát tất cả tư tưởng và hành động của mình, vì đây là những thứ này làm thành chính con người ở cõi đời này và chúng ảnh hưởng đến tất cả những kiếp kế tiếp.

Không có hành động hay tư tưởng nào ngăn chặn ta hoàn thành việc đó. Nó tiếp tục trong cái nó là nguyên nhân xảy ra. Nếu bạn trở nên nóng giận và sỉ vả một người bạn, đó không phải là sự chấm dứt của hành động và lời nói. Người bạn, bị xúc phạm bởi sự nóng giận của bạn, có thể phản ứng lại bằng giận dữ với bạn hay cả đến với người khác. Trên phương diện đó, hành động này tiếp tục và sống dựa vào những hành động khác. Con đường của hành động tử tế cũng diễn ra như vậy. Khi bạn tỏ lòng tốt với một người khác hay cả đến một con vật, khiến người nhận được sự tử tế cũng hành động cùng một cách đối với bên thứ ba.

Ta gặt cái ta gieo: Người Phật Tử tin rằng tính nét hình thành những tư tưởng và hành động mà ta đã gieo. Kết quả của tư tưởng và hành động là cái được tái sinh -- không phải cái "tôi tinh thần" hay linh hồn. Ta chỉ nhớ lại cuộc đời mà Ngài Cồ Đàm sống, Ngài đã làm gương hơn là chỉ bằng lời nói. Ngài đã chứng tỏ tất cả con người có thể giáo dục lấy mình đến giác ngộ và Niết Bàn. cho dù mất hơn một kiếp sống. Tác động của tư tưởng và hành động thiện và nhân ái của Đức Cồ Đàm vẫn tiếp tục cho đến ngày nay và mọi thời đại dù Đức Cồ Đàm đã tự giải thoát khỏi vòng tái sinh. Mọi người đều có thể làm những gì như Đức Cồ Đàm đã làm.

ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO: CON ĐƯỜNG TƯƠNG TRỢ

Theo đường lối riêng, Đại Thừa Phật Giáo khác hẳn Tiểu Thừa Phật Giáo. Phật Giáo Bắc Tông này khởi đầu ngay những năm sau cái chết của Đức Cồ Đàm, khi những đệ tử của Ngài khao khát những ngày đã qua lúc Ngài ở với họ. Lúc nào họ cũng tưởng nhớ đến Ngài với lòng tôn kính. Một số đệ tử

sớm đi đến chỗ gắn tâm quan trọng đặc biệt vào bất cứ gì làm họ nhớ đến đời sống của Ngài. Những nơi hội họp của họ dần dần bắt đầu giống như chùa. Những sự thay đổi sâu xa xảy ra trong sự giải thích thánh kinh. Những hình thái mới này của Phật Giáo mang tên Đại Thừa. Đại Thừa nảy sinh để đáp ứng nhu cầu tinh thần về người dân bình thường bình dị, chăm chỉ làm việc.

Phật Tử Đại Thừa tin là họ đúng trong nỗ lực giúp đỡ sự phát triển tôn giáo. Họ chỉ vào tấm gương phục vụ không vị kỷ của chính Đức Phật trong việc dạy người khác cách tìm đường tới Niết Bàn cả đến khi Ngài đã tự mình đạt được mục tiêu. Tình thương yêu như Ngài đã chứng tỏ trở thành giáo lý tối thượng của các trường phái và các phái Đại Thừa Phật Giáo. Đại Thừa Phật Giáo không lý tưởng hóa A La Hán, người "nay đây mai đó một mình như con tê giác" tìm kiếm Niết Bàn. Thay vào đó, họ tỏ lòng kính yêu vị thánh từ bi, một Bồ Tát. Đó là một người chia sẻ những khổ đau và hy vọng của tất cả chúng sinh nên đã tự mình không vào Niết Bàn cho đến khi tất cả những người khác có thể vào Niết Bàn với Ngài. Đó là lý tưởng chiếm ưu thế trong Phật Giáo Trung Hoa và Nhật Bản.

Chuyện về Đức A Di Đà (hay A Mi Đà như được gọi tại Nhật Bản) minh họa vị trí của Bồ Tát trong Đại Thừa Phật Giáo. Mặc dù A Di Đà nguyên thủy là một Bồ Tát, bây giờ Ngài đã thành Phật, vì trong Đại Thừa Phật Giáo có rất nhiều Phật. Đức Phật A Di Đà đứng kế Đức Cồ Đàm trong tâm người Phật Tử Bắc Tông. (Ở vùng bắc, Đức Cồ Đàm được gọi là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là "bậc hiền triết của dòng họ Sakya" mà gia đình Ngài thuộc dòng họ ấy). Theo huyền thoại, A Di Đà là người sống vô lượng kiếp trước. Ngài phát nguyện đem cả trí tuệ và công đức để cứu những người khác. Qua nhiều năm, Ngài xây đắp cái có thể gọi là "Kho Tàng Công Đức", một tài khoản khổng lồ điều thiện. Phật Tử Đại Thừa tin rằng bất cứ ai cần công đức có thể rút ra từ tài khoản ấy bằng cách thiền định về từ bi của Đức A Di Đà và niệm tên Ngài.

Trong các tác phẩm Phật Giáo, tài khoản này thường được đề cập đến như chiếc "Thuyền chở Nguyện của Đức A Di Đà". "Chiếc "Thuyền chở Nguyện" được trù tính để chở người vượt qua lũ lụt của cuộc đời tới "miền đất thanh tịnh" hay Tây Phương Cực Lạc, nơi Đức A Di Đà thành lập cho tất cả những ai có niềm tin nơi Ngài. A Di Đà là hình ảnh trung tâm của một số trường phái và giáo phái trong Đại Thừa Phật Giáo. Những nhóm này gồm có cái được gọi là "Miền Đất Thanh Tịnh" của Phật Giáo, vì họ tin rằng bất cứ ai

có niềm tin nói Đức A Di Đà sẽ vào Tây Phương Cực Lạc khi chết và, như vậy thoát khỏi vĩnh viễn phiền não và tái sinh.

Bồ Tát nổi tiếng nhất là Quán Âm (Nhật Bản gọi Kwannon) là vị nữ thần từ bi. Chuyện cổ nói với người Phật Tử Đại Thừa rằng Ngài sống từ xa xưa. Ngài tràn ngập tình thương và khả ái đối với tất cả nhân loại đến mức Ngài đã phát nguyện giúp đỡ bất cứ người nào bất cứ ở đâu cần tới Ngài. Thậm chí Ngài không vào cực lạc lúc nhập diệt. Thay vào thiên đàng Ngài tới sống tại một hòn đảo, nơi đây hiện có một ngôi chùa tượng trưng sự có mặt của Ngài. Người Phật Tử có thể cầu nguyện Ngài giúp đỡ trong việc gom góp đủ công đức để tránh khỏi tái sinh. Một số Phật Tử hành hương đến ngôi chùa này tại hòn đảo của Ngài ở Biển Đông Trung Hoa.

Lý tưởng căn bản của cả hai câu chuyện là sự tương trợ. Người Phật Tử nói cho chúng ta biết những huyền thoại này được viết bằng truyện tranh. Những huyền thoại này cho chúng ta thấy chúng ta không độc lập. Chúng ta là một phần của sự tùy thuộc lẫn nhau trong tất cả đời sống. Ảnh hưởng của tư tưởng và hành vi của tôi quán vào ảnh hưởng của bạn. Không ai là một hải đảo riêng biệt, một mình trong biển cả đời sống. Mỗi người là một phần của lục địa. Một nghệ sĩ vẽ bức tranh tượng trưng đời sống của chúng ta sẽ không vẽ những đường thẳng kéo dài từ mỗi người chúng ta đến thiên đường nào đó ở trên. Người ấy vẽ một mạng lưới, những đường thẳng phức tạp, vì mỗi cá nhân đóng góp phần mình vào cho người khác. Cho nên, người Phật Tử tin rằng Đức A Di Đà và Đức Quán Thế Âm cho công đức của họ cho tất cả.

Một nhà thi sĩ Phật Giáo đã bày tỏ rất đẹp đẽ ý tưởng về Bồ Tát là gì và Bồ Tát làm gì:

"Tôi là người che chở cho người không được che chở, hướng dẫn viên cho người lạc đường, là con tàu, bờ đê, cây cầu cho những người tìm vào bờ; là ngọn đèn cho những ai cần đèn, giường nằm cho những ai cần giường, thuộc hạ cho những ai cần thuộc hạ.

Nếu tôi không làm trọn lời nguyện của tôi bằng hành động, tôi sẽ là sai với tất cả chúng sinh. và dù số phận của tôi thế nào... Nếu tôi không nỗ lực ngay hôm nay, tôi sẽ gục ngã."

Bất kỳ ở đâu, Đại Thừa Phật Giáo cũng lôi cuốn một số đông tín đồ, có những nhà sư, triết gia và sinh viên. Cũng có một tổ chức tôn giáo có nhiều thần, có chùa, thầy tu và các cuộc lễ. Vẫn ham thích trở thành một nhà sư

nếu có thể được nhưng cũng có nhiều cách để một cư sĩ tham gia tôn giáo. Có những nghi thức cho sự thờ phượng riêng và các thời kinh được hướng dẫn bởi các nhà sư. Một số hệ phái có những bài thuyết giảng và những âm điệu tụng niệm trong các thời kinh. Một số có những lớp học chủ nhật. Ở một vài nơi, Hội các thiếu niên Phật tử (Gia Đình Phật Tử) là nét đặc thù. Một số thành phố lớn tại Hoa Kỳ có những nhà thờ Phật, nơi đây bạn có thể thấy một số các hình thức thờ phượng mới.

Hầu hết Phật Tử Đại Thừa nhấn mạnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không phải chỉ là người đã sống vào một thời gian nào đó hay ở một nơi nào đó. Ngài nhiều hơn thế nhiều. Ngài khám phá ra chân lý bất diệt. Bất cứ lúc nào một người phụng thờ Đức Phật, tức người ấy thực sự phụng thờ Phật Tánh bất diệt mà Đức Cồ Đàm đã khám phá ra. Vạn vật không phải được sắp đặt đến mức khám phá này chỉ xuất hiện ở thời đại chúng ta. Phật Tử Đại Thừa tin có nhiều Phật ở các thời đại khác. Họ đang mong đợi sự thị hiện của Đức Di Lặc, Đức Phật vị lai ở thời đại kế tiếp. Tóm lại, họ nói về vô lượng Đức Phật, những Đức Phật đã khám phá ra chân lý cho con người ở mọi thời đại. Họ có cùng Phật tánh, cái có thể tìm thấy ở mọi người. Tất cả đều có thể đạt giác ngộ hay Phật Quả. Nhiều người nói Bồ Tát là các Đức Phật của thời đại tương lai.

Có một khía cạnh khác trong Phật Giáo Đại Thừa khác hẳn những lý tưởng mà chúng ta đã khảo sát, được gọi là Thiền theo Trung Hoa và Zen ở Nhật Bản. Ở Nhật Bản có ngôi nhà thờ hoạt động dựa vào triết lý của nó nhưng chủ yếu nó là một trường phái về tư tưởng thích hợp với nhiều nhà sư. Thiền không nhấn mạnh bất cứ một ý tưởng nào về đáng cứu tinh, Thiên Đường Tây Phương, niềm tin hay thượng đế. Các triết gia Thiền nói rằng tất cả những ý tưởng và tu tập giống như cái vỏ cần phải phá vỡ ra nếu muốn ăn trứng. Người ta bám níu vào các ý tưởng và tu tập, quên đi điều họ muốn giải thích và trình bày. Bám níu vào ý tưởng giống như bám níu vào gió hay giữ gió trong hộp. Gió tránh bạn. Chân lý cũng giống như vậy, nếu bạn tự giới hạn vào một tư tưởng hay một hành động.

Đối với người Phật Tử Thiền, thầy giáo, sách vở, và kinh thánh chỉ là những lời gợi ý -- giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Trẻ nhỏ thường nhìn vào ngón tay chỉ hơn là nhìn vào vật được chỉ. Hầu hết những người lớn cũng bận tâm nhiều đến cái chỉ hơn là đến cái được chỉ. Tâm, miệng, mắt, tai và tay cung cấp cho chúng ta ý kiến, cảm tưởng và hành động. Nhưng những thứ này chỉ là cách để mô tả hoặc trình bày điều đã xảy ra cho chúng ta. Cái nguy hiểm là chúng ta bị ràng buộc vào ý kiến, ấn tượng và hành động, mà quên đi kinh

nghiệm tạo ra chúng. Đó cũng giống như đặt quá nhiều giá trị vào khung hình hơn là vào cái hình được thiết kế để làm cho nổi bật. Hay cũng giống như trân quý cái bìa sách và quên đi câu chuyện trong sách.

Người Phật Tử tu Thiền nói rằng bạn chỉ tìm thấy chân lý bằng kinh nghiệm chứ không phải nghĩ về chân lý hay nghe ai kể về kinh nghiệm của người ấy. Muốn hiểu ý nghĩa cuộc đời, ta phải sống, chứ không phải hình thành các lý thuyết về nó. Một hôm một đạo sư Thiền nổi tiếng muốn gây sự sốt cho đệ tử của Ngài bằng cách ném tất cả tượng Phật vào lửa để căn phòng được ấm hơn. Đây là cái mà Thiền nói là mọi người phải làm với tất cả khái niệm của mình - đốt chúng đi để chúng không chứa đầy tâm ta quá mức. Phải đập tan mọi lý thuyết như đập tan thân tượng bằng đất sét. Người tu Thiền còn dạy rằng nếu nói đến chữ "Phật", phải súc sạch miệng mình.

Các đạo sư Thiền biết rằng bằng lời nói từ miệng không thể dạy chân lý, Chân lý chỉ có thể tìm thấy bằng kinh nghiệm. Khi người trẻ tuổi hỏi về Niết Bàn hay Phật, các đạo sư thiền thường trả lời với bất cứ gì họ thấy trong tâm tuy là ngớ ngẩn. Hay họ có thể dùng "phép đột khởi" mà đánh đệ tử. Họ hy vọng với câu trả lời bất thần như vậy khiến người đệ tử ngộ được. Họ thường nhắc các đệ tử là tập trung vào một vấn đề không mang lại câu trả lời vì chỉ làm cho tâm bạn bối rối trong việc suy nghĩ. Bạn phải sống cuộc đời điều độ và khả ái, tiếp tục các công việc hàng ngày, học cách đặt vấn đề, các ấn tượng và tư tưởng của bạn. Đột nhiên một ngày nào đó, bạn sẽ ngộ.

TÂM VƯỢT XA CỦA PHẬT GIÁO

Không một vùng đất nào trên thế giới lại thay đổi nhanh hơn Viễn Đông. Hoàn cảnh trong những xứ sở Phật Giáo đã thay đổi nhiều lần từ khi Đức Cồ Đàm triển khai lần đầu tiên câu trả lời về điều bí ẩn tại sao con người đau khổ. Cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa Phật Giáo đã chứng tỏ có thể thích ứng với những hoàn cảnh thay đổi và với những dân tộc khác nhau. Thế giới ngày mai sẽ phát triển từ thế giới hôm nay. Cho nên Phật Giáo chắc chắn sẽ tiếp tục là một ảnh hưởng thực sự trong đời sống của những nước láng giềng Viễn Đông của chúng ta. Đại Thừa Phật Giáo đang mở rộng ảnh hưởng bằng cách gửi các nhà truyền giáo tới những vùng đất mới với niềm tin là điều Đức Phật khám phá ra có thể giúp đỡ hầu hết mọi người.

"Tại sao tôi không hạnh phúc?" Đức Phật gợi ý: vì bạn tràn đầy mong muốn, cho đến khi sự mong muốn là sự khát khao thì nó không thể thỏa mãn được dù bạn đã được thứ bạn muốn.

"Làm thế nào tôi có hạnh phúc?" Bằng cách chấm dứt mong muốn. Giống như ngọn lửa tắt khi không thêm dầu thêm vào, cho nên sự bất hạnh của bạn chấm dứt khi nhiên liệu của tham dục thái quá bị lấy đi. Khi bạn chiến thắng được lòng ích kỷ, những thói quen và hy vọng đại dột, hạnh phúc thực sự sẽ hiện ra.

---o0o---

CHƯƠNG BA - TÔN GIÁO TRUNG HOA

10. LÃO GIÁO: LỐI SỐNG TỰ NHIÊN KHÔNG ÉP BUỘC

Trong chừng mực chúng ta có thể nhớ, tin tức về Trung Hoa đã là những tin về sự thay đổi cách sống của người dân: nội chiến, chiến tranh quốc tế, cách mạng, phát triển chính trị mới. Bao giờ những sự thay đổi như vậy cũng gây nhiều tổn hại đến toàn bộ đời sống của người dân. Ở Trung Hoa cũng như ở bất cứ nơi nào, tôn giáo bị bắt buộc phải thay đổi. Nhiều truyền thống cổ và các lễ hội và các khái niệm không còn được tôn trọng và tuân theo hay được hiểu biết bởi người Trung Hoa ngày nay.

Nước Trung Hoa cổ tương đối không bị đụng chạm bởi khoa học hiện đại và những tiến bộ giáo dục cho đến đầu thế kỷ thứ hai mươi. Tuy nhiên, nhiều thế kỷ trước, có một nhà hiền triết tên là Lão Tử, nhà hiền triết này tin và dạy rằng thế giới chuyển động theo kiểu siêu phạm phản ảnh của sự vận hành nhịp nhàng và trật tự của thiên nhiên. Lão Tử nói, toàn bộ trí tuệ và hạnh phúc cho con người là con người phải tự mình thích ứng với trật tự này và tự suy ngẫm về phản ảnh lối sống mà thế giới này vận động.

Đời sống và tư tưởng của Lão Tử đã ảnh hưởng sâu đậm vào đời sống và tư tưởng của người Trung Hoa. Không có Ngài thế giới sẽ nghèo nàn hơn. Những lời giáo huấn của Ngài cùng với lời dạy của những đệ tử sau này của Ngài tin tưởng như Ngài đã làm, tạo thành tư tưởng căn bản của Lão Giáo. Tuy nhiên khi ta nhìn lại một cách thận trọng vào quá khứ Trung Hoa -- vào khoảng 600 năm trước Công Nguyên -- chúng ta chỉ thấy hình bóng mờ ảo nhạt nhòa của nhà hiền triết, một nhà hài hước, một triết gia và một nhà tiên tri. Hình ảnh của Lão Tử trở nên gần gũi với huyền thoại. Tuy nhiên nhiều học giả cho rằng Ngài thực sự đã sống. Chuyện kể rằng Đức Khổng Tử đã đến thăm Ngài và hai triết gia này đã đàm luận với nhau. Lão Tử được ghi nhận trong các sách được viết vào thế hệ sau thế hệ Ngài. Theo truyền thống, chính Lão Tử được cho là tác giả cuốn Đạo Đức Kinh, một cuốn sách nhỏ có sức hấp dẫn mà nhiều cái Lão Giáo đã dựa vào.

Trước hết Lão Tử bị thúc đẩy nói ra vì Ngài nhìn chung quanh Ngài thấy nhiều người bối rối bởi những câu hỏi không được trả lời về đời sống. Những câu hỏi này cũng không khác nhiều với những câu mà bạn và tôi hỏi ngày nay. Giống như mọi câu hỏi căn bản của con người, những câu hỏi này được nhắc đi nhắc lại qua nhiều thế hệ. "Tôi là gì? Đời sống của tôi là gì? Phải chăng tôi đang sống cuộc đời đẹp nhất mà tôi có thể? Tôi sẽ ra sao? Làm sao tôi có thể làm tốt hơn? Kết quả cố gắng làm tốt hơn như thế nào?"

Người Trung Hoa nhìn vào thế giới một cách lạc quan và khi họ hỏi, họ hỏi bằng hy vọng và tin tưởng. Họ quan sát thấy thế giới là chỗ tốt cho con người. Ta có thể tin cẩn vào thế giới. Tất cả những kinh nghiệm trong các tiếp xúc hàng ngày với thế giới cho họ thấy thế giới có trật tự và có thể đáng tin cậy. Thiên nhiên không vận hành bằng ý thích chợt nảy ra. Người Trung Hoa dường như cảm thấy họ "thuộc về" thiên nhiên.

Tuy nhiên Lão Tử nhìn vào những người chung quanh Ngài và thấy một số người tranh đấu vì hạnh phúc mà không nhớ đến các truyền thống đã dạy họ. Ngài thấy người dân cố gắng thay đổi cái mà đời sống hiến dâng thay vì phải chấp nhận nó. Và Ngài nói: "Bạn tìm kiếm sự thông thái, tính tốt và sự bằng lòng. Những cái mà bạn cố gắng tìm kiếm những thứ ấy lại là mù quáng và khờ dại. Bạn không thể nào nhìn thấy sự thông thái là lòng tin, tính tốt là chấp nhận và bằng lòng là tính đơn giản? Đó là đường chuyển động của thế giới."

ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỘNG CỦA THẾ GIỚI

Vào những ngày xa xưa hơn Lão Tử, con đường chuyển động của thế giới được đặt tên là Đạo, nghĩa đơn giản là "con đường" hay "đường đi". Nó được dịch là "thiên nhiên" hay "con đường của "thiên nhiên". Đó là quỹ đạo mà vũ trụ vận hành và có sự tồn tại. Con người là một phần của vũ trụ. Khi con người hầu như là tự nhiên, họ chuyển động theo luật tùy thuộc và tác động lẫn nhau trên khắp thế giới. Nếu Đạo được phép tự do hành hoạt trong con người thì mọi sự đều ở mức tốt nhất, vì Đạo có bản chất hoàn hảo: quân bình toàn hảo, hòa hợp toàn hảo. Chính là Đạo -- không có gì khác.

Đạo là nguồn gốc của tất cả mọi thứ được sáng tạo ra. Nó chịu trách nhiệm đưa tất cả mọi thứ vào sự tồn tại, kể cả thánh thần Trung Hoa. Bản thân Đạo chính không bao giờ được coi là thượng đế. Đạo là thực tế. Nó có trước bất cứ một vũ trụ nào. Nó tạo ra tất cả cuộc sống và tiếp tục giữ cuộc sống hành hoạt qua sự giải phóng ra năng lượng của nó. Thăng trầm, thủy triều lên

xuống, tồn tại và suy tàn -- do sự luân phiên như vậy của năng lượng Đạo, cuộc sống bắt đầu và tiếp tục.

Dù vậy, Đạo không bao giờ bắt buộc con người phải hành động theo một đường lối nào đó. Đạo chỉ hành hoạt. Chỉ có vậy.

Đặt tên Lão Giáo như vậy vì Lão Tử và các môn đồ của Ngài khẳng định Đạo là con đường của đời sống. "Trở về với thiên nhiên" là mục tiêu của họ -- "thiên nhiên" được hiểu là con đường tự nhiên và thích hợp của mọi thứ. Những người theo đạo Lão lúc phôi thai đã hoàn toàn tin theo đường lối này đến mức tìm cách kêu gọi Trung Hoa chấm dứt các nghi lễ, các tập tục của con người và cả đến nền văn minh, vì đây là kết quả của sự can thiệp vào thiên nhiên.

ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI

Những người theo Đạo Lão lúc phôi thai thường đề cập đến "Thời Đại Vàng Son" quá khứ khi con người sống trong hòa bình và hòa hợp vì họ sống thiên nhiên, thoát khỏi tính nhân tạo, giản dị -- nói tóm lại, người của Đạo. Những thứ tốt đẹp mà con người tìm thấy đã bị mất khi thời đại này qua đi. Con người chỉ có thể tìm lại chúng khi họ trở về với tính đơn giản, và tính thiên nhiên hoàn toàn là đặc điểm của Thời Đại Vàng Son.

"Thiên nhiên" là chìa khóa của tất cả những câu trả lời của người theo Đạo Lão về những vấn đề mà đời sống khiến chúng ta hỏi. Điều thiện cao tột bậc nhất và hạnh phúc chân thật của con người được tìm thấy do tuân theo lối sống của toàn bộ thiên nhiên, Đạo. Khi người ta sống tự nhiên, người ta thấy thoải mái trong nội tâm và có thể chấp nhận những gì đời sống hiển dâng. Khi người ta có tham vọng hay xông xáo, người ta mâu thuẫn với bản chất thực sự của mình. Trong cuộc nội chiến tiếp theo với chính mình, người ta đánh một đòn chí tử vào hạnh phúc có thể có của mình.

Trong khi Lão Tử bình tĩnh gợi ý là con người phải thư giãn và chấp nhận thế giới nó là như thế, thay vì cố gắng thay đổi nó, có nhiều người đã lớn tiếng không đồng ý. Những nhà cải cách và triết gia, Đức Khổng Tử trong số người này, đi khắp nơi và bảo những người nghe rằng con đường duy nhất để đạt hạnh phúc và thịnh vượng là đức hạnh. Khi mỗi người biết làm bổn phận của mình, và làm tròn trách nhiệm của mình, thì đất nước và dân tộc sẽ được phước lành. Họ cũng nói về thời đại vàng son quá khứ khi hạnh phúc là một luật lệ hơn là một ngoại lệ. Nhưng họ nói rằng giá trị của nó có thể được thực hiện một lần nữa khi người dân biết cách đối xử với nhau.

"Không phải thế, không phải thế!" Những người theo Đạo Lão lúc mới hình thành kêu lên. Đức hạnh, bốn phận -- chỉ đạt được bởi những ai tự mình đi và làm những gì đến một cách tự nhiên. Tại sao con người tranh đấu vì thiện tính? Thiện tính tự nó đến khi tất cả luật lệ được quên đi và nỗ lực chấm dứt. Không bao giờ đạt đức hạnh được bằng cách tìm kiếm nó. Bốn phận chỉ có thể thi hành khi bạn không cố gắng thi hành nó.

Lão Tử hầu như không đồng tình với những nhà cải cách tiêu biểu chỉ muốn thêm vào hết luật lệ này đến luật lệ khác cho cách sống thích hơn. Ngài nói, "chỉ sau khi người dân đã lầm đường lạc lối thì các nhà cải cách mới kêu gọi, hãy tử tế, hãy ngay thẳng! tôi sẽ nói với bạn cách làm". Khi một gia đình không yên ấm, cha mẹ bắt đầu nói với con cái phải biết tôn kính và vâng lời. Điều này cũng áp dụng cho các quốc gia, chỉ những lúc quốc gia rối loạn, người dân mới lo lắng về lòng ái quốc.

Thiên nhiên không bao giờ tranh luận về chiều hướng mà con người làm. Thiên nhiên chỉ tiếp tục là thiện. Và lập luận nào có thể thay đổi đường chuyển động của thế giới? Trọng lực không bàn thảo hay năn nỉ với chúng ta, nó chỉ hành hoạt. Bằng cách đó, thiên nhiên cho chúng ta thấy Đạo. Lão Tử chỉ ra rằng Đạo không bao giờ ép buộc, thế mà không có gì Đạo không hoàn thành. Chính xác là vì sự hoạt động không ngừng, không tranh đấu, không ép buộc của nó, Đạo là sức mạnh duy nhất.

Người sống theo Đạo sẽ không bao giờ dùng sức mạnh, vì sức mạnh đánh bại mục tiêu cao hơn của mình. Người muốn cố gắng làm cho thế giới thành cái mình muốn sẽ tự mình làm hại mình và những người khác trong mưu toan này. Ai khăng khăng tranh đấu vì một điều gì đó liên quan đến cố gắng của mình, chỉ mất giá trị của cái mà mình tìm kiếm. Như vậy người ấy làm hại lý tưởng của mình, làm thất bại mục tiêu của mình, và bị thất bại khổ sở.

Con người học hỏi từ ao nước đục. Dù quấy lên bao nhiêu cũng không thể làm nó trong lại được. Nhưng khi để mặc nó yên, tự nó trở nên trong. Cũng như vậy đối với con người và quốc gia. Những người cầm quyền đặc biệt phải hiểu điều này. Có lần Lão Tử nói người trị vì dân chúng giống như nấu một con cá nhỏ một cách nhẹ nhàng. Nấu quá mức, quấy đảo nhiều, cá sẽ rời thành từng miếng nhỏ hay mất hương vị của nó. Cũng như vậy với những người được cho là đi dạy người khác, những người ấy phải nắm khái niệm này. Người nào nghĩ rằng mình biết nhiều về người khác có thể nghĩ rằng mình khôn ngoan. Nhưng chỉ khi người nào biết mình mới nắm được sự thực và điều quan trọng.

CON NGƯỜI CÓ ĐẠO

Lão Tử và Trang Tử, một người theo Lão Giáo nổi tiếng sau này (vào khoảng 350-275 trước Công Nguyên), đã miến cưỡng tuyên bố, Chánh Đạo không phải là Đạo có thể bày tỏ bằng lời. Không thể miêu tả con người của Đạo theo nghĩa đen. Tuy nhiên người ta thúc giục hai vị này định rõ nghĩa. Và Lão Tử đã vẽ một bức tranh bằng lời:

Đó là người thận trọng, giống như người vượt sông vào mùa đông;
Đó là người do dự, giống như người sợ hãi người láng giềng;
Đó là người nhũn nhặn, giống như người khách;
Đó là người mềm mỏng, giống như băng tuyết sắp sửa chảy.

Người theo Lão Giáo cảm thấy rằng miêu tả như vậy của người đỉnh đạc và thanh thần như vậy là rất đúng, không phải vì Lão Tử hay người nào đó đã nói như vậy -- mà là vì chúng phản ánh bản chất của sự vật, Đạo.

Một hôm Trang Tử đang câu cá thì một vài viên quan to ở tỉnh Ngài đến thăm Ngài. Trong khi Ngài tiếp tục câu cá, họ tâng bốc Ngài về sự thông thái của Ngài và đề nghị Ngài một chức quan cao trong chính phủ, chức vụ này sẽ làm cho nhiều người thừa nhận và tôn kính Ngài. Vẫn tiếp tục câu cá Trang Tử hỏi các vị có biết con rùa thần đã chết trên ba nghìn năm mà hoàng tử giữ nó chắc chắn trong một cái hòm trên bàn thờ của tổ tiên. Rồi Ngài hỏi tiếp, "Quý vị có nghĩ rằng con rùa ấy thích chết và để cái xác còn lại của nó được tôn sùng hay thích sống và ve vẩy cái đuôi trong ao bùn lầy?"

Họ trả lời, "Thích sống và ve vẩy cái đuôi trong ao bùn lầy."

Trang Tử nói, "Quý vị đi theo con đường của Quý vị, còn tôi, tôi cũng thích ve vẩy cái đuôi trong bùn lầy ở cái ao của tôi"

CÁI GÌ ĐÁNG GIÁ? BA KHO BÁU

Vậy thì cái gì là có giá trị? Và vì cái gì người ta nên nỗ lực? Một người không thể chỉ ngồi khoanh tay và chờ đợi. Vì khi sống trong một nhóm người, ta phải nghĩ đến người khác. Những người theo Lão Giáo lúc đầu đã phải đương đầu với khó khăn đời sống hàng ngày. Họ biết họ phải sống theo triết lý của họ, cũng như phải suy nghĩ về triết lý này. Họ quyết định có ba thứ -- ba kho báu, họ gọi như vậy- đó là hướng dẫn tối thượng của con người đối với Đạo. Ba kho báu này là yêu thương, trung dung và khiêm nhường. Làm sao ba đức tính này giúp người có Đạo sống trong thế giới này? "Hãy

thương yêu, ta có can đảm này; hãy trung dung ta có dư dật; không phiêu lưu đi trước thế giới ta là người đứng đầu các quan".

Người thấy Đạo trong chính mình, sẽ thấy Đạo nơi người khác và trong tất cả thế giới. Chính người này thấy phúc lợi thực sự của chính mình tốt đẹp cho tất cả mọi người. Điều thiện cho tất cả mọi người cũng là điều thiện cho chính mình. Đó là điều mà Lão Tử muốn nói về hãy thương yêu. Người có Đạo sẽ hành động bằng thiện tính đối với tất cả con người, đối với những người được gọi là tốt cũng như đối với những người được gọi là xấu, thậm chí đem tình thương đối với hận thù to lớn. Nếu không làm được điều này thì dù ta có xả trí hận thù đứng đắn thì một số hận thù hay kết quả của nó vẫn tồn tại. "Hãy thương yêu, ta sẽ trở nên can đảm." Con người có Đạo tin thế giới, và thế giới có thể được giao phó cho người ấy.

Trong tất cả tư tưởng và hành động, con người có Đạo phải rất điều độ. Thái quá về bất cứ hướng nào cũng là những chướng ngại cho sự vừa lòng. Người có Đạo không quyết định trước sẽ đi theo đường lối hành động nào trong những hoàn cảnh nhất định. Người có Đạo cũng không quyết định trước là sẽ không tự mình hành xử theo một đường lối nào đó. Người có Đạo bao giờ cũng nhớ rằng bất cứ cái gì nảy sinh ra khi nó là cách hành động hoặc suy nghĩ đơn giản nhất và tự nhiên nhất thì đó là đường lối phải theo. Theo chiều hướng đó, những hành động của người có Đạo bao giờ cũng đầy đủ và bao giờ cũng đúng. "Hãy điều độ, ta sẽ dư dật".

Lão Tử và các đệ tử của Ngài không bao giờ tìm địa vị cao trong cơ quan chính phủ, vì làm điều này trái ngược với niềm tin của họ. Ta không thể giúp người bằng cách cố gắng chỉ huy những hành động của họ. Và họ chỉ vạch ra cách ta có thể đạt được mục tiêu tốt hơn bằng cách tự mình giữ mình ở một địa vị tầm thường. Trong thế giới của chúng ta không có chỗ cho một số người vượt xa người khác. Chỉ có chỗ cho tất cả sống một cách tự nhiên và tương trợ lẫn nhau. Không để cho ai tìm kiếm lợi ích riêng tư hay thắng lợi cá nhân.

Thiên đường bất diệt, trái đất trường cửu.

Làm sao chúng lại như vậy? đó là vì chúng không nuôi nấng đời sống của chính chúng;

Đó là lý do tại sao chúng sống lâu.

Cho nên người Hiền tự đặt mình vào địa vị tầm thường; nhưng bao giờ cũng ở hàng đầu,

Ở ngoài thời cuộc; nhưng luôn ở đây.

Không phải chỉ vì người Hiền không tranh đấu cho bất cứ cứu cánh riêng tư nào.

Mà là tất cả cứu cánh cá nhân có được hoàn thành không?

Những đặc tính này là những kho báu không bị chôn vùi ở một nơi nào sâu đến mức cần có thầy hoặc bạn hay triết gia đào lên cho chúng ta. Những kho báu này được tìm thấy khi chúng ta trở nên tỉnh thức về những điều này mà chúng ta thường không lưu tâm đến trong bản chất sâu xa của chúng ta. Chỉ cần bóc đi những lớp sợ hãi và thói quen và những khát vọng nông cạn, chúng ta sẽ tìm thấy những kho báu ấy. Thiếu những đức tính ấy cho chúng ta thấy một người bị ép buộc, không thiên nhiên và không hạnh phúc.

TÔI PHẢI LÀM GÌ?

Bổn phận phải thi hành, không phải vì người ta cảm thấy có bổn phận phải thi hành, mà nhiều hơn là vì không cảm thấy phải thi hành. Người có Đạo tuân theo việc đời tới mức cần đòi hỏi nhằm làm cho mình ít bị khó khăn nhất trong cách sống hòa hợp với Đạo. Rõ ràng là người ấy không thể sống hòa hợp nếu lúc nào cũng mưu toan tránh trách nhiệm và lật đổ chính quyền và thể chế. Cũng rất rõ ràng là người ấy không sống hòa hợp nếu luôn luôn trừ tính giành lấy phần lớn trách nhiệm và cái cách hay củng cố những thứ chung quanh mình. Thế giới giống như nước xuýt lấm thầy nhiều ma. Người khôn ngoan từ chối không thêm gia vị vào hay khuấy nó lên. Người ấy thích đợi loại kết hợp thích ứng và tự nhiên.

Nhưng làm sao chúng ta có thể chỉ ngồi đợi để sự việc xảy ra mà không hành động gì để giúp đỡ hay cản trở? Rất khó để làm nhưng cũng đơn giản thôi.

Nó cũng đơn giản và khó khăn như bài hoải. Trang Tử đưa ra lời khuyên:

Người ta cảm thấy một cảm giác vui thích trước khi mỉm cười, và mỉm cười trước khi nghĩ đến cách nên mỉm cười. Hãy cam chịu chuỗi sự việc đúng.

Thế giới này không phải của chúng ta để mà liêu. Thế giới này là của bạn để sống và hiểu biết. Một hòa âm không sinh ra những nốt nhạc ngang tai, vang

lên một mình. Nó sinh ra bằng những nốt nhạc nhũn nhặn, mềm dẻo hòa hợp một cách tự tin và thanh thản.

Trang Tử có lần nói một câu chuyện về một người bắt đầu cuộc sống độc lập chứ không sinh ra niềm tin vào Đạo. Anh ta quá sợ hãi cái bóng của mình và không thích tiếng bước chân mình đến nỗi quyết định bỏ trốn chúng. Tuy nhiên, anh ta càng di chuyển thì lại càng nhiều tiếng bước chân. Và mặc dù chạy thật nhanh, anh ta không bao giờ có thể bỏ xa bóng của mình. Cho nên anh ấy nghĩ mình chạy quá chậm. Anh ta chạy hết sức nhanh và không nghỉ. Kết quả anh ta yếu đi và cuối cùng thì chết. Anh ta không biết rằng có thể làm mất bóng mình trong bóng râm và chấm dứt tiếng bước chân bằng cách đứng nguyên một chỗ. Quả thực anh ta khờ dại. Trang Tử nói, "Bất hạnh cho những nhà cải cách và luân lý đi thuyết giảng về sự trong sạch và lòng tốt là họ chạy trốn cái bóng của chính họ".

CÁI GÌ ĐÚNG? CÁI GÌ THẬT?

Những người theo Lão Giáo nói rằng, khi ta thực sự ngưng không phân tích nó, làm sao ta có thể đòi đưa ra phép tắc về cách sống tốt? Làm sao ta có thể cảm thấy đủ tin tưởng vào kiến thức của riêng mình để làm một việc như vậy? Người tự phụ làm ra vẻ biết nhiều chắc chắn chỉ là vì cái tôi của mình. Người thật sự khôn ngoan là người không biết mình khôn ngoan. Suy nghĩ mà chúng ta biết, khi thực sự chúng ta không biết, là chúng bệnh đặc biệt mà mọi con người đều mắc phải. Chỉ khi chúng ta trở nên chán ngán tính kiêu ngạo và gian dối như vậy, chúng ta mới có thể chữa cho mình khỏi bệnh.

Mong mỗi giúp người làm việc này, Trang Tử thường sử dụng một chi tiết hài hước dễ hiểu. Ngài kể một câu chuyện một lần Ngài mơ như thế nào khi là một con bướm bay lượn vui chơi đó đây. Ngài không còn ý thức mình là con người nữa. Rồi đột nhiên tỉnh dậy và thấy mình nằm dài trên giường, vẫn là một con người. Tuy nhiên rồi Trang Tử tự hỏi mình, "phải chăng tôi là con người mơ thành bướm hay bây giờ tôi là con bướm mơ thành con người?"

Cái gì đúng? Làm sao tôi biết được đó là điều tôi biết? Đó là những câu hỏi không thể trả lời dứt khoát được bởi người thực sự khôn ngoan, dù rằng có nhiều nhà hiền triết tự cho mình là khôn ngoan đã đưa ra câu trả lời. Tất cả câu trả lời tùy thuộc vào thời gian, nơi chốn và hoàn cảnh. Người có Đạo không màng tới bản liệt kê câu hỏi; không lưu ý đến qui tắc hành xử; vượt lên luân lý và đạo đức. Người có Đạo không phục tùng quyền uy bên ngoài

thuộc bất cứ loại gì. Họ chỉ nghe theo bản chất thiên nhiên sâu xa của chính mình. Làm như vậy họ không những tìm ra chân lý mà còn sống đúng chân lý. Vì trong bản tính sâu xa nhất của mình, Đạo đang hoạt động rõ ràng và mạnh mẽ. Không đi khỏi cửa mà người có Đạo vẫn có thể biết toàn bộ thế giới.

Những người tiên phong của Lão Giáo đã nói những lời như vậy, họ không thích nói chút nào. Họ biết những ấn tượng về cuộc đời của họ không thể truyền đạt bằng lời. Những ấn tượng của họ chỉ có thể hiểu thấu hoàn toàn bởi những ai chia sẻ những ấn tượng ấy bằng kinh nghiệm của chính họ. Mỗi người chúng ta có lúc thất bại khi định đưa những cảm nghĩ sâu xa nhất hay trực giác của mình thành lời. Vào những lúc như vậy, chúng ta có thể diễn tả bằng thi văn, bằng âm nhạc, hay một dạng thức nghệ thuật khác. Đó cũng đúng như vậy đối với người theo Lão Giáo. Nếu chúng ta muốn hiểu họ, chúng ta phải nhận thức là chúng ta đang đề cập đến thi văn về những ấn tượng. Những lời nói không có nghĩa được hiểu theo nghĩa đen, vì lời nói không thể chuyển tải những cảm tưởng một cách đầy đủ. Nhưng những lời của Lão Giáo có nghĩa phải được hiểu một cách nghiêm túc.

LÃO GIÁO, SỰ SÙNG BÀI ĐẠO LÝ

Sự miễn cưỡng dùng lời làm phương tiện cho cảm nghĩ của họ không phải không đúng chỗ. Hầu như lời nói được thốt ra hay những tín hiệu được vẽ trên giấy, khi nhược điểm của lời bộc lộ ý tứ của người nói và người viết. Người ta hiểu lời theo nghĩa đen, đi theo chúng đến từng chi tiết, giống những qui tắc mà những người Lão Giáo lúc phôi thai chế nhạo như thế. Bám níu vào những miêu tả về người có Đạo, người ta quên mất sự hòa hợp bên trong đã được mô tả lúc đầu. Nhớ "ba kho báu", người ta quên việc tìm chúng bị vùi lấp trong chính mình. Cố gắng theo Lão Tử và Trang Tử, người ta quên con đường để hiểu Đạo.

Điều này không đáng ngạc nhiên chút nào. Người ở thời thời Lão Tử chưa bao giờ thực sự bỏ tính dị đoan do sự bày tỏ của Ngài hay của bất cứ đạo sư nào. Sự đòi hỏi của họ đầy những lo âu hàng ngày về công việc, bè bạn và gia đình. Thật dễ chịu và yên lòng khi xoa dịu những linh hồn lúc nào cũng hiện diện ở mọi nơi xung quanh họ. Những người này không có thì giờ, giáo dục, hay ham thích suy nghĩ tìm tòi về đời sống. Hầu hết mọi người, mọi nơi, và ở mọi thời đại, sống một cuộc đời không nghĩ sâu xa về cuộc đời.

Tuy vậy, hầu hết mọi người đều kính trọng những người suy nghĩ sâu xa, và đặc biệt là một ít những nhà tư tưởng nổi tiếng mà những lý tưởng của những người này hấp dẫn họ như một phần quan trọng của những gì phổ biến là đúng. Thường thường, vì lòng tôn trọng, họ đâm ra tôn kính và rồi, hầu như không cảm thấy, sùng bái. Vì vậy người ta sùng bái Lão Tử. Những thế hệ sau này coi Ngài như thánh. Họ quên mất là hạnh phúc mà Lão tử nói phải đạt được bằng quá trình mà Ngài đi theo -- phù hợp với chiều hướng của mọi sự -- Đạo. Dường như họ nghĩ có con đường tắt đi đến sự toại nguyện mà Lão Tử đã trải nghiệm.

Dần dà qua nhiều năm, tự biết mình và kiến thức đời sống đã là những mục tiêu của Lão Giáo bị bỏ lại đằng sau. Chưa bao giờ người theo Lão Giáo phát triển mạnh mối quan tâm chính của họ nằm trong sự xua đuổi lo âu và phiền muộn. Đúng, những người theo Lão Giáo lúc phôi thai cũng đã muốn điều này, nhưng là sản phẩm phụ của sự hòa hợp với bản chất của sự vật. Bây giờ người theo Lão Giáo mong muốn biến hạnh phúc thành một việc dễ dàng hơn. Và họ bắt đầu đưa ra linh đơn, tiên dược và nghi thức ma thuật nhằm giúp đạt được việc đó.

Lão Giáo trở thành sự tìm tòi linh đan thần diệu, phương thuốc chữa khỏi tất cả mọi bệnh tật, và kéo dài đời sống thành thoi. Những người theo Lão Giáo lúc phôi thai trước hết rút khỏi cuộc sống giả tạo và không thiên nhiên nhằm hiểu biết thực tế. Những thế kỷ sau này nối tiếp bởi những người theo Lão Giáo ẩn dật trước thực tế nhằm đi theo những tập tục dị đoan mà họ hy vọng sẽ thoát khỏi được bất hạnh. Những người Lão Giáo lúc phôi thai tán dương kiến thức và sự hiểu biết về Đạo, tìm cách hòa hợp với tính chất của mọi sự. Những người theo Lão Giáo sau này cố gắng can thiệp vào tiến trình thiên nhiên để đạt bất tử và thoát khỏi lo lắng.

Những người theo Lão Giáo khác, thất vọng về đời sống này trở thành người sống ân dật, sống chờ chết, theo điều mà họ tin rằng sự giải thích đúng giáo lý của Lão Tử là "không làm gì cả". Những người này chỉ có một số ít, số đông quần chúng bám vào ý nghĩa bình dân hơn của Lão Giáo -- dị đoan và ma thuật. Những người theo Lão Giáo chấp nhận Đạo của họ là nguồn vui mà lúc này họ tin và là niềm hy vọng cho họ trong tương lai sau khi chết.

Lão Tử dạy rằng con người không nên lo lắng hay phục vụ quỷ thần mà nhiều người tưởng rằng quỷ thần là tất cả. Thay vì, con người nên nghiên cứu để biết các chiều hướng của vạn vật. Không có gì có thể mang lại từ sự thờ phượng ngu tối và hãi hùng những quỷ thần như vậy. Người có Đạo

không bị khó khăn gì bởi những quỷ thần tốt hay xấu. Những người làm ma thuật cố gắng bắt thiên nhiên làm theo ý muốn của mình. Và sức mạnh không bao giờ thành công. Thiên nhiên sẽ dạy cho họ điều này.

Nhìn vào cách sống hiện tại, chắc chắn Lão Tử rất đau buồn là điều đó đã đi đến chấm dứt những gì mà Ngài đã dạy. Ngài có thể có đầy cảm giác vô ích, điều có thể xảy đến với bất cứ người đề xướng nào nhìn vào những gì đã phát triển do công lao của mình. Đạo, với tư cách là người khai sáng, đầy những thứ mà Ngài coi là ít đáng làm.

Tân Lão Giáo không thể tồn tại như một tôn giáo có hiệu quả, cho dù cựu Lão Giáo cổ xưa đã không tồn tại lâu dài. Dần dần, những người bị lôi cuốn vào tư tưởng Lão Giáo trở nên chán nản. Những người đi tìm sự tốt đẹp của xã hội loài người quay về với Đạo Khổng đưa ra sự giúp đỡ trực tiếp và thực tiễn trong vấn đề đó. Những người thích mặt thiên định của Lão Giáo, bắt đầu nghiên cứu Phật Giáo. Và Lão Giáo cổ điển được dạy bởi Lão Tử, thực tế đã ngừng tồn tại

Tôn Giáo của một người Trung Hoa bình thường ngày nay là một sự pha trộn nhiều truyền thống tôn giáo khác nhau. Vai Trò của Lão Giáo trong sự pha trộn này đã là một khía cạnh vô tư và vui vẻ trong đời sống dân tộc. Hầu hết những ngày lễ tôn giáo, với những buổi lễ vui tươi bắt nguồn từ Lão Giáo ở quá khứ. Những buổi lễ này gồm có những cuộc lễ về sinh nhật đầy ý nghĩa -- nhất là sinh nhật của các bé trai -- hôn lễ, sự ra đời của đứa trẻ, và về một số mùa màng trong năm. Bây giờ có một nhóm thầy tu được huấn luyện để điều hành những người tự gọi mình là người theo Lão Giáo.

Đạo Lão của Lão Tử và Trang Tử sống hầu như dựa vào những thứ mà nó tiến dẫn cho những tôn giáo khác mạnh hơn và tồn tại lâu hơn. Khổng Giáo gộp niềm tin Lão Giáo vào lòng tốt căn bản của con người. Phật Giáo tại Trung Hoa vốn đã nhấn mạnh tầm quan trọng về hiểu biết nội tâm, được củng cố thêm và thay đổi một chút theo tôn giáo địa phương. Với tư cách là một triết lý tôn giáo, Lão Giáo đã phai, nhưng nó đã gửi đi nhiều sự hiểu biết rằng đời sống nội tâm của mình là đời sống quan trọng.

---o0o---

11. KHÔNG GIÁO: LỐI SỐNG HÒA HỢP VÀ KHUÔN PHÉP

Huyền thoại kể rằng khi Lão Tử đã rất già thì có một thanh niên học rộng ở tỉnh lân cận đến thăm. Người thanh niên trẻ này, đã bỏ hầu hết ngày tháng

của mình vào việc nghiên cứu, đến để hỏi một số câu hỏi. Giống như Lão Tử, người thanh niên này quan tâm đến phẩm chất đời sống tại Trung Hoa. Anh ta cũng tin rằng lùi lại "những ngày xưa cũ tốt đẹp" của thời đại vàng son mà người ta đã có đời sống tốt đẹp hơn và xứ sở này nói chung sung túc hơn.

Người thanh niên trẻ tuổi này là Khổng Tử, và Ngài đã tiến tới niềm tin này qua con đường nghiên cứu và tìm tòi những tài liệu cổ của Trung Hoa. Khi Ngài thu thập và giải thích những tác phẩm kinh điển, Ngài đã tìm ra điều được coi là manh mối của đời sống hạnh phúc hơn ở những ngày ban sơ. Để thực sự hiểu triết lý Khổng Tử, chúng ta vẫn phải quay về với những bình luận của Ngài về những tác phẩm kinh điển này. Những sách văn tuyển, các câu chuyện về Khổng Tử và những lời bình luận của Ngài về tình trạng đời sống cũng nói về những đề xuất vì lợi ích cho người đồng hương của Ngài.

Cả Lão Tử lẫn Khổng Tử đều quan tâm đến những yếu điểm xã hội và luân lý của thế hệ các Ngài. Lão Tử vấp phải sự thách thức của lối sống có quan điểm căn bản là những thể chế và phong tục vào thời Ngài không thiên nhiên, do đó cần phải tránh... Khổng Tử, một người bảo thủ thực sự, dạy rằng điều tốt nhất trong quá khứ phải được gìn giữ và cải tiến cho thích đáng. Trong quá khứ có chìa khóa cho hiện tại và tương lai. Ngài không tìm cách thiết lập một tôn giáo mới hay một hệ thống đạo đức mới.

Khổng Tử cũng đối đầu với câu hỏi căn bản mà Lão Tử quan tâm. "Đời sống là gì? Làm sao tôi có thể sống hòa hợp tốt nhất trong thế giới này? Làm sao tôi có thể sống một cuộc đời hạnh phúc? Tôi là gì?" Một phần câu trả lời Khổng Tử quay về với thiên nhiên và Đạo cũng như Lão Tử đã làm. Ngài quan sát thấy tất cả các bộ phận của thiên nhiên hoạt động hòa hợp với nhau. Ngài khẳng định con người có thể học từ thiên nhiên. Bằng cách theo con đường của thiên nhiên và sự hòa hợp, con người có thể làm điều tốt nhất mà con người có thể làm được trong thế giới này.

Hòa hợp là lý tưởng của Khổng Tử, cũng là lý tưởng của Lão Tử. Khác biệt giữa hai người ở chỗ nào? Trước hết là cá tính của hai người khác hẳn nhau. Trong những vấn đề mà hai vị phải đối đầu, tính khác nhau về quan điểm quyết định sự khác biệt trong cách giải quyết mà họ đưa ra. Trong khi Lão Tử có khuynh hướng là "cá nhân chủ nghĩa", thì Khổng Tử tin rằng toàn bộ trách nhiệm của con người là xã hội. Con người không phải là người sống tách khỏi đồng loại. Cho nên hòa hợp đối với con người có nghĩa hòa hợp với những người khác. Lão Tử tin tưởng rằng trách nhiệm của con người là

phải hiểu mình và phải trực tiếp hướng mình vào hòa hợp với Đạo. Nhưng Đức Khổng Tử tin rằng trách nhiệm của con người là cùng cộng tác với nhau và thi hành nhiệm vụ mà xã hội kỳ vọng ở nơi họ. Dĩ nhiên sự cộng tác như thế bám chắc vào Đạo, nhưng trình độ kinh nghiệm của con người lại là phương tiện qua đó con người bày tỏ họ thống thuộc về vũ trụ. Khi người ta phát triển được khả năng hòa hợp với những người đồng loại, thì họ có thể hiểu được sự hòa hợp của vạn vật.

CẦN PHẢI CÓ LUẬT LỆ CHO CUỘC SỐNG

Khổng Tử thấy không phải tất cả mọi người đều cư xử một cách cộng tác và giúp đỡ lẫn nhau. Điều này, đối với tâm trí thực tiễn của Khổng Tử, có nghĩa đơn giản là họ cần một số tiêu chuẩn nhất định. Trong những tác phẩm của Ngài, Khổng Tử nhấn mạnh đến những tiêu chuẩn như vậy, Ngài nhắc lại, và giải thích những luật lệ truyền thống cổ của xã hội Trung Hoa. Ngài thấy không cần thêm những luật lệ mới. Nhiệm vụ của Ngài như Ngài đã dự tính là soạn thảo và truyền đạt cho hậu thế những tập tục và cách cư xử trước đây của xã hội Trung Hoa. Ngài không viết điều gì mới, vì Ngài tin tưởng và trân quý tổ tiên.

Tại sao những luật lệ đó lại cần thiết? Lúc đầu tất cả mọi luật lệ đều nảy sinh do nhu cầu của con người. Đây là chiều hướng mà tất cả những luật pháp có ích ra đời. Có những vấn đề khi cùng chung sống, và những luật lệ được soạn ra để giải quyết vấn đề. Ở đâu, có nhiều người chung sống với nhau thì ở đó có nhiều vấn đề hơn những nơi ít người. Chính quyền của một thành phố lớn phức tạp hơn chính quyền của một ngôi làng nhỏ nhiều. Trung Hoa đã có rất nhiều người. Nhờ có Khổng Tử Trung Hoa đã thu thập nhiều luật lệ. Tất cả những luật lệ này nhằm làm cuộc sống suông sẻ hơn. Những luật lệ này không bị ép buộc như luật lệ giao thông. Những luật lệ này giống phép xã giao hơn.

Luật lệ có nhiều ý nghĩa hơn khi nó rõ ràng rành mạch. Người thích sống trong một xã hội có trật tự cảm thấy thoải mái hơn khi luật lệ xã hội có nội quy rõ ràng và khi chúng định rõ thời gian và nơi chốn. Cứ thế, qua nhiều năm, những người theo Khổng Giáo coi trọng nhiều bản liệt kê luật lệ đặc biệt bao hàm mọi thứ từ chào hỏi và trò chuyện với bạn bè tới lễ lạy tổ tiên. Y phục và đàm luận được qui định. Cả đến tư thế và bước đi cũng được liệt kê, cho nên không ai cố gắng thành thật mà lại có thể không làm được điều phải. Đi theo những luật lệ này chúng tỏ ham thích thực sự cộng tác với người đồng hương của mình.

CÁCH SỐNG HÒA HỢP VỚI NGƯỜI KHÁC: QUÂN TỬ

Để cho người dân biết họ phải sống ra sao, Khổng Tử đưa ra mô hình "Người Quân Tử" hay một người cao quý hoặc sang trọng. Khổng Tử gọi người đó là "sang trọng" hay quân tử vì Ngài có niềm tin là coi những nhà cầm quyền là bậc thầy. Tuy nhiên, bất cứ ai vào bất cứ lúc nào cũng có thể sống như một người Quân Tử.

Người Quân Tử phát triển trong nhân cách của mình. Năm Đức Hạnh Kiên Định (Ngũ Thường) mà người ấy rèn tập cho đến khi chúng tự nhiên như hơi thở. Làm điều phải là một phần không thể tách rời của người quân tử. Khi Khổng Tử nói về chính Ngài rằng chẳng phải cho đến khi Ngài bảy mươi tuổi Ngài mới đi theo tiếng gọi con tim mà vẫn không vượt qua ranh giới của lẽ phải, có lẽ Ngài quá khiêm tốn hay rất nhún nhường. Tuy nhiên, người theo đạo Khổng chân chính dành thì giờ cần thiết tạo nếp sống theo lẽ phải thành thói quen đến mức không ngưng nghỉ nghĩ đến việc làm điều phải.

(1) Thái độ chính đáng (Nhân). Đức hạnh thứ nhất trong Năm Đức Hạnh Kiên Định là thái độ người Quân Tử mong muốn hòa thuận với người khác. Người Quân Tử biết không thể làm tròn vai trò của mình trong đời sống trừ phi cộng tác và sẵn lòng giúp đỡ. Thái độ chính đáng biểu lộ qua hạnh kiểm. Con người có mầm mống thái độ như vậy ngay trong bản thân mình, nhưng nó phải được giúp phát triển. Đôi khi thái độ đức hạnh này được coi là phép tự chủ bên trong.

(2) Thủ Tục Chính Đáng (Lễ). Đức Hạnh Kiên Định thứ hai là thủ tục thích đáng. Người có một tâm hồn cao thượng đã tiến hành nghiên cứu về nguyên tắc hạnh kiểm. Người ấy biết cách áp dụng chúng vào từng sự việc xảy đến. Người ấy biết tất cả phép tắc xã giao, những phép tắc này đưa ra cái mà mỗi hoàn cảnh xã hội qui định cho một người có lòng nhân ái đầy đủ. Người ấy biết tất cả những nghi lễ và nghi thức tập trung vào việc tôn thờ tổ tiên. Người ấy biết cách ngồi, cách đứng, cách nói chuyện, cách đi và cách biểu lộ diện mạo sắc thái của mình trong mọi trường hợp. Tuy nhiên, những nghi thức và thủ tục này không giá trị nếu không có một thái độ thích đáng. "Người không có lòng nhân ái trong tâm, thì làm gì với những nghi lễ?"

(3) Kiến Thức Chính Đáng (Trí). Đức Hạnh Kiên Định thứ ba là kiến thức. Người Quân Tử là một người hiểu biết, vì con người phải được giáo dục nhằm ứng phó một cách đúng đắn. Mục tiêu của người theo Khổng Giáo là phát triển dần dần những phép tắc đã thuộc lòng thành thói quen. Những đề

tài dạy người ta sửa chữa thói quen tinh thần là lịch sử, văn chương, và bốn phần công dân, đó là những cái hình thành những tác phẩm kinh điển Trung Hoa. Người Quân Tử đặt kế hoạch giáo dục của mình gồm tất cả những thiết yếu như vậy. Qua nhiều thế kỷ, những tác phẩm kinh điển Trung Hoa là nền tảng giáo dục tại Trung Hoa. Thời đại tiên tiến đã thay vào những đề tài khác, nhưng người theo Khổng giáo vẫn dành cho các tác phẩm Cổ Điển một sự kính trọng.

Khi Khổng Tử nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục, Ngài không đề xuất khái niệm mới. Ngài chỉ nhắc lại và nhấn mạnh vào điều tổ tiên đã nói. Trật tự xã hội tùy thuộc vào luân lý căn bản -- luân lý trong lời nói và hành động đứng đắn. Cũng giống như người xưa, Khổng Tử tin tưởng luân lý phải được áp dụng vào mọi bình diện cuộc sống, đồng thời nó cũng rất có ý nghĩa trên bình diện chính quyền. Vì người cầm quyền là thầy của tất cả. Những vị thầy này dạy luân lý một cách rất hiệu quả khi họ làm tấm gương tốt về luân lý và khi họ cai trị một cách nhân từ. Chỉ qua một quá trình như vậy thì cuối cùng thời đại vàng son mới sẽ đến, khi tất cả mọi người đối với nhau trong sự ân cần tử tế và coi trọng nhau.

(4) Dũng Khí Đúng Theo Luân Lý (Nghĩa). Theo Đức Hạnh Kiên Định thứ tư, người Quân Tử nên phát triển dũng khí luân lý cần thiết để trung thành với chính mình và đem lòng nhân ái tới xóm giềng. Mọi việc người Quân Tử làm bằng chí khí đó đóng góp đáng giá cho xã hội. Qua từng hành vi của người Quân Tử, mà quan hệ con người được cải tiến.

(5) Kiên Trì Chính Đáng (Tín). Đức hạnh cuối cùng của Năm Đức Hạnh Kiên Định là tầm quan trọng về tư cách của họ -- sự kiên định. Người Quân Tử đã hoàn thành bốn đức hạnh, và sẽ kiên quyết hoàn thành. Người Quân Tử bao giờ cũng tử tế và hữu ích. Người Quân Tử lúc nào cũng biết bốn phần của mình và bao giờ cũng biết cách làm bốn phần ấy. Vì người Quân Tử đã phát triển hạt giống đức hạnh trong bản tính của mình, cho nên sống hòa hợp với mọi thứ trong vũ trụ. Vì người Quân Tử có sự hòa hợp trong chính mình, cho nên là một phần của sự hòa hợp vũ trụ. Đó là lý do tại sao người Quân Tử bao giờ cũng làm điều phải đúng lúc.

LÒNG NHÂN ĐẠO HOÀN HẢO

Người theo Khổng Giáo thường nói về "lòng nhân đạo hoàn hảo". Con người có thể đạt được lòng nhân này vì người theo Khổng giáo tin là có cái gì đó trong mỗi người, ngay từ khi mới lọt lòng. Đó là một tính thiện bẩm

sinh hay tính khả ái có thể được phát triển do những cảm nghĩ giúp đỡ người khác. Chính Mạnh Tử, một người theo Khổng Giáo nổi tiếng sau này, là người nhấn mạnh tính thiện bẩm sinh của con người. Khi Mạnh Tử và Khổng Tử nói về tính thiện của con người rút cục có nghĩa là con người thích hợp để sống với người khác. Đúng là có một quá trình sửa soạn lúc đầu, như chúng ta đã nhìn thấy. Cách cư xử, thói quen, kiêu suy nghĩ và những phán xét phải được cải thiện.

Khi một người tự giáo dục lấy mình để thành người Quân Tử, người ấy tử tế, hữu ích và có đạo đức. Hạt giống tính tốt trong chính con người ấy tạo thành các đức tính ấy. Cho nên có thể có nhiều hành động thiện mà người Trung Hoa thật hết hy vọng từng liệt kê tất cả chúng từng hành động một. Khuôn vàng thước ngọc của họ được nói lên bằng ngôn ngữ tiêu cực. Tuy nhiên, nó tràn đầy mối quan tâm vì người khác. "Đừng làm cho người khác điều gì mà bạn không muốn người ta làm điều ấy cho bạn"

QUAN HỆ CHÍNH ĐÁNG

Một phần cố gắng làm cho cách sống chính đáng dễ dàng cho mọi người, người theo Khổng Giáo nhấn mạnh năm quan hệ cá nhân quan trọng đòi hỏi phải khả ái và lịch thiệp. Những điều này đã từng được dạy cho từng học sinh, nhưng hệ thống giáo dục này đã bị gián đoạn vào đầu thế kỷ này. Tuy vậy nhiều người theo Khổng Giáo vẫn nghĩ rằng nếu ai nấy đều sử dụng năm Đức Hạnh Kiên Định trong năm mối quan hệ, thời đại vàng son thực sự sẽ bắt đầu. Nếu có hạnh phúc hay hòa hợp, mười người liên hệ trong những giao tiếp này phải sử dụng thái độ có đạo đức và đức hạnh đối với nhau:

- (a) Chồng và vợ (Phu thê)
- (b) Cha và con (Phụ tử)
- (c) Anh và em (Huynh đệ)
- (d) Vua và tôi (Quân thần)
- (c) Bạn và bạn (Bằng hữu)

Xin lưu ý rằng cả hai phía đều mong mỗi là mối quan hệ. Mỗi phía đều chịu trách nhiệm về hành động, nói năng và suy nghĩ trên phương diện khả ái và hữu ích.

Một số người có thể nói rằng điều này chưa đủ. Những người khác trên xứ sở của họ và những vùng đất khác thì sao? Người theo Khổng Giáo giữ lý tưởng khoan dung và khả ái đối với tất cả láng giềng của mình và tất cả người khác trên trái đất. Nhưng cá nhân họ không giao tiếp với tất cả người

khác. Phạm vi quen biết của người ấy có giới hạn. Chính vì lý do này mà năm quan hệ cá nhân được liệt kê. Một người hành động bằng lòng tốt và quan tâm đến một số ít người mà người ấy tiếp xúc thường xuyên thì tốt hơn nhiều là chỉ nói miệng về "thương yêu" tất cả con người. Người ấy không bao giờ biết tất cả mọi người. Một đời sống thiện là ở chỗ hành động thích hợp với những người mà ta gặp hàng ngày theo những kinh nghiệm hàng ngày.

TÌNH THƯƠNG YÊU VÀ HIẾU THẢO TRONG GIA ĐÌNH

Từ lâu trước thời điểm sách vở lịch sử bắt đầu, người Trung Hoa tin tưởng rằng bốn phạm đầu tiên của một người là đối với cha mẹ. Trong những gia đình lớn theo phong tục Trung Hoa, cha mẹ, ông bà, và các cụ được coi như rất khôn ngoan, rất được thương yêu và rất được tôn kính. Cái chết của họ không giảm đi lòng kính trọng đối với các bậc ấy. Kính trọng tổ tiên là con đường trải rộng "cảm nghĩ gia đình" vượt qua cái chết. Khổng Tử và những người theo Khổng Giáo đã góp phần quan trọng trong việc giữ hiếu để tận tụy với cha mẹ đứng hàng đầu trong lý tưởng của Trung Hoa.

Trẻ em tại Trung Hoa không bao giờ được phép tự do lựa chọn và cư xử như trẻ em tại Phương Tây. Chúng được rèn luyện một cách tử tế nhưng rất kiên quyết ngay từ đầu nhằm làm cho chúng có thái độ và cách cư xử thích đáng. Không vâng lời hết sức ít có, và bất hiếu lại còn ít có hơn. Trẻ giữ hiếu với cha mẹ đến mức chấp nhận những quyết định của cha mẹ về chúng, kể cả việc lựa chọn chồng hay vợ. Người Trung Hoa tin rằng những vấn đề như thế cha mẹ khôn ngoan hơn con cái nhiều.

Đương nhiên, tính trung thành với gia đình đã thay đổi rất nhanh với những sự thay đổi khác vào thế kỷ hai mươi. Những phát triển chính trị mới đã gây ra sự đổ vỡ trong truyền thống gia đình cổ và còn có thể gây ra những thay đổi lớn hơn. Tuy nhiên, hiếu thảo là một phần của đời sống Trung Hoa từ lâu và vẫn còn ảnh hưởng tại Trung Hoa.

TÔN KÍNH TỔ TIÊN

Khổng Tử khuyến khích tôn kính và thờ cúng tổ tiên vì Ngài tin rằng việc ấy giúp cho con người phát triển thái độ và hạnh kiểm thích đáng. Khi một người dâng lễ vật trước linh vị người quá cố, người ấy nhớ lại nguồn gốc và tình thương yêu của người quá cố. Kinh nghiệm này giành được từ cảm nghĩ kính trọng và trung thành. Vì một người có hiếu vượt qua cái chết cho thấy mức tận tụy lớn hơn là chỉ kính trọng cha mẹ còn tại thế.

Nhiều người theo Khổng Giáo dâng lễ vật và những vật bị hiến tế để tưởng niệm người chết mà không bao giờ tin rằng thần hồn người chết hiện diện. Những người theo Khổng Giáo thấy việc làm này có giá trị vì việc làm ấy giúp họ xây dựng thói quen tốt về sự kính trọng người khác. Đồng thời việc ấy làm tăng thêm sức mạnh của xã hội. Vì hai lý do đó, Khổng Giáo bao gồm sự thờ cúng tổ tiên trong những mặt quan trọng về sự hành xử của con người.

CÁCH THỜ PHƯỢNG

Khổng Tử không tìm cách thay đổi hay nói nhiều về tín ngưỡng tôn giáo và những sự tu tập ở thời gian Ngài. Đơn giản là Ngài chấp nhận chúng như thế -- ở chừng mực chúng vẫn phụng sự xã hội. Ngài không màng tới khái niệm bình dân tôn giáo hay tập tục những cái bỏ qua kinh nghiệm và kiến thức thông thường. Ngài không thích nói về quỷ thần mà nhiều người thờ cúng vì mê tín dị đoan và sợ hãi. Một lần, Đức Khổng Tử nói với một môn đồ hỏi Ngài về quỷ thần, "Trong khi bạn không thể phụng sự con người, làm sao bạn có thể phụng sự được quỷ thần?" Đối với Ngài, thật phí thì giờ để bận tâm về điều mà bạn không biết rõ ràng. Đời sống sau khi chết là một thí dụ khác. "Trong khi bạn không biết đời sống, làm sao bạn có thể biết được về cái chết". Ta không có thì giờ về những điều ta không thể biết, vì ngay cả biết xóm giềng cũng cần đến một đời người.

Khổng Tử không quan tâm đến khái niệm về Thượng Đế và những vấn đề khác trong thần học. Nhưng Ngài có một sự tận tụy thực sự đối với những buổi lễ tôn giáo cổ, vì Ngài tin những cuộc lễ này giúp xây dựng thái độ và thói quen cần thiết cho một hạnh kiểm thích đáng. Tôn giáo cá nhân của Ngài giới hạn vào sự thờ phượng tổ tiên, cách sống luân lý của Năm Đức Hạnh Kiên Định, và sự công nhận tôn thờ Ngọc Hoàng trên thiên đường. Phần lớn, Khổng Tử chấp nhận tôn giáo cổ Trung Hoa là sự tôn thờ pha trộn các thần thiên nhiên và tổ tiên.

Số đông người Trung Hoa thờ Trời như vị thần tối thượng hay một trong nhiều thần với sự giải thích khác nhau đối với bất cứ vị thần nào. Sự thờ phượng Ngọc Hoàng Thượng Đế đã là một sự thờ cúng hoàng gia, cai quản suốt trong lịch sử Trung Hoa của các vị hoàng đế với những nghi lễ về mùa màng. Rất ít người theo Khổng Giáo cùng với những nhà trí thức Trung Hoa khác, tham dự tích cực vào sự thờ phượng Ngọc Hoàng. Tuy nhiên họ có khuynh hướng ủng hộ những cuộc lễ của nhà Vua là có giá trị vì chúng giúp người dân nhớ lại nguồn gốc của họ.

Nhiều người hỏi: Không Giáo có phải là một tôn giáo không? Chính Không Tử cũng không cho rằng điều ngài dạy là tôn giáo. Ngài không mong chờ sự thiên khải từ Ngọc Hoàng như một sự ủy quyền về điều ngài dạy. Ngài nói với đệ tử của Ngài kính sợ Ngọc Hoàng là tốt vì đó là một thế lực thông minh, sáng tạo chuyên vận một cách hoàn toàn tự nhiên thông qua Đạo. Trời vô tư và công bằng. Sau này những người theo Không Giáo thêm vào niềm tin này là Ngọc Hoàng là một vị thần, nhưng là một vị thần không có ảnh hưởng gì đến con người hay thế giới mà Ngài tạo ra. Tuy vậy, trọng tâm chính của Không Giáo bao giờ cũng là lòng nhân đạo. Mạnh Tử mô tả ý muốn của Trời về những gì có ý nghĩa đối với con người bằng cách nói rằng hãy giữ đúng bản chất của nó là con đường của Trời. Cố gắng trung thực với bản chất của Trời cũng là con đường của con người.

Không Tử coi mình là một nhà cải cách xã hội chứ không phải là một nhà lãnh đạo tôn giáo. Ngài mơ ước và làm việc cho một xã hội trong đó con người sống trong sự hòa hợp hoàn hảo. Nếu điều Ngài dạy không phải là tôn giáo thì ít nhất cũng là sùng đạo. Không Tử dạy niềm tin của Ngài vì Ngài tin là niềm tin này được hỗ trợ bởi bản chất của mọi sự. Giáo huấn của Ngài là muốn đem con người vào sự phù hợp với thực tế.

ĐỊA VỊ CỦA KHÔNG TỬ TRONG LỊCH SỬ TRUNG HOA

Trong cuộc đời mình, Không Tử là một bậc thầy được kính trọng, nhưng Ngài chỉ là một trong nhiều bậc thầy. Khi Ngài còn sống, tiếng tăm và sự yêu mến của nhân dân đối với Ngài không bao giờ đủ dẫn đến việc áp dụng những giáo huấn của Ngài trong chính quyền. Trái lại Ngài đã bỏ ra nhiều năm cố thuyết phục hết vị vua này đến vị vua khác áp dụng lý tưởng của Ngài, nhưng tất cả đều vô ích. Ngài có một số môn đồ trung thành tin chắc vào tính hơn hẳn về lý tưởng của Ngài, nhưng những người khác không hoàn toàn đồng ý về ý kiến này. Mãi cho đến mấy trăm năm sau khi Ngài chết, giáo huấn của Đức Không Tử về luân lý mới bắt đầu giành được một địa vị quan trọng trong đời sống người Trung Hoa.

Những tác phẩm cổ điển Trung Hoa mà Ngài đã đầu tư quá nhiều thời gian và tư tưởng vào trở thành cơ sở cho khoa cử công chính về chức vụ chính quyền. Việc này đánh dấu thời buổi toàn bộ mẫu hình đời sống Trung Hoa bắt đầu là Không Giáo. Hơn hai nghìn năm tư tưởng của Không Giáo chi phối giáo dục, chính quyền và văn hóa. Việc này chính thức bị chấm dứt ngay vào đầu thế kỷ này, nhưng con người thay đổi chậm hơn thể chế. Tất cả dân chúng không đột nhiên quên những truyền thống cổ.

Lý tưởng cá nhân của Khổng Tử chưa bao giờ tiến tới mức phát triển trọn vẹn, dù những lý tưởng này uốn nắn tiến trình văn minh Trung Hoa. Đôi khi vua chúa và các chính trị gia dường như tỏ ra thành thật hơn trong thực tế khi họ đi theo giáo huấn về luân lý của Ngài hy vọng sự trung thành bề ngoài với Khổng Tử của họ có thể giành được ủng hộ từ người dân. Đôi khi họ truy tặng chức tước và phẩm hàm cho Ngài và cho các hậu duệ của Ngài.

Ngay sau cái chết của Ngài, Khổng Tử đã được tôn nhận gia đình tôn thờ thành tiên tổ. Những người khác cũng tiếp tay trong việc tôn thờ vì tại Trung Hoa người ta kính trọng thầy như cha mẹ. Giáo huấn của Ngài bao giờ cũng làm những người hâm mộ Ngài quan tâm chứ không bao giờ bằng một hành vi phép lạ hay đặc tính siêu phàm. Khổng Tử được tôn thờ như một vị thánh, nhưng đó chỉ là sự thờ phượng của người vô học tin tưởng rằng điều quan trọng là thờ phượng cho nhiều chứ không phải thờ phượng có suy nghĩ. Có lẽ loại thờ phượng này có thể được mô tả như sự thờ phượng anh hùng đặc biệt. Nói chung, Khổng Tử là một vị thầy lớn tại Trung Hoa và tại Nhật Bản với ảnh hưởng ít hơn. Ngài đã được vinh danh cao hơn bất cứ người nào khác trong toàn bộ quốc gia lịch sử của Ngài.

KHÔNG GIÁO, SỰ SÙNG BÁI TÔN GIÁO

Đôi khi những cố gắng mạnh mẽ được thực thi để cũng cố Không Giáo thành quốc giáo, với Khổng Tử hồ như là vị cứu tinh. Những nỗ lực này bị thất bại vì một số lý do. Thứ nhất, người Trung Hoa thường quen với tự do tôn giáo, và khái niệm chỉ có một tôn giáo quốc gia làm họ khó chịu. Thứ hai, dường như họ không muốn biến Không Giáo thành tôn giáo như Lão Giáo và Phật Giáo. Có lẽ với họ đã từ lâu đó là cơ sở chính trong đời sống của họ để họ giới hạn nó vào một tôn giáo có tổ chức.

Những phong trào chính trị mới tại Trung Hoa đôi khi đổ lỗi cho Không Giáo và Khổng Tử về nhiều điều xấu xa của xã hội Trung Hoa. Việc này một phần là do sự cố gắng làm mất uy tín những truyền thống và tín ngưỡng cổ, hầu mang lại ý tưởng mới cho chính quyền và giáo dục. Ngày nay, Khổng Tử không còn giữ địa vị được kính trọng như trước đây trong ký ức và lịch sử dân tộc của Ngài.

ĐỜI SỐNG ĐÒI HỎI GÌ NƠI CON NGƯỜI?

Dù giáo huấn của Ngài chưa bao giờ đạt được thành công mà Khổng Tử mong muốn cho họ, song một số khái niệm quan trọng của Ngài tồn tại sau cái chết của Ngài và những thế kỷ sau này. Những ý tưởng này đã trở thành

một sự đóng góp đặc biệt cho Trung Hoa và quốc gia láng giềng, Nhật Bản, nơi người ta thường thấy giá trị tư tưởng và nghệ thuật Trung Hoa được vay mượn. Thực ra, đời sống và tư tưởng của nhà triết gia khả ái này đã đóng góp vào kiến thức của toàn thể thế giới.

Trên hết, Khổng Giáo kêu gọi mọi quan tâm mạnh mẽ về lòng nhân đạo. Lập luận chính của người theo Khổng Giáo với cả hai Phật tử và người theo Lão Giáo đã là họ quay lưng lại với người đồng loại để đi tìm những điều gì tốt nhất cho chính họ. Không bao giờ, không bao giờ nên coi bản thân quan trọng hơn xã hội. Mỗi một người phải tìm thấy sự hoàn thành nhiệm vụ trong chính hành động giúp đỡ và biết người khác.

Khổng giáo đòi hỏi những người cai trị và các nhà lãnh đạo một sự giải thích đặc biệt đối với người dân họ trị vì. Lý do duy nhất mà những người cai trị tồn tại là giúp dân được tốt hơn. Nếu khái niệm này được chấp nhận một cách nghiêm chỉnh bởi những nhà lãnh đạo quốc gia, nghệ thuật quản lý nhà nước, sẽ đạt được đỉnh cao mới, và đời sống của tất cả sẽ được cải thiện. Cuối cùng người theo Khổng Giáo nói, cả đến hòa bình thế giới sẽ đạt được.

Ai có thể nói tất cả điều tốt đẹp có thể dẫn đến kết quả nếu gia đình chấp nhận trách nhiệm mà Khổng Tử trao cho họ? Khổng Giáo đặt trước gia đình tầm quan trọng trong công việc gia đình về giáo dục luân lý. Nó vạch ra sự gắn liền luân lý vào đời sống thật tự nhiên và tươi sáng như thế nào.

"Đời sống đòi hỏi gì nơi tôi? Theo truyền thống Trung Hoa nói: Nó đòi hỏi thái độ và hạnh kiểm tốt. Nó đòi hỏi bạn chấp nhận quyền lợi của đồng loại phải được đặt trên hết trong sự quan tâm của bạn. Trong cách sống như vậy với người khác, bạn sẽ đạt được điều thiện to lớn nhất -- bạn sẽ tìm thấy một địa vị trong thế giới này. Bạn sẽ tìm thấy chính bạn.

---o0o---

CHƯƠNG BỐN - TÔN GIÁO CỦA NHẬT BẢN

12. THẦN GIÁO: CON ĐƯỜNG CỦA NHỮNG VỊ THẦN

Có nhiều người nghĩ rằng Thần Giáo, tôn giáo địa phương của Nhật Bản, không còn nữa hay tôn giáo này đang chết rất nhanh chóng. Họ nghĩ rằng tôn giáo bắt đầu suy thoái với sự đầu hàng của Nhật Bản vào lúc kết liễu Thế Chiến Thứ Hai. Nhưng tín ngưỡng và tập tục truyền thống vẫn có con đường sống. Không bao giờ có thể ban sắc lệnh hay làm luật để loại bỏ tín ngưỡng

ra khỏi đời sống. Sự thất trận của Nhật Bản trong Thế Chiến Thứ Hai và sự chiếm đóng của Mỹ Quốc trong những năm theo sau đó chắc chắn có thay đổi một số lễ nghi và tu tập tôn giáo. Dầu vậy vẫn còn một số không thể thay đổi được. Đó là tinh thần tôn giáo cơ bản của người Nhật. Họ gọi nó là Thần Giáo, "con đường của những Vị Thần".

Người Nhật Bản chia sẻ niềm tôn kính Phương Đông về di sản văn hóa của họ. Trong một trăm năm vừa qua, sự tôn thờ quá khứ đã bị đặt trước thử nghiệm mạnh nhất mà ta không thể tưởng tượng được. Nhật Bản vẫn tồn tại và tiến tới một cuộc cách mạng -- cuộc tấn công dữ dội của công nghiệp hóa và quan niệm Phương Tây, và hai cuộc chiến tranh thế giới, một trong hai cuộc chiến dẫn đến sự thất bại liểng xiểng. Không có một nước nào đã phải chuyển từ chế độ phong kiến thành hệ thống công nghiệp qui mô lớn quá nhanh như vậy. Thế mà hàng ngày người dân của xứ đó vẫn thưởng thức vẻ đẹp của nó, hết sức tôn trọng nhau, và một tận tụy sâu sắc với xứ sở của họ.

Đúng là quan niệm của người Nhật đang thay đổi. Nhưng từ khi lịch sử Nhật Bản cho thấy sự thay đổi liên tục trong tám mươi năm qua hơn là nghìn năm trước, thật là khó mà lập biểu sự thay đổi. Chúng ta phải nhớ rằng tương lai đến từ hiện tại, khi hiện tại bắt nguồn từ quá khứ. Cho nên, có thể chắc chắn cho rằng những giá trị yêu quý nhất đối với người Nhật Bản sẽ cùng với họ đi vào tương lai.

TÍNH CHẤT GIỐNG THIÊN NHIÊN

Một người Nhật chắc hẳn phải hỏi, "Đời sống là gì?". Nhưng người ấy không đặt câu hỏi "Đời sống của tôi là gì?". Họ thấy mình là một phần của những điều kỳ diệu sinh động đầy cảm hứng trong mọi thứ tồn tại. Họ có cảm giác gần gũi với thiên nhiên mà người Âu Châu hay Mỹ Châu bình thường không có.

Người Nhật lúc nào cũng cảm thấy sự lôi cuốn bởi không gian bên ngoài -- cát, gió, tinh tú, sóng, tiếng kêu côn trùng, bản nhạc của thác nước.

Người Nhật tin tưởng rằng cùng những lực tuyệt diệu như thế vận chuyển trong thiên nhiên cũng chuyển động trong chính họ. Không có gì khác biệt. Không có ranh giới ngăn cách giữa thần thánh và con người. Vì lý do này, tôn giáo và đời sống của một con người đã đi vào lẫn nhau nên hầu như không thể nói nơi nào cái này bắt đầu và cái kia chấm dứt. Những ai cho rằng Thần Giáo không phải là một tôn giáo chắc hẳn bị bối rối bởi khuynh

hương này. Với những người Nhật Bản chín chắn, tôn giáo là phải như vậy. Tại sao tôn giáo phải là cái gì đó "thêm vào" đời sống con người?

Người Nhật tìm thấy sự an ủi và cảm hứng trong cái đẹp của môi trường chung quanh. Họ đã xây dựng những ngôi đền ở những chỗ có vẻ đẹp rất ngoạn mục. Họ cố gắng giữ mình luôn hòa nhịp với tất cả vẻ yêu kiều hương về chúng:

Chỉ cần một lá cây,
Hay một cọng cỏ mềm mại,
Vị Thần kinh hoàng
Tự hiện ra.

Thói quen về cái đẹp dẫn người Nhật tham dự những cuộc lễ và liên hoan dường như lạ lẫm với chúng ta. Liên Hoan Nghe Côn Trùng là một thí dụ về việc này. Vào một buổi tối yên tĩnh vào những tuần đầu mùa thu, hoàng đế và hàng ngàn thần dân yên lặng ngồi nghe những tiếng động của nhiều loại côn trùng. Giống như kiểu câu chuyện về một đạo sư Thiên Phật Giáo bước ra trước lớp học để giảng một bài Pháp. Đạo sư này dừng lại để nghe tiếng chim hót ngoài cửa sổ, và rồi cho giải tán lớp học. Có nhiều những bài thuyết giảng về thiên nhiên -- và người Nhật tự do thưởng thức.

Vào thời điểm cây anh đào trở hoa, người Nhật thường đóng cửa tiệm và đi đến các công viên và miền quê để thưởng ngoạn vẻ đẹp của hoa anh đào nở trước khi chúng tàn héo. Đôi khi họ dành những buổi chiều tối vào việc ngắm trăng. Hay họ ngồi hàng giờ ngắm cái đẹp của mảnh vườn, hoặc cắm hoa, hoặc cả đến ngắm nhìn một nhánh cây hay một chiếc lá.

Ngắm cái đẹp của chúng dẫn dắt họ trau dồi cái đẹp tại nhà, tại sân của riêng họ và trong tất cả những nghề thủ công mỹ nghệ. Họ cần cù tìm cảm hứng mà cuộc sống và thiên nhiên hiến dâng cho họ. Đôi khi họ dùng thơ để bày tỏ cảm nghĩ về tính cách giống thiên nhiên.

Thường thường người Nhật Bản làm thơ rất ngắn, chỉ diễn tả đủ để truyền cảm của họ. Đương nhiên, thường là thơ của họ không truyền đạt cùng cảm nghĩ tới một người nào đó, nhất là đối với các độc giả ở xứ khác. Mà là ta giải thích cho chính ta. Ai có thể nói một thi phẩm phải nói gì?

Dưới đây là một vài thí dụ về những vần thơ thiên nhiên của người Nhật có thể là có nhiều hoặc ít ý nghĩa mà người đọc có thể tìm thấy ở chúng:

Trên cánh hoa mạn nở,
Bông tuyết rơi dày đặc;
Tôi ước gom một ít
Để trao đến tận người
Nhưng tuyết tan trong tay tôi

Trên những sườn đồi dốc
Tuyết vẫn còn nằm đó --
Nhưng dưới chân cây liễu,
Nước lũ chảy ào ào,
Xuân đâm chồi nảy lộc.

Tôi sẽ so sánh gì
Cuộc đời này của ta?
Nó giống như con thuyền
Đi khỏi lúc rạng đông
Không để lại vết tích.

Bầu trời là biển cả
Nơi sóng mây cuộn cuộn
Mặt trăng là con thuyền;
Tiến về các chòm sao
Chèo theo đường của nó.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA SỰ THANH KHIẾT

Bầu trời, hoa lá, cây cối và cảnh đẹp nói với người Nhật Bản về cái đẹp và sự thanh khiết. Qua nhiều thế kỷ, người Nhật Bản nhìn vào những cảnh như vậy với lòng tôn kính. Họ cảm thấy nỗi kính sợ trong sự hiện diện của vẻ yêu kiều thanh khiết mà họ ý thức sâu xa. Họ mong ước xứng đáng với nó. Điều này đã khiến họ ngưng không tranh đấu cho sự thanh khiết bên trong và bên ngoài.

Người Nhật không lại gần nơi thờ cúng ở nhà hay nơi công cộng mà lại không tham dự lễ tẩy uế trước. Có các máng nước đặc biệt gần nơi thờ cúng công cộng để người đi hành lễ có thể dùng nước đó để rửa tay và xúc miệng.

Chỉ sau khi người ta làm cho chính mình trong sạch theo cách đó người ta mới nghĩ mình đáng được lễ tẩy tại đền. Những người Nhật chín chắn nhận thức đây là sự tượng trưng cho sự thanh khiết nội tâm không thực sự tùy thuộc vào sự tẩy uế bên ngoài.

Nhà của người Nhật là kiểu mẫu về sạch sẽ và ngăn nắp. Bàn thờ thần -- trung tâm thờ cúng Thần Giáo tại gia được giữ sạch sẽ tinh tươm. Bàn thờ ở những nơi thờ cúng thường xuyên được làm lại để không một tình trạng mục nát nào làm hại nơi chốn của vẻ đẹp này.

Ở Nhật Bản xưa, có lễ bán niên gọi là Đại Lễ Tẩy Uế. Tất cả mọi người tham gia lễ này bằng cách chà xát những chiếc áo giấy lên trên thân mình rồi đem đốt hay ném xuống sông, hồ hay biển. Rồi hoàng đế, nói với Nữ Thần Mặt Trời, tuyên bố tất cả mọi người lại trong sạch. Từ xa xưa, người Nhật Bản cố tin chắc là việc tẩy uế thân xác rất quan trọng đối với các vị thần. Sau này, những người Nhật Bản nghĩ rằng thân cũng muốn sự thanh khiết về đạo đức. Đại Lễ Tẩy Uế tượng trưng cho cả hai.

Những nghi lễ như vậy khiến người dân cảm thấy đúng đối với chính họ và đối với thế giới. Những người Thần Giáo coi trọng việc tổ chức các lễ này thường xuyên, để họ có thể cảm thấy thoát khỏi sự ô uế. Họ không lo lắng về những tội lỗi hay sai lầm cá nhân. Họ quan tâm đến tất cả người dân của họ đến mức họ cảm thấy phải chia sẻ tội lỗi vì khuyết điểm và ô uế chồng chất của bất cứ người nào. Tội lỗi gộp lại này khiến họ tìm sự thanh khiết cho toàn bộ xã hội Nhật.

SỰ TẬN TỤY CỦA NGƯỜI NHẬT BẢN

Người Nhật Bản đọc truyền thuyết cổ điển về sự khởi đầu đất nước của họ trong "Biên Niên Sử Nhật Bản", từ Nihongi, và những "Hồ Sơ về Những Sự Kiện Cổ", từ Kojiki. Họ đọc Nữ Thần Mặt Trời, Amaterasu, cho người cháu xuống làm vua đầu tiên tại các hải đảo. Đây là điều mà nữ thần này nói với người cháu: "Ta nghĩ rằng đất nước này chắc chắn thích hợp cho sự mở rộng nhiệm vụ thiên giới để vinh quang có thể tràn đầy vũ trụ. Chắc chắn nó là trung tâm của thế giới".

Cùng sự đánh giá cao như vậy về xứ sở đã là sự quan tâm đầu tiên của người dân Nhật. Họ tận tụy say mê với những hải đảo đẹp đẽ của họ. Họ làm ruộng với lòng kiên nhẫn vô bờ bến. Họ săn sóc vườn tược, công viên và trang trại với sự tinh xảo dễ mến.

Các Dân Tộc khác từ lâu đã trở nên quen thuộc với lòng trung thành mãnh liệt của người dân Nhật đối với xứ sở của họ, với đồng hương của họ, và với hoàng đế của họ. Nó bắt nguồn từ cảm tính họ là con cháu của những vị thần và xứ sở của họ là đất đai được các vị thần chọn, và hoàng đế của họ là dòng dõi trực tiếp của Amaterasu (Thái Dương Thần Nữ). Truyền thống này, thêm

vào sự kiện hàng nhiều thế kỷ, dân Nhật hầu như sống biệt lập trên các hải đảo của họ nhiều thế kỷ, là nguyên nhân chính của "tinh thần Nhật Bản"

Mỗi một người dân Nhật đều quan tâm đến tất cả người Nhật. Cái gì tốt cho toàn bộ nước Nhật cũng là cái mà mỗi người dân Nhật mong muốn cho chính mình. Hạnh phúc của dân tộc ảnh hưởng đến toàn thể. Hoàng Đế nhắc nhở họ về dòng dõi thiêng liêng và trách nhiệm của họ đối với quốc gia. Chính vì vậy mà người dân Nhật hết sức tận tụy với hoàng tộc trước khi Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt.

Lòng trung thành của người Nhật là một đức hạnh cao đến mức người quân nhân thường hy sinh thân mình không hề do dự. Thực ra, đôi khi họ nhiệt tâm làm như vậy vì tin rằng linh hồn của họ có thể giúp bảo vệ đất nước. Một phần, đặt giá trị vào lòng can đảm và trung thành bắt nguồn từ quá khứ phong kiến gần đây của Nhật Bản khi những hiệp sĩ được giáo dục trở thành chiến sĩ can cường. Dù chế độ phong kiến đã bị thay thế nhưng tinh thần ấy vẫn còn truyền lại đến ngày nay. Trung thành và danh dự vẫn là những thái độ thiêng liêng của người Nhật.

SẢN LÒNG HỌC HỎI

Sự quan tâm mãnh liệt đến văn hóa riêng của họ không ngăn trở người Nhật học hỏi nơi người khác. Họ đã vay mượn triết lý và đạo đức từ người theo Không Giáo, tôn giáo và nghệ thuật từ người theo Phật Giáo, và kỹ thuật công nghệ từ người Phương Tây. Nhưng khi sự trao đổi hàng hóa và khái niệm diễn ra, Nhật Bản tiếp nhận chúng theo cách riêng của mình. Trên đất Nhật, những thứ đó trở thành Nhật Bản.

Về tôn giáo, người Nhật học hỏi rất nhiều từ những gì mà người theo Không Giáo và Phật Tử Trung Hoa có thể dạy họ. Nhưng Thần Giáo vẫn còn là một tính cách ái quốc cao của dân tộc Nhật. Có thời kỳ, Quốc Gia Thần Giáo -- hay Đền Đài Thần Giáo -- được dạy tại các trường học dưới hình thức nghi lễ và được điều hành bởi một ngành đặc biệt của chính phủ. Mới đây việc này đã thay đổi, và một số liên hoan theo mùa màng đã không còn được thực hiện rộng rãi. Ngày nay, khi một người Nhật tự gọi mình là Thần Giáo, có thể có nghĩa là người ấy là thành viên của một trong số các giáo phái Thần Giáo. Hay có thể có nghĩa là người ấy kính trọng và tôn thờ những truyền thống quá khứ như "Con đường của các thần" ngay dưới Phật Giáo hay những tôn giáo khác.

LÒNG HÀO HIỆP CỦA CON NGƯỜI

Người Nhật thấy đời sống rất tốt đẹp, và họ sung sướng chấp nhận nó như thế. Họ không cố ý nghi ngờ điều đó. Họ chấp nhận đời sống một cách vui vẻ hơn một số môn đồ của một số tôn giáo. Ngay cả những người Phật Tử tại Nhật Bản cũng không quá thiên về cái khổ của đời sống. Người Thần Giáo cảm thấy "Ở Nhà" trong thế giới này. Họ tin rằng các thần mong muốn sự sung sướng và hạnh phúc của họ. Đời sống tốt đẹp và con người cũng tốt đẹp. Làm sao có thể trái ngược lại được khi các thần tạo ra họ?

Thần giáo không có bản liệt kê các điều răn và không có bản điều luật luân lý phải theo. Hơn một trăm năm mươi năm trước, một nhà học giả Nhật viết: " Chính là vì người Nhật thực sự đạo đức trong việc thực hành nên họ không cần đến lý thuyết đạo đức, và sự quan trọng hóa của người Trung Hoa về lý thuyết đạo đức là do thực hành không nghiêm của họ."

Một người Nhật khác cùng thời vạch ra rằng con người được tạo ra "bởi tinh thần của hai Thần Sáng Tạo (Izanagi và Izanami). Cho nên tự nhiên là họ được phú cho kiến thức về những gì họ phải làm và phải tránh. "Họ không cần phải bận tâm với hệ thống luân lý ", ông viết thêm vào như vậy.

Vì người Nhật cảm thấy con người thực sự tốt bụng, nên họ không bao giờ lo lắng về tội lỗi. Con người có thể gây lầm lỗi, lầm lỗi này có thể được gọi là "tội lỗi", nhưng không phải là tràn đầy tội lỗi. Người Nhật tôn thờ qua việc tặng lời cảm ơn hơn là kể lễ nhượng điểm của mình và tìm cách xin tha thứ cho họ. Không ai dạy người thần giáo nghĩ chính mình là "đồ giun dế trong cát bụi".

Người Thần Giáo không bao giờ quan tâm đến khái niệm kiếp sau. Không có lời dạy nào về cuộc đời bên kia ngôi mộ, và người Thần Giáo không cầu nguyện cho hạnh phúc tương lai. Họ cầu nguyện nhiều hơn về những thứ rõ ràng như thực phẩm, hạnh phúc, phúc lợi của quốc gia và bày tỏ lời cảm ơn. Dù Thần Giáo không nhấn mạnh đời sống sau khi chết, thì Phật Giáo đã đáp ứng cho dân tộc Nhật. Dân tộc Nhật Bản cũng như dân tộc Trung Hoa, thích phối hợp giáo lý từ nhiều tôn giáo.

THẦN

Hầu hết người Thần Giáo nói về "Thần". Đối với đa số người Thần Giáo, có nhiều Thần và Nữ Thần, bày tỏ lợi ích của con người và mọi mặt của thiên nhiên. Những nhà Thần Giáo tri thức có thể nói về "thần thánh". Đối với họ, tính thần thánh có trong mọi thứ hoàn toàn thiên nhiên vì không có gì siêu nhiên. Đặc tính thiêng liêng này cũng ở trong con người dù rằng con người

không hiểu làm sao nó có thể như thế. Sự tôn kính nhiều thần và hồn thiêng các anh hùng, và những người nổi tiếng chỉ là công nhận tính thần thánh hiện diện trong tất cả thầy đời sống.

Những người chín chắn hơn trong Nhật Bản hiện đại tin tưởng vào một Thần. Hay họ có thể giải thích điều đó như là niềm tin vào một nguồn gốc vì đặc tính thần thánh của toàn bộ đời sống. Nhưng Thần Giáo phát triển rộng lớn nhờ niềm tin vào nhiều thần. Tài liệu từ năm 901 sau Công Nguyên cho thấy ba nghìn ngôi đền tại Nhật Bản, có trên ba nghìn thần được thờ cúng. Đến năm 1914 có trên 190,000 ngôi đền tại Nhật. Có hàng trăm ngàn người thăm viếng các ngôi đền chính hàng năm. Những ngôi đền khác chỉ là những ngôi đền gần đường ở xa quận lỵ.

Thái Dương Thần Nữ, là trung tâm của sự thờ phượng Thần Giáo. Người anh em, Thần Đông Tố, được tôn kính rộng rãi, và Nữ Thần Thực Phẩm cũng vậy. Tất cả thần đều là dòng dõi của cặp thần gốc đã sinh ra những hải đảo của Nhật cũng như vô số các vị thần khác. Những vị thần này được gọi là Izanagi, Bà trời cha và Izanami, Đất Mẹ. Thần thoại Nhật Bản đầy những chi tiết về chuyện sáng tạo, gồm cả chuyện về Izanagi (Trời) ra lệnh cho Amaterasu (Thái Dương Thần Nữ) trị vì Miền Thượng Giới. Từ nhiều năm, Thái Dương Thần Nữ là biểu tượng của mọi thứ quý giá nhất trong sự phát triển của dân tộc Nhật.

Khi Thái Dương Thần Nữ phái người cháu trai trị vì Nhật Bản, nữ thần này tặng cho người cháu ba báu vật thiêng liêng nhất trong Thần Giáo. Đồ châu báu cho hoàng đế, được để ở cung vua tại Tokyo, là những biểu tượng của sự phục tùng và tính quyền quý. Thanh gươm, giữ tại đền Owari, tượng trưng cho trí tuệ và công lý và tấm gương, để tại ngôi đền Ise, tượng trưng sự ngay thẳng và thanh khiết. Những người thần giáo tin rằng những huyền thoại và báu vật này dùng để nhắc nhở họ về quyền lực thiêng liêng được trao cho các hoàng đế dùng để trị vì.

THỜ PHƯỢNG THẦN GIÁO

Từ cuộc chiến tranh mới đây, đã có những thay đổi mạnh mẽ trong đời sống và tập quán Nhật Bản. Không thể nào có thể tiên đoán được những nghi lễ Thần Giáo cổ sẽ tiếp tục ra sao vào những năm tới. Hiệp ước hòa bình ký kết giữa Nhật và Hoa Kỳ và sự rút lui của những lực lượng chiếm đóng có thể đặt lại tầm quan trọng trong văn hóa vốn có của Nhật, hay có thể là không. Hoàng đế, bằng sắc lệnh của chính mình, đã tuyên bố rằng Ngài không còn

được coi là dòng dõi Thái Dương Thần Nữ. Tuy vậy những tập quán và cảm tưởng của thần dân trung thành Nhật có thể đã có thể rõ ràng bị ảnh hưởng bởi lời tuyên bố này.

Người Nhật tiếp tục đi tới các ngôi đền có những thần và nữ thần khác nhau, để cầu nguyện cho được mùa, thực phẩm, hay sự thịnh vượng quốc gia. Họ tự tẩy uế theo phong tục và chắp tay cung kính như người Phương Đông thường làm. Rồi họ dâng lễ vật, tiền bạc, gạo, cối giày, và vào phòng cầu nguyện.

Người thần giáo không sử dụng hình ảnh của các thần mà sử dụng biểu tượng của các thần. Trên những kệ thờ thần có những bài vị hay những mảnh giấy ghi tên những vị thần mà họ muốn tôn kính. Một ngọn đèn được đốt tại đây, và gia đình đặt hoa cùng một chút rượu vang hay bánh cốm bồng ở đó hàng ngày nếu có thể được. Những người Thần Giáo trung thành cố gắng tổ chức nghi lễ cầu nguyện ngắn trước bàn thờ thần mỗi ngày.

Những thầy tu Thần Giáo, sống như thường dân, hướng dẫn các buổi lễ chính thức trong những ngày lễ quan trọng. Họ không thường xuyên thuyết giảng vào các buổi lễ hàng tuần. Họ chịu trách nhiệm bảo vệ những đồ vật thiêng liêng trong ngôi đền. Thường thường họ có một công việc khác ngoài việc làm thầy tu.

Những ngôi đền Thần Giáo có một cổng vào đặc biệt, gọi là torri. Không ai biết chính xác làm sao mà cấu trúc hấp dẫn này trở thành một phần của ngôi đền; cái nguyên thủy đích thực của nó đã bị mất từ thời cổ. Chắc là nhiều năm trước đây nó dùng để treo chim hiến tế cho Thái Dương Thần Nữ. Tuy nó không còn dùng cho mục đích này, nhưng cái cổng vào vẫn có ở lối vào tại mỗi ngôi đền Thần Giáo. Đôi khi có một dãy cổng vào. Cổng vào là biểu tượng để phân biệt của Thần Giáo.

CÁC GIÁO PHÁI THẦN GIÁO

Những ngôi đền Thần Giáo hay "nhà thờ" thấy ở các nước khác không phải là một phần của Thần Giáo Quốc Gia mà là dạng thức giáo phái Thần Giáo. Chúng ta có thể gọi chúng là giáo phái. Chúng không được nhà nước hỗ trợ và không tùy thuộc vào ân sủng của Hoàng Đế Nhật Bản. Những người Mỹ gốc Nhật theo giáo phái này không thích đề cập đến những phong trào này bằng cùng cái tên Thần Giáo.

Tuy nhiên hầu hết các giáo phái, đưa vào giáo lý và nghi lễ của họ nhiều yếu tố của Thần Giáo quốc gia cũng như của Phật Giáo. Tại Nhật, mười ba giáo phái như vậy được chính thức công nhận; nhưng có nhiều giáo phái khác không được chính thức liệt kê. Nhiều trong những giáo phái này áp dụng phương pháp giáo dục và truyền giáo của giáo phái Cơ Đốc. Một số trong giáo phái tập trung việc thờ phượng vào Thượng Đế chung toàn năng. Một số nhấn mạnh niềm tin có tác dụng chữa lành bệnh.

Câu trả lời tôn giáo về "tinh thần Nhật Bản" cổ vẫn còn là một sức mạnh đáng kể trong đời sống tôn giáo của thế giới ngày nay. Người Nhật đã tìm thấy sự thỏa mãn sâu xa cho chính họ. Họ khiến những người khác nghĩ rằng mình cũng có thể tìm thấy sự thỏa mãn tương tự bằng cách hoàn toàn chấp nhận đời sống là như thế và hưởng thụ những vẻ đẹp và sự kỳ diệu mà đời dâng hiến cho những người đã bỏ thì giờ để quan sát và nghe ngóng.

---o0o---

CHƯƠNG NĂM - NHỮNG TÔN GIÁO XÊ-MÍT (SEMITIC)

DO THÁI GIÁO

13. CHÚA TÊ LÀ MỘT

Toàn thế giới biết đến người Do Thái. Cuộc đời nay đây mai đó mang họ đi khắp trái đất. Họ mang theo tôn giáo của họ mà hầu hết những người Do Thái trung thành mãnh liệt với tôn giáo của họ. Khi mặt trời lặn vào lúc bắt đầu lễ Sabbath, nhiều triệu người Do Thái bắt đầu ngày nghỉ và thờ phượng. Số người của họ không nhiều so với tổng dân số trên thế giới. Nhưng thành công mà người Do Thái đã tạo dựng trên thế giới lại rất rộng lớn và có ý nghĩa đáng kể.

Do Thái Giáo là "tôn giáo mẹ" của cả Cơ Đốc Giáo và Hồi Giáo. Ba tôn giáo này là những tôn giáo chính của thế giới Tây Phương. Cơ Đốc Giáo và Hồi Giáo thừa hưởng những khái niệm tôn giáo, luân lý và tu tập từ Do Thái Giáo. Nếu một sử gia không lưu ý đến việc đóng góp của người Do Thái vào việc phát triển văn minh Tây Phương, thì sử gia ấy không thể viết về quá khứ của nó và hiểu biết hiện tại của nó.

Do Thái không thuộc một giống người nào. Đời sống lang thang khắp trái đất của họ khiến cho việc này không thể xảy ra. Hàng ngàn năm qua, họ là một nhóm các bộ lạc, gọi là Hê Bơ (Hebrews). Bây giờ từ "Do Thái" áp

dụng đúng cho bất cứ ai là người có niềm tin Do Thái. Nói về mặt quốc gia, người Do Thái là người Đức, Ả Rập, Mỹ, và hầu hết mọi thứ người khác.

Mặc dù quê hương dân tộc trải rộng, người Do Thái vẫn giữ được nhiều thời đại ý thức gắn gũi nhau Họ đã làm việc này bằng cách thực hiện cẩn thận giới luật tôn giáo của họ. Họ đã làm việc này do nhân mạnh có một mục đích duy nhất chân lý mà họ gọi là Shema: "Hãy nghe đây này người Do Thái, Vị Chúa tể Thượng Đế chúng ta, Chúa tể là Một". Đây là điểm chính yếu trong mỗi khóa lễ tôn giáo Do Thái. Hơn thế nữa, nó là điểm mấu chốt của Do Thái Giáo.

MỘT THƯỢNG ĐẾ

Những người Hebrews thời cổ tìm cách hiểu ý nghĩa và mục đích cuộc đời, giống như những nhà hiền triết cổ Ấn Độ và Trung Hoa. Vì bản khoán đó, người Hebrews từ lâu cảm thấy sự quan hệ đặc biệt với trung tâm vũ trụ. Truyền thống Do Thái nói người ấy là Abraham. Abraham tin vào thượng đế riêng. Ngài đặc biệt quan tâm đến số phận và mơ ước của mình. Người Do Thái vẫn tôn kính người huyền thoại này như người cha dân tộc. Những người khác tiếp nhận niềm tin của Ngài và tìm thấy trong đó những câu trả lời cho những câu hỏi riêng của họ về thế giới.

Cuối cùng, xuất hiện một nhân vật vĩ đại, Moses. Ngài làm rõ ràng và sáng tỏ khái niệm về một thượng đế riêng. Ngài tin rằng thượng đế đã đồng ý đặc biệt với Abraham và với tất cả những người nối dõi. Những người này đã hứa trung thành và tận tâm. Đổi lại, Thượng Đế tạo cho họ một quốc gia hùng mạnh.

Dân Do Thái theo truyền thống vẫn tin rằng Thượng Đế đã tiết lộ những qui luật lệ của đời sống cho Moses tại Núi Sinai. Họ coi Moses là người sáng lập ra tôn giáo của họ. Họ công nhận Moses có công cho họ những thâm thập quan trọng về những luật lệ tu tập, đối xử và ăn uống theo tôn giáo. Moses là nhà lãnh đạo được Thượng Đế chọn để giải thoát người Hebrews khỏi sự nô lệ ở một nước xa lạ thành đất của chính họ.

Những niềm tin như vậy căn cứ vào chuyện cổ tìm thấy trong Sách Genesis (Cuốn "Chúa Tạo Ra Thế Giới") và Exodus (Sự rời khỏi Ai Cập của người Do Thái). Như nhiều học giả Do Thái lúc nào cũng sẵn sàng lưu ý, những chuyện này không thể được cho là lịch sử theo nghĩa đen. Những huyền thoại này cuối cùng được viết lại sau nhiều thế kỷ tồn tại trong ký ức của người Hebrews, những người đã kể lại chúng hết từ thế hệ này đến thế hệ

khác. Những huyền thoại cho thấy lúc đầu Thượng Đế là một thượng đế thuộc bộ lạc, người bảo vệ và ân nhân của người Hebrews, con cháu Abraham. Thượng Đế được biết đến và được thờ phượng bởi Abraham, người con Isaac và người cháu Jacob sau này được gọi là Israel (Do Thái).

Dần dà Người Hebrews - Do Thái tin chắc thượng đế bộ lạc ấy chỉ là một Thượng Đế duy nhất của tất cả sáng tạo. Đương nhiên, tiến trình này mất nhiều thời gian hết thế kỷ này đến thế kỷ khác, qua những thời kỳ của những nhà lãnh đạo lớn người Hebrews -- những người cha bộ lạc, Moses, David và những hoàng đế khác, Isaiah và phần còn lại của các nhà tiên tri. Dần dà dân chúng đạt đến một quan niệm toàn diện có lẽ đã không có lúc khởi thủy khi còn là những bộ lạc lang thang nay đây mai đó.

Nhưng bây giờ, qua 2500 năm, sự khẳng định quan trọng nhất của Do Thái Giáo đã là: "...Vị Chúa tể Thượng Đế của chúng ta, Vị Chúa tể là Một." Sự phát triển thờ phượng một Thượng Đế phản ánh những kinh nghiệm và tính khí độc đáo của người Do Thái. Trong đường lối riêng, họ đi đến kết luận mà tất cả những tôn giáo hiện tiền ngày nay chia sẻ: nằm dưới sự đa dạng vô tận mà chúng ta thấy trong đời sống là một mục tiêu, một thực tại.

Đã từ lâu, Người Do Thái thấy chẳng có gì quan trọng trong việc thảo luận về bản chất của Thượng Đế. Thượng Đế hiện hữu, Ngài là Một, Ngài là thực tại. Cả đến ngày nay, không có lấy một tín ngưỡng mô tả những đặc tính của Thượng Đế. (Chân lý) Shema là đủ.

Tuy nhiên một số giáo sĩ Do Thái và triết gia đã lưu ý đến việc mô tả những đức tính của Thượng Đế dù rằng không một người Do Thái nào đã từng đòi hỏi xác nhận khái niệm này. Thượng Đế ngay thẳng. Ngài là Đấng Sáng Tạo. Ngài là tinh thần. Thượng Đế là người sẵn sàng giúp đỡ con người, cung cấp phương tiện cho con người có thể tự cứu mình khỏi những hạn chế của ngu muội và tội lỗi. Thượng Đế đã tạo ra con người như con Ngài; bởi vậy, họ phản ánh bản chất của Ngài.

CHÍNH TRỰC

Không một người Do Thái nào có thể nói là yêu Thượng Đế, trừ phi người ấy có quan hệ thương yêu với người láng giềng. Người láng giềng gồm cả người thuộc chủng tộc khác hay người lạ trên đất nước của mình, người xa lạ này được đối xử như người Do Thái đối xử với người đồng chủng. Hơn thế nữa, người Do Thái được đòi hỏi phải làm: "... thương yêu người láng giềng như thương yêu chính mình".

Sau đó rất lâu khi điều này được viết ra, một người nào đó đã đưa ra thách thức tới giáo sĩ nổi tiếng Hillel sống và dạy học vào cùng thời với Jesus. Người thách thức đòi giáo sĩ hãy nói tất cả những gì quan trọng về Do Thái Giáo trong khoảng thời gian một con người có thể đứng bằng một chân. Giáo sĩ Hillel tuyên bố: "Cái có hại cho người, không có hại cho người láng giềng. Đây là toàn bộ học thuyết. Phần còn lại chỉ là lời dẫn giải. Bây giờ hãy tiến lên và học hỏi".

Ngay thẳng quan trọng đối với người Do Thái đến nỗi chúng ta có thể nói người Do Thái có hai mối quan tâm giống nhau -- tính chất duy nhất của Thượng Đế và tính ngay thẳng của con người. Không khó khăn gì đối với con người khi đi theo luật lệ và ý Thượng Đế. Được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế, chúng ta có khả năng tự nhiên học hỏi về điều thiện. Người Do Thái nói rằng không làm được điều phải, là chối bỏ bản chất của chính bạn.

LUẬT LỆ

Thường thường người Do Thái coi Thượng Đế như người đưa ra luật cho dân tộc họ. Luật lệ mà Thượng Đế ban ra được gọi là Torah, có nghĩa là lời "giáo huấn". Torah gồm có năm cuốn đôi khi được gọi là Pentateuch (Năm quyển đầu của Kinh Cựu Ước). Những cuốn này là Genesis (Chúa Sáng Tạo Ra Thế Giới), Exodus (Sự Rời Khỏi Ai Cập), Leviticus (Phép Tắc của Tu Sĩ), Numbers (Kinh Điển Do Thái và Cơ Đốc), và Deuteronomy (Luật Moses và Chuyện Kể). Tất cả những người Do Thái đều được khuyến khích nghiên cứu những cuốn sách ấy. Toàn bộ Torah thường được đọc đều đặn mỗi năm trong những giáo đường Do Thái, và một phần trong mỗi lễ Sabbath.

Torah chứa đựng những huyền thoại về nguồn gốc của chính nó. Theo những huyền thoại này, Thượng Đế trao Luật cho Moses tại núi Sinai, trong khi người Hebrews cắm trại tại vùng hoang dã sau khi thoát khỏi Ai Cập. Tại đây người Hebrews khẳng định lại với Thượng Đế, hứa tuân theo luật của Ngài. Truyền thống kể thêm rằng Thượng Đế nói về Mười Điều Răn mà người ta tìm thấy ở Chương hai mươi trong Exodus.

Có rất nhiều điều răn, chắc chắn là hơn sáu trăm cả thảy. Những điều răn nói về nhiều đề tài: chế độ ăn uống, tội ác và hình phạt, tu tập, ngày lễ, và sự quan hệ của con người. Nhiều người Do Thái là những người đầu tiên khẳng định những luật này không thể được làm cùng một nơi và một lúc. Thực tế

họ có một tập sưu tầm về luật mà người Hê Bơ - Do Thái trình bày có hệ thống một thời kỳ nhiều năm cùng chung sống.

Trong Kinh Thánh Do Thái, phần hai được gọi là "Những nhà Tiên Tri". Nhiều người tin rằng đỉnh cao của tư tưởng và hiểu biết Do Thái đã đạt được trong giáo huấn của những nhà tiên tri. Những nhà tiên tri không nói trước tương lai; họ "có nói" cho Thượng Đế. Trước nhất họ là phát ngôn viên cho Thượng Đế, cảnh báo những hậu quả tàn khốc nếu ý Thượng Đế không được tuân theo.

Chính những nhà tiên tri này cố gắng trình bày cho người dân thấy sự tận tâm với Thượng Đế không chỉ nằm trong việc đi theo luật trong chi tiết nhỏ nhất. Tại sao con người phải bận tâm về việc tuân thủ chi tiết hơn sáu trăm luật? Sự tận tâm nằm trong việc gìn giữ tinh thần của Luật.

Theo Isaiah, đây là thuộc tính của người đã cân nhắc tinh thần của luật. Đó là:

- Người bước thẳng và nói thành thực
- Khinh miệt lợi lộc giành được bằng áp bức
- Không nhúng tay vào của đút lót
- Không chịu nghe tiếng chém giết
- Không chịu đứng nhìn tội lỗi.

Nhà tiên tri Micah rút gọn những luật lệ quan trọng thành ba trong lời tuyên bố nổi tiếng về nhiệm vụ tinh thần của một người:

Người đã được bảo, này con người, thế nào là thiện
Và Chúa đòi hỏi gì ở nơi người:
Chỉ thực hiện sự công bằng, và yêu điều tốt đẹp
Và khiêm tốn đi cùng với Thượng Đế của người.

Với Amos, (nhà tiên tri người Hê Bơ ở thế kỷ 8 trước Công Nguyên), tinh thần của Luật là: "Hãy tìm Chúa, Bạn có thể sống".

Tuy vậy Chương Ba của Kinh Thánh Do Thái ai cũng biết là "Những Tác Phẩm". Nó gồm có những sách sử kể lại những cuộc phiêu lưu của người Hê Bơ-Do Thái và hiểu biết thế giới ngày càng tăng của họ. Nó cũng gồm có những bài thánh ca và những tập thi văn khác. Trong khi những thứ này không được coi là Luật căn bản như năm cuốn đầu, chúng vẫn nằm trong tinh thần của Luật.

Những người Do Thái đương đại không chỉ dựa vào ba chương này trong tác phẩm thiêng liêng của họ. Có một số tác phẩm khác không phải là một phần của Thánh Kinh, nhưng được tôn thờ sau Kinh Thánh. Đó là Talmud. Talmud trên thực tế chính là sự mở rộng của Torah được viết trong nhiều thế kỷ sau khi các tác phẩm khác được hoàn tất. Talmud xuất hiện để đáp ứng những điều kiện mà người Do Thái phải đương đầu trong những thời kỳ sau này. Khi chỗ ở và môi trường chung quanh thay đổi, nhu cầu tôn giáo và văn hóa thay đổi. Luật lệ gia tăng vì nhu cầu mới. Những điều này được truyền miệng từ thế hệ này đến thế hệ kia. Thỉnh thoảng, những giáo sĩ có học thức bình luận về những luật truyền khẩu này và những luật thành văn trước đó, tìm cách giải thích lại chúng vì thời buổi thay đổi.

Do sự bình luận không ngừng như vậy về truyền thống quá khứ và những luật dưới ánh sáng của tình thế mới, Luật của Do Thái Giáo vẫn còn tồn tại. Người Do Thái đương đại có thể thích nghi một cách sáng tạo trước những đòi hỏi không bao giờ tương tự được bởi Moses hay những bậc thầy lớn khác thời thượng cổ.

PHẬN SỰ CỦA NGƯỜI DO THÁI

Truyền thuyết cổ về sự đồng ý đặc biệt giữa Thượng Đế và người Hê Bơ đã làm nhiều người Do Thái tin là Thượng Đế đã chọn họ là những người được ưa chuộng hơn tất cả các dân tộc khác trên trái đất. Họ cảm thấy họ có đặc quyền, và một số coi những dân tộc khác như hạ cấp. Tuy nhiên, những vị thầy sau này đã giải thích khái niệm "chọn lựa" theo một cách khác. Họ nói rằng người Do Thái được chọn lựa để phụng sự Chúa và dạy người khác về một Thượng Đế của tất cả thế giới.

Vẫn còn có một số Do Thái khẳng khái nghĩ về tính độc quyền. Điều này khiến các nhà tiên tri rất quan tâm. Hãy nghe một nhà tiên tri xa xưa cổ xưa chữa những khái niệm lầm lẫn của họ:

"Phải chăng bạn không giống những người Ethiopians dưới mắt tôi,
Này những người Do Thái "; phải chăng lời tiên tri của Chúa.
"Ta đã không nuôi dưỡng người Do Thái từ đất nước Ai Cập,
Cũng như người Philistines từ Caphtor và người Syrians từ Kir?"

Một nhà tiên tri vô danh trình bày Thượng Đế của họ là Thượng Đế của tất cả các dân tộc. Nhà tiên tri này trích dẫn lời Thượng Đế nói: "Diễm phúc thay Ai Cập dân tộc của ta, và Assyria tác phẩm của bàn tay ta, và Do Thái

di sản của ta". Nhiều người Do Thái thời ấy cho rằng toàn bộ cuốn Jonah chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và khái niệm "dân tộc được chọn lựa"

Lúc nào cũng có nhiều người Do Thái hành động theo sự nhân mạnh của những nhà tiên tri. Những người Do Thái này không bao giờ tin họ là những người được chọn lựa một cách thiêng liêng hơn các dân tộc khác. Có người Do Thái truyền thống khoan dung với những tín đồ tôn giáo khác. Tính kiên nhẫn và sự chịu đựng của họ trong vấn đề tôn giáo rất gần gũi với quan điểm của người Ấn Giáo và Phật Giáo thành thật.

Về khái niệm Thương Đế và Luật của họ, người Do Thái tìm thấy giá trị quý nhất của họ. Vì những điều ấy, họ cảm thấy được nhiều may mắn. Nhưng hầu hết không tin rằng sự phù hộ chỉ dành riêng cho họ. Những người khác cũng tìm thấy giá trị trong ý niệm của riêng họ, và người Do Thái chấp nhận khác biệt này cho thêm phong phú. Về phần họ, người Do Thái không mong muốn thuyết phục người khác về tôn giáo của họ. Đó không phải là cách cứu rỗi. Đó là lối sống. Và tuy có nhiều người đổi sang Do Thái Giáo, nhưng người Do Thái không bao giờ tích cực trong công việc đổi đạo người khác.

VƯƠNG QUỐC CỦA THƯỢNG ĐẾ

Người Do Thái bao giờ cũng quan tâm đến tính ngay thẳng. Họ không bao giờ cảm thấy chính phủ hay đoàn thể như người ta biết về chúng, tốt bằng họ. Cho nên người Do Thái hy vọng sau này mọi người sẽ ngay thẳng và gia đình và xã hội sẽ phản ánh tính ngay thẳng đó. Theo truyền thống những người Do Thái gọi thời tương lai này là "Vương Quốc của Thượng Đế". Sẽ đến lúc luật ngay thẳng của Thượng Đế mở rộng khắp thế giới.

Những người Do Thái hiện đại và truyền thống có ý kiến khác nhau về việc điều đó sẽ đến như thế nào và điều đó sẽ là gì. Người Do Thái truyền thống vẫn nhắc tới Messiah, Đấng Cứu Tinh được chọn bởi Thượng Đế để đưa vào Vương Quốc này vì con người cho đến nay không thể làm việc đó một mình được.

Những người Do Thái phóng túng thích nghĩ rằng mỗi người là một đấng cứu thế, người này làm bất cứ gì có thể để thúc đẩy sự nghiệp về tính ngay thẳng tiến bộ. Dần dần, Vương Quốc này sẽ tới.

Niềm hy vọng của người Do Thái và Thiên Chúa Giáo về một trật tự đạo đức thế giới rất giống nhau -- dù rằng chúng được diễn đạt bằng những từ ngữ khác nhau. Và những người Do Thái tuyên bố rằng điều đó sẽ là cho tất

cả mọi người vì họ tin rằng sự ngay thẳng của mọi quốc gia góp phần trong thế giới tương lai.

Quan tâm nhiều đến cách sống đúng hiện nay và làm cho thế giới tốt lên của người Do Thái đã giảm bớt lo lắng về đời sống bên kia thế giới. Ngay trong số những người Do Thái cũng có những người không đồng ý về vấn đề này. Một số người Do Thái truyền thống vẫn tin vào đời sống bên kia thế giới gồm có thưởng phạt, phục sinh và tính vĩnh viễn trong Thiên đường hay Địa ngục. Những người Do Thái phóng khoáng hơn lại không coi những đức tin này là quan trọng. Dù họ tin rằng đặc tính của cá tính (hay linh hồn) không thể chết, nhưng họ cũng không cần lo tạo ra những lý thuyết về việc ấy. Đối với họ, cuộc đời này là cách sống, cái đó mới chính là quan trọng. Làm điều phải ngay bây giờ có giá trị hơn là tin vào cái gì. Nhiều người Do Thái cảm thấy hối cải và những hành vi tốt trong một giờ ở thế giới này còn tốt hơn là toàn bộ đời sống ở thế giới tương lai.

MIỀN ĐẤT HỨA

Người Do Thái được thế giới biết đến là những người nay ở chỗ này mai ở chỗ khác. Hơn hai ngàn năm trước đây, những biến chuyển trên thế giới khiến họ không có một ngôi nhà vĩnh viễn và họ bị đẩy đi lang thang trên trái đất. Bất kỳ họ định cư nơi nào, họ vẫn tiếp tục truyền thống của họ và sự thờ phượng Thượng Đế. Thường thường họ cùng nhau sống trong cộng đồng của họ, để họ có thể duy trì tốt hơn những ngày lễ và những luật lệ về chế độ ăn uống.

Người khác thấy người Do Thái sống khác và đôi khi khó hiểu. Những dị biệt khiến một số người phàn nàn, và thậm chí ngược đãi người Do Thái. Người Do Thái đã bị đối xử rất khắc nghiệt bởi những người láng giềng hơn bất cứ một tôn giáo nào khác. Đặc biệt người Thiên Chúa Giáo kết tội người Do Thái đã giết chết Đức Jesus -- và đã phạm tội ngược đãi như vậy. Đến tận ngày nay, có những nhà lãnh đạo không dẫn đo biến người Do Thái trở thành kẻ dơ đầu chịu, gây hận thù đối với người Do Thái. Tại sao người Do Thái lại bị cư xử như thế là một vấn đề nghiêm trọng vẫn còn liên quan đến những người học lịch sử, xã hội học, nhân chủng học, và tôn giáo.

Họ buộc phải chịu sự cô lập, và sự ngược đãi bởi láng giềng qua nhiều năm khiến người Do Thái phải dựa vào lẫn nhau và dựa vào truyền thống nhiều hơn. Hơn hai ngàn năm, họ đã nhớ lời hứa xa xưa của Thượng Đế về mảnh đất phải là của họ. Đó là huyền thoại về miền đất hứa được tìm kiếm bởi

những người Hê Brơ bỏ Ai Cập dưới sự lãnh đạo của Moses. Mảnh đất này đã một thời gian là của họ, nhưng đã bị xâm chiếm bởi hết quốc gia này đến quốc gia khác, chỉ để rồi cuối cùng bị đuổi ra khỏi miền đất này.

Nhiều người Do Thái vẫn tiếp tục hy vọng một lần nữa đất của Palestine sẽ là của họ. Để giúp mang hòa bình cho mảnh đất tranh chấp gây ra bạo động giữa những người Do Thái cực đoan nhất gọi là Zionist (người theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái), và những kẻ thù truyền kiếp của của họ, người Ả Rập, vào năm 1948 Liên Hiệp Quốc chấp thuận chia một phần Palestine cho Do Thái và một phần Jordan cho người Ả Rập. Đương nhiên, những biên giới độc đoán này đã không thể giải quyết hoàn toàn sự thù địch lâu đời, trở nên phức tạp hơn bởi sự kiện cả hai quốc gia đều tuyên bố Jerusalem là của mình, thành phố thần thánh của Hồi Giáo, cũng như Do Thái Giáo và Thiên Chúa Giáo. Liên Hiệp Quốc chấp thuận nghị quyết quốc tế hóa thị xã này nhưng không được Do Thái lẫn Jordan ủng hộ. Rồi, thành phố này vẫn còn là mảnh đất bị phân chia. Lý do để cay đắng hơn là nhiều người Do Thái phải bỏ nhà trên phần biên giới Jordan, và nhiều người Ả Rập phải di chuyển từ phần đất Do Thái khi vùng này bị chia cắt. Hiện nay hồ như có một sự hòa bình không thân thiện giữa các quốc gia; nhưng căng thẳng càng sâu xa.

Do Thái đã mở cửa cho tất cả những người Do Thái trên thế giới. Tuy nhiên có thể còn quá sớm để thấy điều gì sẽ ảnh hưởng đến Do Thái Giáo đã từ bao thế kỷ dài không có quê hương cho chính mình. Nhiều người Do Thái không coi quốc gia mới thực sự quan trọng đối với tôn giáo, vì họ tin rằng đời sống tôn giáo của họ có thể sống được ở bất kỳ nơi đâu mà họ là người biết mình. Sự thờ phượng Do Thái không dựa vào tổ quốc.

GIÁO ĐOÀN DO THÁI

Không có một nhà lãnh đạo trung tâm nào trong Do Thái Giáo. Mỗi giáo đoàn đều tự trị. Giáo sĩ là những cư sĩ - không phải là thầy tu. Các giáo sĩ dạy dân và cố gắng làm sáng tỏ Luật. Giáo sĩ không nói với Thượng Đế hộ người dân. Dân chúng là các thầy tu của chính họ, họ thờ phượng Thượng Đế cho chính họ.

Trong một thời gian dài, tất cả những người Do Thái đều là "chính thống" nghĩa là họ đều tuân theo những luật lệ ghi trong kinh thánh theo sự hiểu biết và khả năng tốt nhất của họ. Nhưng những sức ép và thay đổi trong đời sống hiện đại đã làm điều đó ngày càng khó khăn. Một số tin là nhận thức thế giới

hiện đại đòi hỏi thay đổi biểu hiện cá nhân trong tu tập tôn giáo. Cho nên, ở thời đại tương đối hiện đại, nhiều người Do Thái đã rời bỏ những giải thích nghiêm ngặt về niềm tin, luân lý, và cách tu tập của cha ông.

Do Thái Giáo Chính Thống: Những ai vẫn cố gắng trung thành với truyền thống cổ để được giải thích một cách nghiêm ngặt, được coi là người Do Thái "Chính Thống". Họ coi toàn bộ kinh Torah đã được thúc một cách tuyệt diệu và được tiết lộ bởi Thượng Đế cho Moses. Họ giữ tất cả những luật của Moses, gồm có những hạn định về ăn uống và những hạn chế nghiêm ngặt trong lễ Sabbath. Họ dùng tiếng Hebrews trong tất cả những buổi lễ tại giáo đường Do Thái. Những trường học đặc biệt do họ hỗ trợ dạy con cái họ về lịch sử Do Thái và nguồn gốc của tiếng Hebrew. Nhiều người Do Thái Chính Thống vẫn trông chờ Messiah đích thân xuất hiện.

Do Thái Giáo Bảo Thủ: Những người Do Thái "Bảo Thủ" là những người tôn trọng và tôn kính Torah, nhưng họ tin vào sự giải thích Torah qua sự nghiên cứu uyên bác thời hiện đại về kinh thánh để hiểu rõ hơn. Họ tin rằng tiếp tục dạng thờ phượng truyền thống là quan trọng với sự dùng tiếng Hebrew trong các buổi lễ. Vào ngày lễ Sabbath, họ chỉ làm việc thật cần thiết, và họ cố gắng làm cho nó trở thành ngày cầu nguyện.

Do Thái Giáo Cải Cách: Một phong trào hiện đại của Mỹ Quốc đã lôi cuốn nhiều người Do Thái vào xứ này. Đó là Do Thái Giáo Cải Cách và nó là kết quả của sự cố gắng áp dụng Do Thái Giáo vào đời sống Tây Phương ở thế kỷ hai mươi này. Những người Do Thái Giáo cải cách đọc Kinh Torah với sự đánh giá chân lý của nó như đã được xác định bằng sự đồng ý với lẽ phải và kinh nghiệm. Toàn bộ truyền thống của dân tộc là điều họ kính trọng. Sự thờ phượng cũng giống như các nhà thờ Thiên Chúa Giáo Tin Lành. Các gia đình cùng nhau ngồi trong các buổi lễ gồm nhạc đàn ống và các đội hợp ca, với nghi thức tế lễ bằng tiếng Hebrew, nhưng thuyết giảng bằng Anh ngữ. Cả trai lẫn gái đều được làm lễ kiên tín.

NHỮNG BÀI HỌC CỦA DO THÁI GIÁO

Những bậc thầy lớn của Do Thái Giáo đã góp phần to lớn vào tư tưởng tôn giáo của con người. Họ dạy thương yêu Thượng Đế và cùng đi với người đồng loại. Đời sống là một giống như Thượng Đế chỉ có một. Tự do, phẩm giá, và trách nhiệm của mỗi người có gốc rễ ở chính bản chất của vũ trụ. Bởi vậy chắc chắn là, nếu đời sống của ta được đáp ứng thỏa mãn thì ta phải thương yêu người láng giềng như chính mình. Có được điều này là do

thương yêu Thượng Đế "vớ tất cả tâm ý, vớ tất cả linh hồn, và vớ tất cả những gì mà bạn có thể".

Người Do Thái tán thành là chúng ta không thể biết câu trả lời cuối cùng về những điều huyền bí của đời sống và Thượng Đế. Nhưng người Do Thái tuyên bố rằng trong cái thiện của các lối sống ngay thẳng, cái thiện của Thượng Đế được biết như sau:

Ôi lạy Chúa, làm sao chúng tôi có thể biết Người? Nơi đâu tôi có thể tìm thấy Người? Người gần gũi với chúng tôi như hơi thở nhưng Người cũng xa chúng tôi hơn ngôi sao tím đằng xa. Người huyền bí như sự tịch mịch mênh mông trong đêm trường nhưng Người cũng thân thuộc với chúng tôi như ánh sáng mặt trời. Đối với nhà tiên tri thời cô, Người không nói: Người không thể nhìn thấy mặt tôi, nhưng tôi sẽ làm cho tất cả điều thiện của tôi đến trước mặt Người. Dù vậy Người làm cho điều thiện đến trước chúng tôi trong lĩnh vực của thiên nhiên và trong hàng loạt kinh nghiệm về đời sống của chúng tôi. Khi công lý bùng cháy giống như ngọn lửa mãnh liệt trong lòng chúng tôi, khi tình thương yêu đem lại sự sẵn sàng hy sinh của chúng tôi, và để đánh giá thật đầy đủ sự tận tâm quên mình khi chúng tôi tuyên bố niềm tin của chúng tôi vào chiến thắng cuối cùng của chân lý và công bình, chúng tôi không cúi chào trước vẻ đẹp lạ thường về điều thiện của Người? Người sống trong tâm chúng tôi như Người đã tỏa khắp thế giới và chúng tôi bằng sự ngay thẳng chiêm ngưỡng sự hiện diện của Người.

---o0o---

14. LỄ HỘI VÀ NGÀY THÁNH

Người Do Thái luôn luôn trân quý truyền thống của họ. Nhiều tập tục gia đình và tôn giáo có ý nghĩa nhất tập trung vào các lễ hội và ngày thánh.

Lễ Sabbath. Vào lúc hoàng hôn chiều thứ Sáu, những cây nến được thắp sáng trong hàng triệu nhà người Do Thái trên khắp thế giới. Đó là dấu hiệu quy tụ gia đình và lễ Sabbath bắt đầu với hai mươi bốn giờ thờ cúng và nghỉ ngơi. Khi người cha và những đứa con trai lớn trở về sau buổi lễ tại các giáo đường Do Thái, có những nghi thức gia đình đặc biệt về việc tạ ơn Chúa và cầu nguyện. Họ quây quần ăn bữa cơm ngon nhất và hạnh phúc nhất trong tuần, thường thường dùng bữa với một số khách mời về nhà sau buổi lễ tại giáo đường.

Buổi sáng hôm sau toàn thể gia đình tham dự buổi lễ tại giáo đường, nam giới và những con trai ngồi tại phòng hội họp, phụ nữ và con gái đi vào hành lang dành cho phụ nữ. Buổi lễ thay đổi tùy theo giáo đoàn. Thường thường, nó gồm có cầu Kinh Torah và hát những bài thánh ca được chỉ huy bởi người lãnh xướng, một cư sĩ Do Thái có tài về việc này. Có những lúc dành cho những lễ cầu kinh và đọc kinh Torah. Cũng có thể có bài thuyết giảng của giáo sĩ.

Sau khi trở về nhà, người Do Thái nghỉ ngơi theo cung cách tùy thích của mỗi người, mặc dù người Do Thái Giáo Chính Thống có nhiều hạn chế về làm việc, chơi, và đi lại. Vào buổi chiều, người đàn ông và con trai trở lại giáo đường để đọc kinh và thảo luận. Người Do Thái Chính Thống trù liệu rất cẩn thận cho ngày này, việc nấu nướng và làm vệ sinh phải hoàn tất trước ngày lễ Sabbath. Người Do Thái Bảo Thủ chỉ làm những công việc cần thiết, và Người Do Thái Cải Cách dành ngày này làm một ngày nghỉ ngơi và thờ cúng, không có giới hạn đặc biệt nào cho những hoạt động của họ. Tối đến, gia đình lại quy tụ để ghi nhớ mục đích của Lễ Sabbath và bắt đầu tuần lễ mới.

Đã rất nhiều năm, Sabbath đã là một trung tâm đặc biệt trong đời sống gia đình người Do Thái. Tập tục thời đại cổ sử dụng một ngày trong bảy ngày để nghỉ ngơi và thờ phượng là một đóng góp to lớn mà người Do Thái cống hiến cho thế giới. Điều đó từ lâu đã được chia sẻ bởi những người Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo -- dù những ngày khác đã được chọn cho mục đích này.

Lúc đầu, lễ Sabbath Do Thái là một lý tưởng mới đối với quảng đại quần chúng làm việc cực nhọc nhiều giờ ngày này qua ngày khác không có ngày nghỉ cuối tuần và nghỉ lễ. Người Do Thái được yêu cầu cử hành lễ Sabbath và giữ nó trong sạch, cho bất cứ ai cần sự nghỉ ngơi và thay đổi như vậy. Có thể là kế hoạch xen kẽ đều đặn hàng tuần giữa nghỉ ngơi và hoạt động, giữa làm việc và lễ bái, đóng góp nhiều vào sự thành công của người Do Thái trong nhiều lãnh vực.

Trong mười điều răn, người Do Thái được nhắc nhở về tấm gương của Thượng Đế: "...trong sáu ngày, Chúa tạo ra thiên đàng, trái đất và biển, cùng với tất cả những gì trong đó, nhưng nghỉ vào ngày thứ bảy: đó là cách Chúa đến ban phước lành vào ngày thứ bảy và làm nó trở thành thiêng liêng. Điều này tăng thêm tầm quan trọng của tôn giáo đối với nhu cầu nghỉ ngơi. Những giáo sĩ uyên bác dạy rằng lễ Sabbath phải phục vụ nhu cầu cho con

người cũng như của Thượng Đế. Đối với người Do Thái, đời sống con người bao giờ cũng là mối quan tâm lớn lao hơn là phép tắc trừu tượng.

Rosh Hashonah: Năm Mới. Vào tháng thứ bảy của lịch Do Thái, người Do Thái dành một thời gian dài để suy xét và sám hối. Ngày bắt đầu năm mới được tổ chức trọng thể tại giáo đường với tù và thổi, gọi là shofar. Âm thanh này mở ra đợt thời gian mười ngày cho người Do Thái kiểm điểm lại đời họ và tìm sự tha thứ cho các lỗi lầm của mình.

Vì lịch Do Thái căn cứ vào chu kỳ mặt trăng chứ không phải mặt trời, cho nên chính xác ngày này thay đổi từng năm. Rosh Hashonah có thể đến sớm vào tháng Chín hay đầu tháng Mười.

Đối với hầu hết người Do Thái, giai đoạn mười ngày này là thời gian phán xét. Truyền thống cổ nói rằng trong thời gian này, Thượng Đế quyết định ai sẽ sống, ai sẽ chết; ai sẽ được nghỉ ngơi, ai sẽ phải lang thang; ai sẽ được an ổn, ai sẽ bị phiền nhiễu; ai sẽ trở nên nghèo khó và ai sẽ trở nên giàu có; ai sẽ bị sa sút, và ai sẽ được đề cao. Truyền thống cổ xa xưa hơn nói Rosh Hashonah là ngày Thượng Đế viết Thiên Phán Xét vĩ đại ghi hồ sơ cuộc đời mỗi người.

Mười ngày cho người ta thời gian suy nghĩ về cuộc sống của mình và những gì có thể làm được về đời sống. Mười ngày này cho người ta thời gian và cơ hội thấy những lỗi lầm của mình và cố gắng sửa chữa những lỗi lầm này. Mười ngày thật trang nghiêm vào những ngày lễ thần thánh. Người Do Thái truyền thống tin rằng người ta có thể thay đổi được hồ sơ trong Thiên Phán Xét nếu thành thực, tử tế, và ăn năn sám hối đủ. Họ tin là Thiên Phán Xét sẽ đóng lại vào lúc kết thúc mười ngày.

Đỉnh điểm của lễ tiết năm mới là Yoni Kippur, ngày thứ mười của năm mới. Nó bắt đầu vào lúc mặt trời lặn (như tất cả những ngày lễ Do Thái) và tiếp tục trong 24 giờ. Theo truyền thống, những người Do Thái trưởng thành không ăn uống vào ngày này. Họ dành tất cả thì giờ vào việc suy tư và cầu nguyện. Có một khóa lễ trang trọng tại giáo đường mà người Do Thái nào cũng cố gắng tham dự. Buổi lễ bắt đầu với giai điệu luôn âm vang trong đầu, bài ca Kol Nidre. Đó là sự cầu xin thoát khỏi những lời nguyện tôn giáo không giữ được -- nhắc đến những ngược đãi mà người Do Thái bị đau khổ không biết bao lần trong tay những người không phải là Do Thái. Chấm dứt lễ Yoni Kippur cũng lại bằng tiếng tù và thổi. Nó có ý nghĩa là đóng lại Thiên Phán Xét cho đến năm sau.

Khái niệm về Thiên Phán Xét và Thượng Đế với tư cách là Quan Tòa vĩ đại cũng được thấy ở các tôn giáo khác. Và người Do Thái, giống như những dân tộc khác, đã giải nghĩa truyền thống theo nghĩa đen. Hoặc họ có thể giải nghĩa theo ý nghĩa tinh thần và cá nhân sâu xa. Đôi khi họ gọi là "Những Ngày Kinh Sợ" là những ngày mà người Do Thái hỏi những vấn đề quan trọng về đời sống và tiếp tục phát triển tinh thần. Do Thái Giáo không đưa ra cho tín đồ những câu trả lời dễ dãi trước những vấn đề tôn giáo. Thay vì, Do Thái Giáo khuyến khích họ tự vấn và tìm ra cách sống tốt đẹp hơn.

Người Do Thái không được dạy bảo rằng nhân loại căn bản là tội lỗi hay những nhu cầu bình thường và lợi ích là sai. Không có thầy tu hay nữ tu sĩ trong Do Thái Giáo. Thay vì, người Do Thái nhấn mạnh cái đẹp tuyệt vời của đời sống gia đình. Trong dịp năm mới, người Do Thái được khuyến khích suy nghĩ về mối quan hệ với những người khác. Họ đã hành động bằng tình thương yêu chân thật và công bằng không? Họ đã khiêm nhường, nhớ đến những giới hạn của mình chưa? Họ có cần xin tha thứ cho những tội lỗi gây ra cho người đồng hương không?

Những hành động thương yêu-khả ái là những phương tiện tốt nhất để đền bù. Như những giáo sĩ nói, "Ai có tội phải thú nhận và ngại ngừng làm như vậy, hãy để cho người đó đi và làm điều thiện và họ sẽ tìm được sự tha thứ".

Trong khóa lễ Yoni Kippur, một số tiết được đọc từ cuốn của Isaiah. Những tiết này vạch rõ cho người Do Thái đi lễ rằng trọng tâm của tôn giáo là sự quan tâm thương yêu người khác:

Không phải tôi ăn chay?
Có thể nói lỏng những vòng dây ác,
Xóa bỏ những gánh nặng,
Và để những người bị áp bức được tự do?
Không phải là chia miếng bánh cho người đói,
Cũng chẳng phải cái bạn mang lại cho người nghèo bị đuổi ra khỏi nhà?
Khi bạn thấy người trần trụi, bạn cho họ manh áo;
Bạn không che dấu mình bằng da thịt của chính bạn?
Rồi ánh sáng sẽ phá màn đêm khi ban mai...
Và sự ngay thẳng của bạn sẽ vượt lên trên.

Lễ Succos: Tabernacles. Một trong những ngày lễ Do Thái vui nhất là lễ Succos, lễ này đến vào mùa gặt, khi những cây nho nặng trĩu trái nho, và những hạt lúa chín vàng đầy đồng. Đó là ngày hội tạ ơn, kéo dài chín ngày.

Nó nhắc nhở người Do Thái thời điểm phải rời khỏi Ai Cập khi họ bắt buộc phải sống trong những chòi nhỏ (gọi là succos) ở dọc đường. Người Do Thái thường làm mô hình những chòi này cũng được gọi là tabernacles Họ trang hoàng những cái chòi này bằng hoa, quả và cành cây để tưởng nhớ đến lòng bao dung của Thượng Đế.

Những người Do Thái hiện đại nghĩ đến lịch sử khổ đau của những tín đồ đồng hương cũng như về dân tộc khác. Vào ngày Sabbath trong dịp lễ Succos, lời cầu nguyện sau đây được tụng:

Hôm nay với lòng biết ơn chúng con nhớ đến Thượng Đế thương yêu đã hướng dẫn cha ông chúng con trên bước đường lang thang qua sa mạc hoang vu, và nơi hoang dã không có đường qua... Chúng con cảm ơn Thượng Đế với lòng nhân từ không bao giờ cạn đã hướng dẫn và che chở chúng con, những đứa con trong tất cả năm tháng hành hương của chúng con... Chúng con cầu nguyện rằng ân hưởng sự phù hộ của Thượng Đế sẽ thức tỉnh trong chúng con, tinh thần thỏa mãn và dũng cảm chịu đựng mà chúng con không bao giờ tự đắc do thành công và chẳng bao giờ cay đắng bởi thất bại.

Cầu mong chúng con cảm tình với những ai mà hy vọng của họ đã bị thất bại và công lao của họ đã không kết quả. Cầu mong cho bàn tay của chúng con sẽ được giang ra với những người đau khổ, và tấm lòng của chúng con sẽ mở rộng cho những ai cần đến. Đợi ơn Thượng Đế, Ôi lạy Chúa, Người cho tất cả điều thiện. A Men.

Vào ngày thứ chín của lễ Succos, có một lễ mừng tại giáo đường, khi những cuộn kinh Torah được rước bởi một đoàn người vui vẻ. Đôi khi mọi người tham gia nhảy múa và ca hát. Đó là một cách nữa để người Do Thái bày tỏ lòng thương yêu kinh Torah. Vào ngày này, những tiết cuối cùng của Kinh Torah (Deuteronomy 34) được đọc lên. Rồi người giáo sĩ quay về với tiết đầu của Genesis (Chúa Sáng Tạo Ra Thế Giới): "Khởi đầu, Thượng Đế..." Hàng năm họ bắt đầu đọc toàn bộ kinh Torah như thế ở mỗi giáo đường.

Hanukkah: Lễ Dâng Hiến. Lễ Hanukkah là lễ dâng hiến thường đến vào tháng Chạp. Người Do Thái cử hành lễ này trong tám ngày, trong những ngày này có những buổi lễ đặc biệt tại giáo đường, thức ăn cho ngày lễ đặc biệt và quà tặng. Hanukkah nhắc nhở người Do Thái hiện đại một biến cố có ý nghĩa trong quá khứ khi tổ tiên của họ tranh đấu cho tự do tôn giáo.

Vào thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên, người Xy Ri nắm quyền kiểm soát Palestine và cố gắng ép buộc người Do Thái đình chỉ hoạt động tôn giáo.

Một số người Do Thái đã ngưng theo lệnh. Một số khác từ chối mặc dù có sự trả thù của người Xy ri. Một thầy tu già, Mattathias, bắt đầu cuộc nổi dậy. Sau này, con của ông ta, Judah Maccabee, đưa cuộc nổi dậy tiến xa hơn nhiều và giành được chiến thắng cuối cùng chống lại quân đội Xy ri. Trong cuộc lễ giành lại được tự do, người Do Thái vào thành Jerusalem tẩy uế ngôi đền, và tái lập sự thờ phượng tại đây. Họ tìm thấy một hộp đựng dầu đóng kín thường dùng trong những buổi lễ của họ. Theo truyền thống, dầu này được thắp trước bàn thờ trong tám ngày.

Bây giờ người Do Thái đốt tám ngọn nến trong lễ Hanukkah, thường thường đốt một ngọn vào tối hôm đầu, ngọn thứ hai vào đêm thứ hai và cứ thế tiếp tục. Họ cũng gọi lễ Hanukkah là Hội Hoa Đăng. Hanukkah là lúc cực kỳ vui sướng và cũng là lúc trang trọng nhớ lại tự do quý giá nhường nào. Lúc này người Do Thái đặc biệt cảm tạ về sự tự do được lễ bái theo lương tâm của chính họ. Cuộc tranh đấu cho tự do tư tưởng và thờ cúng không bao giờ có thể hoàn toàn chấm dứt. Đây là một nhiệm vụ đang tiếp diễn và người Do Thái xác nhận điều này khi họ đọc kinh cầu nguyện lễ Sabbath đặc biệt trong lễ Hanukkah:

Ôi lạy Chúa, hãy ban phước cho chúng con, đem ánh sáng Hanukkah tỏa chiếu nhà chúng con và đời sống chúng con. Cầu xin ánh sáng này nhen lên trong chúng con ngọn lửa của niềm tin và lòng nhiệt tâm giống như Maccabees thời xưa, chúng con chiến đấu can trường vì chính nghĩa của Thượng Đế. Xin hãy làm cho chúng con xứng đáng với lòng thương yêu và phước lành của Thượng Đế, cái khiên và người bảo vệ chúng con. Amen.

Lễ Purim. Vào đầu xuân -- thường vào tháng Ba - người Do Thái cử hành một ngày lễ mừng đặc biệt. Trong các giáo đường người ta qui tụ để nghe đọc về Megillah, cuốn sách về Esther. Trái với sự lưu ý nghiêm trang thông thường trong buổi lễ, người Do Thái trong ngày này phát cho trẻ em những đồ gây tiếng ồn để dùng ở một vài chỗ trong lúc đọc. Sau này trẻ em có thể chuyển thành kịch một câu truyện cổ. Bọn bè và thân quyến thường trao đổi quà tặng, và nhiều người Do Thái rất thích loại bánh quy đặc biệt, gọi là bánh Haman.

Câu chuyện mà họ nghe trong giáo đường liên quan đến một phụ nữ Do Thái đẹp thuở xưa, Esther là vợ của Hoàng Đế ở Persia. Cậu của Esther, Mordecai tình cờ khơi dậy lòng thù ghét một vị quan cao cấp trong triều tên Haman.

Để trả thù, Haman bắt đầu một kế hoạch tiêu diệt tất cả người Do Thái, buộc tội họ không trung thành với nhà vua. Khi Esther biết được kế hoạch này, bà liều chết vạch trần âm mưu của Haman, bệch bạch dòng dõi Do Thái của chính bà với nhà vua. Kết quả, nhà vua vinh danh Mordecai -- và Haman bị treo cổ, một hình phạt mà chính y định sửa soạn cho Mordecai.

Người Do Thái vui mừng nghe đọc truyện này hàng năm. Họ sung sướng với bầu không khí hội hè linh đình tràn ngập giáo đường vào đêm đó với những trẻ em sử dụng mạnh mẽ những đồ gây tiếng ồn ào bất kỳ ở đâu tên Haman được nói đến. Chính họ cũng không quan tâm nhiều đến truyện có thật hay không khi đem đọc. Nhiều học giả Do Thái cho rằng truyện đó chỉ là cuốn tiểu thuyết lịch sử.

Tuy nhiên ý nghĩa của câu chuyện là có thật và đúng. Đó chính là chuyện hận thù hướng vào người Do Thái, chỉ vì họ là người Do Thái. Lời buộc tội chính của Haman chống lại người Do Thái là vì lối sống của họ "khác biệt". Việc buộc tội này, cũng như những thứ tương tự như vậy đã được phóng đi chống lại người Do Thái nhiều lần không kể xiết trong quá khứ. Thảo nào mà họ cử hành lễ này hàng năm về chuyện sa sút của một kẻ áp bức chống người Do Thái.

Người Do Thái cử hành lễ Purim không phải chỉ vì lý do này, mà cũng là để công nhận tình anh em chung. Nhiều giáo sĩ nói rằng khái niệm căn bản của ngày này là những dị biệt giữa con người không cần phải gây ra chia rẽ bất đồng. Sâu xa hơn tất cả những dị biệt là lòng nhân đạo của chúng ta. Trong truyện này, nhà vua chấp nhận dân tộc có lối sống khác biệt cho thấy ông đã nhìn thấy nhân loại bị chia sẻ dưới tính đa dạng bên ngoài.

The Passover (Lễ Quá Hải). Người Do Thái, giống như tất cả các dân tộc khác, có một lễ hội vào mùa xuân. Xa xưa, người dân cử hành lễ cầu nguyện cho đất màu mỡ lại, những con vật mới sinh trong bầy của chúng, và cây non phát triển trong đời sống cỏ cây. Hàng trăm năm qua, người Do Thái tổ chức lễ hội mùa xuân để tưởng nhớ những biến cố huyền thoại được mô tả ở những chương đầu của Cuốn Exodus (Sự Rời Khỏi Ai Cập).

Trong nhiều năm, người Do Thái đã bị giữ làm nô lệ tại Ai Cập. Moses trở thành người phát ngôn của họ và tìm cách giải thoát họ khỏi Vua Pharaoh Ai Cập. Nhưng ông vua này trở nên hết sức bướng bỉnh, theo huyền thoại, mặc dầu nhiều tai họa do Thượng Đế giáng xuống người Ai Cập. Cho nên Thượng Đế đã sai một tử thần giết tất cả những gì mới sinh trên đất Ai Cập,

cả người lẫn vật. Tuy nhiên người Do Thái không bị giết. Họ đánh dấu nhà họ bằng máu cừu. Cho nên tử thần "bỏ qua" nhà họ. Vua Pharaoh thuận tính lại, và người Do Thái hấp tấp bỏ đi. Đến nỗi họ không có thì giờ cho men vào bánh. Người ta phải nướng bánh mà không có men.

Trong thời gian cử hành lễ Passover, tất cả men đều được mang đi khỏi nhà Do Thái truyền thống tám ngày. Người Do Thái ăn Matzos, bánh không men, để tưởng nhớ đến những sự đau khổ của tổ tiên. Đôi khi họ gọi lễ Passover là Lễ "Bánh Không Men". Bánh đặc biệt, cở đắng, và những đồ ăn tượng trưng khác giúp họ kỷ niệm sự giải thoát dân Do Thái khỏi xiềng xích.

Nhiều người Do Thái không bao giờ chấp nhận chuyện về những tai họa và phép lạ trong Cuốn Exodus theo nghĩa đen hay là sự thật lịch sử. Đó là vấn đề cá nhân hay phê bình giải thích những bản văn của thánh kinh. Một số giáo sĩ dạy "tai họa của tấm tối" tỷ dụ chỉ là cái tên khác của dị đoan, và sự mù quáng tinh thần. Cho nên một số người Do Thái cử hành lễ Passover không chỉ là sự giải thoát khỏi một bạo chúa độc ác, mà còn là giải thoát khỏi xiềng xích của những thói xấu và ý định tội lỗi.

Những ngày lễ Do Thái không đơn giản cử hành và trang nghiêm những việc cho là đã xảy ra trong quá khứ. Những ngày lễ bao giờ cũng có một ý nghĩa trọng đại cho hiện tại. Đó là vì tập quán Do Thái được trải nghiệm trong nội tâm người Do Thái -- không phải là đồ mặc vào những dịp lễ. Đúng như vậy, vào ngày lễ Passover, trong khi người Do Thái nghĩ về cảnh nô lệ xa xưa, họ cũng cầu nguyện cho người bị làm nô lệ ngày nay:

Thượng Đế của tự do, các con của Ngài vẫn rên xiết dưới gánh nặng của người phân cắt công việc độc ác. Sự nô lệ hạ thấp giá trị của thân và tâm của họ, và làm họ mất đi niềm vui về lòng hào phóng của Ngài. Nỗi sợ hãi về độc ác và sự hiểm họa của cái chết đã làm hại linh hồn con người. Xin Thượng Đế hãy phá vỡ những xiềng xích đã trói buộc họ. Xin hãy dạy cho con người hiểu rằng rèn đúc xiềng xích cho người khác là rèn đúc xiềng xích cho chính mình, chừng nào còn có người vẫn ở trong gông cùm thì không một người nào thực sự được tự do. Xin hãy giúp cho họ thấy rằng tự do chính là điều cần thiết, hơi thở của cuộc đời và chỉ trong bầu không khí của tự do thì chân lý, thịnh vượng và hòa bình mới có thể thăng hoa.

Lễ hội Shavuos. Người Do Thái cổ cử hành lễ hội này vào lúc gặt lúa mạch tại Palestine. Sau này, người Do Thái cử hành lễ hội Shavuos để tưởng nhớ đến Thượng Đế đưa kinh Torah cho Moses. Việc gìn giữ lễ hội này nhấn

mạnh đến niềm tin tôn giáo căn bản của họ là vũ trụ có luật lệ, trật tự, và mục đích.

Trong những buổi lễ tại giáo đường, cuốn Ruth được đọc trước giáo đoàn. Trong những giáo đường Cải cách và Bảo Thủ, dịp này gồm cả lễ Kiên Tín cho trẻ em. Trẻ em đã hoàn tất khóa học dưới sự chỉ dẫn của giáo sĩ, tuyên bố trước giáo đoàn lòng trung thành với Thượng Đế và ý định sống theo luật của Ngài.

Trên những phương diện đó, người Do Thái đứng trước những đòi hỏi và bí ẩn của đời sống, vững tin vào Thượng Đế, và hãnh diện về truyền thống của họ. Từ ngàn năm qua, dù phải đối đầu với vấn đề gì, người Do Thái vẫn tin vào Luật của Chúa. Họ có được sức mạnh từ lời tuyên bố đơn giản: "Chúa là Một".

---o0o---

CƠ ĐỐC GIÁO

15. JESUS VÀ VƯƠNG QUỐC CỦA THƯỢNG ĐẾ

Vị thế của Jesus trong lịch sử không chỉ là một cá nhân từ hai ngàn năm qua, Jesus là một biểu tượng tôn giáo. Những sự kiện về đời sống của Ngài đã được thêu dệt với hy vọng và ước mơ của nhiều thế hệ người Cơ Đốc Giáo. Vì những lý do này hầu như không thể có được một hình ảnh lịch sử thực sự về con người vô tình trở thành người khai sáng ra Đạo Cơ Đốc, và dù cho - đối với nhiều người Cơ Đốc Giáo - và chính cả Thượng Đế.

Chúng ta cũng nên đặt vấn đề nghiên cứu Jesus bằng cùng một phương pháp chúng ta đặt vấn đề nghiên cứu các nhà tiên tri và lãnh tụ các tôn giáo khác. Chúng ta cần sự tôn trọng, thành thật, và cởi mở. Hoàn toàn nên nhớ rằng khuynh hướng ca ngợi hoặc cả đến phong thánh người lãnh đạo tôn giáo lớn là đặc điểm của sự phát triển ở hầu hết các tôn giáo. Thái độ lịch sử của Cơ Đốc Giáo minh họa điều này -- cũng như lịch sử của Lão Giáo và Phật Giáo. Mãi mê đề cao vai trò thiêng liêng mà Nhà Thờ đã gán cho Jesus, nhiều người đã quên tìm kiếm trí tuệ trong những lời giáo huấn của Ngài. Họ đã sùng bái Ngài -- nhưng lơ là đi theo Ngài. Tuy vậy ít nhất vẫn có một số người thấy rằng đằng sau tất cả sự sùng kính Jesus đã tìm cách không làm cho con người chấp nhận chính mình, mà chấp nhận lối sống của Ngài. Và lối sống ấy là gì?

NHỮNG CHUYỆN VỀ JESUS

Chúng ta không có văn bản ghi thời gian Jesus sống. Những câu chuyện cổ nhất về Ngài mà chúng ta có thể tìm thấy có ghi trong Kinh Tân Ước. Theo Mark Sách Phúc Âm thường được coi như câu chuyện sớm nhất trong những câu chuyện này. Tuy nhiên câu chuyện được viết trên bốn mươi năm sau cái chết của Đức Chúa Jesus. Thật thú vị nhận thấy đó là câu chuyện bình dị nhất trong Sách Phúc Âm. Những năm sau, Sách Phúc Âm được viết bởi -- Matthew, Luke, và John. Mỗi một cuốn được viết với một mục đích: giới thiệu Jesus và công trình của Ngài nhằm lôi cuốn một nhóm người mới ở mức độ nào đó.

Một số phần trong các Phúc Âm này đều giống nhau, nhưng cũng có nhiều khác biệt. Thí dụ, những người viết Phúc Âm không đồng ý về lễ rửa tội của Jesus hay những kinh nghiệm tôn giáo dẫn đến lễ rửa tội của Ngài và giáo huấn của Ngài. Họ cũng không đồng ý có sự hiện hữu của những dấu hiệu của Thượng Đế để chứng tỏ cho mọi người công nhận Jesus là đứa con duy nhất của Thượng Đế.

Những người viết không đồng ý -- và những nhà học giả Cơ Đốc Giáo ngày nay cũng không đồng ý - về niềm tin của Jesus về Vương Quốc của Thượng Đế. Một số nói rằng, giống những người Do Thái ở Palestine trong thời của Ngài, Jesus mong ước vương quốc này xuất hiện theo kiểu thế giới rung động gây đầy ấn tượng. Người khác nói rằng Jesus nghĩ về việc ấy chỉ là Vương quốc nội tâm từ từ xuất hiện trong tâm con người. Có những đoạn trong Tân Ước chứng minh mỗi giải thích. Có những đoạn tuyên bố sự mong ước của Jesus về một vai trò quan trọng trong Vương quốc, là người đại diện của Thượng Đế. Và cũng có những đoạn khác giới thiệu Ngài như một vị thầy khiêm nhường như Amos, Hosca, hay những nhà tiên tri khác.

Vì những khác biệt thú vị như vậy trong việc giải thích các chi tiết, các nhà học giả công nhận rằng chúng ta không bao giờ có thể biết Jesus thực sự. Chúng ta chỉ có thể biết Ngài qua sự nhớ lại của con, cháu, những người lần đầu tiên nghe nói và biết Ngài. Các sử gia biết đó là vấn đề chung cho tất cả các tôn giáo, nhưng người Cơ Đốc Giáo đã có nhiều cố gắng "chứng tỏ" các vấn đề bằng cách dựa vào kinh thánh hơn nhiều người khác có "bằng chứng" như vậy không phải là mối quan tâm to lớn đối với những người Phật Giáo và Ấn Độ Giáo chẳng hạn. Họ tin rằng chân lý là vô tận. Chân lý được hiểu đối với từng người qua kinh nghiệm bản thân cũng như đối với những nhà lãnh đạo tôn giáo trọng yếu.

Bởi vậy chúng ta nên biết ngay vào lúc đầu, chỉ có một chút chúng ta có thể chứng minh về cách Jesus sống và dạy. Những chỗ mà các học giả trung thực không đồng ý, thì điều quan trọng là chúng ta tìm hiểu hồ sơ cho chính chúng ta. Bằng cách đó, chúng ta có thể nhận thức được những vấn đề khó khăn liên quan đến việc chọn lựa bất cứ sự giải thích nào. Mỗi một người chúng ta phải nhớ rằng không có những nỗ lực thực sự thì sẽ chỉ tìm thấy trong các hồ sơ những điều mình muốn khám phá ra tại đây. Thường thường những điều chúng ta tìm thấy nói nhiều về cá tính của chúng ta hơn là nói về chân lý mà chúng ta tìm kiếm.

Chuyện về Jesus không chấm dứt với cái chết của Ngài. Nó trải dài qua nhiều thế kỷ của Cơ Đốc Giáo. Jesus cam kết theo ý Thượng Đế, như Ngài hiểu điều đó, và đối với những đòi hỏi cấp thiết thuộc Vương Quốc của Thượng Đế. Sự cam kết này và hàng loạt sự việc trong đời Ngài đã làm Jesus trở thành nhân tố chỉ đạo trong đời sống người Cơ Đốc Giáo. Trên mười chín thế kỷ đã qua, từ khi Ngài nói với các đệ tử và tín đồ. Bóc đi từng lớp năm tháng để khám phá ra, cách tốt nhất mà chúng ta có thể xem Ngài dạy và sống ra sao.

JOHN, NGƯỜI RỬA TỘI

Vào một ngày bình thường ở Palestine vào khoảng năm 26 sau Công Nguyên, một người gọi là John, Người Rửa Tội, đang giảng dạy gần bờ sông Jordan. Danh tiếng là bậc thần nồng nhiệt và nghiêm khắc đã vang dội đến tận miền quê. Và vào ngày đó có nhiều người đã đi bộ từ xa về để nghe Ông. Một khi ở đây rồi, họ ngồi trên đá cứng trong cái nóng nứt nẻ.

Họ bị diễn giả thu hút đến nỗi không còn thấy sự không thoải mái của mảnh đất khô cằn của Judea. John nói với họ một cách khẩn khoản và nghiêm nghị. Ông giảng về kiểu sống mới mà họ phải sống -- một cuộc sống nổi bật về sự hối cải những lầm lỗi trong quá khứ. Họ phải sám hối ngay bây giờ vì Vương Quốc của Thượng Đế sắp xuất hiện, mang hòa bình và thỏa mãn cho những người ngay thẳng nhưng mang đau khổ khủng khiếp cho những người có tội. Những tiện nghi của đời sống, những lễ vật trong đền đài, nghi thức và nghi lễ về lễ bái, không thành vấn đề. Vấn đề là một sự thay đổi cơ bản về cuộc sống, với toàn bộ sự tồn tại của mình được tẩy uế và chinh đốn bằng sám hối.

Trong số những người chú ý nghe những lời khẳng định của John buổi chiều hôm ấy có một thanh niên tên là Jesus. Jesus đi bộ suốt từ Nazareth đến để

nghe vị thầy mới này thuyết giảng, vị này sống ẩn dật ở vùng hoang mạc nhưng đã lôi cuốn đông quần chúng đến đó do sức mạnh ở thông điệp của ông. Jesus đã bị kích động lạ lùng bởi những lời Ngài nghe, bởi tính dũng cảm, thành thực, và sức mạnh của những lời này. Ngài quan sát những người khác nhận lời mời của John đi xuống sông Jordan để được rửa tội như một dấu hiệu của sự sám hối và lời hứa sống cuộc đời mới. Sau khi nghe, Jesus cũng đi xuống để được John rửa tội.

MỘT QUYẾT ĐỊNH MỚI

Jesus xúc động sâu xa bởi điều đã kinh qua. Ngài dường như cảm thấy Thượng Đế ghi nhận hành động của Ngài và vui lòng với việc này. Không bao lâu sau, chính Jesus đi vào nơi hoang mạc để suy tư về đời sống của mình sẽ như thế nào sau này. Trong lúc suy tư một mình, Jesus tin rằng Thượng Đế muốn Ngài sống một cuộc đời đặc biệt, dạy người khác và giúp đỡ họ.

Jesus cảm thấy mình không muốn giống như kiểu thân John, sống xa rời quần chúng, một mình nơi hoang mạc. Thay vì, Jesus sẽ mang thông điệp của mình cho người dân ở các thành phố và thị xã, cũng như những người ở miền quê. Lòng Ngài tràn ngập niềm khao khát muốn dạy cho những người phải hàng ngày đối đầu với những khó khăn của đời sống và tôn giáo -- không phải chỉ cho những người có thể bỏ nhà cửa và tiện nghi hàng ngày như những tín đồ của John. Ngài trở về nhà và nói với gia đình cùng bạn bè điều Ngài quyết định làm.

Không dễ dàng gì thi hành quyết định của Ngài. Hầu hết người trong gia đình và bè bạn không thể hiểu và đánh giá đúng ý định của Ngài. Đối với một số trong đám người này, Jesus bao giờ cũng có vẻ như nghiêm khắc nhưng họ không bao giờ trông chờ Ngài ra đi hẳn khỏi kiểu sống bình thường. Mẹ Ngài, anh em ngài, chị em Ngài đều lệ thuộc vào Ngài để sống từ khi Cha Ngài, Joseph chết. Làm sao họ có thể sống không có Ngài.

Ngài phải đối đầu với những phản đối và có lẽ sự chế diễu của người dân trong làng Ngài. Một số người tán thành sự ra đi của Ngài gia nhập vào một trong những phong trào bí mật chống lại người La Mã. Nhưng làm sao Ngài có thể giúp dân của Ngài chiến thắng được quân xâm lăng chỉ bằng cách trở thành một nhà thuyết giáo lang thang? Cũng có thể Jesus phải đương đầu với những nghi ngờ kéo dài liệu về việc Ngài có thể sống theo đường lối Ngài dự tính không. Không nhà, không thu nhập, không bè bạn để Ngài có thể

phụ thuộc. Tất cả sự ăn mặc của Ngài đều do những người đến nghe Ngài nói cung cấp. Điều Ngài giảng dạy cho họ có xứng đáng với những gì họ cho không?

Bất chấp mọi lập luận, Ngài vẫn tiến lên. Ngài đã trông chờ những khó khăn như vậy. Sức mạnh nào Ngài cần thiết để thi hành kế hoạch của Ngài đã đến từ sự cảm hứng dẫn đến chúng. Đơn độc và không có sự tán đồng của thân nhân và bè bạn, Ngài đi về Capernaum, bắt đầu nơi đây mục vụ dẫn đến cái chết cho Ngài và sự ra đời đạo Cơ Đốc.

THƯỢNG ĐẾ VÀ VƯƠNG QUỐC CỦA NGÀI

Quyết định của Jesus, giống như hầu hết những quyết định như vậy, có những căn nguyên sâu xa. Còn là một đứa trẻ nhỏ, Jesus đã học lịch sử và kinh thánh Do Thái nơi cha Ngài và những nhà lãnh đạo giáo đường. Ngài thấy rõ niềm hy vọng của người Do Thái luôn luôn hướng về một tương lai sáng sủa và tốt đẹp hơn, khi Thượng Đế giúp đỡ người Do Thái lấy lại được tự do và thanh thế giữa các quốc gia. Niềm hy vọng này cháy rục trong lòng họ trong khi họ phải sống dưới ách xâm lược của người La Mã.

Trong một thời gian Jesus đã suy nghĩ rất cẩn thận về niềm hy vọng của quốc gia này, và Ngài biết rằng Ngài không thể hoàn toàn đồng ý với những người có niềm hy vọng ấy. Nhiều người Do Thái đã có cảm tưởng vô vọng cho rằng với tư cách cá nhân những gì họ đã làm là không quan trọng. Họ tin tưởng rằng một lúc nào đó Thượng Đế sẽ làm phép lạ, đem đến một thời đại mới, khi Palestine trở nên hùng mạnh, độc lập và được tôn trọng giữa những quốc gia. Sẽ không có quân đội chiếm đóng hay những người cai trị ngoại quốc. Dân Do Thái sẽ sống trong thịnh vượng như họ đã từng sống dưới triều Vua David xa xưa. Để mở đầu thời đại mới này, người được Thượng Đế xức dầu thánh, Đấng Cứu Tinh, Messiah, sẽ chiến thắng quân thù. Rồi Đấng Cứu Tinh sẽ trị vì Vương quốc của Thượng Đế mà bao thế hệ người Do Thái đã hy vọng.

Việc này không phải là cách mà Thượng Đế sẽ làm cho sự việc thay đổi, Jesus quyết định như vậy. Thượng Đế không ban phước lành cho một số hay từ chối không ban phước lành cho những người khác. Phước lành của Thượng Đế đến trong tĩnh lặng, khiến người ta thấy cuộc đời là cái tốt đẹp nhất để sống. Vương Quốc của Thượng Đế không phải là điều kiện để mà chờ đợi trong một tương lai được dấu kín. Không, Vương Quốc của Thượng Đế là triển vọng hiện thời về điều thiện bị che khuất, giống như một hạt

giống ở trong mỗi con người. Bạn chỉ việc để cho nó phát triển tự nhiên, giúp cho nó phát triển bằng thái độ yêu thương và những hành vi lương hảo. Và chú ý, nó phát triển từ từ cho đến khi chính bạn là một phần của Vương Quốc Thượng Đế.

Khái niệm của Jesus về Vương Quốc phát sinh một cách rất tự nhiên từ niềm tin của Ngài về Thượng Đế. Jesus trải qua kiểu huấn luyện tôn giáo mà tất cả những người Do Thái trung thành đều cố gắng truyền cho con cái. Ngài đã nghe nhiều chuyện về các nhà tiên tri. Ngài biết nhiều bản thánh thi mô tả tình thương yêu và nhân từ của Thượng Đế. Quan trọng hơn cả là Jesus đã bỏ thì giờ để phát triển sự quan hệ thân thiết cá nhân với Thượng Đế. Cầu nguyện và trầm tư mặc tưởng đã dẫn Ngài đến chỗ cảm thấy như ở nhà với Thượng Đế. Sau này Jesus đã kể lại nhiều chuyện ngụ ngôn miêu tả Thượng Đế như một người cha, tha thứ, quan tâm và thương yêu. Trong suốt cuộc đời của Ngài, Ngài đã quay về với Thượng Đế như người hướng dẫn, nguồn sức mạnh và cảm hứng, lúc nào cũng có chiều hướng suy ngẫm và cầu nguyện.

Jesus thường nhắc đến ý muốn của Thượng Đế khi Ngài dạy và an ủi những người nghe. Chắc chắn, Thượng Đế mong đợi một điều gì đó nơi con người. Ngài mong con người cư xử với nhau bằng mối quan tâm thương yêu, tha thứ và nhân nại, giống như Ngài đối xử với họ. Đó là sự ngay thẳng mà Vương Quốc của Thượng Đế đòi hỏi, không phải sự ngay thẳng bị trói buộc bằng luật lệ và thói quen. Sự ngay thẳng này đi sâu hơn nhiều -- sâu như những tư tưởng và ý định và khao khát. Từ nguồn gốc này, nó trôi chảy thành nói lời ngay thẳng, hành động chính trực và nỗ lực chân chính.

JESUS VÀ GIÁO HUẤN CỦA NGÀI

Ở Capernaum và hầu hết các thành phố Ngài tới sau này, Jesus được người bình dân tiếp đón ân cần. Ngài đến với họ với một thông điệp hy vọng đặc biệt. Nhiều người không đủ tiền mua những thứ hiến tế đặc biệt để cúng lễ hàng năm cho ngôi đền tại Jerusalem. Các thầy tu nói với họ rằng những thứ hiến tế phải được hiến dâng nếu họ muốn được ân sủng của Thượng Đế. Họ phải làm gì? Jesus nói về vật của một tấm lòng biết hối lỗi và một đời sống trong sạch còn quan trọng hơn nhiều những lễ vật bằng hoa quả đầu mùa và những con dê non mới một năm.

Một số người vui vẻ nghe Jesus là những người cảm thấy cực kỳ tội lỗi vì những luật lệ mà họ không giữ. Có vô số luật lệ Do Thái nói họ phải ăn gì và

phải được phụng sự ra sao và qui định tuân thủ nhiều tập tục tôn giáo nhỏ mọn như thế nào. Người nghèo dành cả thì giờ vào việc nhặt nhạnh kiếm sống một cuộc sống nghèo nàn không có cơ hội và thường không có thông tin về những luật lệ như vậy. Nhiều giáo sĩ Do Thái buộc tội họ là những người tội lỗi. Jesus nói với người dân, họ không nên quá quan ngại về việc thi hành luật lệ đến mức quên tinh thần của luật lệ. Luật lệ và những giáo đồ thuộc tôn giáo bình dân của Ngài nhấn mạnh vào hai điều: Thương yêu Thượng Đế và thương yêu láng giềng.

Một số người trở thành bệnh vì họ tràn đầy cảm nghĩ tội lỗi hay quá buồn phiền bởi sự thất bại thường xuyên trong khi làm tất cả những điều tôn giáo đòi hỏi. Đối với những người như vậy, thông điệp của Jesus tựa như thuốc. Họ bệnh trong tâm, và điều đó đã làm họ bệnh. Những lời nói và sự hiểu biết của Ngài làm họ cảm thấy khá hơn và sức khỏe của họ được hồi phục. Qua những tình huống như thế, Ngài có danh tiếng như một người chữa lành bệnh. Ngài đã lôi cuốn nhiều người vì lý do đó. Đôi khi Ngài cũng nản chí vì có nhiều người muốn chữa khỏi bệnh, nhưng quá ít người muốn theo Ngài sống theo ý Thượng Đế.

Không phải tất cả mọi người đều thích điều mà họ nghe được. Nhiều người Do Thái cảm thấy người ta không thể sống một cuộc đời tốt đẹp trừ phi thi hành đầy đủ luật Do Thái đến từng chi tiết đòi hỏi nỗ lực cao nhất. Họ không thích nghe thấy ai nói những luật ấy không quan trọng. Một số những nhà lãnh đạo tôn giáo trở nên rất giận dữ vì thanh danh của Jesus như người chữa lành bệnh gia tăng. Họ nghĩ rằng những người tội lỗi đó đáng bị đau khổ. Jesus phải làm gì thích hợp khiến họ cảm thấy được tha thứ? Chỉ một mình Thượng Đế biết liệu họ có được tha thứ hay không.

Một số người Do Thái khác lo lắng vì Jesus dường như quá ư thanh thản và quá ư thương yêu. Ngài thậm chí không hận thù kẻ địch của họ, những binh lính La Mã xâm lược. Họ biết lịch sử giống nòi của họ, với tất cả những chiến bại và những cuộc xâm lăng nhục nhã. Sự chiếm đóng của La Mã là một chiếm đóng duy nhất trong chuỗi dài chiếm đóng của những kẻ xâm lược. Một số tín đồ của Jesus hy vọng Ngài có thể chứng tỏ mình là Đấng Cứu Tinh hùng mạnh, sẽ đến để giúp họ giành được địa vị hùng cường và thịnh vượng một lần nữa. Khi Ngài tiếp tục dạy họ về tình thương yêu và kiên nhẫn, một số tỏ ra chán ghét. Một số tiếp tục theo, vẫn hy vọng Ngài sẽ là Đấng Cứu Tinh vào lúc cuối cùng.

Một số đông tín đồ không hiểu điều mà Jesus đang nói khi Ngài miêu tả khái niệm của Ngài về Vương Quốc Thượng Đế. Ngài nhấn mạnh và nhắc đi nhắc lại người dân không nên chờ đợi cho đến lúc có hoàn cảnh lý tưởng để sống một cách đúng đắn. Một con người là cái người ấy ở trong chính mình.

Phẩm tính này của đời sống nội tâm không bị quyết định bởi quân đội chiếm đóng, hay theo đúng luật, hay dâng lễ vật tại đền. Tư tưởng mà bạn có trước khi bạn nói quan trọng hơn điều bạn nói. Thái độ bạn có bên dưới hành động quan trọng hơn cái bạn làm.

Jesus kể những chuyện đẹp đẽ cốt làm cho Vương Quốc này hình như thật đối với người nghe. Vương Quốc của Thượng Đế giống như hạt cải giống, nhỏ nhất trong tất cả hạt giống. Nhưng khi nó lớn lên, cây cải rất lớn. Cũng như vậy, bên trong Vương Quốc mới đầu rất nhỏ đến nỗi ta có thể không ý thức được. Nhưng khi nó đã phát triển đầy đủ, nó trùm khắp mọi thứ khác trong cuộc đời con người. Vương Quốc của Thượng Đế giống như một kho báu ẩn dấu trong cánh đồng. Khi người ta khám phá ra kho báu ấy, họ vội vã bán tất cả mọi thứ để mua cánh đồng ấy. Cũng giống như vậy, khi người ta khám phá ra giá trị không thể lượng định được của Vương Quốc, người ta sẽ bỏ tất cả mọi thứ vì Vương Quốc.

Đối với Jesus, Vương Quốc của Thượng Đế là mục tiêu tối hậu của tất cả nỗ lực con người. Ngoài ra không có gì thực sự đáng để tìm kiếm. Con người được chỉ định để sống trong Vương Quốc như vậy. Nó không lệ thuộc vào thời gian hay nơi chốn. Vương Quốc của Thượng Đế chỉ cần hỏi những người thẳng thắn làm công dân của nó với lòng nhân từ, khả ái, và tình thương yêu là luật của nó. Bất kỳ ở đâu, có những người ngay thẳng dùng nhân từ, khả ái, và tình thương yêu làm lối sống của họ, nơi đó có Vương Quốc của Thượng Đế.

Khi Jesus nói về Vương Quốc của Thượng Đế, Ngài tràn đầy ý thức khẩn trương. Người dân không nên khoanh tay chờ đợi Thượng Đế mang mình vào Vương Quốc. Thời gian là ngay bây giờ. Người dân phải khám phá ra khả năng của mình về điều thiện và bắt đầu sống một cách chính đáng. Jesus nói với người dân, điều này đòi hỏi sự sám hối. Họ phải từ bỏ cách sống cũ lại và bắt đầu chọn cách sống ngay thẳng theo ý Thượng Đế. Rồi Vương Quốc của Thượng Đế sẽ tới. Thượng Đế đã sẵn sàng. Con người cũng phải sẵn sàng.

Vì Ngài cảm thấy mạnh đến nỗi mỗi con người phải hội đủ những điều kiện của Vương Quốc, Jesus mang thông điệp của Ngài đến nhiều người bị gọi là tội lỗi. Những người công kích Ngài thấy rất dễ dàng vạch ra duyên cớ khi Ngài nói với những người thu thuế đáng ghét hay thăm viếng những người mà tiếng tăm khả nghi. Làm sao người ta có thể là một đạo sư tôn giáo tốt nếu có quan hệ xấu như vậy? Jesus trả lời, "Ta không đến để kêu gọi người ngay thẳng, mà là kêu gọi người tội lỗi sám hối".

Cứ thế, Jesus nhắc đi nhắc lại Thượng Đế không quở trách người tội lỗi quá nhiều như một số người đã làm. Thượng Đế sẵn sàng tha thứ lúc người ta thành thực xin tha thứ. Thượng Đế giống như một người cha thấy con bỏ nhà đi uống phí tiền bạc và thì giờ vào sự tìm kiếm đại dột vì dục lạc. Lúc đứa con trở về, buồn bã hơn và khôn ngoan hơn, quyết định sống chính đáng, người cha mừng đón nó, tha thứ không quở trách vì được niềm vui con mình trở về. Cũng vậy, Cha trên Thiên Đường hân hoan chào đón những ai quá ân hận về quá khứ đại dột và nay thành thật sẵn sàng cố gắng sống theo ý Chúa.

Vào cuối một năm giảng dạy, Jesus đã thu thập được một số tín đồ. Mười hai người trong số đó sau này được biết là tông đồ của Ngài, quá ấn tượng với thông điệp của sự phụ, đến nỗi bỏ cả nhà cửa, gia đình và công ăn việc làm. Giống như Jesus, họ cảm thấy những đòi hỏi của Vương Quốc xóa đi tất cả những cân nhắc nhỏ bé tầm thường. Ngoài ra mọi thứ chỉ là thứ yếu trước cuộc tìm kiếm đời sống tinh thần.

Jesus càng ngày càng ý thức được hoạt động của Ngài gặp nhiều sự không tán thành từ nhiều người. Giới chức Tôn Giáo Do Thái, những người không bao giờ nhiệt tình với sứ mạng của Ngài, trở nên thù nghịch hơn. Những người La Mã, chỉ mong muốn hòa bình và trật tự, nghi ngờ bất cứ phong trào cấp tiến nào có những kế hoạch cách mạng. Họ bắt đầu sợ lời thuyết giảng của Jesus về Vương Quốc sắp tới, dầu là đối với Jesus, việc này hoàn toàn chỉ là tinh thần.

Đã từ lâu, đã có những khuyến cáo là cách sống mà Jesus chọn sẽ dẫn Ngài đến cái chết. Đã đến lúc phải thay đổi lời dạy của Ngài để Ngài không phải gánh chịu cơn tức giận của giáo sĩ quyền thế. Đã đến lúc phải bảo đảm với người La Mã bằng cách ít nhấn mạnh đến Vương Quốc của Thượng Đế. Jesus không thể chấp nhận những thỏa hiệp như vậy dưới ánh sáng quan tâm chính của Ngài về ý Thượng Đế. Ngài phải ra khỏi Jerusalem, vì nơi đây là trung tâm của Đạo Do Thái. Ngài cảm thấy Ngài có lời phán truyền để đưa

ra và phải tham dự vào lễ Passover (Quá Hải). Ngài bao giờ cũng tham dự các lễ hội tôn giáo có người của Ngài. Cho nên, vào cao lúc nào nhất ngày lễ, Jesus cùng với các tông đồ của Ngài đi vào Jerusalem.

MỤC VỤ CỦA NGÀI CHẤM DỨT

Trong lần thăm viếng này, Jesus đã bị chết trên cây thánh giá trong tay những người La Mã. Chắc chắn có một số thầy tu hay một số người ái quốc Do Thái ghen ghét đã giúp đỡ thuyết phục người La Mã cho rằng người này (Jesus) là người khích động quần chúng chống lại sự thịnh vượng của đất nước này. Một số nhà ái quốc đã thất vọng là Jesus vẫn từ chối không lãnh đạo cuộc nổi dậy chống lại La Mã. Các thầy tu cảm thấy địa vị của mình đảm bảo hơn sau khi Ngài ra đi. Không có quần chúng đông đảo khóc than nhân danh Jesus. Một số đông tín đồ của Ngài đã bỏ Ngài trước đó, thất vọng vì chờ đợi vô ích ở Ngài tuyên bố chính mình là Đấng Cứu Thế. Đối với một số tông đồ, dường như toàn bộ cuộc phiêu lưu tôn giáo đã bắt đầu đòi hỏi quá nhiều. Họ bỏ Jesus vì an toàn của chính họ.

Jesus hẳn đã có nhiều lúc nản chí vào những ngày cuối cùng. Ngài đã thấy nhiều người ao ước Ngài làm những điều mà niềm tin của Ngài không cho phép Ngài làm. Ngài đã thấy các tông đồ hành động về nhiều mặt cho thấy họ vẫn không am hiểu tường tận điều mà Ngài cố gắng từ lâu giảng dạy cho họ về ý của Thượng Đế. Có lúc Ngài biết Ngài có thể bị sát hại. Phải chăng cái chết của Ngài đã đến trước khi Ngài hoàn tất tất cả những gì Ngài định làm? Phải chăng Ngài đã để dân chúng vẫn còn chưa được sửa soạn có những con đường qua đó Thượng Đế sẽ thực hiện để mang vào Vương Quốc? Hẳn là khó khăn biết bao để nhìn thấy nỗ lực của Ngài chấm dứt trước khi Ngài đạt được mục tiêu.

CƠ ĐỐC GIÁO BẮT ĐẦU

Nhưng cứu cánh đã tới. Những tông đồ hoang mang đi trốn. Sau này, khi cảm thấy an toàn, họ gặp nhau và nói với một giọng kín đáo về chuyện bí hiểm đã xảy ra. Nỗi buồn của họ đã dẫn họ đến tình đoàn kết sâu xa hơn, và họ cùng nhau tưởng nhớ đến những điều đã kinh qua mà họ chia sẻ với Jesus. Ngay từ sự đoàn kết này, Cơ Đốc Giáo bắt đầu.

Về nhiều mặt, Cơ Đốc Giáo khác biệt hẳn tôn giáo giản dị của Jesus. Nhưng về ý tưởng chính về niềm tin, nó quay lại với người thanh niên nhũn nhận tận tụy từ Galilee đã từng nói con người phải cam kết hết thảy cho Thượng Đế và rời cho xóm giềng. Cái chết của Jesus là hậu quả niềm tin của Ngài, là

một bước tiếp theo hợp lý trong cuộc đời hiến dâng của Ngài cho nhiệm vụ mang Vương Quốc của Thượng Đế xuống trái đất.

---o0o---

16. NỀN MÓNG CỦA NIỀM TIN

Rất dễ hiểu sự hoang mang và sợ sệt của đám tin đồ ban đầu của Jesus mục kích việc bắt bớ và đóng đinh trên cây thánh giá của Jesus. Ngài đã bị giết như một tội phạm, và họ, vì đã chia sẻ công việc làm với Ngài lo ngại chắc chắn phải chia sẻ hình phạt của Ngài. Hết sức vội vàng họ ẩn náu, và trong một thời gian, phong trào này dường như không còn.

Khi cơn nguy hiểm đã qua, những tông đồ của Jesus bắt đầu gặp lại nhau, họ nhớ lại những lúc vui buồn trong những ngày sống với Su phụ. Đồng thời họ tìm sự an ủi cho nỗi buồn của họ bằng cách kể lể và kể lại những chuyện về Jesus. Họ không ngưng sống như thế với ký ức dường như Jesus vẫn sống với họ. Một số bắt đầu tin rằng Ngài không chết. Đúng, Ngài đã chết trên cây thánh giá và đã được đem chôn. Nhưng bây giờ Ngài sống lại. Ngài chỉ bỏ họ một thời gian ngắn, để sửa soạn mở ra một thời đại mới, Vương Quốc của Thượng Đế.

NHỮNG NGƯỜI CƠ ĐỐC GIÁO ĐẦU TIÊN

Những sự tin chắc này dễ dàng đến với những người Cơ Đốc Giáo ở thế kỷ đầu tiên. Vào thời ấy có những người mà sự ngu dốt làm cho họ có niềm tin dị đoan. Đôi khi họ tin vào những giấc mộng và ảo tưởng của họ. Họ tin vào quỷ sứ và thiên thần. Họ tin rằng đôi khi xác chết có thể đi ra khỏi mồ. Bây giờ họ tin Jesus sẽ trở lại.

Để nuôi hy vọng, họ nhớ lại những lời tuyên bố mà họ nghĩ rằng do Jesus nói. Phải chăng Ngài đã không nói Vương Quốc sắp đến tức thì? Phải chăng Ngài đã không kêu gọi họ bằng đời sống bình thường của họ làm việc với Ngài để Vương Quốc đến? Phải chăng Ngài đã không hứa rằng, họ có thể chia sẻ trong Vương Quốc? Chắc chắn đúng là như vậy. Ngài sẽ trở lại, và Vương Quốc của Thượng Đế sẽ cùng với Ngài trở lại. Kết cuộc, Ngài chính là Chúa Cứu Thế.

Nhiệt tình với sự cấp thiết về bức thông điệp của họ, những tông đồ gấp rút nói với những người khác. Jesus sẽ sớm trở về để mang vào Vương Quốc của Thượng Đế. Việc này xảy ra trong thế hệ của họ! Nhiều người Do Thái

nghe và chú ý đến lời răn này để tự sửa soạn. Sau này, năm này qua năm khác, không có gì xảy ra, sự cấp bách của thông điệp bắt đầu tiêu tan.

CƠ ĐỐC GIÁO BỎ DO THÁI GIÁO

Giáo huấn của Jesus chưa bao giờ trở thành một phần của Do Thái Giáo nguyên thủy. Jesus đã hướng thông điệp của Ngài vào những ai không thấy được an ủi trong Do Thái Giáo khắc khe. Nhiều tín đồ bị lôi kéo ra khỏi đời sống Do Thái cả về tôn giáo lẫn chính trị. Được củng cố bởi ảnh hưởng của Jesus, những người này thay đổi thái độ nhanh hơn, theo quan điểm chính thống Jesus hơn. Dù vậy, cũng phải một thời gian rất lâu trước khi những người cơ đốc giáo Do Thái chấp nhận những người không đạo (không phải là Do Thái) vào đoàn thể của họ.

Vị tông đồ Peter ở trong đám các người khăng khăng giữ phong trào độc quyền Do Thái. Nhưng sau này, khi Paul trở thành Cơ Đốc Giáo, ông đã thuyết phục Peter và những người khác chấp nhận những người không đạo vào nhóm. Sau đó, những người không phải là Do Thái đã nhanh chóng đông hơn những người Do Thái trong phong trào Cơ Đốc Giáo.

JESUS LÀ CHÚA CỨU THẾ CỦA CƠ ĐỐC GIÁO

Về tất cả những người liên quan đến nguồn gốc của Cơ Đốc Giáo, Paul là người chịu trách nhiệm nhiều nhất về chiều hướng niềm tin của nó. Paul đã thêm vào những ghi nhận mới quyết định tiến trình tương lai. Khái niệm mới đến từ những tôn giáo "sùng bái huyền bí" có tính chất đại chúng lan tràn trên mảnh đất Địa Trung Hải. "Sự huyền bí" này có hiệu quả cho sự hợp nhất thần bí và tượng trưng với một thượng đế sống dưới hình thức con người, chết đi nhưng rồi sống lại. Qua một nghi lễ bí mật, hợp nhất một cách tượng trưng Ngài với thượng đế của Ngài, các tín đồ được bảo đảm là Ngài có thể thay đổi bản tính người thành tính thần thánh và bởi vậy có được kiếp sau hạnh phúc. Có một số sự sùng bái huyền bí với những thượng đế khác nhau. Nhưng tất cả đều nhấn mạnh đến sự cứu rỗi do sự tận tụy với Chúa Phục sinh.

Thật thú vị là từ Kyrios (Chúa) mà người Hy Lạp áp dụng với thượng đế phục sinh, đã được Paul sử dụng để áp dụng cho Jesus. Tất nhiên những ai nghe thấy Jesus được gọi là Kyrios sẽ giải thích Ngài theo ý nghĩa sùng bái-huyền bí. Đối với nhiều người đổi đạo sang Cơ Đốc Giáo, Jesus là thượng đế cứu rỗi đầu tiên trong xác thân con người.

Một trong những cuộc thảo luận vĩ đại nhất trong lịch sử Cơ Đốc Giáo là liệu có phải Jesus là thần thánh, giống như Thượng Đế, hay Thượng Đế. Sau nhiều hùng biện đur dội, cuối cùng người ta quyết định Jesus là Thượng Đế thực sự của chính Thượng Đế ". Cuộc thảo luận này chỉ là một trong những cuộc tranh cãi thần học, hầu hết những cuộc tranh cãi này lẽ ra đã không phát triển nếu một mình Jesus giúp tổ chức một tôn giáo mới phát triển. Có thể nói chắc là Jesus có lẽ đã không lưu ý đến một chút nào cả. Đời sống, đối với Ngài không phải là điều để tranh luận và bàn cãi. Tôn giáo cũng vậy. Con người phải sống có tôn giáo, không phải tranh cãi.

Người Cơ Đốc Giáo nói Jesus là vị cứu rỗi trực tiếp. Thông thường họ gọi Ngài là Chúa có nghĩa là Người cứu nguy hay Chúa Cứu thế. Họ nói Jesus Christ là Chúa con của Thượng Đế. Hầu hết những người Cơ Đốc Giáo tin rằng Ngài chia sẻ tính thần thánh của Thượng Đế, chính Ngài là Thượng Đế. Ngài sống và chết như một con người và vì con người. Nhưng Ngài hồi sinh từ nấm mồ và thăng thiên và "ngồi ngay bên tay phải Thượng Đế", như một tín điều nổi tiếng tuyên bố.

Những sự xác định này phát triển từ khái niệm sùng bái huyền bí cổ đến nỗi những người Cơ Đốc Giáo hiện đại không biết nguồn gốc hay lý do về sự tồn tại của chúng. Những khái niệm này còn sống mãi vượt qua cả nguồn gốc của nó, vì chúng được bao gồm trong các tín điều của các nhà thờ Cơ Đốc Giáo chính thống. Có một câu chuyện Cơ Đốc Giáo cổ nói về những khái niệm cổ. Câu chuyện này được nhiều người gọi là "câu chuyện cứu rỗi". Nó mô tả con người chìm ngập trong tội lỗi từ thời mới có người đầu tiên. Con người đầy tính độc ác đến mức không biết gì về điều thiện. Chỉ có Thượng Đế mới có thể làm gì để chuộc lỗi cho họ từ tình trạng ấy. Cho nên Thượng Đế chọn dân Hê Bơ - Do Thái để dạy con người hướng thượng trên tội lỗi đang diễn ra này.

Người Do Thái không đóng vai trò thích đáng của mình trong kế hoạch này. Cho nên Thượng Đế phái Jesus Christ, đứa con duy nhất của Thượng Đế, mang con người trở về hòa hợp với chính mình. Qua đời sống, cái chết, phục sinh, và thăng thiên vào Thiên Đàng, Jesus đã làm mọi điều cần thiết. Qua sự hy sinh thiêng liêng này, con người giành được sự hủy bỏ hay tha thứ những tội lỗi to lớn chống lại Thượng Đế.

Thực tế là tất cả những người Cơ Đốc Giáo chấp nhận những mục chính trong câu chuyện đầu bí hiểm là thực, mặc dầu một số không nhìn vào các lời kể cái gì thực sự xảy ra. Một số cảm thấy đó là cách mô tả cái gì đó là

thực. Họ nói câu chuyện có nghĩa là khởi đầu người ta có ý định hoàn toàn và có quan hệ chính đáng với Thượng Đế.

Tuy nhiên, hết người này đến người kia, từ thế hệ này đến thế hệ khác, đã có những sự chọn lựa không thích hợp. Họ mất mối quan hệ chính đáng, và bởi vậy họ mất khả năng sống toàn hảo. Mỗi người phải trải qua khó khăn nhưng là tiến trình bổ ích để tìm thấy điều đó. Đồng thời một người cố gắng chân thật, Thượng Đế lưu ý đến hạnh phúc của người ấy. Thượng Đế có thể làm cho người ta tìm lại chính mình.

Cho đến nay đa số các người Cơ Đốc Giáo đã nói Jesus là một phần thiết yếu con đường cứu rỗi có thể làm được của Thượng Đế.

Điều này đã dẫn dắt người Cơ Đốc Giáo cầu nguyện với Chúa Jesus và tôn thờ Ngài, giống như họ tôn thờ Thượng Đế. Nhiều người Cơ Đốc Giáo đã tìm thấy ở Chúa Jesus tất cả những gì về thượng đế mà họ biết.

Tất cả những người Cơ Đốc Giáo cho rằng niềm tin của họ bắt nguồn từ điều mà Jesus đã nói hoặc làm, dù rằng người Cơ Đốc Giáo trong tất cả các giáo phái tin rằng nhiều điều mà chính Jesus cũng chưa bao giờ nghe nói. Trong quá trình phát triển Cơ Đốc Giáo, người Cơ Đốc Giáo cũng đối mặt với cùng những câu hỏi chung về bản chất của con người và bản chất của Thượng Đế. Hầu hết những người Cơ Đốc Giáo tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi này khác hẳn với những câu trả lời của chính Jesus. Câu trả lời tùy thuộc kinh nghiệm cá nhân. Vậy nên câu trả lời của Cơ Đốc Giáo thay đổi theo thời gian và không gian. Nhưng những câu hỏi mà người dân băn khoăn ở thời Jesus và ở thời đại chúng ta, cũng rất giống nhau, vì con người cơ bản là giống nhau.

TÔI LÀ GÌ?

Người Cơ Đốc Giáo thường nói con người còn nhiều hơn những gì mà nó có vẻ là như thế. Cái có thể nhìn thấy, xác thân, thực sự là cái nhà của cái ta không nhìn thấy. Theo truyền thống, người Cơ Đốc Giáo gọi cái tôi nội tâm này là "linh hồn". Xác thân con người chỉ là thứ tạm bợ, và cuối cùng sẽ chết. Những thành phần của nó một lần nữa lại trộn lẫn với thành phần của đất. Nhưng linh hồn của con người thì bất diệt, tồn tại sau cái chết của xác thân, hầu hết người Cơ Đốc Giáo nói như vậy.

Linh hồn con người có liên quan với Thượng Đế trong ý nghĩa này. Thượng Đế là tinh thần bất diệt, hiện hữu trước khi sáng tạo. Linh hồn con người

được tạo ra bởi Thượng Đế, và một khi được tạo ra, chúng cũng bất diệt. Người Cơ Đốc Giáo tin rằng mỗi linh hồn là một cá thể, được hợp nhất với xác thân cá nhân từ trước khi sinh ra. Qua sự hợp nhất của linh hồn và xác thân, một con người được thành hình.

Người Cơ Đốc Giáo cố gắng miêu tả linh hồn bằng nhiều cách. Một số người nghĩ rằng linh hồn có liên quan với trí thông minh hay với sinh lực, hay với một thứ gì khác. Nhưng người Cơ Đốc Giáo nói chung chẳng bao giờ có thể đồng ý bằng một từ khác về linh hồn. Họ nói "linh hồn" có nghĩa là "cái gì đó bất diệt" không phải là cái gì đó không xác định. Nó không bị ảnh hưởng bởi cái chết hay lực phá hoại khác. Nó là cái nằm dưới toàn bộ đời sống có ý thức của con người. Không thể nhìn thấy nó được. Nó không ở chỗ nào cả. Nó vô tận và không thay đổi. Sự hiện hữu của nó không thể chứng minh được. Nó hiện lên bằng "niềm tin".

THƯỢNG ĐẾ LÀ GÌ?

Một đứa trẻ sơ sinh không biết mình là con người. Nó phải dần dà kinh nghiệm qua thực tế mà biết nó khác mẹ nó, rồi nó đi đến chỗ biết nó khác với tất cả những người khác. Nó phải học để có ý thức về chính nó. Rồi nó càng ngày càng có ý thức với những người mà nó tiếp xúc.

Khi nó lớn lên, trưởng thành trong mối quan hệ với chính nó và người khác, nó được chuẩn bị đầy đủ cho những kinh nghiệm rộng lớn hơn. Những qui luật tự nhiên có, trật tự và sự không thay đổi của thiên nhiên mà nó quan sát từ hồi thơ ấu, những hy vọng và nhu cầu mà nó chia sẻ với đồng loại; chu kỳ phát triển và suy tàn có căn cứ trong đó nó nhìn thấy mọi sinh vật cũng góp phần -- những thứ đó dần dà làm cho nó có ý thức về điều gì đó vượt quá nó và những người như nó. Dường như có một ý nghĩa và một kế hoạch đối với cuộc sống. Đó là gì? Cái gì ở đằng sau tất cả thứ đó?

Những câu hỏi như vậy nằm trong số câu hỏi phổ biến nhất về những băn khoăn của con người. Chúng đã đưa hầu hết mọi người suy nghĩ rằng cái gì đó hay người nào đó mà họ gọi là Thượng Đế ở đằng sau tất cả. Người Cơ Đốc Giáo đã đưa ra nhiều miêu tả về Thượng Đế, mặc dù họ thừa nhận rằng Thượng Đế vượt qua sự hiểu biết và mô tả của con người. Thượng Đế quyền năng, trí tuệ, nhân từ và thương yêu vô hạn. Thượng Đế là vô hạn, vô hình, và nhân từ. Ngài là Người Phán Xử, Chúa, Cha.

Những miêu tả này có ý nghĩa gì đối với một người hoàn toàn lệ thuộc vào kinh nghiệm riêng của mình. Bất cứ một trong những từ ngữ này đều không

thể có giá trị như nhau đối với tất cả mọi người. Những miêu tả này giống như những biển báo hay bảng chỉ đường ở dọc đường. Nhưng chúng không phải là mục đích như một số nhà thần học tuyên bố. Rất hữu ích để nhớ rằng khi Jesus muốn truyền cái gì đó thuộc niềm tin và triết lý của Ngài, Ngài dùng ngụ ngôn, truyện kể, và những hình thái tu có chất thơ.

Những trang sử của Cơ Đốc Giáo cho thấy nhiều nhà lãnh đạo không biết nhiều về người dân bằng Jesus. Ngài biết rằng không có hiểu biết thật sự nào tách rời khỏi kinh nghiệm trực tiếp hay gián tiếp. Con người phải biết và xác định Thượng Đế cho mình. Nhưng lịch sử Cơ Đốc Giáo chứa đựng những chuyện có niềm tin ép buộc. Đã có những lúc khi niềm tin này được xác định và tất cả những ai không chấp nhận điều đó đã bị bắt buộc ra khỏi nhà thờ. Có những tranh cãi, chiến tranh và khủng bố dưới danh nghĩa của tín ngưỡng này hay tín ngưỡng kia.

Tuy vậy thường là ngay cả đến lúc cực điểm của khủng bố và ép buộc, vẫn có một số người thận trọng biết rằng niềm tin là chuyện cá nhân. Tín ngưỡng thực là không thể ép buộc. Khái niệm về Thượng Đế của người ta là chuyện cá nhân cũng như phản ứng của người ta trước một bản giao hưởng. Tôi không thể nghe giao hưởng thay cho bạn, cũng không thể trải nghiệm về Thượng Đế cho bạn. Vậy thì tại làm sao chúng ta có thể miêu tả chúng trong cùng một từ ngữ.

THÁNH THẦN LÀ GÌ?

Chuyện Cơ Đốc Giáo về cứu rỗi nói Thượng Đế cho thấy tình thương yêu vĩ đại khi Ngài gửi con trai ngài xuống sớm giữa loài người để hướng dẫn và cứu rỗi. Nhưng Jesus không còn ở đây để hướng dẫn người dân đi vào lối sống tốt hơn. Thay vào chỗ của Jesus, chuyện cổ nói rằng, Thượng Đế sai Thánh Thần. Trong nhiều năm qua, những cuộc tranh cãi sôi nổi đã diễn ra trong giới chính thống về địa vị và chức năng của Thánh Thần. Hầu hết những người Cơ Đốc Giáo hiện đại không còn quan tâm đến những cuộc thảo luận này. Thánh thần được coi như Thượng Đế ở một dạng khác. Đó chính là quyền năng của Thượng Đế đang tác động vào và qua đời sống của tín đồ nhằm trợ giúp cho họ và giữ quan hệ đúng với Thượng Đế và với xóm giềng.

Cơ Đốc Giáo có ba thượng đế hay chỉ có một -- tùy theo ý kiến của người giải thích. Người Cơ Đốc Giáo thường phẫn nộ khi ai đó nói rằng Cơ Đốc Giáo không phải là độc thần. Tuy nhiên những người sống trên những mảnh

đất không phải là Cơ Đốc thấy rất khó hiểu làm sao Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Thánh Thần lại có thể là một Thượng Đế. Người Cơ Đốc Giáo thường trả lời là Thượng Đế có thể xuất hiện trong nhiều vai trò, cũng giống như một người có thể là con, là chồng, và là cha.

CÁI GÌ LÀ QUAN HỆ VỚI THƯỢNG ĐẾ?

Người Cơ Đốc Giáo chính thống là người xác nhận học thuyết bày tỏ trong những tín điều quan trọng của nhà thờ. Thường thường những tín điều đã trả lời những câu hỏi của người Cơ Đốc Giáo trước khi có cơ hội đặt câu hỏi. Tuy vậy hàng triệu Cơ Đốc Giáo chính thống vẫn cho rằng họ thỏa mãn với những câu trả lời của tín điều.

Theo giáo huấn chính thống, Thượng Đế tạo ra thế giới và mọi thứ trong đó vì lòng thương yêu phúc lành của Ngài. Ngài quyết định là hiện thân của điều thiện trong vũ trụ, trong mọi sinh vật sống, trong mọi thứ hiện hữu. Đây là một học thuyết khó hiểu, như mọi cố gắng giải thích về căn nguyên của sự sáng tạo.

Cơ Đốc Giáo chính thống nói rằng một khi Thượng Đế tạo ra người và đem họ xuống sống trái đất, Ngài sẽ không để họ không biết ý muốn của Ngài. Ngài sẽ trao cho họ sự phát hiện không ngừng về trách nhiệm của họ. Ngài làm cho họ có thể sống tốt đẹp và cuộc sống thỏa mãn. Điều này có được do một đức tính quan trọng của Thượng Đế -- ân huệ.

Ân huệ của Thượng Đế làm cho con người có thể hiểu Thượng Đế và ý muốn vì họ của Ngài trong đời sống thường nhật. Ân huệ này làm cho họ có thể giữ sạch những lầm lỗi cũ và lại phấn đấu vì sự tuyệt hảo hay ít nhất cũng trở nên tốt hơn. Ân huệ của Thượng Đế dẫn đến khả năng về một "đời sống bất diệt", hay đặc tính bất diệt của đời sống không bị phá hủy bởi cái chết của con người.

Hầu hết các người Cơ Đốc Giáo khẳng khẳng cho rằng có một loại thiên đàng nào đó mà người mộ đạo trung thành có thể mong đợi bằng đức tin. Họ quan niệm thiên đàng này theo nhiều cách khác nhau, dù nhà thờ đã từ lâu nhắc nhở các tín đồ đừng ước ao sự báo ơn vật chất mà phải nỗ lực tinh thần làm điều chính đáng. Nhiều người Cơ Đốc Giáo chính thống cũng tin vào ma quỷ gọi là Satan (Sa Tăng), và loại địa ngục nào đó hay nỗi thống khổ đời đời với những ai không được "cứu vớt".

Nguyên nhân cơ bản niềm tin về thiên đàng và địa ngục, ma quỷ và thiên thần, và những thứ giống như vậy chỉ được hiểu một phần ngay cả ngày nay. Không một cái gì trong những thứ này có sự tồn tại thực sự. Tuy vậy họ đều nói điều gì đó về nhu cầu của con người. Họ nói về nỗi thống khổ do cảm nghĩ tội lỗi và "lạc đường". Họ cũng nói về những lúc thanh thần tâm hồn dường như "thiên đàng".

Những người không tìm thấy tự do và niềm vui trong hiện tại, hay lo lắng quá mức về quá khứ và tương lai. Thường thường sự thất vọng và vỡ mộng của họ khiến họ hy vọng ở ngày mai có thể giải quyết những khó khăn phiền nhiễu họ hôm nay. Lo lắng nhiều về "đời sống sau khi chết" mà nhiều người cẩn thận cảm thấy, không phải là một dấu hiệu của sức khỏe nội tâm và niềm tin đích thực về những triển vọng trong cuộc sống. Đúng hơn là nó cho thấy sự thiếu niềm tin và lòng tin thực sự vào cuộc sống.

Một số người Cơ Đốc Giáo lúc nào cũng khẳng khẳng cho rằng thiên đàng và địa ngục không phải là chỗ để ở trong một tương lai xa xăm. Chúng là những hoàn cảnh của tâm linh. Người ta có ý định để con người sống trong an bình với Thượng Đế. Vì họ đã được dự định như vậy, làm theo ý của Thượng Đế mang lại cho họ thanh bình. Đó là thiên đàng. Không cần phải chết mới thấy thiên đàng. Cũng vậy, ai vi phạm những điều kiện cần thiết để sống an bình với Thượng Đế, hiện đang sống trong địa ngục.

THẾ NÀO LÀ CUỘC SỐNG CÓ ĐẠO ĐỨC?

Muốn sống thật đạo đức không phải là dễ dàng. Nó đòi hỏi cố gắng và đôi khi đau đớn. Đi theo những nghi thức sùng bái Thượng Đế riêng, và hối hận về những lầm lỗi trong quá khứ, tử tế có ích cho người khác cũng chưa đủ. Các chi tiết phù hợp cho những người Cơ Đốc Giáo nhớ đến lời Jesus nói con người trước hết phải biết thương yêu Thượng Đế và rồi thương yêu đến xóm giềng. Cuộc sống có đạo đức đòi hỏi một sự tập trung hoàn toàn xoay quanh Tinh thần thương yêu. Chỉ có bằng cách ấy, những hành động thiện và sự tận tụy thành thực mới có ý nghĩa và mục đích. Rồi đời sống mới hoàn toàn.

Hầu hết những người Cơ Đốc Giáo tin rằng người ta vẫn có thể mắc những lỗi lầm trong đời sống hàng ngày dù rằng người ấy đặt trọng tâm đời sống vào thái độ thương yêu. Họ gọi những lầm lỗi ấy là "tội lỗi". Tội lỗi thay đổi tùy theo tính cách nghiêm trọng của tội lỗi đối với con người hay tội lỗi đối với Thượng Đế. Hầu hết những nhà thờ Cơ Đốc Giáo có tổ chức đã phân

loại các tội lỗi và mức độ ác của chúng. Những người đi lễ được răn bảo không vi phạm tội lỗi và được chỉ dẫn cách được tha thứ khi họ phạm tội.

Sống trong sợ hãi, tội lỗi, và ân hận khác biệt hẳn với sống sáng tạo mà một số người Cơ Đốc Giáo đạt được. Họ đã khám phá ra rằng một đời sống tốt đẹp không đến từ việc ghi nhớ những điều nên làm và những điều không nên làm. Nó đến từ sự đương đầu với đúng sự việc bằng niềm tin và sự quan tâm. Rồi tất cả những tiếp xúc và kinh nghiệm là tôn giáo. Tất cả đời sống là tôn giáo. Và thực sự chúng ta có thể có cuộc sống tốt nhất.

Tất cả những cung cách xử sự và luân lý ngày nay dường như hình thành trên nền móng của sự tự kiềm chế và tôn trọng người khác. Qua lối sống khôn ngoan và ôn hòa, con người có thể xây dựng những thói quen tốt. Những thói quen tốt là sự trợ giúp cho một đời sống tốt đẹp. Nhưng những người Cơ Đốc Giáo thậm trọng ghi nhớ rằng mỗi hành động mới đòi hỏi một quyết định mới. Một đời sống tốt đẹp đạt được là do chọn lựa khôn ngoan, cân nhắc những gì điều chỉ có giá trị tạm thời với điều có giá trị lâu dài.

Nhiều thế kỷ qua, người Cơ Đốc Giáo tin rằng họ đã tìm thấy hạnh phúc lâu dài và sâu xa bằng cách sống tận tụy với Thượng Đế và với những người khác. Cơ hội lớn nhất của con người là tìm cầu cứu cánh này. Nhưng người Cơ Đốc Giáo thừa nhận rằng nhiều người chung quanh chúng ta sống dường như không khám phá ra đức tính đó. Tuy vậy cơ hội này vẫn được dành cho mỗi người. Thượng Đế không chọn cho họ. Những người Cơ Đốc Giáo mộ đạo tự chọn lấy, họ nói như Jesus dạy: "Cơ hội của người sẽ được thực hiện".

---o0o---

17. CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN CỨU RỖI LINH HỒN

Xuất phát từ Jesus mà Cơ Đốc Giáo bắt đầu và lấy tên này. Tuy nhiên chắc là Jesus cảm thấy mình là một người xa lạ trong việc bàn luận về niềm tin Cơ Đốc Giáo. Như Jesus đã thấy, trước sự buồn phiền của Ngài, người ta thường háo hức tôn kính với một vị thầy được tin cậy hơn là theo gương của Ngài về sự tìm kiếm can đảm. Từ thế kỷ thứ nhất, người Cơ Đốc Giáo đã quên và không lưu ý hầu hết những gì Jesus dạy. Thay vì bám níu vào Jesus, Họ thấy ở nơi Ngài nhiều điều mà thật ra Ngài không bao giờ mơ tưởng cho là của chính mình. Cơ Đốc Giáo không phải là một tôn giáo của Jesus. Đó là một tôn giáo về Jesus.

Lý do chính về sự dị biệt mà Cơ Đốc Giáo cho thấy nằm trong thực tế đơn giản: thế giới không còn giống như thời của Jesus. Vì thế giới thay đổi, các tôn giáo thay đổi. Không có tôn giáo nào đứng nguyên một chỗ. Mỗi tôn giáo đều đi qua một tiến trình phát triển và biến đổi chừng nào nó còn là một lực sống giữa con người. Nó hấp thụ khái niệm, hy vọng, sợ hãi, và tập tục. Vì tôn giáo thay đổi con người nên chính tôn giáo cũng thay đổi.

Cho nên người Cơ Đốc Giáo đã thay đổi bởi niềm tin của họ, và dần dần những niềm tin đã bị biến đổi. Thường thường những niềm tin khác biệt hình thành cơ sở cho một hội ái hữu mới hay giáo đoàn những người thấy trong đó một hy vọng mạnh mẽ cho một cuộc sống tốt đẹp hơn. Bởi vậy, Cơ Đốc Giáo được đại diện bởi nhiều nhóm khác nhau, mỗi nhóm coi đường lối của mình là quan trọng, và có lẽ tốt hơn, con đường đi đến cứu rỗi linh hồn.

GIÁO HỘI CƠ ĐỐC LA MÃ

Những người Cơ Đốc La Mã truy nguyên nguồn gốc của họ từ cuộc đàm thoại giữa Peter và Jesus, như được kể trong Kinh Matthew 16:17-19. Trong đoạn này, Jesus nói với Peter rằng Ngài là nền móng của Giáo hội. Peter là sứ giả của Thượng Đế phái xuống trái đất, có quyền quyết định cái phải và cái trái và tha thứ tội lỗi hay không tha thứ. Người Cơ Đốc La Mã nói lời tuyên bố này minh chứng Jesus thiết lập Giáo hội của họ.

Họ nói rằng Thượng Đế phong Peter làm Giáo hoàng đầu tiên có đủ quyền hành đối với tất cả người Cơ Đốc Giáo. Dòng dõi Giáo hoàng được kéo dài đến ngày nay, mỗi vị Giáo hoàng có quyền hành như quyền hành của Peter. Mỗi vị Giáo hoàng là người đứng đầu hữu hình của Giáo hội. Christ là người trị vì vô hình.

Đối với người Cơ Đốc La Mã, Giáo hội là một phần thiết yếu trong chương trình cứu rỗi con người của Thượng Đế. Thượng Đế vì tình thương yêu và ân huệ đã thiết lập Giáo hội để làm rõ và xác định những phương tiện cho sự chuộc tội của con người. Đây là lý do duy nhất mà Giáo hội. Nhớ điều này, những nhà lãnh đạo Cơ Đốc Giáo, từ Giáo hoàng đến tu sĩ, đã không ngừng tìm cách làm cho Giáo hội có ảnh hưởng trong cả những chi tiết nhỏ nhất về sự cứu rỗi linh hồn con người.

Niềm Tin. Tín đồ Cơ Đốc Giáo không bị đòi hỏi phải hiểu chương trình cứu rỗi. Họ cũng không bị đòi hỏi phải hiểu Thượng Đế -- đương nhiên là họ không thể. Cơ Đốc Giáo yêu cầu tin theo và vâng lời. Niềm tin và vâng lời dựa vào một học thuyết căn bản: nếu Thượng Đế là một Thượng Đế có tình

thương vô hạn, thì Thượng Đế phải hình thành nguồn cứu vớt nhân loại rõ ràng. Cơ Đốc Giáo La Mã khẳng định điều đó đúng là điều mà Thượng Đế đã làm khi Ngài phái Jesus, con Ngài xuống trần thế. Đến lượt Jesus, Jesus đã trao cho Peter "chìa khóa của vương quốc"

Ai cũng cần được cứu vớt vì phải chịu tội lỗi đầu tiên của họ mà loài người đã phạm phải chống lại Thượng Đế. Người Cơ Đốc Giáo tin vào câu chuyện cổ kể Thượng Đế đã ban cách cứu rỗi linh hồn bởi gánh nặng tội lỗi. Bởi khổ đau mà Thượng Đế gây cho con người, Jesus đã trả món nợ mà con người không bao giờ hy vọng đáp ứng được. Jesus đã làm cho tất cả mọi người đều có thể nhận được sự cứu rỗi linh hồn.

Ảo Tưởng Ban Phước Lành. Sự cứu rỗi linh hồn mang đến cho con người hạnh phúc cao nhất mà người ta có thể biết, Ảo Tưởng Ban Phước Lành. Điều này không đơn giản là "thiên đường". Trong khi việc xảy ra tại thiên đường, thực sự là điều phải kinh qua mặt đối mặt với Thượng Đế. Chỉ sau khi chết việc này mới xảy ra. Trong khi ta sống, chỉ có sự gợi ý về việc đó.

Sống trong thế giới này, kiến thức của chúng ta bị hạn chế. Chúng ta chỉ có thể thấy một phần của chân lý. Nhưng chúng ta được tạo ra để biết Thượng Đế, và biết cái toàn thể, và chỉ qua kiến thức này, chúng ta có thể tìm được hạnh phúc sâu xa. Ảo Tưởng Ban Phước Lành đem đến kiến thức trọn vẹn về chân lý, qua tầm nhìn của Thượng Đế. Nó vượt ra ngoài sự hiểu biết và giải thích, nhưng người Cơ Đốc Giáo được Giáo hội bảo đảm, đó là phước lành vĩ đại nhất.

Kinh Thánh. Kinh thánh, giống như nghi thức của Cơ Đốc La Mã thường là tiếng La Tinh. Trong những năm gần đây, sự chuyển ngữ ra tiếng khác đã được chấp thuận. Kinh Thánh Cơ Đốc Giáo La Mã gồm có những sách quen thuộc về Cựu và Tân Ước và một chương phụ gọi là Apocrypha (Kinh Ngụy Tác)

Người Cơ Đốc Giáo sùng kính nhất Kinh Thánh chủ yếu vì nó chứa đựng câu chuyện về cứu rỗi linh hồn. Họ tin rằng không có lầm lẫn hay không rõ trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, hầu hết những người Cơ Đốc Giáo không tự mình nghiên cứu Kinh Thánh. Họ không mong mọi gì giải thích Kinh Thánh cho chính họ, vì Giáo hội giải nghĩa hầu hết các đoạn trong Kinh.

Người Cơ Đốc Giáo nghiên cứu những lời giáo huấn của Giáo hội được coi là quan trọng hơn đọc Kinh Thánh.

Lễ Ban Phước. Người Cơ Đốc Giáo La Mã tiếp xúc với Giáo hội thường xuyên qua việc dùng bảy lễ ban phước, chúng cho họ sự chỉ đạo và sức mạnh về con đường cứu rỗi Họ coi những lễ ban phước này là những biểu tượng ân huệ của Thượng Đế được truyền qua Giáo hội. Những người Cơ Đốc Giáo La Mã không cho rằng lễ ban phước là con đường duy nhất để cứu rỗi. Nhưng lễ ban phước mở ra một lối thoát an toàn và chắc chắn trước sự bất hạnh và trừng phạt đời đời đối với những ai sử dụng lễ ban phước ấy.

Thường thường một người Cơ Đốc Giáo La Mã nhận Lễ ban phước trong Lễ Rửa Tội lúc còn thơ ấu. lễ ban phước này xóa bỏ tội lỗi đầu tiên và bất cứ tội lỗi nào đã phạm phải cho đến lúc đó. Lễ ban phước xong, Lễ Kiên Tín sẽ được tiến hành khi đủ trưởng thành để hiểu. Nó ban phước lành của Thánh thần giúp ý muốn và can đảm theo ý của Thượng Đế như Giáo hội giải thích.

Khi người Cơ Đốc Giáo kết hôn, lễ ban phước trong Hôn nhân ban phước lành của Thượng Đế và chấp thuận về hôn nhân và những đứa con được sinh ra sau này bởi cặp vợ chồng này.

Nhà Thờ coi việc này rất quan trọng đến mức không công nhận bất cứ lễ hôn nhân nào ngoài nghi lễ của chính mình. Những người Cơ Đốc Giáo La Mã được dạy rằng hôn nhân là sự hợp nhất thánh thiện và bất diệt giữa nam và nữ vì mục đích tiếp tục giống nòi.

Lễ ban phước trong Lễ Thụ Phong là để rửa tội và để cống hiến cho người nam và người nữ phụng sự trong nghi lễ thần thánh của các thầy tu và nữ tu sĩ và về chức thầy tu. Người được thụ phong bỏ đi những lo âu hàng ngày, kể cả hôn nhân và đời sống gia đình. Đó là nhiệm vụ tối thượng của người Cơ Đốc Giáo. Đối với những ai có thể thực thi được những đòi hỏi của nó, lễ này mở ra nhiều cơ hội cứu rỗi hơn bất cứ lối sống nào khác.

Những người sắp chết nhận được Lễ ban phước trong Lễ Xức Dầu cuối cùng từ thầy tu. Lễ này tha thứ những tội lỗi cuối cùng của họ.

Có hai Lễ ban phước khác, lễ Ban Thánh thể và Lễ Xưng tội thường được tổ chức thường xuyên để ban phước lành tinh thần. Mỗi chủ nhật hay vào một ngày nào đó người Cơ Đốc Giáo phải tham dự một lễ gọi là lễ mi-xa, kỷ niệm Lễ ban Thánh thể. Đó là một nghi lễ cổ tượng nhớ đến bữa ăn cuối cùng của Jesus cùng với các tông đồ của Ngài và về cái chết của Ngài trên cây thánh giá như sự hy sinh để chuộc tội lỗi cho con người. Trong lễ này, vị thầy tu thi hành hai phân phép lạ về rượu vang và bánh, biến chúng thành máu và thân xác của Jesus Christ mà không thay đổi về ngoài của chúng.

Người Cơ Đốc Giáo tin rằng phép lạ trong sự biến thể xảy ra khi thầy tu dâng các phần tử cho Thượng Đế, trong khi trình diễn lại cái chết của Jesus Christ. Rồi thầy tu chia phần cả bánh và rượu vang đã được biến đổi. Trừ phi đau yếu ngăn cản, người Cơ Đốc Giáo được yêu cầu dự lễ ban Thánh thể để nhận bánh cúng từ vị thầy tu tại bàn thờ ít nhất một năm một lần trong mùa Phục Sinh. Do sự làm đi làm lại tấn kích tôn giáo này, người Cơ Đốc Giáo tin họ được giúp đỡ trong tiến trình tiến tới cứu rỗi linh hồn.

Vì không có một lễ ban phước nào xóa bỏ khuynh hướng tội lỗi của con người, người Cơ Đốc Giáo thường xuyên cần tìm sự tha thứ những tội lỗi mới phạm phải. Việc này có thể làm được qua lễ ban phước trong Lễ xưng tội. Xưng tội gồm có hối hận tội lỗi, thú tội với thầy tu, thi hành những hình phạt được ban ra bởi thầy tu, và giành được sự tha thứ từ thầy tu.

Thánh. Những thánh được tôn vinh bởi Cơ Đốc Giáo La Mã gồm có những tông đồ lúc đầu, một số thành viên của những dòng tu thánh thân, và những người có niềm tin và hành động cho thấy sự tận tụy trọn vẹn trong việc đi tìm sự cứu rỗi. Những người Cơ Đốc Giáo tin rằng những người thánh thiện này sống trọn đời cho sự cứu rỗi thành công nên họ có thể giúp những người khác. Qua sự cầu nguyện tới các vị thánh, và qua việc đốt nến trước hình ảnh của họ, và qua hành động tôn vinh tinh thần của vị thánh, người Cơ Đốc Giáo La Mã tin là có thể giành được một số công đức của vị thánh cho mình.

Mary. Người Cơ Đốc Giáo La Mã sùng kính mẹ của Jesus như "Mary thánh thiện, Mẹ của Thượng Đế". Họ tin rằng bà được tôn vinh khác thường bởi Thượng Đế khi Thượng Đế chọn bà là một bà mẹ đồng trinh mang thai đứa con do phép lạ. Đối với nhiều người Cơ Đốc Giáo, Mary dường như gần gũi hơn và quan tâm đến những khó khăn của họ hàng ngày hơn là Jesus Christ và Thượng Đế khi họ làm cho người thờ cúng kính sợ. Đôi khi họ gọi bà là "Hoàng Hậu của Thiên Đường", và xin bà cầu nguyện cho họ ngay bây giờ và khi họ chết.

Nhà Thờ và Lịch sử. Từ Cơ Đốc có ý nghĩa phổ biến hay chung trong ảnh hưởng của nó đối với con người. Chắc chắn, Nhà Thờ Cơ Đốc Giáo La Mã đã ảnh hưởng một phần lớn nhân loại. Nhà Thờ đã nói với hàng triệu người có ham muốn chủ yếu là có cảm giác an ổn và chắc chắn trong một đời sống bị đè nặng bởi đau buồn và ngờ vực. Đối với những người này, đó là ngọn lửa hy vọng và bảo đảm cho cuộc đời họ sống hiện nay và cuộc đời sắp đến.

NHÀ THỜ CHÍNH THỐNG CƠ ĐỐC GIÁO PHƯƠNG ĐÔNG

Những nhà nghiên cứu văn hóa đã từ lâu nhận thấy sự khác biệt to lớn giữa những người dân ở Đông và Tây bán cầu. Từ lúc còn trứng nước Cơ Đốc Giáo đã có những bất đồng ý kiến bởi những dị biệt. Có những vụ xung đột và bất đồng ý kiến một phần do chính trị, một phần do xã hội, và một phần do tôn giáo. Cuối cùng vào thế kỷ thứ mười một, những sự xung đột đưa đến sự tan vỡ không bao giờ có thể sửa chữa được. Những nhà thờ phương Đông và Phương Tây rút phép thông công lẫn nhau, và mỗi bên đều tuyên bố bên mình mới là Chính Thống Cơ Đốc Giáo.

Nhà Thờ. Nhà Thờ phương Đông không có Giáo hoàng. Mỗi nhà thờ là một phần của một vùng gọi là một giáo khu thuộc một liên đoàn giáo trưởng. Những người Cơ Đốc Giáo Phương Đông tin họ là những người của Nhà Thờ xác thực duy nhất bắt nguồn trực tiếp từ công việc của những người Cơ Đốc Giáo đầu tiên. Họ gọi nhà thờ đó là "Tòa Thánh Tông Đồ Cơ Đốc Giáo Chính Thống"

Tín Điều. Nhà Thờ Phương Đông không thay đổi những tín điều, nhưng họ không giải thích theo nghĩa đen. Người Cơ Đốc Giáo La mã tập trung vào sự cứu rỗi do cái chết của Jesus, nhưng người Cơ Đốc Giáo Phương Đông quan tâm khá nhiều đến bản chất thiêng liêng của con người. Người Cơ Đốc Giáo La Mã cố gắng vâng theo những lời dạy của nhà thờ, nhưng người Cơ Đốc Giáo Phương Đông cố gắng nặng về cảm thấy là một với Thượng Đế. Những người Cơ Đốc Giáo khác lại bận tâm để đạt sự cứu rỗi cho kiếp sau, nhưng người Cơ Đốc Giáo Phương Đông lại tìm cách tái sinh tinh thần ngay trong đời này.

Các Lễ Ban Phước. Người Cơ Đốc Giáo Chính Thống Phương Đông tiến hành bảy Lễ Ban Phước. Giống như người Cơ Đốc Giáo La Mã, họ coi lễ mi-xa là hành động thờ phụng quan trọng nhất nhưng cả hai rượu và bánh được dâng cho giáo đoàn.

Giới Tăng Lữ. Thầy tu được coi như những tác nhân cần thiết giữa Thượng Đế và con người. Thầy tu có thể có gia đình nếu hôn nhân xảy ra trước khi thụ phong. Các tu sĩ, đương nhiên phải giữ những lời nguyện thông thường về sự tận tụy, trong sạch, vâng lời, và nghèo nàn. Giám mục được tuyển chọn trong số các tu sĩ mỗi giáo phận. Họ được gọi là giáo trưởng hay tổng giám mục. Họ ngang hàng về cấp bậc, tuy một người có thể được bổ nhiệm làm người lãnh đạo danh dự.

Thờ Phượng. Những buổi lễ theo thông lệ và uy nghi rất thân thiết đối với người Cơ Đốc Giáo Phương Đông. Những thầy tu của họ ngâm những lời về nghi lễ bằng tiếng Hy Lạp, hay bằng tiếng Slavonic (Xla-vơ) của Nhà Thờ Cổ. Nhà Thờ được trang hoàng với những bức tranh tôn giáo đặc biệt gọi là tranh thánh tượng- không bao giờ có các bức tượng.

Kinh Thánh. Kinh thánh thực chất giống như kinh thánh quen thuộc đối với tất cả người Cơ Đốc Giáo. Các tu sĩ khuyến khích tín đồ đọc Kinh Thánh, và tất cả những gì có thể giải thích điều họ đọc.

Tu Tập. Người Cơ Đốc Giáo Chính Thống Phương Đông thường cảm thấy tôn giáo của mình đòi hỏi một sự thay đổi trong đời sống nội tâm. Họ không cảm thấy phải đòi hỏi sự thay đổi lớn trong xã hội hay chính phủ. Vì lý do đó, nhà thờ Phương Đông, đôi khi chấp nhận những hoạt động của chính phủ hay xã hội mà người Phương Tây đã lên án.

Hầu hết những người Cơ Đốc Giáo Chính Thống Phương Đông sống ở đông Âu, tại Á Châu và Ai Cập. Vì họ thường không chú tâm vào việc tuyển mộ những người đổi đạo, tôn giáo của họ chỉ lan tràn sang Hoa Kỳ và những mảnh đất khác hầu hết bằng con đường di dân.

Bất cứ nơi nào mà người Cơ Đốc Giáo Phương Đông đã đi tới, họ đều lấy được cái vẻ đẹp lộng lẫy và cái tượng trưng phong phú trong các buổi lễ và nhà thờ của họ. Họ đã gây được ấn tượng với những người khác bằng sự tìm kiếm một đời sống nội tâm trầm lặng thong dong vượt qua con người và liên kết họ với thần thánh.

NHỮNG NHÀ THỜ CƠ ĐỐC GIÁO TIN LÀNH

Giáo Hội Cơ Đốc Giáo lại chia rẽ nữa. Sự chia rẽ khởi đầu bởi một người Đức trẻ tuổi tên là Martin Luther. Hầu như Luther không biết hành động của ông hôm đó năm 1517 dẫn tới sự cải tổ Tin Lành có ảnh hưởng sâu rộng. Tất cả những gì Ngài làm là để thông báo ước muốn của Ngài bàn cãi về những lý do kết án việc hạ giá "sự xá tội" được quảng cáo cao độ, đó là bảo đảm tha thứ các tội lỗi.

Tình cờ là việc bán xon (hạ giá) mà Ngài kết án lại được đưa ra bởi một chức quyền của Giáo Hội Cơ Đốc Giáo La Mã và được Giáo hoàng phê chuẩn. Và chính Luther là một thầy tu. Loạn báo đóng đinh vào cửa nhà thờ của Ngài là một thách thức làm hoảng hốt quyền lực của Giáo hoàng và Giáo Hội, vào cái ngày mà toàn thể xã hội bị trị bởi sự bức chế của họ. Đối

đầu với yêu cầu phải rút lại lời tuyên bố của mình, Luther cảm thấy không thể làm như thế một cách thành thực. Những người đồng hương tập hợp quanh Ngài, và Sự Cải Tổ Tin Lành bắt đầu.

Sau này những nhà lãnh đạo đã có những "phản đối" rộng lớn chống lại quyền lực của Giáo Hội. Động cơ thúc đẩy của họ không giống nhau nhưng những người này có một niềm tin chung. Đường lối cứu rỗi không phải là độc quyền của Giáo Hội Cơ Đốc Giáo La Mã và Giáo hoàng. Hầu hết những sự phản đối là chống lại hệ thống nhà thờ, không chống lại học thuyết. Đối với đa số những người Tin Lành, vẫn không có sự bất đồng ý kiến về học thuyết cơ bản.

Bây giờ có rất nhiều giáo phái khác nhau trong Tin Lành, và không có một quyền lực duy nhất nào trên tất cả. Hầu hết những người Tin Lành tin vào quyền lựa chọn niềm tin tôn giáo và tình đoàn kết tôn giáo của những người khác. Tự do về niềm tin và tự do chọn lựa nhà thờ đã dẫn đến nhiều thay đổi về chủ đề Tin Lành. Mặc dầu vậy, những người Tin Lành thấy các lãnh vực cùng đồng ý ngày càng tăng trong tín điều và trong những cố gắng phục vụ xã hội.

Cứu Rỗi Bằng Niềm Tin. Hầu hết những người Tin Lành cho rằng không có người nào dù làm gì đi chăng nữa, có thể đạt được sự cứu rỗi cho chính mình hay cho người nào khác. Cứu rỗi là một tặng phẩm của Thượng Đế. Ta phải tin tưởng đời sống và cái chết của Jesus khiến con người lấy lại quan hệ hòa hợp với Thượng Đế. Phước lành cao cả nhất của Thượng Đế nằm trong kế hoạch cứu rỗi được mở ra cho tất cả. Tất cả những gì cần thiết là niềm tin.

Cuộc Sống Hiến Dâng. Đời sống tôn giáo không đòi hỏi người ta phải bỏ hôn nhân, gia đình, và những lợi ích hàng ngày của con người. Những người Tin Lành hầu như không có tu sĩ và nữ tu sĩ, và những mục sư của họ thường là những người có gia đình. Niềm tin, không phải là những việc làm, hình thành con đường cứu rỗi. Niềm tin không lệ thuộc vào nghề nghiệp của ta, nhưng Thượng Đế kêu gọi con người gắng hết sức mình ở bất cứ nơi đâu. Tôn giáo không phải là vấn đề đi nhà thờ hay suy ngẫm ngoan đạo. Đó là cách bạn sống hàng ngày.

Chức Phận Thầy Tu Của Tất Cả Tín Đồ. Mỗi người có thể trực tiếp đi tới Thượng Đế cho chính mình. Nhiệm vụ của Nhà Thờ và các mục sư của Nhà Thờ là dạy con người, không phải là thay mặt họ, hay chỉ huy họ. Đây là cốt lõi thực sự của Tin Lành. Có những lý do khác về sự tồn tại của Nhà Thờ:

giải thích ý Thượng Đế, nuôi dưỡng tình thân hữu và tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên cùng tìm kiếm những mục tiêu giống nhau. Quyền lực lãnh đạo Nhà Thờ cũng khác nhau, một số được cai quản bởi các mục sư, một số bởi các mục sư và những thành viên được đề cử, và một số bởi toàn bộ hội viên.

Kinh Thánh. Hầu hết những người Tin Lành tin là Kinh Thánh chứa đựng những luật lệ về niềm tin và thực hành tôn giáo. Cho nên những người Tin Lành nghiên cứu Kinh Thánh một cách nghiêm túc, đọc kinh thánh bằng ngôn ngữ của chính mình. Tuy nhiên người Tin Lành hiện nay giải thích Kinh Thánh ít cứng nhắc hơn nhiều, nhưng vẫn còn có một số cho rằng việc này họ có toàn quyền tới những từ nhỏ nhất nhất không cần để ý đến ý nghĩa lịch sử.

Thờ Phụng. Những người Tin Lành được khuyến khích cầu nguyện thành thật và thường xuyên. Đối với một số, cầu nguyện là phương pháp cầu xin Thượng Đế các thứ. Hay đó là cách giúp bè bạn thoát khỏi tình trạng khó khăn hay "đổi đạo" một người nào đó. Đối với những người thận trọng nhất, đó là sự cố gắng để nhìn sự việc chúng thực sự là như thế nào, để đi vào quan hệ chính đáng với chính mình, với Thượng Đế của mình và với thế giới của mình.

Hầu hết những người Tin Lành tiến hành hai lễ ban phước, rửa tội và lễ ban thánh thể. Họ không tin vào thuyết biến thể. Đối với những người Tin Lành, cảm nghĩ và ý định của một người khi nhận lễ ban phước quan trọng hơn nghi lễ của lễ ban phước. Điều này cũng đúng cho những nhiệm vụ của tôn giáo khác gồm có lễ vật ủng hộ nhà thờ, sự tham dự các buổi lễ, và tham gia vào Hội ái hữu Cơ Đốc Giáo.

Một người Tin Lành được tự do sống cuộc đời tốt nhất và tận tụy nhất mà người ấy có thể, chọn tình thân hữu mà người ấy cảm thấy hoàn toàn có thể làm được. Để giúp đỡ sống theo đường lối ấy, một số người Tin Lành đặt niềm tin vào Jesus làm Chúa Cứu Thế riêng cũng như cho tất cả ai tin. Những người khác giành được cảm hứng về đời sống tôn giáo từ tấm gương cao thượng về cuộc đời của Jesus.

Tin Lành Thuộc Phái Phúc Âm. Đa số các nhà thờ Tin Lành được coi là nhà thờ Tin Lành thuộc Phái Phúc Âm. Những nhóm này nhấn mạnh vào sự ly khai với Nhà Thờ Cơ Đốc Giáo, cho rằng quyền uy như vậy là sự xuyên tạc tôn giáo. Những sự chống đối đầu tiên là thành thật và cần thiết, nhưng sau

này mỗi một giáo phái phát triển một uy quyền của riêng mình không khác gì nhiều với điều họ đã lên án.

Những nhà thờ Phái Phúc Âm khẳng định ủng hộ học thuyết chính thống. Trong đó học thuyết chính là nhu cầu của con người về sự cứu rỗi và kế hoạch cứu rỗi con người của Thượng Đế. Trong nửa đầu thế kỷ thứ hai mươi đã có một sự đổi mới mạnh mẽ trong những học thuyết cũ, được coi là phong trào chính thống mới.

Một số giáo phái Tin Lành cho rằng một số giáo huấn là nền tảng của Cơ Đốc Giáo. Nhất là họ đã nhấn mạnh vào toàn bộ chân lý của Kinh Thánh và những phép mầu mà Kinh Thánh nói. Những người Cơ Đốc này được gọi là người theo trào lưu chính thống. Họ được biết đến vì những cố gắng gây xúc cảm mạnh mẽ trong việc cải đạo người khác đi theo niềm tin của họ.

Những người Tin Lành Tự Do. Ngay từ lúc khởi đầu Cơ Đốc Giáo, có một số người chín chắn thấy không phải ai cũng có thể thỏa mãn với cùng lời nói và cùng kinh nghiệm. Những người Cơ Đốc Giáo hiện đại khẳng định về tự do của niềm tin có một truyền thống dựa trên thực tế trong quá khứ tôn giáo của họ. Họ được gọi là những Người Tự Do -- một nhóm thiểu số trong Tin Lành. Chậm nhưng chắc con số nhóm này gia tăng. Thậm chí có lẽ ý nghĩa hơn là sự việc ảnh hưởng của họ dần dần giúp giải thoát những nhóm chính thống hơn.

Những Người Tự Do thực sự tin rằng mỗi người phải có cơ hội để phát triển trong kinh nghiệm và hiểu biết tôn giáo cùng với việc thử nghiệm đường lối sống tốt đẹp hơn. Họ tin rằng tôn giáo dành cho toàn bộ một con người cả về cảm nghĩ và lẽ phải của mình. Họ chứng minh nhà thờ là một thể chế giúp con người trở thành như cá nhân và những thành viên của tình thân hữu dân chủ. Sự cứu rỗi mà người Tin Lành Tự Do tìm kiếm hình thành qua lối sống trong tính trọn vẹn của nó.

Cơ Đốc Giáo không phải là con đường, nhà thờ nào hay nhóm duy nhất. Cơ Đốc Giáo là cái người Cơ Đốc Giáo tạo ra. Nó giống như con sông không ngừng chảy vào biển vô hình. Những dòng nước chảy vào biển đôi khi hơi mặn. Những xoáy nước hình thành dọc theo bờ sông đôi khi tù đọng. Nhưng giống tất cả những tôn giáo lớn khác trên thế giới, Cơ Đốc Giáo tiếp tục tiến tới một tương lai mà không ai có thể tiên đoán hoàn toàn được. Nó tiến đi với hy vọng và khát vọng cũng như với sợ hãi và lo âu của nhiều triệu người tự gọi họ là người Cơ Đốc Giáo.

---o0o---

18. SỐNG BẰNG TÔN GIÁO

Tôn giáo trong trạng thái tốt nhất của nó đáp ứng những nhu cầu căn bản của con người. Phân tích đến cùng, tất cả chúng ta dường như đều cần những điều giống nhau. Chúng ta cần cảm thấy chúng ta quan trọng đối với những người quanh chúng ta. Chúng ta cần cảm thấy chúng ta có một vị trí giữa những người đồng loại. Chúng ta cần cảm thấy mục đích và ý thức về hướng đi trong cuộc sống của chúng ta. Và chúng ta cần cảm thấy chúng ta đang tiến tới những mục tiêu cao nhất của chúng ta.

Trong mỗi năm từ khi Jesus nói và đi trên những nẻo đường của Palestine, một số người đã tìm thấy câu trả lời cho những nhu cầu sâu xa nhất của họ trong cái Ngài đã nói và làm. Những bất đồng ý kiến về việc tin vào cái gì thường nhiều hơn nhưng chẳng mấy quan trọng. Điều quan trọng là họ đã sống xứng đáng hơn vì cuộc đời của Jesus.

Người Cơ Đốc Giáo nói thông điệp của Jesus là vô tận, vì Ngài đã rút ra những bài học trực tiếp từ những kinh nghiệm của những người Ngài biết. Đối với họ, nhiều tuyên bố của Ngài khi Ngài bày tỏ ra vẫn đúng đến ngày nay. Bài giảng đạo trên núi đã thôi thúc người Cơ Đốc Giáo mộ đạo có lối sống thận trọng bởi những chuyện ngụ ngôn của Ngài. Nghiên cứu cẩn thận và sử dụng thận trọng, những lời dạy như vậy làm cho tâm trí của những người Cơ Đốc Giáo ngày nay thanh thản.

HÃY TỰ KÍNH TRỌNG

Jesus biết nhiều người đã mất ý thức về giá trị thực sự của chính mình. Họ cảm thấy họ không quan trọng đối với Thượng Đế và con người. Những tu sĩ và các vị thầy tôn giáo chỉ cho họ thêm khó khăn vì bị gán cho là "những kẻ tội lỗi" và "không trong sạch". Đối với những người bị phiền toái như vậy, Jesus đã thuyết giảng thông điệp về lòng tin, ""Các người là tinh hoa của xã hội, "các người là ánh sáng của thượng đế".

Đôi khi mất tự trọng khiến người ta quy lụy trước một người khác có vẻ là quan trọng. Đã có nhiều người Cơ Đốc Giáo quá ư khúm núm tuân theo những mệnh lệnh và chỉ đạo của những người lãnh đạo nhà thờ. Họ không dám nghi ngờ, hỏi han hay điều tra, vì sợ hãi họ có thể mắc thêm lầm lỗi. Không có chỗ nào trong thông điệp của Jesus đề cập đến quyền của ai đó có thể chỉ đạo niềm tin cho người khác. Jesus đã công khai gửi lời mời dân

chúng tham gia với Ngài trong việc tìm kiếm một cuộc đời phong phú. Trong việc tìm kiếm này, tất cả đều bình đẳng.

Ngày nay chúng ta sống trong một thế giới đầy lo âu. Hoàn cảnh này do con người tạo ra, và hoàn cảnh ấy có thể bị loại bỏ bởi những nỗ lực thông minh của con người. Chúng ta lo lắng về nhiều điều không kể xiết -- mất một cái gì đó, muốn một cái gì đó. Chúng ta lo lắng về chuyện lớn chuyện nhỏ, và sự lo lắng của chúng ta xâm nhập vào mọi chỗ trong cuộc sống. Chúng ta càng ngày càng nên không thể làm những việc nên làm và có thể làm vì chúng ta quá lo lắng về những thứ ta không thể làm được. Jesus cố gắng làm dịu đi những sự sợ hãi như vậy bằng cách vạch ra giá trị thực sự.

Đừng lo lắng về đời sống, quan tâm đến việc ăn gì và uống gì, hay về thân xác, quan tâm đến việc mặc gì. Đời sống có quan trọng hơn thực phẩm, và thân xác hơn quần áo không? Hãy nhìn vào những con chim hoang dã, chúng không gieo và gặt, hay không tích trữ thực phẩm trong kho, thế mà Thượng Đế vẫn cho chúng ăn.

Ngày nay cũng như vào thời Jesus, con người có thể trở nên bệnh hoạn về tinh thần và thể xác khi họ không còn tôn trọng mình. Đôi khi bệnh hoạn ở dạng coi thường ham muốn riêng, hay cảm tính, hay bề ngoài. Jesus không bao giờ ngưng nghỉ khuyến khích con người hãy tôn trọng chính mình. Ngài biết người ta không thể tiến tới chín chắn trừ phi có khả năng chấp nhận mình là như thế.

Nếu một người trong chúng ta quá ghét cái cách ai đó hành động hay bề ngoài, người ấy sẽ chỉ nhìn thấy cái mà người ấy không thích về chính mình. Phải chăng đó là bức tranh thực sự của con người ấy là như thế? Dĩ nhiên là không. Tương tự, một số người thất bại không thấy thỏa mãn trong những cuộc tiếp xúc với người khác. Họ đang nghĩ về bề ngoài và cách đối xử của những người bạn họ, thay vì thực sự hiểu biết họ.

Jesus dạy con người phải thương yêu xóm giềng như thương yêu chính mình. Nếu chúng ta muốn thương yêu người, chúng ta phải thương yêu mình trước. Chúng ta thường được bảo thương yêu mình sau. Nhưng nếu đứng là vậy, chúng ta chẳng bao giờ thương yêu ai cả. Thương yêu mình một cách khôn ngoan là cơ sở để thương yêu người khác đứng đắn.

THƯƠNG YÊU NGƯỜI

Quá nhiều người lằm lẩn về việc khư khư giữ lấy tình thương yêu cho chính mình. Họ cố gắng thuyết phục người yêu quyết định vì mình hoặc cả đến hành động vì mình. Jesus nói, tình thương yêu chân thật đơn giản là cho người đó quyền là chính mình.

Thỉnh thoảng chúng ta cố gắng thay đổi hay sửa đổi một người nào đó. Chúng ta thường thường biết như vậy là phá vỡ tình thân hữu. Chúng ta càng cố gắng ép buộc người ta theo kiểu mẫu của mình, thì chúng ta lại càng có ít ảnh hưởng với họ. Ép buộc tự nó thất bại. Tình thương yêu và chấp nhận là sức mạnh vĩ đại nhất. Chúng được đền đáp bằng tình thương yêu và chấp nhận.

Đó là bài học gian khổ nhất về tư cách làm cha mẹ. Đương nhiên các em nhỏ phải được bảo vệ trước cái nguy hiểm có thể xảy ra do những quyết định non nớt của chúng mang lại. Tuy nhiên, khi năm tháng trôi qua, cha mẹ phải biết cách để cho con cái gánh vác trách nhiệm về đời sống của riêng chúng. Không ai có thể trở nên chín chắn nếu không được phép là chính mình.

Có một câu châm ngôn nổi tiếng, "Tha thứ nhưng đừng quên". Dàn hòa với người bạn mà mình đã cãi cọ, nhưng mình vẫn còn nuôi sự oán giận ngấm ngầm. Những cảm nghĩ đau đớn chôn vùi dưới cái tha thứ bên ngoài có cơ hội phát triển và trở nên cay độc. Chúng ngăn trở mối quan hệ tốt hơn với người khác.

Jesus hiển nhiên biết rõ sự thật là nếu một người không thật tâm tha thứ thì chính người ấy không thể hạnh phúc:

Nếu người tha thứ người khi họ làm người khó chịu. Thượng Đế cũng sẽ tha thứ cho người. Nhưng nếu người không tha thứ người khi họ làm người khó chịu, Thượng Đế cũng sẽ không tha thứ cho người về tội lỗi của người.

Và trong lời cầu nguyện quen thuộc căn cứ vào những khuyến bảo của Jesus cho tín đồ, có lời yêu cầu này:" Hãy tha thứ cho chúng con vì những tội lỗi của chúng con, chúng con tha thứ những người làm việc xấu chống lại chúng con."

Jesus lúc nào cũng nhắc nhở người dân là tha thứ cho người sai trái cũng quan trọng như đối với người đã làm sai. Tha thứ phải được thực thi thường xuyên khi cần. Không có giới hạn nào cho việc này. Mặt khác oán hận sẽ len lỏi và dần dần ngăn cản người không biết tha thứ sống hạnh phúc.

Jesus dạy tình thương yêu là qui luật trong tất cả các lĩnh vực của đời sống con người, giữa bạn bè với nhau, giữa người trong gia đình, giữa những nhóm người. Những người Cơ Đốc Giáo hoàn toàn bất đồng giữa họ với nhau về việc áp dụng lời dạy này. Một số người nói rằng lời dạy ấy không thể áp dụng cho mối quan hệ giữa những nhóm người hay quốc gia. Họ còn nói đó là lời khuyên tốt nhưng không thể thực hiện và không có ai trên trái đất này có ý định theo. Một số người Cơ Đốc Giáo đã cầu xin chiến tranh, tra tấn và hành hình trên danh nghĩa đức tin của họ. Những người khác lại nhất định rằng tình thương yêu phải được áp dụng trong tất cả những giai đoạn của cuộc đời, đến mức cao nhất có thể được.

HÃY THÀNH THẬT

Chỉ khi chúng ta biết thương yêu chúng ta mới có thể thành thật với chính mình và với người khác. Đối với Jesus, thành thật nội tâm có tầm quan trọng hàng đầu để có một cuộc sống đạo đức. Ngài kêu gọi người dân hãy có đạo đức, không phải chỉ để thực hành điều thiện. Ngài thất vọng bởi những người giả vờ đứng cầu nguyện trong giáo đường hay ở góc phố để người ta nghĩ rằng họ ngoan đạo. Jesus nói rằng cầu nguyện trong thâm tâm và tại nhà tốt hơn cầu nguyện để gây ấn tượng nơi công cộng rất nhiều.

Ngài nói với các tín đồ rằng sẽ không đi tới đâu cả trong việc tìm kiếm tinh thần bằng cách nhắc đi nhắc lại những "câu rỗng tuếch". Thất vọng biết bao khi thỉnh thoảng nhiều người Cơ Đốc Giáo ngày nay nghĩ rằng tôn giáo đó gồm có nhắc đi nhắc lại tín điều và lời cầu nguyện không có ý nghĩa gì đối với họ. Nguy cơ thực sự là sự không thành thật này làm chúng ta mù quáng về nhu cầu một điều gì hơn nữa, và chúng ta tiếp tục cố làm ra vẻ chúng ta thỏa mãn.

Chúng ta không thành thật trên nhiều phương diện khác. Chúng ta làm những hành vi tốt cốt để gây ấn tượng có lợi với người khác mà không có xúc cảm gì về điều thiện. Chúng ta biết nói những lời lẽ phép mà không có xúc cảm gì về lẽ phép. Chúng ta gia nhập các đoàn thể và các nhóm xã hội, nhưng chúng ta không học cách thương yêu người hơn nữa. Chúng ta mang những bộ mặt đẹp để giả tạo trước công chúng, và đôi khi chúng ta lừa bịp chính chúng ta. Nhưng cảm nghĩ nội tâm quan trọng hơn những gì chúng ta trưng ra ở bề ngoài nhiều. Chỉ khi những ý định nội tâm xứng với những hành động bên ngoài thì chúng ta mới sống dồi dào. Điều này là thành thật.

HÃY DẪY DẠY

Người có lối sống tốt nhất là một người vẫn tìm kiếm những lối để sống tốt hơn. Người như vậy duy trì khả năng bản khoăn về đời sống. Người đó mong mỗi hàng ngày được dạy bảo điều gì mới và tốt hơn. Người ấy cởi mở và thành thật giống như đứa bé nhỏ tràn đầy kinh ngạc và thích thú với mỗi kinh nghiệm mới.

Jesus thấy nhiều người "tôn giáo" như những người Pharisees và Sadducees không thể dạy bảo được. Họ cảm thấy họ đã biết hết những câu trả lời. Vậy nên không cần nêu câu hỏi. Mọi thứ đều được giải quyết theo "Luật" hay "Sách". Đời sống không dạy cho họ điều gì mới cả. Nó chỉ làm cho họ chắc chắn là những câu trả lời của họ mới là những câu trả lời.

Vô số người Cơ Đốc Giáo đã biết những giá trị của tính ham học. Họ tiếp tục kiên định quan sát đời sống bằng sự quan tâm. Họ từ chối không chấp nhận những câu trả lời của một người nào đó nếu không kiểm tra chung. Họ đã cố gắng theo lời khuyên bảo của Jesus:

Hãy hỏi, và điều người hỏi sẽ được trao cho người. Hãy tìm kiếm, và người sẽ tìm thấy điều mà người tìm kiếm. Hãy gõ cửa, và cửa sẽ mở cho người. Bao giờ người hỏi, cũng sẽ được nhận, và người tìm kiếm sẽ tìm thấy, và người gõ cửa thì cửa sẽ mở cho người.

"Phước lành cho những người đói khát tính chính trực vì họ sẽ được thỏa mãn!" Đó là toa thuốc cho lối sống tôn giáo đã được áp dụng và dặn bảo bởi những người Cơ Đốc Giáo cách xa thời của Francis of Assisi, Meister Eckhart, và Rufus Jones.

Vì những vấn đề nhỏ nhặt và những mối lo âu không quan trọng, chúng ta thường không nhìn thấy đời rộng lượng như thế nào với chúng ta. Đó là một thế giới tuyệt diệu mà chúng ta đang sống. Không ai có thể lấy đi niềm vui sống cơ bản và hồn nhiên của chúng ta -- mùi vị của thực phẩm, hương thơm của cây thông trong mưa, cái đẹp của đêm trăng, âm thanh của thác nước, màu sắc của hoàng hôn, niềm vui của tình yêu và đang được yêu. Có thể nói, không ai có thể thực sự lấy những thứ đó của chúng ta, trừ phi chính chúng ta. Tân thảm kịch của cuộc đời không chỉ là sự vô nhân đạo của con người đối với con người, dưới những hình thức của trại tập trung, bóc lột, và chiến tranh. Bi kịch của cuộc đời cũng là sự hành hạ mà chúng ta đặt lên chính chúng ta vì không chấp nhận những gì là của chính chúng ta.

Đời sống là một tặng phẩm. Jesus nói "Người tự do nhận"; "tự do cho". Tất cả những niềm vui căn bản của đời sống là tặng phẩm đến với chúng ta

không cần phải kiếm chúng. Hầu hết trong chúng ta không ý thức được điều này quá sâu. Jesus thường nhấn mạnh đến những tặng phẩm tuyệt vời mà đời sống hiến dâng.

Có một ý nghĩa thực sự trong chuyện ngụ ngôn về người con trai hoang tàng, người thanh niên này đã phí phạm mọi thứ mà đời sống đã cho anh ta, cho đến khi anh ta sống "vô giá trị". Đối với nhiều người Cơ Đốc Giáo, chuyện ngụ ngôn này dạy: Có thể bạn đã phí phạm mọi thứ đời sống tặng bạn cho đến nay. Bạn có thể đang phải sống vô giá trị - sợ sệt, lo âu, tội lỗi, và ân hận. Dù vậy, những ảnh hưởng nhân từ mà cuộc đời ban tặng vẫn vận hành trong vũ trụ, và trong bạn, để hồi phục lại cái ngã thực sự của bạn. Đỉnh cao về chuyện ngụ ngôn của Jesus là khi người thanh niên ưu phiền này "đến với chính mình".

Bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể đến với chính mình, vì mỗi lúc nó lại tạo ra cơ hội cho chúng ta. Chừng nào chúng ta còn sống, chúng ta còn phải đương đầu với sự thách thức của việc tiếp tục phát triển tinh thần và xúc cảm. Jesus nói, tất cả chúng ta lúc nào cũng có sự dồi dào của đời sống và nguồn vui của nó phục vụ cho hạnh phúc sâu xa nhất của chúng ta. Những người Cơ Đốc Giáo gặp cơ hội tìm ra chân lý cho chính mình mà Jesus đã nói: "Hãy chú ý, Vương Quốc của Thượng Đế ở trong bạn."

---o0o---

HỘI GIÁO

19. MOHAMMED NÓI THAY ALLAH

Năm lần một ngày, những người Hồi Giáo mộ đạo ở khắp nơi quay mặt về thị trấn nhỏ ở Saudi Arabia (Ả Rập Xê Út). Quỳ xuống trên một tấm thảm, họ cầu nguyện hướng về Mecca. Thường thường họ sử dụng lời cầu nguyện mà họ gọi là Fatihah được nổi tiếng đối với họ như lời cầu nguyện Chúa dành cho người Cơ Đốc Giáo:

Đội ơn Thượng Đế, Chúa tể của những thế giới!

Cầu xin Đức Chúa lòng lành nhân từ!

Chúa tể trong phán xử!

Chi Người chúng con thờ cúng, và với Người chúng con cầu xin giúp đỡ
Xin Ngài dìu dắt chúng con trên con đường ngay thẳng,

Con đường của những người đã được ân huệ; với những người không giận dữ, và không đi vào con đường lầm lạc.

Hàng triệu người đang theo nghi thức cầu nguyện Hồi Giáo, bắt đầu mười bốn thế kỷ qua bởi Mohammed. Đó là một trong những cách họ trình bày là họ đồng ý với điều mà Mohammed nói với dân. Allah, Thượng Đế, là một thực thể trước nhất của đời họ. Những người Hồi Giáo mộ đạo có thể nhắc đi nhắc lại từ kinh Koran một cách thành thật: Đích thực là lời cầu nguyện của con, và lòng mộ đạo của con, và đời con, và cái chết của con, thuộc về Thượng Đế".

Nhiều năm đã qua từ khi Mohammed sống, dạy các tín đồ những điều mà Thượng Đế đòi hỏi nơi họ. Đồng thời người Hồi Giáo theo sát những mệnh lệnh của Kinh Koran, vững tin rằng kinh này chứa đựng đúng điều Mohammed đã nói. Họ tin rằng điều mà Ngài nói ở thế kỷ thứ sáu vẫn cung cấp những câu trả lời phù hợp cho những câu hỏi hiện đại. Thượng Đế là thế nào? Tôi là gì? Trách nhiệm của tôi đối với Thượng Đế là gì? Việc gì sẽ xảy ra sau khi tôi chết? Đường lối sống chính đáng là gì?

ẢO GIÁC CỦA MOHAMMED

Trong một đêm tối tăm vào năm 611 trước Công Nguyên, một người ở Mecca một mình ngồi cầu nguyện và trầm tư mặc tưởng ở một hang Núi Hira, ngay ngoài thành phố. Những người biết rõ ông có lẽ không lấy gì làm ngạc nhiên, vì ông thường vào hang này tìm sự tịch mịch cần thiết cho sự suy tư sâu xa. Nhưng đêm nay -- suốt từ đó người Hồi Giáo biết đến "Đêm Quyền Năng Siêu Việt" -- mang đến cho Mohammed một kinh nghiệm mới.

Đột nhiên từ những suy tư, một ảo giác kỳ thú nổi lên nơi Ngài. Thiên thần Gabriel xuất hiện, truyền lệnh của Thượng Đế là Mohammed phải kêu gọi dân chúng thờ phượng Allah, Thượng Đế duy nhất của tất cả các thế giới. Bị áp đảo, Mohammed nói mình bất lực không thể làm công việc như thế. Để trả lời, thiên thần Gabriel nhắc lại lệnh của Allah hai lần nữa. Mohammed rời hang đá đi lên đỉnh núi thử xem không khí ban đêm có thể làm cho kinh nghiệm lạ lùng này mờ nhạt đi không. Ngay cả ở chỗ này, Ngài nghe thấy một giọng nói bảo ngài rằng Ngài là nhà Tiên Tri của Thượng Đế.

Bối rối và sợ hãi, Mohammed chạy vội về nhà kể cho người vợ, Khadijah, sự việc đã xảy ra. Phải chăng Ngài mất trí? Khadijah làm yên lòng Ngài, an ủi Ngài và khuyến khích Ngài nghỉ ngơi cho đến khi Ngài trở lại bình tĩnh. Bà nghĩ về những chuyện Ngài nói cho bà về đêm ấy. Bà thêm chúng vào

điều Bà đã biết về đời sống của chồng bà. Và lặng lẽ, bà bắt đầu tin ảo giác này là thật.

MOHAMMED, MỘT CÔNG DÂN ĐÁNG KÍNH TRỌNG

Khadijah đã từ lâu tin chồng bà là một người khác thường. Từ những ngày đầu mới quen biết nhau, khi cậu của Mohammed, Abu Talib, đã giới thiệu ông với bà rằng ông là người lãnh đạo đoàn bộ hành, bà đã phải kính trọng sự phán xét và tính nết của Ngài. Ngài đã hoàn thành nhiệm vụ với thành công, và sự kính trọng đã phát triển thành lòng thương yêu lẫn nhau. Hai người đã lấy nhau, mặc dầu bà đã là một góa phụ giàu có ở tuổi bốn mươi và Ngài mới có hai mươi lăm tuổi. Cuộc hôn nhân trong mười lăm năm của họ là một cuộc hôn nhân rất hạnh phúc, mặc dù cái chết của hai đứa con trai. Mohammed rất tận tụy với bà và bốn đứa con gái.

Khadijah biết những người trong bộ lạc của Mohammed, người Koreish, đồng ý về sự đánh giá cao chồng của bà. Họ biết Ngài là một người có tư tưởng, sau một thời gian dài im lặng. Họ đi đến tôn kính Ngài và thường hỏi Ngài lời khuyên khi họ cần đến một ý kiến khách quan. Dường như lúc nào Ngài cũng rất ít khác biệt với những người quen biết Ngài, từ ngày Ngài còn là một cậu bé mồ côi cho đến nay. Dù là một cậu bé chăn cừu cho người cậu, trông coi cừu trong những khu rộng lớn và trống trải của bãi sa mạc, Ngài vẫn nghĩ đến những câu hỏi bất diệt về đời sống và cái chết. Khi hôn nhân giải thoát Ngài khỏi phải làm việc, Ngài bắt đầu đem những câu hỏi đó với Ngài vào hang động để nghiên ngẫm suy tư.

Đặc biệt Khadijah biết phạm vi bất mãn của Mohammed với điều mà Ngài nhìn thấy đời sống của dân tộc Ngài khi Ngài quan sát họ trong việc đối xử với nhau. Ngài đã nhìn thấy không biết bao nhiêu vụ xung đột giữa những bộ lạc trong đó các bên chống đối đấu đi những quyền lợi ích kỷ dưới danh nghĩa tôn giáo và danh dự. Ngài đã nhìn thấy họ buôn bán và làm lễ gần Mecca, nhất là trong những mùa hội chợ, uống rượu, đánh bạc, và nhảy múa. Thậm chí Ngài chứng kiến những người cha Ả Rập chôn sống những con gái mà họ không muốn theo một tập tục phổ biến. Ngài đã nhìn thấy dân tộc của Ngài quá chú trọng đến quyền lợi nhỏ nhặt của bộ lạc đến nỗi không nhận thức được những nguy hiểm từ những xứ ngoại quốc hiếu chiến.

Thận trọng nhất là Ngài đã quan sát sự thờ cúng của họ tại Ka'aba, một ngôi đền tôn giáo tại Mecca. Hai lần một năm những người hành hương đến từ khắp Ả Rập để dâng lời cầu nguyện và lễ vật trước những hình ảnh của 360

vị thần, một vị thần đại diện cho mỗi ngày theo năm Ả Rập. Tòa nhà vuông bằng đá, Ka'aba, vẫn còn tồn tại và vẫn che chở miếng đá đen tin là rơi từ Thiên Đường. Huyền thoại Ả Rập kể Abraham và Ishamel đã xây dựng ngôi đền Ka'aba như thế nào, đặt miếng đá đen (thiên thạch) vào một góc. Mohammed đã quan sát những người hành hương tại đây và tại khu chợ ở Mecca, nơi có thể mua những thần tượng nhỏ để mang về nhà.

Điều mà Ngài nhìn thấy về tôn giáo Ả Rập đã để lại nơi Ngài đầy những câu hỏi và nghi ngờ. Ngài đã đối chiếu sự thờ phượng tại Mecca với ký ức của Ngài từ những chuyến du hành đến những nơi khác và với điều Ngài biết từ Cơ Đốc Giáo, Do Thái, và những người tin theo đạo thờ lửa đến thăm Mecca. Niềm tin của người thờ thần lửa vào Ngày phán xử và sự trừng phạt những người tội lỗi là gì? Hầu hết những người Ả Rập sống mà không suy xét đến cuộc sống mang họ đi đâu. Những cuốn sách thiêng liêng của Cơ Đốc Giáo và Do Thái nói về sự khai huyền của Thượng Đế đã làm cho những nhà tiên tri là gì? Người Ả Rập không có khai huyền để giúp họ. Họ chưa bao giờ có một nhà tiên tri. Chỉ có một Thượng Đế mà những dân tộc khác thờ phượng là thế nào? Người Ả Rập vinh danh ba trăm sáu mươi vị thần. Mohammed đã cân nhắc những khác biệt ấy một thời gian dài.

NHÀ TIÊN TRI KHÔNG ĐƯỢC QUẢN CHÚNG MẸN CHUỘNG

Như Khadijah nhớ lại tất cả những sự việc này, Bà đoán chắc ảo giác của Mohammed là sự thật. Từ lúc đầu, trước cả chính Mohammed hoàn toàn bị thuyết phục, bà tin rằng chồng bà là nhà tiên tri do Thượng Đế chọn. Niềm tin không lay chuyển của bà khiến chồng bà tin vào chính mình. Ít lâu sau, những ảo giác khác lại đến với Ngài, trao thêm nhiều chi tiết về sứ mạng của Ngài với Allah. Trong ba năm chờ đợi, suy ngẫm và nói về Allah Ngài lặng lẽ cho thân quyến và thân hữu biết. Vào lúc cuối cùng thời gian ấy, Ngài đã tập hợp được một nhóm nhỏ chỉ có ba mươi người tin theo. Thời gian đã chín muồi cho công việc tích cực hơn.

Ít lâu sau Ngài nói với một vài nhóm nhỏ tại khu chợ, ngoài đường phố và ở Ka'aba. Ngài bảo họ, phải bỏ sự thờ phượng các thần và nữ thần và phải theo ý của Allah, Thượng Đế duy nhất của tất cả thế giới. Nếu họ không làm như vậy, họ sẽ bị trừng phạt nặng nề sau Ngày Xét Xử. Đầu tiên, người dân tò mò nghe Ngài, vì đây là người mà họ biết và kính trọng. Khi Mohammed tiếp tục với những bài thuyết giảng lạ lùng, họ bắt đầu cười và chế nhạo. Việc phải bỏ những cách thờ phượng cũ là không thể tưởng tượng được. Phải chăng cha ông, tổ tiên đã thờ phượng theo lối ấy? Những thần và nữ

thần có hình ảnh trong đền Ka'aba bao giờ cũng trông nom họ. Những nghi thức và tập tục cũ của họ rất quen thuộc và thoải mái. Họ biết một Thượng Đế duy nhất của Mohammed là gì đâu?

Một số người trong bộ lạc bắt đầu nghi ngờ về sự lành mạnh tinh thần của Ngài và những người khác trở nên khó chịu về quyết định việc Ngài nhạo báng thờ phượng các thần tượng ở Ka'aba. Họ sinh sống bằng cách cung cấp nhu cầu cho những người hành hương về Mecca để thờ cúng. Nếu người ta làm theo điều Mohammed yêu cầu, nguồn thu nhập của họ sẽ không còn.

Mặc dù bất bình phát triển, Mohammed nhất định nói là chính Allah đã nói điều này với Ngài. Ngài bảo thánh giả hãy nghe cho kỹ, vì đây là những khái huyền cuối cùng Thượng Đế làm cho con người. Trước khi mọi thứ được sáng tạo, có một cuốn sách trên Thiên Đường chứa đựng tất cả chân lý, Mohammed nói với họ như thế. Một phần cuốn sách này chứa đựng đã được tiết lộ cho người Do Thái và những người Cơ Đốc Giáo qua những nhà tiên tri của họ, kể cả Jesus. Nhưng phần lớn của cuốn sách đó đã được tiết lộ cho Mohammed.

Cuối cùng những người Koreish không thể chịu đựng được nữa. Họ từ chối và không nghe Ngài. Họ bắt đầu ngăn cản việc thuyết giảng của Ngài và khủng bố các người đổi đạo. Họ thử mọi cách để làm Ngài nản chí bỏ nhiệm vụ của Ngài. Vì họ không còn nghe Ngài nữa, Ngài bắt đầu nói với những người lạ đến buôn bán hay hành hương trong thành phố. Những người Koreish cảnh cáo những du khách về Ngài nhưng những lời cảnh cáo chỉ gợi thêm tính tò mò của du khách. Những du khách mang về nhà câu chuyện về nhà thuyết giảng lạ lùng này đã nói bất chấp những thành viên của bộ lạc ông ta. Một số du khách từ thị trấn gọi là Yathrib đặc biệt lưu ý đến những gì Mohammed thuyết giảng cho họ. Họ đang tìm kiếm một nhà lãnh đạo có thể giúp họ vượt qua được hậu quả của cuộc chiến tai hại giữa hai bộ lạc. Họ bắt đầu nghĩ rằng Mohammed có thể là một sự chọn lựa tốt cho trách nhiệm này.

Vào lúc cao điểm của sự khủng bố, Khadijah chết. Cái chết của bà lại được tiếp theo sau cái chết của người cậu có thể lực của Mohammed, Abu Talib, người bảo vệ cho Ngài dù rằng chưa bao giờ đổi đạo. Hai sự mất mát này kèm theo sự khủng bố gia tăng làm Mohammed rất phiền não. Ngài bắt đầu nghi ngờ Ngài không thể nào hoàn thành mục tiêu tại Mecca, nơi đây an toàn cho nhóm tín đồ đang phát triển của Ngài bị đe dọa. Những hoàn cảnh

này dẫn đến quyết định Ngài chấp nhận lời mời của những công dân Yathrib để trở thành người lãnh đạo của họ.

CUỘC ĐÀO THOÁT TỚI MEDINA

Cuộc ra đi từ Mecca được thi hành rất bí mật vì những người Koreish giận dữ có thể hãm hại họ. Tất cả hai trăm tín đồ được phái đi trước. Mohammed và người đệ tử lâu năm, Abu Bekr, đi cuối cùng. Mặc dù nhiều nguy hiểm nhưng toàn nhóm đến Yathrib bình an. Để vinh danh sự quang lâm của vị lãnh đạo mới, người dân đổi tên thành phố thành "Thành Phố của Vị Tiên Tri". Thành phố này nay được gọi là Medina. Phong trào của người Hồi Giáo đi Medina được gọi là Hegira, có nghĩa là rút chạy hay sự di trú. Việc này xảy ra vào năm 622 sau Công Nguyên, và năm này trở thành năm đầu tiên của Lịch Hồi Giáo. Bây giờ Mohammed ở trong một vị thế thi hành quyền lực to lớn. Ngài trở thành người trị vì, thầy tu, nhà làm luật, và quan tòa, tiên tri và tổng chỉ huy toàn bộ cộng đồng. Ngài thiết lập hiến pháp cho dân Ngài, hết sức cố gắng thống nhất tất cả những nhóm khác biệt thành một khối thân hữu đoàn kết chặt chẽ. Người dân giúp đỡ lẫn nhau chống lại kẻ thù và mọi khó khăn. Họ phải trung thành với những quyết định của Allah được tiết lộ cho nhà tiên tri, Mohammed.

Một trong những hành động đầu tiên lúc tới Medina là xây dựng một nhà thờ Hồi Giáo đơn giản làm trung tâm cho người Hồi Giáo đến thờ cúng. Nơi đây Ngài thuyết giáo thường xuyên. Những bài thuyết giảng của Ngài vạch ra những tiêu chuẩn luân lý đơn giản nhưng chắc chắn về lòng tốt đối với những du khách và trung thành với bè bạn. Ngài thúc giục họ cầu nguyện thường xuyên và phải trung thực trong những hành động sùng bái Allah. Trong cách diễn đạt sa mạc, Mohammed nói về những phần thưởng cho lối sống chính đáng và trừng phạt cuộc sống phí phạm. Thiên đường giống như một ốc đảo nghỉ ngơi thoải mái, trong khi địa ngục là một lò lửa, đói khát, và cô đơn.

NHÀ TIÊN TRI CHIẾN THẮNG

Mohammed lúc nào cũng tin tưởng hy vọng những người Do Thái và Cơ Đốc Giáo sẽ chấp nhận Ngài và thông điệp của Ngài như chương kế tiếp trong cuốn sách khai huyền mà tất cả đều giữ chung. Bởi vậy, khi Ngài đến Medina, Ngài đã chuẩn bị phải rất kiên nhẫn trong nỗ lực để thuyết phục công dân Do Thái ủng hộ thỏa ước Medina mới. Ngài còn yêu cầu những tín

đề cầu nguyện quay mặt về Jerusalem, và Ngài nhấn mạnh những yếu tố chung trong truyền thống của họ.

Tuy nhiên, chẳng mấy chốc người ta thấy rõ ràng người Do Thái sống tại đây đã không có ý định gọi Mohammed là nhà tiên tri của họ. Nhiều người còn chế nhạo sự khám phá của Ngài. Các quan hệ có chiều hướng xấu đi khi một số người Do Thái vi phạm những điều kiện trong thỏa ước với Mohammed. Nhà tiên tri đưa ra một đòi hỏi hoặc họ phải gia nhập Hồi Giáo hoặc phải rời đi. Lệnh này được thi hành bởi quân đội của Mohammed. Đây là chiến thắng đầu tiên trong danh sách dài những chiến thắng của Hồi Giáo với quân địch. Những người Hồi Giáo cho rằng những biến chuyển như vậy rất cần thiết để bảo vệ sự phát triển cộng đồng tôn giáo của họ.

Thực tế là, điều này đánh dấu một điểm quan trọng hơn trong lịch sử Hồi Giáo. Mohammed đã bắt đầu nhìn thấy những lời tiên tri của mình sẽ không dễ được chấp nhận bởi những người không phải là Ả Rập. Hồi Giáo dần dần hướng nhiều hơn về những người Ả Rập. Những truyền thống Do Thái và Cơ Đốc Giáo bị thu hẹp và truyền thống Ả Rập được nhấn mạnh từ đó. Những người Hồi Giáo không còn cầu nguyện hướng về Jerusalem. Họ hướng về Mecca. Mohammed và các tín đồ nóng lòng ngóng đợi ngày họ có thể trở về Mecca một lần nữa.

Khi tiếng tăm của nhà tiên tri vang dội khắp Ả Rập, nhiều người đổi đạo vào tôn giáo mới. Cuối cùng, Mohammed cảm thấy cần phải vì phúc lợi của tín đồ lấy Mecca với quân đội của mình. Vậy nên, tám năm sau khi đào thoát khỏi Mecca, Ngài trở về Mecca như một người chiến thắng. Bao giờ Ngài cũng khoan dung với kẻ địch, tha thứ hầu hết chúng. Họ chỉ phải thú nhận niềm tin với Thượng Đế và nhà tiên tri của Thượng Đế.

Mohammed đi ngay đến ngôi đền. Ngài bỏ đi tất cả những thần tượng tại ngôi đền Ka'aba, tuyên bố đó là chỗ để thờ phượng Allah. Mecca trở thành thánh địa của Hồi Giáo.

Sự sụp đổ của Mecca đã khiến những cộng đồng khác tuyên bố qui phục trước tôn giáo và sự cai trị của nhà tiên tri. Đôi khi Mohammed tin rằng nhiệm vụ chính của Ngài là thống nhất những bộ lạc Ả Rập bằng cách đưa họ lại sống cùng nhau thành một quốc gia được cai quản theo ý Allah. Khi những bộ lạc không cam kết trung thành, thì họ sẽ bị giết và bị khuất phục bởi thánh chiến, cái mà người Hồi Giáo tin là tượng trưng ý của Allah. Dần dần những bộ lạc rải rác ở xa hợp nhất thành quốc gia Ả Rập.

Để giữ lời hứa với người trung thành, Mohammed trở về sống tại Medina. Nhưng Ngài vẫn hành hương tới Mecca, và bao giờ Ngài cũng xem Mecca là trung tâm hợp pháp chính đáng để thờ phượng Allah. Trong lần hành hương cuối cùng, Ngài thuyết giảng một bài, bài hay nhất của Ngài còn nhớ được. Trong bài giảng này, Ngài tuyên bố tất cả các tín đồ đều là anh em, cũng như không bao giờ ngừng giúp đỡ và tôn trọng lẫn nhau.

TẶNG PHẨM CHO HỘI GIÁO CỦA MOHAMMED

Không lâu sau khi trở về Medina từ cuộc hành hương cuối cùng, Mohammed từ trần. Ngài thọ sáu mươi hai tuổi. Quá nhiều việc đã xảy ra từ khi Ngài một mình trong hang gần Mecca và suy nghĩ về ý nghĩa của đời sống. Thông điệp của Allah đã được đưa ra và được chấp nhận một cách nhiệt tình. Những người Ả Rập đã biến đổi những thần tượng thành thờ phượng Allah. Họ không còn những cuộc chiến tranh bộ lạc. Họ đều là anh em. Họ không còn nhảy múa, say sưa và cờ bạc trong những cuộc lễ ồn ào. Họ cầu nguyện và nhịn ăn và cảm thấy sự hiện diện của Allah gần gũi bên cạnh họ.

Gia tài của Mohammed để lại cho những tín đồ của Ngài thật vĩ đại. Ngài để cho họ đủ mạnh và đoàn kết để chống lại xâm lăng của ngoại bang. Ngài để lại cho họ một niềm tin mà họ thấy trong sáng và thỏa mãn. Ngài để lại cho họ nhiệt tình vì niềm tin đó dẫn họ đến truyền niềm tin này cho tất cả người khác. Ngài để lại cho họ những đệ tử được huấn luyện để tiếp tục phong trào. Ngài để lại cho họ một đạo quân có thể mở rộng Hội Giáo đến những vùng đất khác bằng thánh chiến. Ngài để lại cho họ tấm gương của đời Ngài hết sức tận tụy theo ý của Allah.

Abu Bekr, thường phụ lễ Ngài, là người đương nhiên được chọn là người kế nghiệp nhà tiên tri, hay vua Hồi. Và sau một thời gian tang lễ ngắn ngủi, Hội Giáo tiếp tục như trước hướng tới việc thực hiện toàn bộ giấc mơ của nhà tiên tri. Lịch sử đã thay đổi. Con người đã thay đổi. Họ không một mình thay đổi qua kinh nghiệm với con người Mohammed nhưng qua tín điều Ngài dạy họ. Đó là tín điều mà hàng triệu người Hồi Giáo vẫn đi theo, tuyên bố với niềm tin hoàn toàn: "Không có Thượng Đế mà là Allah, và Mohammed là nhà tiên tri của Allah".

20. NGƯỜI HỒI GIÁO NGHE VÀ VẮNG LỜI

Hầu hết những tôn giáo hiện đại trên thế giới thiết lập tôn giáo bởi một biến cố của lịch sử. Có nhiều trường hợp, nguồn gốc của những tôn giáo ấy bị chôn vùi quá sâu trong thời gian đến nỗi chúng ta không biết được những biến cố nào đã làm cho những tôn giáo ấy phát triển. Nhưng Hồi Giáo được phân biệt bởi hai sự kiện ngay từ lúc đầu. Trước tiên, Hồi Giáo trở thành một tôn giáo do kết quả nỗ lực chủ tâm lập kế hoạch và xem xét kỹ càng. Thứ nhì, toàn bộ phát triển của nó xảy ra sau khi lịch sử thế giới đã bắt đầu được ghi chép kỹ lưỡng.

Trong thời gian ít năm ngắn ngủi, Mohammed đã tự nâng mình lên một địa vị lãnh đạo độc đáo trong lòng dân tộc Ngài. Ngài đã có cơ hội và thời gian để lập kế hoạch tỉ mỉ đáp ứng những nhu cầu xã hội và tinh thần của đồng bào của Ngài. Tuy rằng phải nói thay cho Allah, Mohammed đã đưa ra những luật lệ về niềm tin, về bổn phận tôn giáo, và về hạnh kiểm thích đáng. Kết quả, người Hồi Giáo tự tìm thấy sự chỉ dẫn cho hầu hết mọi hoạt động hay tình thế phải đối phó của con người.

TÔI PHẢI TIN GÌ?

Ở một nơi nào đó trong cuộc đời, mỗi một người có suy nghĩ đều băn khoăn về quyền năng hay một sức mạnh chịu trách nhiệm về sự sáng tạo mọi thứ mà chúng ta nhìn thấy, nghe thấy, ngửi thấy, nếm thấy và sờ thấy. Loại quyền năng hay sức mạnh ấy là gì? Nó hoạt động như thế nào và khi nào? Cái gì đã khiến nó hành hoạt trước tiên?

Mohammed đã phải đối mặt với những băn khoăn này khi còn là một thanh niên. Qua ảo giác, Ngài tin là đã tìm ra câu trả lời. Ngài đã không ngần ngại tiên cử những câu trả lời đến với người khác. Allah, Đấng Bất Diệt, là nguồn gốc của mọi sáng tạo. Tuyên bố chính tín ngưỡng của tất cả các tín đồ là tin vào Allah: "Tôi xác nhận là không có Thượng Đế mà chỉ có Allah"

Allah công bằng và nhân từ. Ngài thấy và nghe mọi thứ. Ngài có mặt ở khắp nơi. Ngài biết tất cả những hành động của con người, tốt hay xấu. Vào Ngày Xét Xử, Allah xét xử đời sống của con người. Trong lúc đầu Ngài quy định cách thức mà tất cả mọi thứ phải có sự tồn tại của nó. Trong lúc cuối cùng, Ngài quyết định vận mệnh bất diệt.

Mohammed tin rằng vạn vật trong tính trật tự và tính tùy thuộc của nó, nói lên câu chuyện về một Thượng Đế quả quyết. Allah đã tạo ra tất cả mọi thứ

và đã định trước mọi biến chuyển. Tuy nhiên con người có thể tiếp xúc với Ngài qua cầu nguyện, và con người được tự do đặt kế hoạch cho đời mình. Tuy nhiên, họ phải biết rằng thiên đường hay địa ngục là hậu quả chờ đợi họ.

Vì từ lâu Allah đã tự rút khỏi chiều hướng sáng tạo tích cực của mình, nên con người khó mà biết cách nào làm theo ý của Ngài. Nhưng Allah hiểu nhu cầu của con người. Ngài thiết lập ba cách để tiết lộ ý của mình cho con người: một nhà tiên tri, Kinh Koran, và các thiên thần.

Cách thứ nhất trong ba cách được bày tỏ trong phần hai của lời tuyên bố Hồi Giáo về niềm tin: "Tôi xác nhận không có Thượng Đế mà chỉ có Allah, và Mohammed là nhà tiên tri của Ngài."

Người Hồi Giáo kính trọng những nhà tiên tri khác -- gồm Adam, Noah, Abraham, Moses và Jesus. Nhưng Mohammed là nhà tiên tri cuối cùng, "niêm phong". Không có vị tiên tri nào từng nói về uy quyền như vậy. Không có vị tiên tri nào khác đã có sự tiết lộ hoàn toàn từ Thượng Đế như vậy.

Mohammed không bao giờ cho rằng mình là hơn một người bình thường. Sự tranh cãi chính với người Cơ Đốc Giáo của Ngài là nhiều người Cơ Đốc Giáo thờ cúng Đức Chúa Con, cũng như Đức Chúa Cha. Ngài không thể tha thứ cho sự thêm nếm ấy. "Không có ai trên thiên đường hay trái đất đến trước Đấng nhân từ làm bề tôi"

Thượng Đế là Đấng Bất Diệt
Chỉ mình Ngài là Thượng Đế
Ngài không sinh ra ai và cũng không bị sinh ra!
Cũng chẳng ai giống Ngài cả!

Những tiết lộ của Mohammed đã được gìn giữ trong Kinh Koran để khai sáng những thế hệ tiếp nối. Kinh Koran là một cuốn sách đặc biệt có ý nghĩa đối với người Hồi Giáo vì nó đồng nhất với cuốn sách khác mà người Hồi Giáo tin là tồn tại trên Thiên Đường từ lúc khởi thủy. Trong cuốn sách thần thánh này, ý muốn của Allah được ghi lại. Cùng những thiên khải như vậy cuốn sách đó là những thiên khải được trao cho Mohammed và được viết trong Kinh Koran. Kinh Koran là toàn bộ thông điệp của Thượng Đế gửi cho con người.

Những người Hồi Giáo chính thống luôn luôn tin chắc rằng bản văn trong sách thiêng liêng của họ là chính xác. "Những người có trí nhớ" biết những điều mà Mohammed nói. Ít lâu sau khi chết, những lời Ngài nói được viết thành văn bản. Việc này đã làm cho người Hồi Giáo từ lúc khởi đầu tôn giáo của họ có được bộ kinh thánh thiêng liêng.

Cách hiểu biết ý Thượng Đế thứ ba là qua các thiên thần. Đối với người Hồi Giáo thiên thần quan trọng nhất là Gabriel, nổi tiếng với họ như một "thiên thần thiên khai". Chính Gabriel đã mang thông điệp của Thượng Đế cho Mohammed. Gabriel và những thiên thần khác ở chung quanh ngai vàng của Thượng Đế, ở "tầng trời thứ bảy" của thiên đường, thi hành ý của Allah và phục vụ các sắc luật của Ngài.

Một thiên thần khác -- hay thực ra nguyên là thiên thần - là Quỷ thần, đã bị đẩy ra khỏi thiên đường vì cao ngạo. Người Hồi Giáo tin là thiên thần này đảm trách địa ngục và với những phụ tá, hoạt động để cản trở ý của Allah bằng cách quyến rũ con người vào con đường tội lỗi. Tuy nhiên, Allah toàn năng và quyết định tất cả. Cho nên công việc của thần Quỷ này bị hạn chế vào những gì mà quỷ thần này chỉ có thể làm được trong khuôn khổ chương trình của Allah. Thần Quỷ này thực sự không bao giờ có thể cản trở nổi Allah, vì chương trình của Allah gồm có phần để cho thần Quỷ làm công việc cám dỗ.

Thượng Đế công bằng nhưng đời thường thưởng phạt theo đúng với đặc tính cuộc sống của con người. Phải chăng điều thiện là không được thưởng và điều ác là bị trừng phạt. Kinh Koran nói với người Hồi Giáo là Phán Quyết cuối cùng sẽ tới vào cuối thời đại này và bắt đầu sự trường cửu khi Allah phán xét tất cả các linh hồn. Mỗi linh hồn sẽ bị xử theo hồ sơ cuộc đời nó. Allah nhân từ, và người thiện được phần thưởng lớn hơn người ấy đáng được thưởng. Nhưng trừng phạt tội lỗi thì đúng theo tội lỗi đáng bị trừng phạt.

Những tín đồ đã theo ý của Allah thì sẽ được thưởng sống đời đời trên thiên đường. Kinh Koran mô tả cuộc sống trên thiên đường giống như một ốc đảo tuyệt vời, có nước chảy, những thứ giải khát, trái cây và chim chóc, các chàng trai và những thiếu nữ phục vụ nhu cầu của các cư dân. Những người Hồi Giáo chín chắn tin rằng tiếng gọi thực sự của thiên đường là sự hiện diện bất diệt của Allah.

Địa ngục đã được chuẩn bị cho những ai khác từ chối không qui phục theo ý Allah. Hơn nữa, mô tả địa ngục giống như người ở sa mạc có thể tưởng tượng đến nỗi thống khổ cùng cực mãi mãi trong lửa và nóng. Cái mà họ ăn và uống giống như nước sôi. Khi họ kêu cứu, sự giúp đỡ làm họ trở thành khổ thêm. Một số người Hồi Giáo nói rằng Kinh Koran dùng cách nói hình ảnh để vạch ra rằng sẽ hoàn toàn không có niềm tin trong cuộc sống nếu không có sự hiện diện của Allah.

Allah, nhà tiên tri, kinh Koran, thiên thần và Phán Quyết Cuối Cùng -- con người phải tin tất cả những thứ đó. Thiết yếu niềm tin thứ sáu là: tin vào quyền năng hoàn toàn và vô biên của Allah.

Thực sự đây là sự nhắc lại của một số đặc tính của Allah, vạch ra sự cần thiết vâng lời dứt khoát về phần con người. Con người không cần hiểu ý của Thượng Đế -- thực ra, không thể hiểu được. Nhưng con người phải phục tùng điều đó. "Tôi nghe và vâng lời" mô tả mối quan hệ của con người với Thượng Đế.

Danh xưng Moslem có nghĩa "phục tùng" trong khi Islam có nghĩa là "sự phục tùng ý của Allah". Người Hồi Giáo tin rằng phục tùng mang lại hòa bình và thỏa mãn. Họ bác bỏ các thuật ngữ "Mohammedan" (Môn đồ của Mohammed và "Mohammedanism" (Đạo Mohammed) vì chúng ngụ ý thờ phượng Mohammed. Người Hồi Giáo chỉ thờ phượng Allah.

TÔI PHẢI LÀM GÌ?

Đạo Hồi trải rộng nhanh chóng trên thế giới một phần do tính đơn giản của nó. Tín điều của nó được nói rõ ràng trong sáu niềm tin, như chúng ta đã thấy. Bốn phân tôn giáo của các tín đồ được nói rõ ràng trong năm đòi hỏi được coi là "năm trụ cột" của Đạo Hồi.

Tuyên Bố Về Niềm Tin. Trước tiên, người Hồi Giáo phải tuyên bố niềm tin của mình và lời nguyện trung thành. "Tôi xác nhận không có Thượng Đế mà chỉ có Allah, và Mohammed là tiên tri của Allah." Nói trước nhân chứng, lời tuyên bố này được chấp nhận một tín đồ mới vào Tình anh em của Đạo Hồi.

Cầu nguyện. Kỷ luật tôn giáo chính của người Hồi Giáo là cầu nguyện. Mohammed chỉ định năm lần một ngày cho cầu nguyện thường lệ, và khuyến khích cầu nguyện riêng để cảm thấy Allah luôn luôn hiện diện. Vào lúc mặt trời mọc, giữa trưa, giữa buổi chiều, vào lúc mặt trời lặn và buổi tối, những người Hồi Giáo được kêu gọi để cầu nguyện. Từ tháp giáo đường,

"những cột trụ" của cầu nguyện, lời kêu gọi được truyền đến hàng triệu người Hồi Giáo mộ đạo:

Đức Allah vĩ đại, Đức Allah vĩ đại.
Không có Thượng Đế mà chỉ có Allah.
Mohammed là thánh tông đồ của Allah.
Trước lời cầu nguyện của các người!
Trước sự mộ đạo của các người!
Đức Allah vĩ đại, không có Thượng Đế, chỉ có Allah!

Trước tiên, có nghi thức tẩy uế và đặt thảm cầu nguyện. Rồi người Hồi Giáo quỳ xuống cúi đầu về hướng Mecca. Lời cầu nguyện thường có dạng làm lại sự phục tùng ý của Allah. Thường thường bày tỏ của sự tôn thờ. Đối với một số người, điều đó là sự xác nhận sự có mặt thường xuyên của Thượng Đế là có thật.

Điều này cuối cùng gần như đáp ứng lòng mong ước của Mohammed hy vọng tất cả những tín đồ có thể coi Allah là kinh nghiệm sống thực sự.

Người Hồi Giáo cố gắng đến giáo đường để cầu nguyện vào bất cứ lúc nào có thể được. Những tòa nhà đơn giản này được thiết kế để người đi lễ quay mặt về Mecca. Tất cả sự trang hoàng đều là những trang trí hình học, theo lời khẳng định của Mohammed là không có hình ảnh. Thứ sáu là ngày đặc biệt để cầu nguyện chung tại giáo đường. Đoàn ông đến giáo đường thi hành nghi thức tẩy uế, rồi tụ họp thành từng nhóm nghe đọc kinh Koran rồi tham dự lễ cầu nguyện. Trong mỗi giáo đường, người lãnh đạo hướng dẫn buổi lễ chung và thuyết giảng hàng tuần về niềm tin Hồi Giáo.

Thường thường giáo đoàn gồm toàn nam giới, hầu hết người Hồi Giáo tin rằng người phụ nữ nên cúng lễ tại nhà. Chính Mohammed đã tuyên bố sự hành lễ tại nhà riêng tốt hơn đối với phụ nữ. Nếu họ dự các lễ, thường thường họ ngồi ở hậu trường.

Ăn Chay. Ăn chay là một hành động tôn giáo thường xuyên của người Hồi Giáo mộ đạo. Ăn chay là cần thiết cho tất cả các tín đồ, ngoại trừ vì điều kiện thể xác hay những hoạt động đặc biệt. Người Hồi Giáo ăn chay vào tháng Ramadan, tháng thứ chín của Lịch Hồi Giáo. Trong mùa ăn chay Ramadan, không được ăn thức ăn và đồ uống giữa lúc mặt trời mọc và mặt trời lặn. Người Hồi Giáo tin rằng ăn chay là sự nhắc nhở tốt để đưa những điều tinh thần lên hàng đầu. Họ cố đọc và nghe toàn bộ Kinh Koran trong tháng này và thường ở giáo đường.

Bố Thí. Niềm tin vào tình anh em của tất cả người Hồi Giáo đã giúp duy trì tập tục xa xưa trong việc chia sẻ tiền của cho người túng thiếu. Có lúc, sự chia sẻ được hợp thức hóa dưới hình thức "thuế" hàng năm. Bây giờ, việc này thường được trả dưới hình thức cam kết tự nguyện để giúp đỡ người túng thiếu và để ủng hộ những trường học và giáo đường Hồi Giáo. Tuy có người có thể không chọn cách trả đó, nhưng rất ít người không trả. Bạn của họ đều mong muốn, và họ tin rằng tính hào phóng đối với người khác khiến Allah sẽ hào phóng với họ.

Hành Hương. Trên hết trong tư tưởng của mình trong cuộc đời này, mỗi một người Hồi Giáo đều sống với một mộng ước và niềm mong chờ. Đó là hành hương đến Mecca, một thành phố quá thiêng liêng đến nỗi người ngoại đạo không được vào. Hàng năm vào tháng mười hai Lịch Hồi Giáo, con đường đi tới Mecca đông nghẹt những người hành hương. Họ hồi hả tham dự những buổi lễ tập trung tại ngôi đền Ka'aba cổ và Giáo Đường Mecca. Mohammed thúc giục các tín đồ hành hương mỗi năm. Bây giờ, do sự mở rộng của Hội Đoàn Hồi Giáo, mỗi người được yêu cầu phải đi một lần trong đời người. Trong khi nhiều người không bao giờ có thể thực hiện được chuyến đi, việc này vẫn là mục tiêu cuộc đời của hầu hết người Hồi Giáo.

Một khi đến nơi, người hành hương vào khuôn viên thiêng liêng của Mecca, mỗi người đều mặc quần áo được thiết kế sẵn làm cho tất cả người Hồi Giáo, giàu hay nghèo, đều giống nhau. Địa vị xã hội, và chủng tộc, của cải bị lãng quên, người hành hương tham dự nghi lễ thiêng liêng của cuộc hành hương. Họ nhịn ăn và nhịn uống suốt ngày; họ soạn thành kịch những huyền thoại truyền thống; họ vinh danh Viên Đá Đen tại Đền Ka'aba. Vì đã tham dự cuộc hành hương, những người Hồi Giáo này bao giờ cũng được kính trọng bởi người đồng hương.

Hành hương là một tác nhân thống nhất quan trọng cho Đạo Hồi. Chắc chắn Mohammed đã nhấn mạnh việc này vì Ngài mong mỗi điều đó phụng sự cho sự nghiệp đoàn kết các bộ lạc Ả Rập. Nó còn giúp vào việc củng cố sự ràng buộc thân hữu giữa những người Hồi Giáo.

NGƯỜI HỒI GIÁO THIẾU NỢ GÌ NGƯỜI KHÁC

Để hướng dẫn lối sống hàng ngày, người Hồi Giáo không phải tìm đâu xa hơn ngoài Kinh Koran. Phần lớn chất đốt cho lửa cảm hứng của Mohammed là cái vô luân và thiếu mục tiêu đáng làm trong đời sống của những người đồng hương. Kinh Koran tràn đầy những thông điệp phản ảnh mối quan ngại

này. Những tôn giáo khác có thể phát triển con người sống cách biệt người khác, đặt những ham muốn và nhu cầu cá nhân xuống hàng thứ yếu trước việc tìm cầu tinh thần. Đạo Hồi không cố gắng thử làm như vậy. Đạo Hồi cố gắng làm cho con người xứng đáng sống với nhau.

Từ lâu Mohammed cấm tín đồ cờ bạc và đồ uống có chất say. Có lẽ lúc Ngài làm vậy vì Ngài nghĩ lại những cảnh hỗn loạn và chè chén ồn ào tại những hội chợ hàng năm gần Mecca. Nếu những luật lệ chống cờ bạc và tình trạng say xưa gây ra sự thay đổi trong đời sống của tín đồ, thì những lời tuyên bố của Ngài về phụ nữ còn gây nhiều thay đổi hơn. Đàn ông có thể ly dị và lấy nhiều vợ tùy theo ý muốn được yêu cầu coi phụ nữ là người của cùng một Đấng Tạo Hóa, có quyền riêng. Người chồng phải tôn trọng quyền của người vợ đối với của hồi môn và phải tuân theo một số luật lệ về ly dị và tái giá. Mohammed thúc đẩy mọi nỗ lực để ngăn trở sự ly dị vì không gì khác là làm phật lòng Allah.

Người Mỹ giật mình về sự thực hành chính sách đa thê của Hồi Giáo. Người Hồi Giáo, theo Kinh Koran, có thể lấy bốn vợ (Mohammed một lần được phép đặc biệt của Allah, lấy mười vợ). Tuy vậy Mohammed yêu cầu đàn ông xem xét hoàn cảnh và tính khí của mình thật cẩn thận trước khi làm như thế. Nếu họ không thể xử đối bình đẳng trong việc săn sóc và tình cảm, họ chỉ nên lấy một vợ.

Càng ngày càng nhiều người Hồi Giáo lấy một vợ, hoặc vì đó là những gì mà họ tin tưởng hoặc những gì mà họ có thể cung cấp được. Nhiều người Hồi Giáo bây giờ cố hiểu tinh thần hay chủ định của luật trong kinh Koran. Những người tín đồ tự do hơn khẳng định rằng chế độ một vợ một chồng nằm trong tinh thần của Kinh Koran. Họ nhận thức rằng thời gian đã thay đổi từ khi Mohammed làm luật lấy vợ. Lúc ấy tỷ lệ người phụ nữ so với đàn ông cao hơn ngày nay. Hơn thế nữa, theo như tập tục bộ lạc cổ, cách duy nhất mà người đàn ông có thể giúp đỡ phụ nữ nghèo khổ hay góa bụa là lấy người đó.

Mặc dầu đời sống và công việc của Mohammed bảo đảm cho người phụ nữ Hồi Giáo nhiều đặc ân, mà không được hưởng trước đây nhưng họ vẫn còn phải kín đáo và khiêm nhường. Những hoạt động tôn giáo của họ nên được thi hành riêng thì tốt hơn. Họ nên sống tách biệt ở nhà hơn là đi đây đi đó. Họ không phải ân trồn trước tất cả những con mắt, nhưng khiêm nhường và trầm lặng là những đức tính phù hợp nhất cho họ.

Thuở đầu, người Hồi Giáo có trách nhiệm tranh đấu với những người anh em của họ nếu cần thiết. Mohammed nói chiến tranh để tự vệ thì có thể chấp nhận, nhưng ta chỉ tấn công khi chiến đấu vì Allah. Những cuộc thánh chiến như vậy đã trải rộng Đạo Hồi trên một phần rộng lớn địa cầu trong một thời gian rất ngắn. Mohammed dạy người Hồi Giáo phải độ lượng với người bị chinh phục, không nên mang thái độ thù địch.

Thực ra, tất cả những luật lệ về lối sống có đạo đức của một người Hồi Giáo bắt nguồn từ một trong những điều cuối cùng mà Mohammed nói với tín đồ. Trong bài giảng cuối cùng tại Mecca, Ngài có lời tuyên bố nổi tiếng về tình anh em của tất cả tín đồ. Tất cả tín đồ đều quan trọng và tất cả mọi người đều bình đẳng dưới mắt Allah. Chỉ với lý do đó không thôi, thì lòng tốt và kính trọng cũng đã là bổn phận đối với cha mẹ, con cái, người nô lệ và tất cả người khác.

Người Hồi Giáo phải trung thành trong lời hứa đối với nhau. Họ kính trọng đời sống và tài sản của nhau. Đánh giá lòng tốt của một con người dựa vào cách người ấy hành động đối với anh em. Tất cả những gì mà con người tin tưởng có thể được nói lên từ điều người ấy làm, như trong ngụ ngôn Hồi Giáo: "Không có ai trong số các người là tín đồ cho đến khi biết yêu thương người anh em, những gì mà người anh em thương yêu cho chính anh ta".

Lâu nay, khi người ta đã quen sống trong các quốc gia, ai cũng biết trách nhiệm xã hội. Nhưng những người Ả Rập ở thời Mohammed đã tiêu hao ngày tháng trong tranh cãi nhỏ nhen và đánh nhau liên miên giữa các bộ lạc. Mohammed nói không được giới hạn trách nhiệm đối với những người sống ở thành thị của Ngài hay thuộc về bộ lạc của Ngài. Ngài chịu trách nhiệm về việc chia sẻ phúc lợi của tất cả những ai có giá trị, quyền lợi, và mục tiêu chung với Ngài.

Mohammed đã mở rộng mối quan tâm về người dân của Ngài, nhìn chăm chăm vào phần còn lại của thế giới và giúp họ tự thích nghi với một vai trò trên thế giới. Tất cả những điều đó được làm trong khoảng thời gian hai mươi năm ngắn ngủi. Người Hồi Giáo trung bình biết rõ bài học của mình. Người Hồi Giáo theo giáo lý của vị tiên tri về tình anh em là một công dân tốt trên thế giới.

21. TÌNH ANH EM TRONG ĐẠO HỒI

Trong cuộc đời Mohammed, những sự bất đồng ý kiến trong tín đồ bị ngăn chặn chủ yếu là vì hiệu quả của sự đoàn kết mà Ngài đạt được nơi họ. Nhưng khi Ngài chết, dân tộc của Ngài -- giống như tất cả các dân tộc ở khắp nơi -- vỡ lẽ ra rằng có một sự bất hòa trong việc thi hành phần còn lại trong những mục tiêu Đạo Hồi. Đã có bàn cãi trong lúc bắt đầu về việc ai là người sẽ thay thế Mohammed trong việc lãnh đạo người ngoan đạo. Việc này được giải quyết không mấy khó khăn với sự lựa chọn người tin cậy Abu Bekr làm vua Đạo Hồi. Không may, kế tục những chỗ trống trong lãnh thổ Hồi Giáo không được bổ sung dễ dàng. Vì đế quốc Hồi Giáo lớn mạnh, những bất đồng ý kiến cũng phát triển.

Có một vài nhóm có những khái niệm dứt khoát về phương pháp tốt nhất để chọn lựa Vua Hồi. Những người đồng hành đã là những người cộng tác gần gũi nhất với Mohammed nghĩ rằng vua Hồi phải là một trong số người này. Một số người nghĩ rằng sự lãnh đạo phải ở trong tay gia đình Mohammed. Những người Koreish nghĩ rằng chính họ, bộ lạc của Mohammed, phải kiểm soát triều đại Hồi Giáo.

SỰ LAN RỘNG CỦA ĐẠO HỒI

Dưới quyền của Abu Bekr, người Hồi Giáo tấn công Syria trong thánh chiến đầu tiên chống lại một ngoại quốc. Những cuộc xâm lăng Hồi Giáo bắt đầu. Dưới quyền vị vua thứ hai, Omar, quân đội Hồi Giáo tiến vào những cuộc chiến khác, cuối cùng mang Đạo Hồi vào những phần đất của Phi Châu, Ấn Độ, tất cả Mông Cổ và Tây Ban Nha.

Những chương gây ấn tượng nhất trong lịch sử Đạo Hồi được viết về những chiến binh hung dữ từ Ả Rập xông ra để thôn tính thế giới. Những người mộ đạo Hồi Giáo cho rằng họ làm như vậy trong một cố gắng thành thực cứu thế giới khỏi Phán Quyết Cuối Cùng. Mohammed đã làm cho họ cảm thấy đó là nhiệm vụ của họ, và nếu cần thiết họ sẽ buộc thế giới vào sự cứu rỗi này. Sức mạnh bao giờ cũng cần thiết. Người ta thường đưa ra ba điều lựa chọn cho những người không phải là Hồi Giáo -- chấp nhận kinh Koran, đóng một loại thuế đặc biệt vì đặc quyền của những người không phải là Hồi Giáo còn lại, hay cuối cùng là lưỡi gươm. Trang bị và tiếp tế của họ có thể nói là thô sơ, người Hồi Giáo tiếp tục thắng trận, thôi thúc bởi niềm tin về một sứ mạng và bởi một số lý do khác ít tôn giáo hơn. Theo luật Hồi Giáo, binh lính có thể giữ bốn phần năm chiến lợi phẩm trong thánh chiến. Nếu sống sót,

một người lính có thể trở nên rất giàu có. Nếu chết, người lính sẽ đi thẳng vào thiên đường.

Những người khác giải thích rằng một phần quyền lợi của người Hồi Giáo trong việc xâm chiếm lan rộng nằm trong việc cuộc sống của họ cho đến bây giờ bị giới hạn vào biên giới đất đai sa mạc cằn cỗi của họ. Trước mặt họ bây giờ là sự giàu có về đất đai và văn hóa của những nền văn minh phồn thịnh và màu mỡ của Địa Trung Hải. Không chỉ sản phẩm của đất đai lồi cuốn họ, mà những kho tàng về khoa học, mỹ thuật và triết học cũng lồi cuốn họ.

Chính trong lúc đó kho tàng ở Medina bắt đầu tiến tới điểm bùng nổ. Ai đã từng mơ ước về sự giàu có như thế đổ vào từ những cuộc xâm lăng các nước? Và vua Hồi chịu trách nhiệm về cách tiêu pha. Đối với nhiều người, nó trở thành một vấn đề quan tâm nhất để có thể chia sẻ trong quyết định chọn vua Hồi. Cuộc sống của những vua Hồi tốt là hy sinh cho khát vọng và lòng tham của một số nhóm người vô lương tâm.

Vì Đạo Hồi bành trướng rộng, gồm càng ngày càng nhiều những người không phải là Ả Rập, sự đồng thuận trở nên khó khăn và cuối cùng không thể làm được. Tuy nhiên qua nhiều thế kỷ, những người Hồi Giáo chính thống hơn khẳng khái đòi một nhà lãnh đạo tôn giáo duy nhất cho toàn thể thế giới Hồi Giáo. Nhưng thời gian và tình thế đã thay đổi và vẫn còn đang thay đổi. Cuối cùng vào năm 1924, chế độ vua Hồi chấm dứt.

Trong những năm đầu sau cái chết của Mohammed, những câu hỏi được nêu lên đưa đến kết quả phân hóa lớn trong Hồi Giáo. Sự phân hóa này kéo dài đến tận ngày nay. Cả hai nhóm đều coi đường lối suy nghĩ và hành động của họ đều sát hợp với những tiết lộ của Mohammed. Cả hai nhóm tin tưởng phong trào của họ tiêu biểu cho sự phát triển đúng của Hồi Giáo.

LUẬT SUNNA

Nhánh chính thống hay bảo thủ của Đạo Hồi được gọi là Sunna, được đặt tên như vậy vì sự nhấn mạnh của nó trong việc thu thập các truyền thống Hồi Giáo cũng được gọi bằng tên này. Những người theo luật Sunna tin rằng những gì có trong Kinh Koran và trong Luật Sunna xác định những giới hạn về niềm tin và hành động cho người Hồi Giáo. Kinh Koran nói lời của Allah. Luật Sunna nói về hành động và lời nói của Mohammed và những tập tục ban đầu của người Hồi Giáo.

Có lúc, người theo luật Sunna tin rằng kinh Koran và những truyền thống phải được giải thích đúng như đã được viết. Một giáo sĩ đáng tôn kính tên là Ashari giúp những người theo luật Sunna phát triển những niềm tin hơi khác cho phép sử dụng lý trí trong việc giải thích. Ông giải thích một số niềm tin dường như mâu thuẫn vì nói Allah là tất cả. Allah tạo mọi thứ và tất cả hành động và, cho nên Allah chịu trách nhiệm cả hai thiện và ác. Con người phải chấp nhận điều đó, mà không tranh cãi về việc này liệu có thể được không.

Một số bản thảo làm sao kinh Koran có thể bất diệt như Mohammed dạy cho họ. Nếu như vậy, sẽ không có gì khác được thiết lập bên cạnh Thượng Đế? Và không phải là tội lỗi lớn nhất trong mọi sự thờ phượng nhiều hơn một Thượng Đế? Ashari dạy kinh ở trong dạng thức mà người Hồi Giáo có, không bất diệt. Nhưng ở dạng lần đầu tiên nó hiện hữu trong tâm trí Allah thì nó bất diệt.

Thường có một số người không chú trọng nhiều vào nghi thức hay luật lệ tôn giáo hay thần học. Đã có nhiều người Hồi Giáo có tính khí này. Một số trong họ bắt đầu bày tỏ niềm tin của họ theo cách họ nhìn thấy ở những người tôn giáo khác. Họ cảm thấy chân lý tôn giáo không chỉ hạn chế trong tín điều và nghi lễ. Chân lý có thể đạt được từ sự đồng cảm trực tiếp với Thượng Đế. Và vì vậy, một số bắt đầu thực hành thiền định và những tập luyện thần bí tận tụy khác.

Đầu tiên họ hẳn là được chào đón bằng sự ngạc nhiên, vì họ đã đi vượt qua sự tu tập thường lệ của Hồi Giáo. Giống như một số người tự chối bỏ niềm tin khác, họ mặc áo choàng len không thoải mái và không lưu ý gì đến nhu cầu vật chất và xã hội. Họ bị gắn cho cái tên Sufis có nghĩa "người "mặc đồ len". Vì số người gia tăng, họ bắt đầu tập hợp thành đoàn thể thân hữu, nhấn mạnh sự tận tụy hoàn toàn với Thượng Đế. Mục tiêu của họ là hợp nhất với Allah trong đời này, không phải chờ đợi đến sau khi chết.

Dần dà những người Sufis này đạt được sự tôn trọng của những người Hồi Giáo chính thống. Một người đầu tiên hiểu giá trị con đường của họ đi tới Thượng Đế là Ghazzali, một trong những giáo sĩ Hồi Giáo được gọi là "người phục hưng tôn giáo". Ghazzali quan sát những thần bí trong sự mộ đạo của họ và chính mình trở thành Sufi. Ông nhìn thấy giá trị trong đời sống của sự mộ đạo hoàn toàn.

Ông bắt đầu dạy thần học Sunna có sửa đổi, căn cứ một phần lớn vào học thuyết của Ashari, nhưng gồm có những sự nhấn mạnh vào lòng yêu thích

của người mặc khải thần linh. Ông tin rằng người ta không phải là tín đồ của một tôn giáo cho đến khi cảm thấy trực nghiệm tôn giáo. Tôn giáo phải thay đổi điều gì đó về đời sống của tín đồ. Không có sự thay đổi này, người ta chỉ ở trên bề mặt của tôn giáo mà không ở trong lòng tôn giáo ấy.

Tôn giáo thực sự đến qua ba bước. Trước nhất, người ta phải cảm thấy hối hận về những tội lỗi quá khứ. Cần thiết phải có sự thay đổi. Đó là hối lỗi. Rồi phải tập trung đời mình vào Thượng Đế, không có gì quan trọng ngoài sự mộ đạo. Rồi tín đồ phải phấn đấu sống một cuộc đời thoát khỏi tội lỗi. Những Cột Trụ của Niềm Tin giúp họ trong việc này. Và những kỷ luật của người Sufis sẽ giúp họ thêm.

Mục tiêu chính của Ghazzali trong Đạo Hồi là nhấn mạnh về lý luận như một phương pháp duy nhất để biết ý của Thượng Đế. Ông nói, ta phải luôn luôn sẵn sàng vâng lời Allah, dù hiểu hay không hiểu. Mặc dầu Ghazzali hình thành học thuyết của ông vào thế kỷ thứ mười một, nhưng học thuyết ấy vẫn là tài liệu tin cậy cuối cùng cho người Sunnis.

SHIA

Khoảng chừng một phần năm người Hồi Giáo trên thế giới thuộc về nhóm không theo quốc giáo và không chính thống giáo gọi là Shia. Phần lớn cư trú ở Persia (Ba Tư), những người Shi'ites này cũng theo niềm tin từ những lời tiên tri của Mohammed và từ kinh Koran. Tuy nhiên, điều chính chia rẽ họ với người Sunnis là niềm tin vào truyền thống là Mohammed đã để lại cho tín đồ chăm sóc anh em họ và người con rể Ngài, Ali. Họ nói, Ali là nhà lãnh đạo được thần thánh chỉ định, Imam (nhà lãnh tụ Hồi Giáo) của cộng đồng Hồi Giáo. Sự lãnh đạo Đạo Hồi lẽ ra phải tập trung vào gia đình Mohammed. Người Shi'ites tin rằng ba vị vua trước Ali đã giữ triều đình Hồi Giáo một cách bất hợp pháp và đã không đếm xỉa gì tới những lời mong ước của Mohammed. Vì lý do

đó, người Shi'ites nguyện rửa những người đó trong những lời cầu nguyện hàng ngày.

Người Shi'ites đã vinh danh những người con cháu Mohammed bằng cách làm họ có tính cao quý tôn giáo -- và đôi khi có tính cao quý chính trị -- và quý tộc. Mỗi phái lấy tên của những con cháu này làm nhà lãnh đạo thiêng liêng cho mỗi thế hệ, tin rằng mỗi Imam không thể sai lầm và không tội lỗi. Những hệ phái không bao giờ đồng thuận về ai và khi nào là Imam. Họ cũng chẳng đồng ý vào lúc dòng dõi Imam được thần thánh chỉ định chấm dứt.

Một số người Shi'ites tin rằng người cuối cùng trong những Imams không chết. Ngài đi vào ẩn náu và sẽ tái xuất hiện trước Phán Quyết Cuối Cùng. Cho đến lúc đó, một số người Shi'ites tin rằng "Imam ẩn náu" sẽ chỉ định người thay mặt trên trái đất, để người ta có thể có sự hướng dẫn của Ngài. Những người Shas ở Ba Tư (Iran) tự nhận là dòng dõi từ Imam thứ bảy, được cho là những đại diện của "Imam ẩn náu".

Hệ phái Shi'ites tồn tại qua nhiều thế kỷ bất đồng ý kiến với số đông người Hồi Giáo vì họ nhất định bám níu vào niềm tin của họ. Đôi khi họ sống sót trong các cuộc thanh trừng bằng cách làm ra vẻ tin theo trong khi vẫn thực thi "ngầm" niềm tin của họ. Những người Sunnis hiện đại có khuynh hướng khoan hồng đối với những người Hồi Giáo không phải chính thống.

Bất cứ tôn giáo nào lôi cuốn được sự trung thành của một số đông người chắc chắn sẽ tích lũy các tín điều, nghi lễ, và tập tục đã được qui định. Ít lâu sau có những người thấy tổ chức như vậy đã thu hút các tín đồ, cho nên cảm hứng và mục tiêu nguyên thủy đã bị bỏ quên. Đôi khi những người tinh ý này bắt đầu gây phong trào làm trong sạch những đặc trưng bên ngoài và tôn giáo để trở về với niềm tin cơ bản.

Phong trào làm trong sạch như vậy được phát động trong Đạo Hồi vào thế kỷ thứ mười tám. Một số ảnh hưởng của nó vẫn còn kéo dài. Những người ủng hộ phong trào này trở nên thất vọng vì ngày càng có khuynh hướng sùng bái những giáo sĩ nổi tiếng và những nhà thần học và cả Mohammed. Họ cảm thấy điều đó rất gần với việc thờ phượng một vài thần. "Hãy quay trở về với Allah và Kinh Koran" là lời khuyên thiết tha cho người Hồi Giáo. Phong trào lôi cuốn sự ủng hộ tại Ả Rập Xê Út, nơi những dấu tích lịch sử bị chuyển ra khỏi lăng mộ của gia đình Mohammed và những nhân vật chính yếu khác.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG ĐẠO HỒI

Gần như bất chấp chính nó, Đạo Hồi đã thay đổi chút ít ngay từ lúc ban sơ. Có một thời, sự thay đổi trong Hồi Giáo được coi như tội lỗi. Đây là một tôn giáo đã nhiều năm cầm phiên dịch kinh Koran từ tiếng Ả Rập vì Allah đã tuyên đọc Đạo Hồi bằng tiếng Ả Rập, và điều này không được thay đổi. Nhưng thay đổi đã xảy ra.

Những xứ cận Đông càng ngày càng chú ý đến việc hiện đại hóa, kỹ nghệ hóa, hay Tây phương hóa -- muốn nói thế nào cũng được. Ngày nay hầu hết những người Hồi Giáo cảm thấy lòng trung thành của họ mới hết phải dành

cho đất nước mà họ sống hơn là với toàn bộ tình anh em Hồi Giáo. Những sự kiện của sự "co lại" trên thế giới ở thế kỷ thứ hai mươi đã buộc Đạo Hồi trở nên khoan dung nhiều hơn đối với những niềm tin khác và ít cứng rắn hơn về tín điều của chính mình.

Tuy nhiên hai thế lực đã tác động theo hướng đối nghịch nhau. Một thế lực là tạo nước Pakistan tại Ấn Độ, kết quả tự nhiên của vị đấng Hồi-Ân Giáo. Trong hai phần -- một phần ở phía tây Ấn Độ, và một vùng nhỏ hơn ở phía đông -- Pakistan là một thí nghiệm lý thú để làm giảm bớt những xung đột tôn giáo.

Người Hồi Giáo di trú vào Pakistan làm tăng thêm ý thức dị biệt giữa Đạo Hồi và các tôn giáo khác.

Một thế lực khác chống lại Nhà nước Israel của người Do Thái với phong trào ra đi của hàng ngàn người Ả Rập khỏi nơi đã là quê hương của họ. Những người Hồi Giáo rất bất mãn về quyết định này. Một khi người ta có kẻ thù chung, thì họ lại nhân mạnh vào những sự việc khác mà họ cùng chia sẻ. Bởi vậy, người Hồi Giáo đã nhân mạnh lại niềm tin và tập tục của họ.

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA ĐẠO HỒI

Đã từ lâu thế giới đã trở nên quen thuộc với những gì mà người Hồi Giáo Ả Rập đã làm cho thế giới. Lịch sử thế giới đã thay đổi khi những đạo quân Hồi Giáo đầu tiên tiến vào Syria. Mặt khác những kêu ca của người bị chinh phục, người Hồi Giáo dùng sức mạnh vì lợi ích. Bất kỳ chỗ nào họ đến, họ thúc đẩy mỹ thuật, khoa học và y học. Họ gìn giữ trật tự và luân lý trong xã hội.

Những ai chấp nhận Allah mà họ thờ cúng thì đến sùng bái một Thượng Đế có chân giá trị và oai nghiêm -- bao giờ cũng được gán gũ bởi những người thấp kém nhất. Thực ra dưới mắt Allah, không ai là thấp kém. Tất cả đều bình đẳng. Tình anh em của Đạo Hồi không ngừng lại ở biên giới quốc gia, nòi giống hay của cải. Vì người Hồi Giáo tin rằng mắt của Allah không thấy những khác biệt vô nghĩa đôi khi do con người tưởng tượng ra.

Tất cả điều này bắt nguồn sự thôi thúc của một người ở Mecca cảm thấy trọng trách nâng dân tộc mình lên từ thờ phượng những thần tượng tới chỉ thờ phượng một thượng đế, Allah. Vào lúc cuối cùng của đời Ngài, Ngài nhìn vào các môn đồ và cầu nguyện: " Ôi lạy Chúa! ta đã trao thông điệp của ta và đã hoàn thành công việc của ta".

Những người Hồi Giáo đã trả lời bằng giọng nói của họ, và đã trả lời bằng đời của họ từ đây: Vâng, quả thật, Ngài đã làm.

---o0o---

KẾT LUẬN

22. TIẾN TỚI ĐỜI SỐNG PHONG PHÚ HƠN

Vì đã bắt đầu làm quen với những tôn giáo lớn khác nhau trên thế giới trong những chương trước đây, bạn có thể hỏi: "Từ những tôn giáo này, cá nhân tôi phải chọn tôn giáo cho tôi? Liệu tôi có phải quyết định để trở thành người Phật Tử, hay người Ấn Giáo, hay người Hồi Giáo, hay người Khổng Giáo, hay môn đồ của Do Thái Giáo, hay người Cơ Đốc Giáo? Có lẽ, một mặt khác bạn đã ngạc nhiên một cách vui vẻ thấy những những tôn giáo khác cao thượng hơn bạn tưởng nhiều. Thậm chí bạn cảm thấy bạn đã khám phá một ít nhận thức mới sâu xa mà tôn giáo riêng của bạn dường như bỏ sót. Mặt khác, bạn có thể lo lắng về khả năng chấp nhận niềm tin của một tín ngưỡng mà người khác gọi là "Phật Tử" hay "Không Giáo" vì sợ rằng họ như bạn trở thành bơ vơ trong nhà thờ hay cộng đồng của bạn. Có một cảm giác yên tâm khi tin rằng văn hóa tôn giáo do văn hóa của mình mang lại là cái tốt nhất trong tất cả tôn giáo -- ít nhất là cho chính mình.

Xét cho cùng, người ta nói, có những thứ mà đời sống cho chúng ta nhưng không có sự lựa chọn của chúng ta. Bởi vô tình mà sinh ra, mỗi chúng ta có thể trắng, hay nâu, vàng hoe hay ngăm đen, Mỹ hay Pháp, nam hay nữ. Những cái "được cho" khác quyết định cho chúng ta về mặt xã hội -- những tục lệ ở nước bạn, gia đình hay tôn giáo quốc gia của bạn. Bởi vô tình sinh ra, mỗi một người trong chúng ta sinh vào một nhà văn hóa tự nó được gọi bằng tên riêng như Ấn Giáo, Phật Giáo, Do Thái Giáo, hay Cơ Đốc Giáo. Rất lâu trước khi chúng ta tiến tới cái gọi là "tuổi khôn lớn", khi đúng là chúng ta có thể lựa chọn cho chính mình trên cơ sở của lý trí và kinh nghiệm đã được dân tộc đó làm sáng tỏ, hầu hết chúng ta hoàn toàn hấp thụ những giá trị do văn hóa đem lại mà rất ít người trong chúng ta có quyết định cấp tiến để từ bỏ sự giáo dục của chúng ta.

Tuy nhiên hầu hết chúng ta có một nhu cầu sâu xa hơn sự tự nguyện theo quá khứ của chúng ta hay giống như những người chung quanh chúng ta. Dưới những hoạt động và quyền lợi hiển nhiên của chúng ta, là cái nhân của sự ham muốn khám phá cho chính mình xem, chúng ta thực sự là ai, và cái gì trong đời sống là quan trọng. Nhiều triệu người đã hỏi những câu này

trước chúng ta, dù người ta có tin chắc về câu trả lời của họ đến đâu thì mỗi người chúng ta vẫn có cái khát khao riêng tư khám phá cho chính mình.

Đúng như đứa bé mới học bò, và đưa lên miệng thử mọi thứ mà nó được chạm vào. Thật đúng là thanh niên hay cố gắng khám phá ý nghĩa của cuộc đời, tình yêu, và công việc làm. Và đúng là người già luôn có khả năng làm được điều kỳ lạ đòi hỏi bền bỉ.

Rất quan trọng là chúng ta tiếp tục duy trì trong lòng mình cái ham thích tìm hiểu và biết cách đặt vấn đề. Tin vào sự ngờ vực lương thiện còn hơn là tin vào tất cả những tín điều của quá khứ và hiện tại mà không xem xét. Trong ý nghĩa này mỗi một người trong chúng ta phải đọc cho hiểu tôn giáo của mình -- đó là, quan niệm của chính mình về cái gì có giá trị tối thượng trong cuộc sống, cách bày tỏ quan niệm ấy của chính mình, tận tâm trong đời sống hàng ngày đối với những giá trị mà mình tin tưởng là căn bản. (Những lời nói cụ thể dùng để mô tả những tiến trình này tương đối không quan trọng, khi tất cả tinh thần tự do trong tôn giáo đã được công nhận ở khắp nơi -- trước sự kinh hoàng của những người bảo thủ thậm trọng hay các thầy tu phản động).

Có thể dường như lạ lùng, chỉ khi chúng ta khám phá chiều sâu của kinh nghiệm cá nhân nằm dưới những khác biệt mà chúng ta có khả năng hiểu rõ tại sao có những khác biệt này. Và những gì chúng ta thấy ở một mức độ sâu hơn cho chúng ta thấy những nhân tố phổ quát. Chúng ta vỡ lẽ ra rằng trên những phương diện sâu xa tất cả mọi người đều giống nhau -- dù cho mỗi người có một nguồn gốc.

KHÔNG GIAN CHO CUỘC SỐNG SÁNG TẠO

Một trong những điều kỳ diệu bất diệt trong đời sống là bao giờ cũng có chỗ cho người khác, có khái niệm khác, có sự giải thích khác. Mỗi người trong chúng ta đều có cơ may giữ một vị trí trong vũ trụ của chúng ta. Chúng ta xây dựng "không gian sống" cho chính chúng ta trước tiên qua thái độ của chúng ta rồi qua những nỗ lực và hành động của chúng ta, với xóm giềng và trong toàn bộ thế giới của chúng ta.

Một mặt chúng ta cố gắng vật lộn với cái "không gian sống" cho chính chúng ta bằng cách dùng một thái độ thù nghịch đối với những người khác và hung hăng chống lại những ai mà chúng ta nghĩ là cản đường chúng ta. Hoặc, mặt khác, chúng ta có thể lẩn tránh những cơ hội mà đời sống hiện dâng và rút lui vào một thế giới riêng tư bao quanh bởi sợ hãi và ngờ vực.

Trong cả hai trường hợp chúng ta phải bằng lòng có một vị trí nhỏ bé hạn chế trong cuộc sống.

Nhưng chúng ta có sự lựa chọn thứ ba. Chúng ta có thể chào mừng mỗi người và hoàn cảnh chúng ta gặp với thái độ tin cậy, thân hữu, tìm hiểu. Bằng cách này chúng ta thâm nhập càng ngày càng nhiều vào cái mà người và hoàn cảnh đưa đến. Bởi vậy chúng ta xây dựng một "không gian sống" không ngừng phát triển. Đời sống dường như hiển dâng những giải thưởng phong phú nhất cho những ai đã phát triển khả năng "mở rộng" "không gian sống" của họ một cách liên tục. Đúng là không có ai có thể tạo ra toàn bộ môi trường chung quanh, nhưng mỗi người nhất định xây dựng được một môi trường cá nhân về thái độ và cảm nghĩ dẫn đến có thể sửa đổi đáng kể môi trường chung quanh mình.

CHÚNG TA CÓ THỂ GIÚP ĐỠ LÃN NHAU

Mỗi một người trong chúng ta ở một mức độ nào đó đều xây dựng "không gian sống" riêng của mình. Tuy giống như sợi dọc sợi ngang của một tấm thảm dệt, "không gian sống" của chúng ta gối lên nhau hay thâm nhập vào nhau. Như một nhà thi sĩ Anh Quốc John Donne, bày tỏ từ lâu: Không ai là một hòn đảo hoàn toàn của chính mình; mỗi người là một mảnh của Lục địa, một phần của Biển cả". Cải thiện phẩm chất trong "không gian sống" của chúng ta, thì chúng ta không thể giúp cải thiện phẩm chất của người khác.

Mỗi người trong chúng ta có thể học hỏi hầu hết từ người khác bằng cách theo nguyên tắc của "hạt bụi và tia sáng". Bằng cách ý thức được "tia sáng" theo cặp mắt tín ngưỡng hay không tín ngưỡng của chúng ta, chúng ta ít khuynh hướng soi mói nhìn vào "khuyết điểm" của người dù chỉ bằng hạt bụi. Nhưng tìm hiểu cái xấu nhất về niềm tin của người khác trong khi lại tập trung vào cái tốt nhất của chính mình thì quả là tai hại cho tình bè bạn của con người và cộng đồng lớn hơn. Đúng hơn, chúng ta phải tìm kiếm cái tốt nhất trong khi không quên bỏ qua cái xấu nhất. Từ Ấn Giáo và Phật Giáo, chẳng hạn, nhiều người Tây phương có thể đi đến (và đã đi đến) sự hiểu biết mới về tầm quan trọng trong việc tìm kiếm cái ngã thật. Để làm việc này, ta cần không quên những nhược điểm của Ấn Giáo như đã được vạch ra bởi một người Ấn Giáo, Gandhi. Cũng chẳng cần phải học cách ngồi xếp chéo chân và ăn cơm để trên lá chuối lá dứa trong khi đóng một cái khó hay mặc áo Xari. Cũng chẳng cần phải từ chối cái mà người ta vui theo truyền thống riêng của người ấy. Tính cởi mở này có lẽ không đòi hỏi thay đổi sự gia nhập tôn giáo của mình, nói một cách có tổ chức, liệu ta có đủ

may mắn thuộc về nhóm tin vào việc cho phép mọi thành viên đánh giá rộng rãi nhất trong tìm kiếm chân thật.

Quả thực, rất có thể là một người học hỏi được nhiều về tầm quan trọng của việc biết mình do nghiên cứu sâu hơn những khía cạnh không được lưu ý tới về truyền thống tôn giáo của mình cũng như nghiên cứu tôn giáo khác. Nhưng trong một thế giới tràn đầy với những người am hiểu quá ít cái đẹp nhất của các nền văn hóa khác tiến dẫn, lại hay bảo vệ văn hóa hoặc tôn giáo mình, có một lập luận thực tiễn để cố gắng đi vào tính khí hay tinh thần của những triết lý hay tôn giáo khác. Trong tiến trình này, nhiều người khám phá thấy lần đầu tiên trong đời họ, họ thực sự trực nghiệm một chân trời rộng mở biết mình nhiều hơn. Họ giành được sự am hiểu sâu hơn về truyền thống tôn giáo của chính họ.

Trong ý nghĩa này, bất cứ tôn giáo nào, hay nền văn hóa nào được nghiên cứu cần trọng, hồ như có thể trở thành tấm gương đa diện qua gương đó mỗi người chúng ta học hỏi cách hiểu mình trọn vẹn hơn. Mỗi người trong chúng ta là một cá nhân, tuy nhiên mỗi chúng ta là một phần của cộng đồng lớn hơn. Trong chừng mực chúng ta là những cá nhân, chúng ta phải đi sâu vào kinh nghiệm của chính mình để tìm ra ý nghĩa của cuộc đời. Không có cha mẹ, thầy giáo hay nhà lãnh đạo tôn giáo vĩ đại nào có thể làm việc đó thay cho chúng ta, dù cộng đồng có thể cung cấp cho chúng ta những đầu mối và hướng dẫn. Mỗi người trong chúng ta đều có quyền không thể chuyển nhượng về việc quan hệ trực tiếp với vũ trụ. Nhưng mỗi chúng ta phải giành được nó cho chính mình.

Tâm bi kịch là quá nhiều người chúng ta cam chịu bằng lòng, dù là trong những năm trưởng thành, với những câu trả lời hay diễn tả của một ai đó đưa ra. Chúng giới hạn mình vào cái người khác nói thay vì thăm dò một lần nữa những câu hỏi căn bản cho chính chúng ta. Nhiều người trong chúng ta bám níu vào giá trị do một số lãnh đạo trong quá khứ nhấn mạnh mà không khảo sát nghĩa lý của nó trong hiện tại. Hầu hết chúng ta đã đóng kín một số lãnh vực tư tưởng ở đâu đó dọc ranh giới này.

Có những cánh cửa phải được mở, và mỗi một chúng ta có thể giúp chính mình và người khác vào tiến trình mở cửa. Những người khác là gì, họ nói gì, và họ nói thế nào, tất cả có thể giúp cho việc mở cửa. Kiến thức trong quá khứ có giá trị đến mức nó có thể giúp mở cửa trong hiện tại.

TIẾN TỚI KHÁM PHÁ TÍNH CHẤT THỐNG NHẤT CỦA CHÚNG TA

Dưới ánh sáng của việc tiếp cận đời sống mà chúng ta đã bàn thảo trong những chương này, một số kiểu thái độ, niềm tin và hành động bị bác bỏ. Thái độ nào bị bác bỏ? Những cái phản ảnh sự tin cậy thiếu óc phê bình vào kinh nghiệm và lời nói của người khác, dù là ở Phương Đông hay ở Phương Tây; thái độ sợ hãi và phục tùng, cũng như thái độ quá tự tin hay gần như là "biết tất cả"; thái độ ép buộc hay cảm nghĩ chỉ có một con đường duy nhất để bắt đầu sự trải nghiệm quan trọng việc tìm ý nghĩa cuộc sống.

Loại niềm tin nào bị loại trừ? Những niềm tin tạo thành bức tường thành quanh chính mình hay bao quanh bộ lạc ta, ngăn cản mỗi quan tâm chân thật về lý do tại sao người ta lại tin cái mà họ tin, những niềm tin cố chấp vì mặc cảm tội lỗi thâm kín hoặc những lo âu bị khuấy động; những niềm tin nhấn mạnh vào những nhược điểm gây tổn thất cho đức hạnh hay tiềm năng của mình, những niềm tin câu thúc tinh thần, bóp chết lòng can đảm hoặc đạo đức của ta.

Tương tự như vậy, một số loại hành động bị loại trừ. Dùng "tòa án dị giáo" hay khủng bố nhân danh tôn giáo chính là sự phủ nhận nhân tính của con người cũng như bằng chứng về việc niềm tin của mình bị ngăn chặn như thế nào. Ở mọi tôn giáo, người ta thấy có những thái độ và lễ nghi ngây ngô. Nhưng giống như thanh niên hay người trưởng thành lại có thái độ trẻ thơ, những thái độ ấy không thể làm thành luật hay ép buộc được trong cuộc sống phải bỏ chúng. Hầu hết người ta cần đến sự giúp đỡ có thiện cảm trong việc học hỏi cách bỏ được những chỗ mù quáng của họ, hay đánh giá những hành động và thái độ tôn giáo ngây ngô.

Có một kết quả tất yếu thực tiễn về việc này nó ảnh hưởng đến công việc của mỗi xã hội có giấc mơ "truyền giáo". Những cố gắng trong việc đổi đạo thường trở thành dạng thức ép buộc. Nên cố gắng thấy cái tốt đẹp nhất trong tôn giáo của người khác ngay cả khi noi gương người ta tìm cách để chia sẻ niềm tin của mình. Noi gương không thôi là một niềm tin tôn giáo riêng của ta chứng tỏ chúng có hùng hồn trong cách tôn trọng tính toàn vẹn giá trị của người khác.

Để cho phép mỗi một người trong chúng ta phát triển đến mức đầy đủ nhất, chúng ta phải chủ động trừ bỏ kiểu không khí cạnh tranh coi tính đa dạng của tôn giáo như "một trận tử chiến". Hầu hết người Phương Đông thấy phần

uất về sự "Tây Phương Hóa" trong những vấn đề tôn giáo cũng như người Phương Tây thấy phần uất về "sự Phương Đông Hóa". Tất cả chúng ta phải trở thành những công dân có thể giáo dục được của "Một Thế Giới". Bốn phận đầu tiên của chúng ta phải là kiểu mẫu của tính thần thánh nó biểu lộ phẩm chất con người; bốn phận thứ hai của ta có thể được tạo ra một cách an toàn cho nền văn hóa, xã hội, hệ thống gia đình đó hay quốc gia đã trở thành sự hướng dẫn thân thiện cho chúng ta trên con đường đi tới xác nhận tính đồng nhất thực sự của nhân loại. "Tính thần thánh ở xung quanh chúng ta -- không bao giờ mất" -- đó là bài học chúng ta phải luôn luôn học.

---o0o---
HẾT